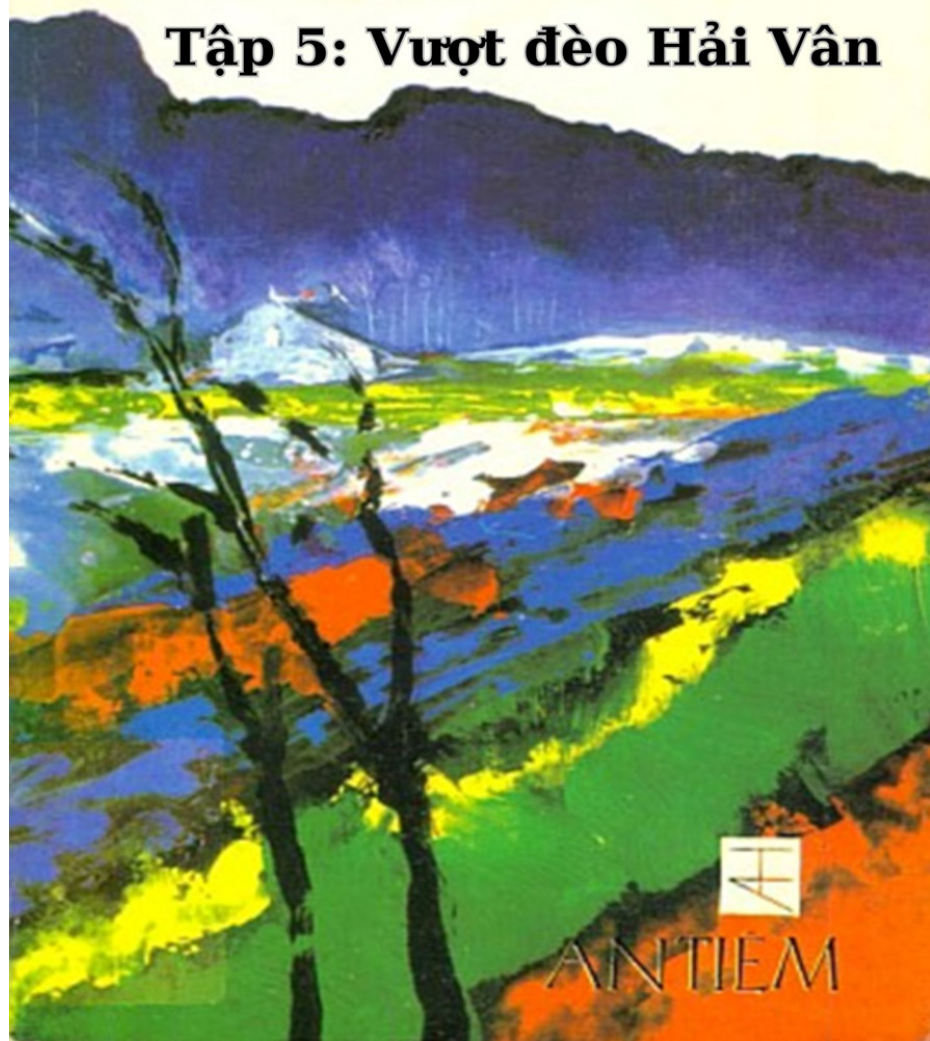


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 5: Vượt đèo Hải Vân

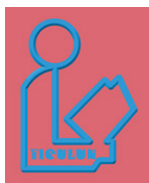


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

Tập 5: Vượt đèo Hải Vân

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

TẬP 5: VƯỢT ĐÈO HẢI VÂN

TÓM LƯỢC

Chương 56: Lãng viết và cho tập diễn tuồng Chàng Lía. Phản ứng bất lợi của triều đình đối với vở tuồng. An khuyên em nên cẩn thận khi viết một vở tuồng “bình dân”. Suy nghĩ của Lãng về lời chị, về tương lai.

Chương 57: Nguyễn Hữu Chỉnh lại khuyên Lợi nên tiên liệu thời cơ. Lợi đem các tính toán của mình nói với vợ.

Tin thắng trận về đến Qui Nhơn. Cuộc tranh cãi giữa hai vợ chồng An Lợi về các tính toán đón gió do Chỉnh truyền cho Lợi.

Chương 58: Cuộc tiếp đón lạnh nhạt của Qui Nhơn đối với đoàn quân chiến thắng khải hoàn. Đêm diễn tuồng Chàng Lúa để khao quân bị Nhạc ra lệnh cho ngưng chỉ. Nhạc Huệ tranh luận gay gắt với nhau về vở tuồng. Huệ xin nhà vua cho Lãng trở lại làm thư ký thân cận cho mình.

Chương 59: Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn cho biết tình hình Thuận Hóa. Nhạc, Chỉnh, Huệ bàn kế hoạch đánh Thuận Hóa. Nguyễn Huệ suy nghĩ về vị trí bấp bênh của mình ở Hoàng đế thành.

Chương 60: Bàn kỹ hơn về kế hoạch tấn công Thuận Hóa. Tâm trạng Lãng trước khi theo quân ra bắc. Lãng lại đến thăm Kiên. Ý kiến của Kiên về chiến tranh.

Chương 61: Lợi ra Phú Xuân trước theo kế hoạch chia rẽ hàng ngũ địch của vua Thái Đức. Nhà vua dặn dò Nguyễn Huệ trước khi xuất quân. An dặn dò Lãng. Quận Tào mắc mưu chia rẽ của Qui Nhơn. Lãng gặp lại Lợi ở Phú Xuân.

Chương 62: Thành Phú Xuân bị bao vây. Cảnh máu dác náo loạn ở kinh thành. Diễn tiến trận tấn công của Tây Sơn.

Chương 63: Quân Tây Sơn chiếm thành Phú xuân. Cảnh phố phường sau khi thất thủ. Lãng vâng lệnh Nguyễn Huệ gặp dật sĩ Ngô Thế Lân.

Chương 64: Nguyễn Hữu Chỉnh khu-yên Nguyễn Huệ nên nhân đà thắng lợi tiến công ra bắc. Bản khoản của Nguyễn Huệ. Phản ứng của dân Thuận Hóa khi đọc tờ hịch Bắc tiến. Tâm trạng của Trần Văn Kỷ.

Chương 65: Trần Văn Kỷ gặp sư cụ chùa Hà Trung để hỏi về lễ xuất xứ. Trần Văn Kỷ quyết định ra mắt Nguyễn Huệ. Bàn thảo kế hoạch đánh Bắc Hà. Ghi chép của Lãng về cuộc Bắc tiến năm Bính Ngọ. Thăng long sụp đổ trước sức tiến công của Tây Sơn.

Chương 66: Nguyễn Huệ vào Thăng Long, yết kiến vua Lê. Cảnh Thăng Long trong cơn binh lửa. Cái chết của Trịnh Khải. Thái độ đặc chí của Nguyễn Hữu Chỉnh khi trở lại kinh đô.

Chương 67: Chỉnh e ngại trước thái độ cố chấp của sĩ phu Bắc Hà. Tâm trạng Nguyễn Huệ ở Thăng Long. Vua Lê Hiển tôn thiết triều để chính thức tiếp kiến Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ cưới Ngọc Hân công chúa.

Chương 68: Tâm trạng Ngọc Hân đêm hợp cẩn. Tâm trạng Nguyễn Huệ. Vua Lê băng hà.

Chương 69: Vua Thái Đức ra Thăng Long. Hai anh em nói chuyện với nhau. Ngọc Hân ra mắt vua anh. Vua Thái Đức tiếp kiến sĩ phu Bắc Hà. Vua Lê Chiêu Thống và vua Thái Đức gặp nhau.

Chương 70: Dư luận dân chúng Thăng long trước các biến cố. Lợi vui chơi trác táng ở Thăng Long. Vua Thái Đức lừa Nguyễn Hữu Chỉnh để bỏ Chỉnh lại Bắc Hà, đột ngột rút quân về nam.

Chương 71: Quân vào đến dinh Vĩnh. Vua Thái Đức và Nguyễn Huệ bàn luận với nhau về Nghệ An. Chỉnh theo kịp đến dinh Vĩnh. Đến Lũy Thầy. Tinh thần quân sĩ lúc nghỉ lại Lũy Thầy. Lãng cùng với Nguyễn Huệ thăm quân sĩ. Hai người tâm sự với nhau khi đứng trên lũy nhìn ra phía bắc.

Chương 56

Trong nhà rạp hát bộ, Lãng ngồi bên cạnh bác Mịch. Họ đang xem đào kép tập duyệt vở tuồng “Chàng Lía” của Lãng.

Các kép chánh cương quyết từ chối không chịu đóng một vở tuồng mà vai chánh là một người dân thường nổi loạn chống lại triều đình, trang phục thiếu hẳn vẻ rực rỡ hào nhoáng, nên bác Mịch đã phải nhờ đến các đào kép phụ. Họ tập thêm ngoài giờ giấc bình thường, không được hưởng thù lao. Cả đến bác Mịch,

bầu gánh cũng không thích thú gì. Bác nhận dựng tuồng cho Lãng chỉ vì lời gửi gắm của Long Nương tướng quân.

Do đó, việc tập tành gặp không biết bao nhiêu khó khăn. Khởi đầu là sự rẻ rúng dè bủ đối với một vở tuồng Nôm mà tác giả là một cậu mặt trắng chưa từng có kinh nghiệm nghề nghiệp. Nhưng dần dà, vở tuồng lôi cuốn được mọi người. Mọi người cảm thấy có một không khí quen thuộc, gần gũi ấp ủ lấy họ. Đường như mẫu nhân vật đang múa may, gào khóc, cười cợt, giận dữ trên sân khấu kia không phải là ông Trương Phi hoặc Đổng Trát, không phải là nàng Dương Quý Phi hoặc Điêu Thuyền ở tận cái xứ xa xôi phương bắc, mà chính là người họ vừa gặp trên đường đi về, là chị bán trầu, là anh chăn trâu, là người chèo thuyền... Tự nhiên các đào kép cảm thấy

họ khỏi cần phải cố gắng quên mình để nhập vào một nhân vật lịch sử ở cao quá tầm họ. Họ khỏi cần rướn lên cao, gân cổ hò hét ra oai, âm ọe quát tháo. Họ hát, họ diễn tả điệu bộ y như họ nói chuyện với người hàng xóm, y như họ cư xử với mọi người. Được diễn một vở tuồng giống như các tấn tuồng họ từng tham dự trong đời, được hát những câu ai nấy đều hiểu, được khóc than, cười cợt theo cách khóc than cười cợt của dân mình, họ cảm thấy dễ chịu. Nhờ vậy, tuy là các đào kép phụ, việc luyện tập có nhiều tiến bộ.

Lã khắp khởi mừng rỡ theo dõi những điều mình tưởng tượng hiện hình thành các nhân vật sống động trên sân khấu. Anh nín thở theo dõi cảnh đang tập. Lúc đó, tuồng đến đoạn Chàng Lía vào thành cướp được quan tài của mẹ

đem về, giao cho các đàn em đem an táng ngay giữa đêm tối. Vì là một đám tang lén lút, âm thầm, nên mọi người diễn tuồng không hát, mà chỉ diễn tả tình cảm, đối thoại bằng điệu bộ. Đám tang đi trong đêm tối, nên họ phải có cử chỉ của những người mù vừa sờ soạng lẫn mò vừa lắng nghe các lời nhắn nhủ thì thảo của người dẫn đường là chàng Lía. Dĩ nhiên sân khấu được thắp sáng để người xem nhìn thấy tuồng tích diễn ra. Nhưng bằng cử động, mọi diễn viên phải cho người xem hiểu là họ đang đi trong đêm và sợ đánh thức bọn lính canh. Đây là một đoạn tuồng khó, nên bác Mịch buộc họ tập đi tập lại nhiều lần. Thấy hai người khiêng quan tài đi trước nâng quan tài lên quá cao, bác Mịch ra dấu cho họ ngưng lại, rồi lớn giọng chê:

– Không được rồi. Dừng lại. Tôi đã

dẫn các chú là phải luôn luôn giữ cho quan tài thẳng bằng, không được nâng cao phía trước như vậy. Đáng lý phải dẫn đá cho quan tài nặng y như có đựng người, để các chú không giở cao lên được. Các chú phải biết, trên quan tài có đặt chén rượu đây. Rượu đổ ra một giọt, tang chủ không trả tiền cho đâu!

Anh kếp đóng vai Chàng Lía quay xuống phía dưới nói:

– Nhưng đây là một cuộc an táng lén lút, cháu tưởng...

Bác Mịch tức giận cắt lời anh kếp:

– Chú đóng vai Chàng Lía mà chú nói vậy hả? Chú muốn người ta di quan êm ái cho mẹ chú yên nghỉ, hay muốn họ dần xóc cái xác già của mẹ? Chú phải ở vào hoàn cảnh Chàng Lía để suy nghĩ, để

đóng tuồng. Nào, bắt đầu lại đi!

Đoạn tuồng diễn lại lần thứ mười hai. Mọi sự diễn ra đúng y yêu cầu của bác Mịch. Các diễn viên diễn tả rất khéo cử chỉ những người đang đi trong đêm tối và đang lén lút di quan qua nhiều trạm canh của triều đình. Khéo nhất là vẻ sờ soạng và nét mặt xót xa, giận dữ của Chàng Lía. Nhưng bác Mịch vẫn lắc đầu, không lộ vẻ vui.

Lãng thắc mắc hỏi:

– Họ còn quên điều gì chẳng?

Bác Mịch đáp:

– Không. Nhưng để cho Chàng Lía đi trước dẫn đường thế này không ổn. Có vẻ yếu đuối quá. Cậu có thấy thế không?

Lãng chưa hiểu ý bác Mịch, hỏi lại:

– Yếu đuối thế nào ạ?

– Ở... ở nhiều chỗ lắm. Trước hết cái bộ đi đó không hợp với người anh hùng.

– Chẳng lẽ Chàng Lía đi oai vệ khi mẹ mất?

– Không phải. Nhưng cái khổ mất mẹ của trang hào kiệt phải khác thường một chút. Cũng như hễ là tướng thì phải cưỡi ngựa cầm gươm mới ra tướng. Chàng Lía không phải là tướng triều đình nhưng là tướng khởi nghĩa. Không thể để cho anh ta đi bộ.

Lúc đó đám diễn viên đang ngơ ngác trên sân khấu, chưa hiểu phải làm gì nữa, phải sửa chỗ nào. Bác Mịch bảo họ:

– Các chú hãy nghỉ một chút. Xuống đây tôi hỏi. Nay, ý các chú thế nào?

Anh kếp đóng vai Chàng Lía hỏi:

– Chuyện gì thế ạ?

Bác Mịch hỏi:

– Chuyện của anh đấy. Anh có thấy đi đưa ma như vậy có vẻ yếu đuối buồn tẻ quá không?

Anh kếp thú thực:

– Dạ, có thể ạ. So với đoạn trước, đoạn lén vào thành đánh bọn tham quan ấy, đoạn này không được ổn.

Một anh kếp đóng vai người khiêng quan tài nói:

– Nhưng mẹ vừa chết thì hùng thế nào được?

Bác Mịch nói:

– Được chứ. Hạng Võ đến chỗ tuyệt lộ vẫn cứ hùng như thường. Ngay cả khi mê Ngũ Cơ vẫn hùng. Rút kiếm báu ra đưa cho người đẹp giữ làm tin, chú nghĩ mà xem, kẻ tầm thường đâu có làm được.

Lăng chợt có ý lạ, vui mừng nói:

– Hay là ta đổi thế này.

Bác Mịch hỏi:

– Cậu đổi thế nào? Phải, cậu viết tuồng, chắc có ý hay hơn chúng tôi.

Lăng đỏ mặt vì sung sướng và ngượng ngùng, lắp bắp nói:

– Không biết đổi thế này có ổn không. Tôi sợ nhọc cho các anh đóng vai khiêng quan tài. Thường thường mỗi lần di quan, luôn luôn có một người chấp hiệu, đứng trên các đòn khiêng gõ sanh

điều khiển những người đưa linh. Ta cho Chàng Lía đích thân đóng vai trò người chấp hiệu ấy.

Bác Mịch trầm ngâm suy nghĩ một lúc, rồi vỗ vế reo lên:

– Hay, hay. Có thể chứ. Lẽ nào tướng cướp lại đi bộ. Phải. Chàng Lía, sau khi cướp được quan tài mẹ, đích thân làm anh chấp hiệu để đưa mẹ đi chôn. Đứng trên các đòn khiêng, Chàng Lía nhắc nhở các bộ hạ nên gượng nhẹ đối với xác mẹ, lại vừa chứng tỏ uy tín và uy quyền của mình. Hay lắm. Nào, ta bắt đầu lại đi.

Các diễn viên ngơ ngác hỏi:

– Bắt đầu thế nào đây chú?

Bác Mịch gắt:

– Lại còn hỏi! Không nghe thấy gì hay

sao? Chàng Lía đích thân làm anh chấp hiệu, điều khiển tụi bay khiêng quan tài đi an táng. Chàng Lía đi lại trên hai đòn cáng, phải tập luyện lắm mới khỏi ngã. Còn mấy chú kia...

Những người đóng vai khiêng quan tài nhao nhao lên:

– Trời ơi! Khiêng cái quan tài trống còn được, chứ hấn lại đi trên cả đòn cáng thì ai chịu nổi.

Bác Mịch thấy đã quá khuya, nên nói:

– Thôi để tối mai tao tính lại đã. Bốn đứa không nổi thì tăng lên tám. Hơn nữa đoạn tuồng cầm này ngắn thôi. Chịu khó một chút cũng qua. Diễn được đoạn khó cho hay tụi bay mỗi đứa mới mong nhận thưởng nhiều. Nghỉ đi. Mai đến sớm nhé!

Chờ cho các diễn viên về hết, Bác Mịch mới bảo Lãng:

– Cậu có biết hôm qua quan Giáo phường cho gọi tôi lên có việc gì không?

Lãng tò mò quên cả cơn buồn ngủ, vội hỏi:

– Gì thế ạ?

Bác Mịch chậm rãi đáp để tăng thêm mức quan trọng:

– Quan Giáo phường hỏi chuyện chúng ta tập tuồng này đấy!

Lãng lo ngại hỏi:

– Có gì hệ trọng không ạ?

Bác Mịch buồn rầu đáp:

– Hình như các quan bộ Lễ không thích ta tập tuồng mới. Nói đúng ra là không thích tuồng Nôm. Các ngài căn vặn đủ điều, làm như tôi là một phạm nhân vậy.

Lãng tức tối nói:

– Sao lại thế được! Các ngài đều xuất thân từ giới dân nghèo cả, tại sao lại thích xem những vở tuồng mà lời hát toàn chữ Nho, nghe không hiểu được gì cả. Các ngài gật gù giả vờ, vì sợ người ta chê mình dốt, chứ thực sự các ngài có hiểu gì đâu! Bây giờ lại lên tiếng chê tuồng Nôm! Sao lại thế được!

Bác Mịch lo sợ nhìn quanh, vỗ vai Lãng, can:

– Cậu đừng nên nổi nóng. Tai vách

mạch rừng nguy hiểm lắm. Cậu yên tâm. Tôi đã tìm cách nói cho êm xuôi cả rồi.

Lãng vẫn chưa nguôi giận, hỏi lại:

– Bác đã nói với họ thế nào?

– Tôi bảo cậu viết tuồng này để đề cao những người dân nghèo làm nên sự nghiệp lớn như các ngài. Tôi còn bảo trước khi viết tuồng, cậu đã hỏi ý của Long Nhương tướng quân. Thật tức cười! Nghe tôi nhắc đến ông Long Nhương, các ngài nín bặt không dám hó hé thêm tiếng nào nữa cả. Nhưng để vớt vát thể diện, quan Giáo phường dặn thêm là không được bỏ bê việc luyện tập tuồng chính.

Rồi hạ thấp giọng, bác Mịch hỏi Lãng:

– Này, mấy hôm nay cậu có nghe gì không?

– Nghe gì ạ?

– Nghe tin ông Long Nhương ấy! Chuyến này gặp quân Xiêm đông đảo, chắc vất vả lắm. Hình như mấy trận đầu đều bại cả. Cậu đi lại giao thiệp nhiều nơi, có biết đích xác thế nào không?

Lãng đáp:

– Tôi cũng ù ù cạc cạc như bác thôi. Có điều tin đồn thổi thì lúc nào cũng bị thấm quá sự thực cho dễ tin. Bác tính, làm thế nào một danh tướng như ông Long Nhương lại có thể thua trận được.

– Vâng, vâng. Tôi cũng đã nghĩ như cậu. Nhưng... nhưng biết đâu trăm trận thắng lại không có một trận rủi ro... Như ta đi đường gặp tai bay vạ gió đấy mà. Mấy chuyến trước đến nơi là xáp trận ngay. Tin chiến thắng bay về tới tấp.

Chuyến này đã lâu không nhận được tin vui. Tôi e rằng...

– Bác e gì nào?

– Tôi ấy hả? Tôi sợ... Nhưng thôi. Chuyện binh nhung mình có hiểu gì đâu mà đoán già đoán non. Tối mai cậu đến chứ?

Lãng thấy bác Mịch muốn cho qua câu chuyện gay cấn, vội nói:

– Dạ mai tôi đến chứ. Nhưng bác chưa nói cho tôi biết bác e ngại điều gì.

– Ối! Tôi già lắm cảm hơi đâu cậu để tâm! Tôi may mắn qua được cơn điên dại, nhưng đầu óc chưa được tỉnh táo bình thường đâu. Cậu thấy điều gì không phải, cậu bỏ qua cho. Hôm trước ông Thung đến cầm châu, đập trống liên hồi như là trống thúc thuế, tôi cũng cười xòa.

Đôi co sao được với người say rượu. Cậu xem đấy, không nên chú ý lời lẽ lảm cẩm của tôi.

Thấy bác Mịch cứ quanh co né tránh, Lãng bực bội hỏi:

– Hai năm nay ở gần bên tôi, bác không hiểu tính tôi hay sao mà dè dặt thế! Tôi có giấu gì bác đâu. Mà bác thì cũng không làm điều gì quấy để phải sợ ai! Hôm nay bác lạ lắm!

Bác Mịch thở dài, đôi mắt nhìn Lãng lộ vẻ thương hại, trù mến. Bác nói nhỏ:

– Tôi đoán hơi gió thấy sắp xảy ra nhiều điều rắc rối lắm đấy, cậu Lãng ạ. Ông Thung say rượu thật đấy, nhưng nhờ hơi men ông ấy nói ra nhiều điều đáng chú ý lắm. Cũng như gần đây Hoàng thượng có gì khang khác.

– Khác chỗ nào hở bác?

– Tôi chỉ cảm thấy thế thôi, chưa có gì làm chắc. Một hôm Hoàng thượng ghé qua rạp tuồng, gặp lúc anh em đang tập vở Chàng Lía của cậu. Hoàng thượng ngồi xem một lát, hỏi ai cho tập vậy. Nghe nhắc đến tên ông Long Nhương, nét mặt Hoàng thượng sa sầm ngay. Hoàng thượng quày quả bỏ đi. Thành thử tôi ngại lắm. Tôi chẳng hiểu rồi đây sẽ ra làm sao nữa!

Lãng cổ cười lớn để lấn át nỗi lo âu vừa mới nhen nhóm, vỗ vai bác Mịch nói:

– Bác chỉ sợ bóng sợ gió thôi.

Bác Mịch cười gượng đáp:

– Tôi cũng hy vọng chỉ là chuyện hão huyền, lắm lắm. Cậu về nhé! Mai nhớ

lại sớm để tập cho xong đoạn tuồng khó, cậu Lãng nhé!

✱

Lãng về đến nhà. An vẫn chưa ngủ. Con bé Thái mấy hôm nay bị đau, An lo lắng ngồi bên giường con không tài nào ngủ được. Lãng vào thăm cháu, đặt tay lên trán bé Thái thấy nó vẫn còn hâm hấp sốt. Con bé mở mắt nhìn cậu, rên ư ử. Lãng hỏi:

– Cháu có mệt lắm không?

Thái đưa lưỡi liếm đôi môi khô, thì thào:

– Cháu bớt mệt rồi, cậu.

– Cháu đã bớt nhức đầu chưa?

– Chưa, cậu ạ.

An chen vào bảo em:

– So với hôm qua cháu có bớt chút ít. Nhưng chị lo quá, nó nằm suốt bảy hôm rồi. Lúc này nó lơ mơ nói mơ những gì “mẹ đừng bỏ con” rồi “cháu chào ông ngoại” làm chị sợ quá. Từ nay con đừng nói bậy như thế nghe Thái.

Con bé gật đầu ngoan ngoãn thưa:

– Dạ.

Lãng vuốt tóc cháu bảo:

– Cháu ráng uống thuốc và ngủ ngoan cho chóng lành.

Thái ngoe nguẩy lắc đầu:

– Thuốc hôi quá, cậu. Lại đắng nữa. Cháu không uống đâu.

– Không được. Con không uống làm sao lành.

An nói:

– Đấy, có cậu về đây, Thái phải nghe lời cậu. Thuốc có đắng mới mau lành. Mẹ van mãi con không chịu uống, nên cứ dây dưa mãi.

Lãng góp thêm lời khuyên cháu:

– Thái không uống thuốc, làm sao ngồi dậy để học viết được. Mấy hôm cháu đau, anh Phát đã bỏ xa con rồi.

Con bé bữu môi, đáp:

– Anh Phát đâu có chịu học. Hôm qua anh còn thức con dậy hỏi chữ thiên viết thế nào. Con nói mãi, anh cứ viết ra chữ phụ . Làm sao anh hơn con được.

Lãng cười, hỏi chị:

– Nó ngủ rồi hở chị?

An thở dài đáp:

– Còn phải hỏi. Không bao giờ nó chịu học ban đêm. Ngồi bên đèn một chút, nó ngáp lên ngáp xuống, trông đến chán. Không biết lớn lên nó làm ăn ra sao nữa.

– Có lẽ chị cưng hai đứa này quá, nên dạy chúng nó không được. Tìm thầy đồ nào gửi cho chúng nó đi học có lẽ hơn.

An nói:

– Chị cũng có bảo anh Lợi thế. Con Thái thì chị tự lo lấy được. Con gái biết vài chữ cho người ta khỏi khinh, nhưng con trai phải học hành đàng hoàng. Chị lo cho thằng Phát quá. Mười tuổi đầu rồi chứ phải ít đâu.

Lãng kinh ngạc hỏi:

– Mười tuổi rồi à? Chóng thật. Mới đây chúng đã lớn cả rồi. Thế mới biết thời gian! Trông tụi nó lớn, mới giật mình nhớ ra rằng mình đã già. Em cũng trên 30 rồi. Tam thập nhi lập. Em đã lập được cái quái gì đâu!

An cười bảo Lãng:

– Nội cái chuyện lập gia đình còn chưa xong, nói chi đến lập cái khác. Chị không hiểu em nữa. Tại sao không tìm nơi nào xứng đáng nên vợ nên chồng cho rồi. Sao cứ bông lông mãi thế? Hay là...

Lãng đoán được ý chị, đỏ mặt, hấp tấp nói:

– Không phải đâu. Chị đừng nghĩ thế!

An cười hỏi:

– Ô hay! Chị có nghĩ gì đâu! Tại sao em bảo thế? Này, cái tin cô ta cương quyết cắt tóc vào chùa có đúng được phần nào không?

Lãng không biết trả lời thế nào, đành nói quanh:

– Chị hỏi gì ạ? À, chuyện vào chùa hả? Em cũng chẳng biết nữa. Chỉ có một lần anh Huệ nói đùa bảo cô ta định vào chùa Thập Tháp. Có lẽ chỉ là chuyện bốn cột mà thôi. Vả lại, đến bây giờ em vẫn không hiểu lúc đó mình thế nào. Chị nhắc lại, chỉ thêm rắc rối, nguy hiểm là khác.

Con bé Thái không hiểu mẹ và cậu đang nói chuyện gì, trở mắt hết nhìn An lại nhìn Lãng. Nó hỏi:

– Mẹ nói gì thế mẹ?

An mắng át đi:

– Đừng hỏi chuyện người lớn. Con ngủ đi.

Con bé giận dỗi, vùng vằng quay hắt người lại, nhìn vào tường vờ ngủ. An không để tâm đến con, hỏi Lãng:

– Độ này sao em về trễ thế?

Lãng nhớ đến công việc hiện tại của mình, hớn hờ khoe:

– Em với bác Mịch đang dựng một vở tuồng mới, chị biết chưa?

An không tin em, hỏi lại:

– Em dựng tuồng à? Tuồng gì thế?

Lãng hối hận vì đã quá tự tin, nhưng không còn cách nào thối lui được nữa.

Anh bối rối thú thực:

– Tuồng Chàng Lía em viết lâu nay.
Tập gần xong rồi.

– Thật thế à? Hôm nào mới diễn?

– Em cũng chưa biết.

– Nhớ báo cho chị đi xem với. Em
viết được tuồng, lại dựng được để diễn
ngay tại cung đình. Em của chị tài quá!

Lãng vội cải chính:

– Không diễn được ở cung đình
đâu!

– Sao vậy? Gánh bác Mịch là gánh
chính của giáo phường mà! Không diễn
cho nhà vua xem thì diễn ở đâu?

Bé Thái không nhịn được nữa, quay
lưng lại dặn cậu:

– Hôm nào cậu dẫn cả cháu đi xem nữa nhé! Cả anh Phát nữa. Cả mẹ, cả cha nữa!

Lãng xoa đầu cháu nói:

– Được, được. Cậu sẽ mời cả nhà.

An không bỏ nửa chừng thắc mắc, kéo áo em hỏi:

– Em vừa nói gì? Tại sao không diễn được trong cung đình?

Lãng buồn rầu đáp:

– Hình như nhà vua không thích tuồng Nôm.

An vội hỏi:

– Thế em soạn tuồng Nôm làm gì? Sao không dựa vào các tuồng xưa để soạn?

Lãng nhìn chị, giọng hơi bực:

– Chị mà cũng hỏi thế à? Mình là người Nam, sao lại soạn tuồng Khách? Chẳng lẽ đất nước mình không có chuyện trung hiếu, vui buồn, để viết hay sao? Việc gì phải mượn đến Điêu Thuyền, Lữ Bố để nói chuyện ghen tuông.

An không vừa, cãi lại:

– Nhưng nói chuyện Điêu Thuyền thì ai cũng hiểu. Còn chuyện... chuyện gì em vừa nói đó, chuyện...

Lãng nhắc:

– Chuyện Chàng Lía!

An vui mừng tiếp lời:

– Phải chuyện Chàng Lía thì có ai biết đâu. Cả cái tên nghe cũng kỳ cục.

Lãng hơi to tiếng:

– Chị lầm rồi. Không có người dân Qui Nhơn nào không biết chuyện Chàng Lúa. Người ta đặt về để ca tụng chàng tướng cướp đó, bài về dài nhưng không có người nào không thuộc.

– Chị có thuộc đâu?

– Chị khác. Gia đình mình chỉ là dân ngụ cư, không sống, không nghĩ như dân Qui Nhơn.

– Nhưng làm tướng cướp thì có vinh quang gì mà phải soạn tuồng?

– Ấy là chỉ nói cho gọn thế thôi, chứ đúng ra anh ta là một nông dân không chịu được áp bức bất công của bọn tham quan, nổi loạn chống triều đình.

– Nổi loạn? Vậy thì chị can em. Bây

giờ chị hiểu, chị hiểu hết rồi. Không cho diễn ở cung đình là phải. Lãng, chị nói thật, không biết em viết tuồng tích ra thế nào, nhưng chỉ mới nghe qua như vậy, chị đã thấy việc này nguy hiểm lắm. Không phải là chuyện đùa được đâu. Em nghĩ lại cho chín đi!

– Chị khéo yếu bóng vía. Chàng Lía nổi dậy chống triều đình, có khác nào anh em Tây Sơn nổi dậy chống nhà Nguyễn Gia Miêu. Người anh hùng áo vải đó không thành công được như anh em nhà vua, nhưng nhìn chung có khác gì đâu!

Bé Thái lại chen vào hỏi:

– Có phải chú Lía tội nhỏ thường hát:

Chiều chiều én liệng truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

không hờ cậu?

An phát mạnh vào mông con, gắt:

– Đã bảo không được chen vào chuyện người lớn. Có ngủ đi không.

Bé Thái thút thít khóc. An không thềm dỗ con, nghiêm giọng bảo Lãng:

– Em đừng xem lời chị là lời đàn bà. Em nghĩ lại mà xem, giữa một nơi đã có đầy đủ trật tự trên dưới, vua quan ổn định, ngay giữa chốn kinh đô, em soạn một vở tuồng ca tụng người tướng cướp nổi loạn chống lại cái trật tự đã ổn cố. Nhà vua sẽ nghĩ thế nào? Các quan ở bộ Lễ, ở giáo phường sẽ nghĩ thế nào? Họ không nghĩ em ca tụng, mà nghĩ rằng em hô hào sự nổi loạn, sự chống đối.

Em để cho chị nói hết đã. Em nên nhớ gia đình mình đã từng gặp nhiều rủi ro, từng gây ra nhiều nghi kỵ. Từ cha cho đến anh Chinh, anh Lợi. Cả em cũng vậy nữa. Em cứ nhìn thẳng vào thực tế mà xem. Nếu không được anh Huệ che chở, thì vụ Thọ Hương sẽ dẫn em đến đâu. Người ta khép tội em dễ lắm, và dù lúc đó trong triều còn có nhiều người ít học, nhưng không thiếu kẻ viện dẫn đến lễ nghĩa Nho giáo để quàng vào cổ em đủ thứ tội phi nghĩa. Không, em cứ để cho chị nói hết.

Lãng không nhường nhịn chị, cướp lời nói:

– Chị phải để cho em nói đã. Chị nói đúng, nhiều điều chị nói em cũng đã từng lo lắng chứ không phải không. Quả thật võ tướng không được nhiều người ưa thích: trước hết là những tên dốt nát

không dám để lộ cho người ta thấy cái dốt của mình, thà ngủ gà ngủ gật trước một vở tuồng Tàu khó hiểu hơn là xem một vở tuồng nôm na, tiếp theo là những kẻ sợ sự thực như loài gián sợ ánh sáng, cuối cùng là bọn tiểu nhân tìm mọi cơ hội để hãm hại người khác, lấy đó mà xu nịnh, luồn lọt. Em thú thực với chị là ngay nhà vua cũng không thích vở tuồng Chàng Lía. Các quan bộ Lễ cũng vậy. Nhưng chị bảo em viết gì bây giờ? Nếu cả chị lẫn em đều nghĩ: cuộc nổi dậy long trời lở đất này, cuộc nổi dậy của những người áo vải chân đất mà gia đình chúng ta may mắn được tham dự từ đầu này là một điều cao đẹp, tất nhiên, là chính nghĩa, thì tại sao chúng ta không dám công khai xưng tụng những con người áo vải dũng mãnh chơn chất ấy? Chúng ta sợ cái gì? Những người dựng nghiệp cả chị lẫn em từng quen biết, không phải

là những Chàng Lía hay sao? Hơi đâu đi ca tụng bọn xúng xính cân đai lấy vâng dạ để làm chữ trung, lấy cầu an để làm nghĩa. Hoàng thượng, quan Tiết chế, Long Nhương tướng quân, hay chỉ có chị với em ở đây, ta nói đơn giản là bác Biện Nhạc, anh Lũ, anh Huệ không phải là những Chàng Lía của đất Qui Nhơn hay sao? Nếu có người nào sợ hình tượng Chàng Lía, chỉ vì họ không được cao đẹp như người nông dân trẻ tuổi nổi loạn đó, chỉ vì... chỉ vì họ là những Chàng Lía giả mạo...

An lo sợ nhìn quanh, thì thảo bảo Lãng:

– Chị van em. Em mất trí rồi. Em có hiểu mình vừa nói gì không hờ Lãng? Những điều em vừa nói, nếu có người tọc mạch nói đi nói lại, có thể... không, chắc chắn sẽ thành tai vạ cho cả nhà ta

đó. Sao em đại đột vậy. Thái, có ngủ đi không! Thôi, hãy chờ lúc nào em bình tĩnh lại chị sẽ nói tiếp. Bây giờ em chưa thấy hết đâu. Quái, sao đến giờ này anh Lợi vẫn chưa về!

Lãng do dự, nửa muốn bàn tiếp câu chuyện gay cấn, nửa muốn tránh sang việc khác. Cuối cùng, Lãng bảo:

– Mai em sẽ bàn tiếp với chị. Tối nay em sẽ nghĩ thật chín về những điều chị vừa nói. Cháu ngủ rồi hờ chị? Chị cũng nên đi ngủ đi. Chắc anh Lợi không về đâu!

An than:

– Gần đây anh ấy đi về thất thường.

– Anh Lợi ở dưới xưởng đóng chiến thuyền hờ chị?

– Chị chả hiểu nữa. Anh ấy theo ông Cố Chính, quên cả vợ con. Không hiểu sao tự nhiên chị ghét cái lão ấy thế!

Để xua bớt dư âm nặng nề, Lãng đùa:

– Tại ông ta bắt mất anh Lợi của chị chứ gì?

An vội nói:

– Không phải thế. Chị biết mình vô lý, bất công với ông Chính. Nhưng tự nhiên chị không ưa ông ta. Chẳng hiểu vì sao!

★

Đêm đó Lãng suy nghĩ lan man hết chuyện này đến chuyện kia, không chợp mắt nổi.

Anh ôn lại những gì An nói. Ban đầu, lòng anh ảm ức vu vơ, không tìm ra nguyên do. Anh có cảm giác bị chèn ép, bị đè nén, bắt nạt. Nhưng ai là kẻ chèn ép, bắt nạt anh? An ư? bác Mịch ư? Giáo phường ư? Không! Suốt mấy năm về làm ở giáo phường, anh là một người nhàn tản, tự do. Không ai đặt cho anh một trách nhiệm rõ rệt. Không ai đòi hỏi anh phải làm một cái gì cụ thể, bắt buộc phải hoàn tất trong một thời gian nhất định. Đúng như lời gửi gắm của Long Nhương tướng quân, Lãng về giáo phường để làm quen với nghề hát bội, rồi tập tành viết tuồng. Làm quen trong bao lâu? Viết tuồng gì? Không ai đòi hỏi Lãng trả lời dứt khoát. Nhiều người ở giáo phường xem Lãng như một kẻ bị ruồng bỏ, bị đẩy về “ngôi chơi xơi nước” ở cái gánh hát xa lạ này vì không làm vừa lòng Nguyễn Huệ. Lãng sống ở giáo phường như cái

bóng lạc lõng một thời gian khá lâu, dần dần mọi người thấy anh là một kẻ vô hại, nên đâm thương mến anh. Bác Mịch xem Lãng là một người em, ân cần chỉ vẽ các ngón nghề trong hát tuồng, giải thích cho Lãng hiểu các mẩu chốt của tuồng tích và nghệ thuật biểu diễn. Lãng bị lôi cuốn vào thế giới son phấn mũ áo ấy lúc nào không hay. Từ một người khách lạ, anh trở thành kẻ đam mê. Nhờ thế, chỉ cần một năm Lãng đã trở thành một người thành thạo.

Bác Mịch giao cho anh việc ghi lại thành bài bản các đoạn tuồng lâu nay truyền lại cho nhau bằng trí nhớ. Lãng vừa ghi vừa sửa chữa lại các câu, các chữ sai lầm do trình độ học vấn hạn chế của các đào kép. Anh cũng ghi được cả những đoạn hát cương tùy hứng, nhất là những lời pha trò của các hề đồng. Công

việc ấy thật bổ ích cho Lãng. Anh tự tìm ra được những bí quyết của nghề nghiệp: cách tạo sự chú ý, cách thắt nút mở nút câu chuyện, cách gây các phản ứng thoải mái hoặc thương cảm cho người xem, cách tạo sự hòa điệu vui buồn trong một vở tuồng. Những kinh nghiệm ấy thật quý giá cho Lãng, khi anh bắt đầu có ý thực hiện ý định viết một vở tuồng về Chàng Lía. Suốt thời gian thai nghén đề tài, Lãng thường xuyên đem phác thảo tưởng tượng của mình đặt kế các vở tuồng đang công diễn, lục lọi tìm kiếm những gì có thể dùng làm chất liệu sáng tạo, hoặc những gì phải kiên quyết gạt bỏ vì khuôn sáo cũ kỹ và nội dung giả dối. Lúc nào hình tượng Chàng Lía cũng lớn vồn trong đầu anh. Câu hỏi anh thường đặt ra để tự giải đáp là: ở vào trường hợp thế này, Chàng Lía sẽ làm gì? Nếu anh ta như vậy, thì phải diễn tả trên sân khấu

tuồng thế nào cho người xem hiểu được anh ta?

Bác Mịch chỉ hiểu được phần nào những bận tâm của anh chàng soạn tuồng tập sự. Bác đã khá già để có can đảm không thềm dẫm chân trên các lối mòn. Nhưng sự đồng cảm của hai người cùng đam mê khiến một già một trẻ trở nên quyến luyến gần gũi. Bác Mịch chịu khó ngồi nghe những lời trình bày, những dự tính sáng tạo còn lộn xộn, mù mờ của Lãng. Bác góp ý, khuyên Lãng dứt khoát cắt bỏ những phần không thể diễn tả trên sân khấu, xén bớt các đối thoại, lời ca phức tạp khó ai hiểu hết, thêm thắt những lời giễu cợt giải trí người xem.

Vở tuồng của Lãng dần dần có hình, như một bào thai bắt đầu có đầu, thân thể và tứ chi. Bác Mịch còn giúp cho Lãng thực hiện được một điều quan

trọng hơn hết là tạo sức sống hùng tráng cho nhân vật chính, điều mà do bản chất lãng mạn mãi mãi Lãng không làm nổi. Vì vậy, có thể xem vở tuồng là tác phẩm chung của Lãng và bác Mịch, qua gần hai năm suy nghĩ, thể nghiệm. Cho đến lúc vở tuồng thành hình, việc tập dượt sắp hoàn tất, thì những lời cảnh cáo của An đảo ngược toàn thể vấn đề. Lãng xót xa như một đứa bé ra sức đắp một tòa thành cát trên bãi biển, lúc gần xong lại bị một ngọn sóng lớn ủa vào phá mất!

Điều khiến Lãng khổ sở là những điều An nói hoàn toàn có lý. Lãng không thể làm ngơ trước sự thờ ơ hoặc ác cảm của rất nhiều người, (trong đó đa số đều giữ vị trí quan trọng của triều đình) đối với vở tuồng. Thành thực mà nói, Lãng chỉ yên tâm khi trông chờ sự bảo trợ của Long Nhương tướng quân. Mà tướng

quân lại không có mặt ở đây! Càng nghiêng ngả lời chi, Lãng càng thấy mối nguy hiểm đang rình rập mình là có thực. Nó chờ đợi đâu đây, gần lắm rồi. Nhanh vượt đã chuốt nhọn, chỉ cần vồ một cái, mối nguy hiểm ấy đủ xé tan tất cả sinh mệnh của Lãng.

Trần qua trở lại, nhiều phen Lãng vẫn không ngủ được. Anh nghe rõ từng tiếng động của ban đêm. Gần nhất là tiếng một găm, ở thật gần, hình như ngay trên cái đòn kê dưới chiếc phản anh nằm. Tiếng một nghiêng vào gỗ nghe ghê rợn, Lãng có cảm giác ngột thở khó chịu như đang nín thở theo dõi một người đang dồn hết sức cố làm cho bằng được một việc nguy hiểm quá sức bình sinh, như một kẻ ốm yếu bị buộc giương một cây cung khỏe, hoặc một đứa trẻ lên mười còng lưng gánh một đôi nước

nặng. Muốn cho con một thôi nghiêng gối, Lãng thử lấy tay gõ nhẹ lên mặt phản. Nhưng nó vẫn tiếp tục công việc của nó. Lãng đoán con mọt ở xa hơn, có thể tận đầu kèo, hoặc trên mấy cái rui tre. Sau đó anh chú ý nghe được một tiếng động lạ khác, nửa giống như tiếng một vòi nước ri ri chảy, nửa giống như tiếng một người mẹ xi cho con đi tiểu. Nghe ngóng thật lâu, anh chỉ đoán đại khái đó là tiếng một loài dế. Dưới nhà ngang, thằng Phát ú ớ nói sảng, sau đó gió thổi mạnh làm cho nhánh ổi sà xuống quét rột rạt lên mái tranh nhà trên.

Lãng nằm im lẳng nghe mọi thứ tiếng động, lơ mơ nửa thức nửa tỉnh, rồi chìm dần trong một giấc ngủ lửng lơ, dật dờ, bập bênh. Anh vẫn nhận thức được trạng thái lơ lửng, nên cố nghĩ ra một điều cụ thể để thức tỉnh.

Lãng nghĩ đến cảnh tuồng đang tập, đoạn Chàng Lía cùng mấy người bạn chiến đấu dưới quyền lén lút đưa quan tài mẹ đi an táng. Chàng Lía đích thân làm người chấp hiệu, và trên sân khấu, kếp chánh đang đóng vai trò một người chấp hiệu chuyên nghiệp. Trên hai đòn khiêng quan tài, Lía thoăn thoắt di chuyển từ đầu này đến đầu kia, gõ sanh ra dấu cho người bên này phải nâng cao đòn khiêng lên, hoặc người đi bên tả phía sau hãy hạ bớt đòn khiêng xuống. Cử chỉ nhanh nhẹn, uyển chuyển, lộ vẻ lo lắng cho thân xác mẹ đồng thời với vẻ uy dũng của một vị chỉ huy. Gần như Chàng Lía bay lượn trên quan tài mẹ để dẫn đường cho bọn phu huyệt, và trên nền trời xanh đen, hình dáng chàng uốn lượn tung hoành như một con rồng đang uốn khúc. Đã đến lúc Lãng không còn giữ mình tỉnh táo được nữa. Anh mê dần trong giấc

ngủ muộn, trong mê hình ảnh Chàng Lía vẫn múa lượn. Có điều Lãng kinh ngạc sững sờ đến nỗi ngay trong mơ anh đã nghĩ phải cố ghi nhớ (và Lãng đã nhớ rõ môn một vào sáng hôm sau) là khuôn mặt Chàng Lía lúc thì lấm liệt hào tráng như khuôn mặt Nguyễn Huệ, lúc lại lảo liên xảo trá giống y như... giống y như ai? Lãng không nhớ ra!

Cho đến sáng hôm sau, trên đường đến bộ Lễ gặp Lợi, Lãng mới nhớ khuôn mặt lảo liên trong cơn mơ đêm qua giống với khuôn mặt Đô đốc Chính.

Chương 57

Lợi vừa từ xưởng đóng chiến thuyền ở cửa Thị Nại về, nhưng thay vì ghé Bằng Châu cho vợ con đỡ nóng ruột chờ đợi, anh quyết định đi thẳng đến dinh quan Đô đốc Chỉnh.

Trông vẻ mặt hớn hở của Lợi, Nguyễn Hữu Chỉnh bảo ngay:

– Anh khỏi cần nói tôi cũng biết mọi sự dưới đó êm đẹp. Xong đến chiếc thứ mười chưa?

Lợi hãnh diện đáp:

– Tính đến chiều hôm qua, đã xong đến chiếc thứ mười lăm.

Nguyễn Hữu Chinh kinh ngạc:

– Thật thế à! Anh tài thật. Nhưng có làm đúng theo mẫu tôi vẽ hay không?

– Dạ không sai một ly.

Nguyễn Hữu Chinh tò mò hỏi:

– Tôi hơi tò mò một chút. Anh làm cách nào cho bọn lười nhốt thây đó chịu làm ngày làm đêm? Nếu có gì bất tiện, anh không cần trả lời.

Lợi hơi lúng túng, nhưng lấy ngay được tự tin, nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Hữu Chinh đáp:

– Tôi hứa cho họ chia nhau số gỗ thừa. Hơn nữa, những lá gỗ và chủ ghe phải đóng góp chút ít cho bọn đóng

thuyền ăn khao mỗi lần đóng xong một chiếc mới...

Chỉnh cười phát tay ra dấu cho Lợi ngưng kể, rồi bảo:

– Tôi hiểu. Còn nhiều cách khác nữa, nhưng đại loại phải lấy lợi ra thúc cho việc mau xong. Anh biết quyền biến đến thế, tôi ngạc nhiên thấy anh lặn lội mãi về công danh. Này, anh đã hiểu vì sao không?

Lợi rụt rè hỏi:

– Thưa vì sao ạ?

– Vì anh chỉ chăm chú đến những cái vật vãnh. Giữa anh với tôi, ta nên cởi mở, không nên khách sáo đả bôi với nhau làm gì. Tôi biết anh hào hứng khi xoay được bọn buôn gỗ vài khoản tiền. Không, anh đừng ngại. Ở vào địa vị tôi,

tôi cũng làm thế. Nhưng sở dĩ anh lận đận không ngoi đầu lên được, chỉ vì anh không nhìn qua khỏi tầm tay, như một người đi buôn từng bát gạo hũ mắm. Công việc đó nên dành cho bọn già yếu tàn tật. Mình sức dài vai rộng nên buôn cho ra buôn. Cắp cái rổ bán dạo vài quả ổi, quả lựu cũng là buôn. Lã Bất Vi cũng đi buôn. Nhưng buôn vua thích thú hơn buôn ổi, buôn lựu chứ!

Lợi lo lắng hỏi:

– Bây giờ tôi phải làm gì ạ?

Nguyễn Hữu Chỉnh vuốt râu gật gù một lúc, thích thú ngắm vẻ lúng túng của Lợi. Thật lâu về sau, Chỉnh mới nói:

– Anh phải tập nhìn quanh để biết đoán trước thời thế sẽ xoay về đâu. Nếu không, anh cầm cúi dành dùm được chút

ít cho vợ con, đến lúc chỉ cần một mảnh giấy là công lao dành dụm chắt bóp của anh mất sạch!

Lần đầu tiên Lợi nghe một người hiểu biết nói đúng nỗi lo của mình. Lợi hốt hoảng đến líu lưỡi. Anh nuốt nước bọt, cố dần sợ hãi hỏi:

– Tôi có mắt mà như người lòa. Xin ngài dạy bảo cho. Thời thế sắp chuyển rồi ư? Chuyển về phía nào? Tôi không bao giờ quên ơn dạy bảo hôm nay!

Nguyễn Hữu Chinh cười nhỏ, rồi nói:

– Ân với huê gì! Anh giúp đỡ tôi tận tình, nên tôi có bốn phen trả ơn cho anh đấy chứ! Đúng là thời thế sắp chuyển. Chúng ta chưa chậm chân đâu. Còn nhiều thì giờ lắm. Điều quan trọng

là phải khéo tiên liệu để khỏi bỏ lỡ cơ hội. Tôi hỏi anh câu này nhé. Theo anh thì hiện tại, ở đây, ai là kẻ nhiều uy quyền nhất?

Lợi mau mắn đáp:

– Dĩ nhiên là nhà vua.

Nguyễn Hữu Chinh lắc đầu, ra vẻ thương hại Lợi. Thấy vẻ mặt Lợi ngơ ngác, Chinh bảo nhỏ:

– Anh ra cửa xem có ai ngoài đó không?

Lợi ra cửa phòng, thấy tên lính hầu đang cầm giáo đứng gác ngoài cửa dinh quan Đô đốc. Chinh sai tên lính đi pha trà mời Lợi. Đợi tên lính hầu đi khỏi, Chinh bảo Lợi:

– Thực lực của cả vương triều này

nằm cả trong tay ông Long Nhường, anh không thấy sao. Nhất là sau khi thắng được quân Xiêm...

Lợi ngạc nhiên hỏi:

– Sao thiên hạ đồn là bị bại?

Chỉnh lắc đầu:

– Bại sao được. Vừa có tin báo về là ông Long Nhường đã đánh ba vạn quân Xiêm tan tác, không còn lấy một mảnh ván để khỏi chết trôi. Sau trận này, thanh thế ông Long Nhường sẽ lấn át cả vua anh. Cái thế nghiêng về ai, đã rõ. Anh khư khư ôm lấy mấy miếng ván thừa, sẽ có lúc chết chìm với đồng ván lẻ đó. Anh cứ theo thời thế xoay chuyển mà liệu việc. Cũng như đi buôn phải tìm người có thời mà hùn vốn. Anh hiểu ý tôi chứ?

Lợi vội nói:

– Dạ hiểu.

– Anh có nhiều cơ may để tiến thân, chỉ tiếc là anh chưa biết dùng các cơ may ấy. Tôi nhớ đã hỏi chuyện anh quen thân với ông Long Nhường từ thời niên thiếu, có đúng thế không?

– Vâng ạ.

– Cả đến chị nhà cũng không xa lạ gì với ông Long Nhường chứ?

Lợi đồ mặt, lí nhí đáp:

– Dạ quả có thế.

– Thôi, mong anh gặp được nhiều may mắn hơn. Lận đận mãi sao được. Anh bao nhiêu tuổi rồi?

– Dạ đã 37.

– Chậm quá rồi. Nhớ liệu thời cơ

mà ngoi lên. Không phải gặp ai tôi cũng nói những điều tôi vừa nói với anh. Nếu không thương quý anh, không tin cần anh, nói như thế là chuốc họa vào thân. Anh nhớ đừng hé môi nói lại với ai nhé.

Lợi cảm động quá, run run nói:

– Suốt đời không bao giờ tôi quên cái ơn hôm nay. Đúng là Trời đã đưa ngài vào tận đây để nâng tôi dậy, để mở mắt cho tôi.

Lúc đó tên lính hầu vừa bưng khay trà và cối trầu vào. Nguyễn Hữu Chinh cười ha hả, bảo Lợi:

– Khá lắm. Chú phải thúc cho họ đóng xong mấy chục chiến thuyền ấy kịp ngày. Vâng, cần thứ gì trước, chú kê ra đi. Những điều tôi căn dặn, chú đừng quên, hỏng cả việc đấy. Lần trước chỉ vì sơ sẩy

mà có chiếc vù hạ thủy đã nghiêng qua một bên. Làm ăn như vậy làm sao qua được sóng gió!

Lợi hiểu ý Chỉnh, lảng lạng xin lui để kịp ghé thăm nhà trước khi xuống Thị Nại vào hôm sau.

✱

An căn nhắc với chồng:

– Hôm trước Lãng nó gặp anh trước bộ Lễ. Sao anh không tạt về nhà xem mẹ con em sống chết ra sao? Anh quên đường về Bằng Châu rồi phải không?

Lợi sà xuống ngồi cạnh vợ, giọng dõ dằn:

– Anh biết thế nào em cũng giận, nhưng quả thật hôm đó anh chạy không

kịp thở nữa. Gỗ dưới sông sắp hết, mà chuyển bè nguồn chưa về. Anh lên bộ Công hời thăm, rồi phải theo ngựa trạm về dưới đó ngay. Anh vất vả vì ai, em biết rồi. Các con đâu rồi?

An hơi ngúi giận, nhưng vẫn giữ cái giọng dăm dẳng:

– Thằng Phát thành dân đá cá lặn đưa, còn con Thái thoi thóp sắp phải tìm sắm áo quan rồi. Anh về kịp, cũng may.

Lợi biết vợ nói dối, bẹo vào má An, cười giã lã:

– Em chỉ nói đại. Anh có mang về nhiều ốc đẹp cho con bé đây. Nó đâu?

An mỉm cười, giọng nói đã lộ vẻ đùa cợt:

– Anh vào giường bệnh mà tìm.

Lợi đã biết vợ đã hết giận, quay sang trách móc An:

– Đừng nói quàng nói xiên mãi. Nó đâu, gọi vào cho nó mừng.

An lớn tiếng gọi:

– Thái ơi!

Con bé từ sau vườn chạy ra, trông thấy cha, nó mừng rỡ chạy đến ôm chầm lấy Lợi. Lợi ngồi xuống hôn tóc bé Thái, hỏi:

– Anh Phát đâu?

Con bé lắc đầu đáp:

– Con không biết nữa. Ảnh chạy đi chơi từ sáng sớm.

Lợi trợn mắt hỏi:

– Đi chơi? Sao không mét mẹ?

Bé Thái ậm ừ không dám trả lời. An thấy lạ, hỏi con:

– Lúc này con đem cho mẹ xem trang tập viết của anh Phát mà!

Con bé rơm rớm nước mắt, không nói gì được.

An phải dỗ dành:

– Có gì lầm lỗi con cứ nói, mẹ không mắng đâu. Đừng khóc.

Lợi cũng bảo:

– Ngoan lên. Cha sẽ thưởng cho con bọc ốc đẹp.

Bé Thái được hứa hẹn, khuyến khích, nên đáp:

– Ảnh nhờ con chép giùm mấy chữ rồi mang cho mẹ. Ảnh dọa nếu không

làm, ảnh không thèm chơi với con nữa.

Lợi có vẻ thích thú vì những điều con vừa kể, chẳng những không rầy con mà còn reo to:

– Khá lắm. Mới tám tuổi đầu đã biết bán chữ. Thế mới thực là người khôn phải không con?

An bực quá, gắt chống:

– Anh nói thế mà được à! Tôi báo cho anh biết, thằng Phát đã trở thành đứa lêu lổng rồi đấy. Nó bắt đầu nhập bọn với bọn trẻ hoang chuyên đi phá phách cây cối vườn tược của người ta. Hôm kia có người đến đây mắng vốn. Hôm qua em nhốt nó ở nhà một ngày, sáng nay đã dậy sớm lên đi rồi. Một mình em không lo hết được. Anh đi hoài, con cái không ai dạy dỗ, sau này nó trở thành thằng ăn cướp cho xem.

Lợi cười, nói:

– Ăn cướp càng tốt. Chỉ mong nó có chí lớn, không thèm ăn cướp những thứ lặt vặt. Cướp được cả nước người ta, thì tự nhiên thành ngài, thành đấng, chứ cướp vài đồng tiền kẽm chẳng bõ công mà còn bị thiên hạ gọi xách mé là thằng, là đứa.

An ngớ ngàng nhìn chồng, hoang mang hỏi:

– Anh mới học được của ai cái giọng đó? Chỉ sơ suất vài lời với lão Năm Ngạn đã nằm ngục mấy năm, anh chưa biết sợ hay sao.

An đã vô tình chạm đến những điều Lợi e ngại nhất. Đột nhiên Lợi nổi giận. Mặt anh nóng bừng. Anh nói:

– Cô cũng mới học được của ai cái giọng dạy đời hỗn xược đó? Cô hãy nhìn quanh xem có người vợ nào dám nói với chồng như cô không?

An nổi bù lu bù loa:

– Em biết mà. Anh về nhà là chuyện bất đắc dĩ, nên mới bước vào cổng là đã tìm chuyện gây gỗ để làm có ra đi. Được, anh muốn đi đâu thì đi, khỏi cần phải tìm có.

Lợi không chịu kém, la lớn:

– Nhà tôi tôi ở, không ai được quyền đuổi. Cô nên nhớ...

Lợi nói đến đó mới chợt nhớ cái nhà này không phải tài sản của anh, mà cũng không phải tài sản nhà vợ. Đó là tài sản của triều đình, tịch thu được của một tên dục虐 lại trốn tội. Lợi ngập ngừng

một lúc chưa biết xoay xử thế nào, khiến An có cơ hội lần tới:

– Anh bảo nhớ nhớ cái gì? Nhà này của ai? Của anh phải không?

Lợi giận dữ đáp:

– Nhưng cũng không phải của nhà cô.

Con bé Thái thấy cha mẹ cãi nhau căng quá, sợ đến xanh mặt. Nó bắt đầu mếu máo khóc. Nó đến ôm chân mẹ van lơn:

– Mẹ. Mẹ ơi. Đừng nói lớn con sợ quá mẹ!

Hai vợ chồng lúc ấy mới nhớ đến con, nên cùng dần cơn nóng giận lại. Nhưng Lợi cảm thấy bị thương tổn nếu không nói gì thêm, nếu để cho An nghĩ mình

đã thắng thế. Trước khi bỏ vào nhà, Lợi gần giọng bảo:

– Lần nào về cũng sinh chuyện. Biết thế này thà đi cho khuất mặt còn hơn.

An định trả lời, nhưng bé Thái đã kịp ôm chặt lấy mẹ van nài:

– Mẹ! Mẹ ơi!

Bữa cơm chiều hôm đó nặng nề, không vui.

✱

Tuy nhiên vào buổi tối, Lợi nhớ những lời khuyên của Đô đốc Chính, nên cố gắng làm lành với vợ. Anh nói cười luôn miệng, âu yếm săn sóc các con. Chính Lợi dẫn thằng Phát đi tắm rửa, thay quần áo cho nó trước khi buộc

thằng bé đứng vòng tay cúi đầu để nghe cha dạy bảo. Con Thái thấy sự khác thường, đôi mắt ngơ ngẩn hết nhìn cha lại quay sang dò nhìn mẹ. Thấy mẹ vẫn làm mặt nghiêm, nó càng không hiểu nổi những gì đang diễn ra trước mắt, Lợi đem tập giấy viết nhem nhuốc của Phát ra làm chứng để răn dạy con. Anh nói:

– Hồi trưa cha về mới biết con bỏ học đi lêu lổng với bọn mất dạy. Chẳng những thế, con còn dối mẹ, nhờ em viết giùm để đi chơi. Con không được trừng mắt với em như vậy. Không phải em nó tự tiện đi mét cha mẹ đâu. Cha mẹ không nhận ra nét chữ của con với nét chữ của em Thái hay sao. Em nó nhỏ tuổi hơn con, lại là con gái, mà nét ngang nét sổ đẹp đẽ, cứng cỏi hơn con nhiều. Cha bận việc không có thì giờ, chứ mẹ thì còn lạ gì nét chữ nguệch ngoạc của con

nữa. Tại sao biếng nhác vậy Phát? Con không sợ làm mẹ buồn hay sao? Con nên nhớ trên đời không ai thương con bằng mẹ, không ai hy sinh cho chồng cho con bằng mẹ. Không có mẹ thì ai nuôi các con, ai lo lắng cho các con từng miếng cơm, giấc ngủ. Mẹ khổ sở vì các con, các con có biết không? Tại sao các con không ngoan ngoãn để vui lòng mẹ, lại còn làm khổ mẹ. Mẹ héo hắt từng ngày, con không thấy hay sao?

Hai đứa trẻ càng hoang mang hơn, không hiểu tại sao đột nhiên cha mình dài dòng kể lể công lao của mẹ. Nhưng An thì hiểu chủ ý của Lợi. Chị thấy con gái ngáp, bảo nó:

– Thái, đi ngủ đi. Con đã nghe cha dạy chưa? Từ nay về sau phải giúp mẹ lo lắng việc nhà, chứ không phải cứ nhong nhong ngoài đường. Con nói thì giỏi

lắm, nhưng sau đó đâu vẫn hoàn đấy.

Bé Thái trở mắt nhìn mẹ, chẳng hiểu vì sao mẹ lại trách mắng mình. Nó lấp bắp phản đối:

– Mẹ, mẹ lầm rồi. Mẹ mắng anh Phát chứ sao lại mắng con. Con có nhong nhong ngoài đường hồi nào đâu!

Lợi gật gù, mỉm cười, bảo con gái:

– Ủ, mẹ giận anh Phát nên rầy chung cả nhà đấy. Con cha ngoan lắm, đi ngủ trước đi. Cả thằng Phát nữa. Thôi, cho phép con nghỉ học tối nay.

Hai đứa bé vui mừng, len lén bước ra khỏi phòng, mắt lăm lét liếc nhìn cha mẹ, sợ họ đổi ý. Chờ cho hai con đi khỏi, Lợi mới ngồi ghé xuống gần chỗ vợ đang ngồi. An vẫn giữ nét mặt lạnh lùng, mắt nhìn chăm chú mạng lại cái áo rách của

Thái. Lợi tăng hăng, rồi húng hắng ho, An vẫn không ngước lên nhìn chồng. Quá lâu, thấy vợ điếm tĩnh làm công việc mình, Lợi sốt ruột, phải lên tiếng trước. Anh nhỏ nhẹ nói:

– Hồi trưa anh thật bậy! Có lẽ đi về mệt quá, đâm cáu.

An không nói gì. Lợi rụt rè tiếp:

– Tối nay trời oi thật. Không có lấy một chút gió!

Im lặng!

– Không biết hai đứa trẻ đã chịu ngủ chưa. Không có tiếng cằn nhằn hoặc cười khúc khích. Có lẽ chúng ngủ cả rồi.

An hít hà vì vô ý để kim đâm vào ngón tay trở. Chị đưa ngón tay lên miệng nút hết máu. Được dịp tốt, Lợi xuýt xoa:

– Có sao không? Ấy, đừng để máu
bầm làm độc. Hãy nặn cho hết ra, rồi xoa
tí dầu khuynh diệp.

An không nhịn được nữa, bật cười,
nhưng vẫn giữ giọng gay gắt:

– Anh cứ để mặc tôi. Việc ai nấy lo,
không việc gì phải chen vào.

Lợi vui mừng, ngồi dịch lại gần vợ
hơn:

– Hết giận anh rồi nhé! Đừng giận
anh, tội nghiệp. Ai không có lúc lầm lỗi.
Khổng Tử còn có khi lầm, huống chi
anh!

An đã quá quen với tài mơn trớn làm
lành của Lợi, đưa tay đẩy chồng ra xa, và
nói:

– Thôi, tôi biết anh đang cần tôi làm

gì đây mới hạ giọng như vậy. Có việc gì nói quách ra đi.

Lợi chối đây đây:

– Có việc gì đâu. Em chỉ quen nghĩ xấu cho anh. Thực ra hồi chiều, lúc kinh cãi với em xong anh ra đường, lên phố, mới biết tin quân ta đã phá tan quân Xiêm. Cả phố phường như mở hội. Em không ra đó mà xem. Mai em đi chợ chắc vẫn còn được thấy cảnh rộn rã.

Quả nhiên An quên ngay giận, hỏi chồng:

– Thật không anh? Thế mà những kẻ độc mồm độc miệng cứ xì xào bảo nhau là trận này ta thua to, ta mất sạch chiến thuyền y như hồi ông Năm Ngạn cầm quân.

Lợi thấy vợ bị chuyện thời cuộc cuốn hút, vui vẻ nói:

– Chúng nó điên mới nghĩ ông Long Nhương thua trận. Thua sao được! Chuyến này ông Huệ về, thế nào cũng có nhiều thay đổi.

An không hiểu ý chồng, vội hỏi:

– Thay đổi? Thay đổi cái gì hở anh?

Lợi cố lấy giọng nghiêm trọng, thì thào với vợ:

– Em chưa thấy sao? Bao nhiêu công trận đều do ông Huệ lập cả. Chẳng lẽ ông Long Nhương cứ giữ mãi phận em út. Anh em với nhau trong nhà thì sao cũng được. Nhưng đây là việc nước. Phải xử thế nào cho công bằng chứ.

An ngạc nhiên hỏi:

– Thế lâu nay nhà vua xử bất công với anh Huệ à?

– Không phải thế. Nhà vua không xử ép ông Long Nhương, nhưng nhà vua xem đây là chuyện nhà, ai làm cũng được, còn lợi lộc thì nhin nhường nhau theo thứ bậc lớn nhỏ. Nhưng nếu đứng ngoài mà nhìn thì càng ngày càng có nhiều bất tiện. Nhất là đối với những ai đã từng vào sinh ra tử với ông Long Nhương, với anh Huệ. Anh Huệ nhường nhin hai anh được tiếng là em thảo, nhưng các tùy tướng của anh Huệ lại bị thiệt thòi. Họ đâu có chịu!

An bắt đầu lo sợ, nên run run hỏi:

– Họ định làm loạn để đòi hỏi quyền lợi ư? Sao anh biết?

– Không. Họ đã định gì đâu, nhưng

anh đoán thế nào họ cũng đòi. Không sớm thì muộn họ phải đòi. Lúc đó, tất có nhiều điều rắc rối xảy đến. An chợt nhớ cuộc tranh cãi về tuồng Chàng Lía giữa hai chị em An, Lãng, nên bắt đầu sợ hãi. Chị hỏi:

– Anh Huệ dám đứng ra chống nhà vua sao anh?

Lợi càng hạ thấp giọng:

– Chưa hẳn như thế. Nhưng ông Long Nhương sẽ bắt đầu chứng tỏ rằng mình không còn là cậu em út ngoan ngoãn nữa. Vua anh có thể khó chịu, nhưng làm sao được. Đánh tan mấy vạn quân Xiêm, nhổ sạch lũ giặc cỏ Nguyễn Gia Miêu đều là công lao của ông Long Nhương. Chuyến này ông ấy về, vua Thái Đức không thể xem em như một người bé bỏng được.

– Nếu... nếu hai anh em họ kình chống nhau, nhà ta sẽ thế nào? Em sợ cho thằng Lãng. Còn anh nữa. Nhà vua có vẻ tin cậy ông Chỉnh lắm. Nhưng nam bắc cách biệt, liệu nhà vua có tin thật không. Em lo anh làm việc với ông Chỉnh, có ngày... Lỡ xảy ra chuyện gì, chắc mẹ con em...

An ghen lời, không dám nói hết câu. Lợi cũng bắt đầu thấy tầm nguy hiểm có thể đến với gia đình mình, nhưng thấy vợ sợ hãi quá, anh cố lấy hết bình tĩnh trấn an vợ:

– Không đến nỗi như thế đâu. Coi kìa! Chưa chi đã xanh mặt! Anh chỉ nói đùa cho vui chứ sự thực dễ gì xảy ra như vậy.

An cãi:

– Không. Cái gì cũng có thể xảy ra cả. Thà thấy trước để còn liệu đường tránh. Làm sao đây anh?

Lợi ôm hai vai vợ, thấy An run rẩy, lưng áo ướt đầm mồ hôi. Lợi ôm chặt vợ vào lòng, vỗ vào lưng An như dỗ một đứa bé cho nó ngủ:

– Em nên tin ở anh. Dù thời thế ra sao chẳng nữa, anh cũng xoay sở được. Anh không để cho em với các con khổ như hồi trước đâu. Bây giờ anh đã từng trải, không sốc nổi như trước nữa. Anh khôn ngoan hơn nhiều. Anh liệu trước được thời cơ chứ không cảm cú vùi đầu trong những chuyện tẹp nhẹp. Em nên tin anh.

Chương 58

Đạo thủy quân vừa oanh liệt chiến thắng quân Xiêm cập bến Thị Nại vào buổi trưa. Trời nắng như đổ lửa. Bãi cát bốc hơi rong tanh, nóng, và khét. Bao nhiêu ngày bị sóng biển nhồi xóc cộng thêm cái nóng khô người trên bãi khiến tất cả mọi người đều ngầy ngầy say. Quân lính không giữ được hàng ngũ trật tự, mạnh người nào người ấy đi tìm chỗ núp nắng và xin nước uống. Đạo quân khải hoàn quần áo xốc xếch, mặt mũi nhem nhuốc, trông ô hợp thất thủ chẳng khác nào một đám tàn binh.

Đã thế cảnh tiếp đón trên bờ càng khiến cho tinh thần quân sĩ dao động. Gần như chỉ có đám con nít da sạm nắng tóc hoe con nhà chài lưới và bọn hiếu kỳ chờ đón họ. Các chức sắc ở cửa Thị Nại, không thấy ai! Lạ lùng hơn nữa, là người ta đang vội vã dỡ bỏ những cổng chào dành đón những người chiến thắng. Không ai hiểu căn do của những điều lạ kỳ ấy, người mới về tìm hỏi người dân chài, dân chài lại ngơ ngác hỏi người mới về. Những người lính trẻ khỏe mạnh không bị say sóng và say nắng chạy đi hỏi mấy người đứng tuổi đang hạ những cột khảo hoàn môn:

– Sao lại dỡ bỏ đi hử bác?

Họ được trả lời:

– Không biết. Mới có lệnh hồi sáng sớm. Quan trên hẹn đến trưa thì phải gỡ

xong. Nhưng, các anh tính, chúng tôi chỉ có mấy người! Tụi trai tráng vạn chài đi lưới từ khuya, còn được ai bắt người nấy cũng chỉ được một nhúm. Nay, lại đây tôi hỏi nhỏ chút việc: Trận này chắc thiệt nhiều lắm hả?

– Ai bảo bác thế?

– Lại còn giấu. Đánh nhau, thắng bại là lẽ thường. Chỉ trông qua hình dạng các anh, đủ biết hết!

– Nhưng biết cái gì mới được chứ?

– Cái gì nữa! Các chú bị đánh cho tan tác, lếch thếch thất thủ trở về đây chú gì. Chẳng thế quan trên lại ra lệnh dỡ hết các cổng chào. Phải nọc mấy tên phu trạm mang tin thất thiệt! Báo hại dân làng bỏ công bỏ của dựng cổng chào, bây giờ lại vội vàng phá hết. Nhưng này, các

chú trở về còn đông đấy chứ! Chẳng biết thằng con bà hai Cua sau nhà tôi có về được không!

Một chú lính láu táu đáp:

– Cháu biết anh ta, bác ạ. Con bà hai Cua chết rồi. Chỉ có con bà hai Còng thoát tay quân Xiêm trở về thôi.

Rồi anh ta trở người bạn đứng bên cạnh, cười bảo:

– Hắn đây này. Con bà hai Còng đấy!

Mấy người dân chài biết đám lính trẻ chế giễu mình, nên nghiêm mặt lại. Một anh lính lớn tuổi nhất thấy các bạn đùa quá trớn, vội nói:

– Ở nhà nhận tin sai đấy, bác. Chúng tôi già cho quân Xiêm một trận chí tử.

Anh em chúng tôi trở về gần đông đủ cả.
Chẳng hiểu tại sao...

Anh lính ngừng nói vì có tiếng chiêng thu quân. Các nhóm lính nằm ngôi rải rác dưới các bóng cây vội chạy đến chỗ tập trung. Vài người vừa chạy vừa đưa khăn ướt lên lau mặt và cổ, hoặc tiếp tục cắn vội miếng dưa, miếng thơm. Họ đã bớt say nắng, nên dáng điệu nhanh nhẹn, khỏe mạnh hơn.

Mấy bác dân chài ngư ngác nhìn nhau. Họ vẫn chưa hiểu đạo quân vào Nam diệt quân xâm lăng Xiêm thắng hay bại. Họ hỏi nhau:

- Thế là thế nào?
- Thế nào nữa! Thua liếng xiềng mười phần rồi!
- Không thua, tại sao quan trên ra

lệnh dẹp bỏ cổng chào đi!

– Nhưng bọn trẻ này nói dối làm gì!

– Lỡ thua, mất mặt thì phải đối chú!

– Chẳng lẽ quan trên không thạo tin hơn chúng nó!

Bàn tán chán rồi chưa ai tìm ra giải đáp. Nhưng rõ ràng họ do dự, việc tháo gỡ các cổng chào trở nên cầm chừng. Một người e dè gợi ý:

– Hay ta ngưng lại, chờ xem đã.

– Sao lại ngưng. Lệnh quan phải tuân theo. Lỡ bị quở trách, ai đứng ra chịu tội đây?

– Nhưng chính quan trên đã ra lệnh dựng gấp cổng chào. Biết đâu sau khi ta tháo gỡ xong xuôi, lại chẳng có lệnh dựng gấp cổng chào trở lại. Chỉ cần

ra lệnh, dễ thôi. Có tốn chút mồ hôi nào đâu.

– Thôi, xin can đàn anh. Nói lắm chỉ mang vạ.

– Thế bây giờ làm gì đây? Nên dừng hay nên tiếp tục tháo gỡ?

– Sao lại hỏi tôi? Hỏi bác xã trưởng chứ!

Họ cứ tranh cãi cù nhầy như vậy cho đến lúc một toán lính có mang gươm giáo đến mời họ đến gặp vị tướng chỉ huy đạo thủy quân tiên phong. Mấy bác dân chài khốn khổ xanh cả mặt, tay chân lẩy bẩy, sợ hãi bước theo toán lính như những tội nhân. Họ oán mình, oán Trời, nhưng tuyệt nhiên không dám oán quan trên. Họ đã quen nghĩ quan trên bao giờ cũng đúng, vì sự khôn ngoan học được

trong buổi loạn lạc, đổi thay!

✱

Long Nhương tướng quân quăng cương ngựa và kiếm cho tên lính gác đứng gần nhất, ra dấu cho đoàn tùy tướng chờ mình ở ngoài cổng thành, rồi vội vã vào hoàng cung gặp vua anh.

Lúc ấy vua Thái Đức đang ngồi nói chuyện vui vẻ với Đô đốc Chỉnh. Hai người ngồi trên cái sập thếp vàng, đĩa trầu đã vơi đi một nửa. Nguyễn Hữu Chỉnh mặc phẩm phục Đô đốc, ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thông xuống nền bát tràng. Nhà vua thì ngồi xếp bằng trên sập, tay phải chống trên chông gối kê ngũ sắc bọc nhung. Nhà vua tiếp khách thân mật nên chỉ mặc một bộ áo lụa vàng, đầu chít khăn đỏ.

Trông thấy Nguyễn Huệ đến với nét mặt hăm hăm thất thường, Nguyễn Hữu Chỉnh bối rối xin lui. Nhà vua không giữ lại. Quan Đô đốc quay chào Nguyễn Huệ. Huệ hơi nghiêng người chào trả, giọng nói cố ý kiêu cách:

– Không dám. Vâng, chào ông.

Chờ cho Nguyễn Hữu Chỉnh ra khỏi cửa, Nguyễn Huệ mới nóng nảy hỏi anh:

– Sao lại có chuyện lạ thế? Chẳng lẽ bọn lính trạm không đem tin về đây, thưa anh?

Vua Thái Đức đoán ngay nguyên do sự bất mãn của em, vui vẻ trở vào chỗ sập trước mặt mình, bảo em:

– Chú ngồi xuống đây đã. Ta cũng vừa được tâu là chú cập bến hôm qua. Mệt chứ?

Huệ vâng lời vua anh ngồi ghé vào cạnh sập. Nhà vua hỏi:

– Chú ghé bên dinh cho thím với lũ trẻ mừng chưa?

– Dạ chưa. Em từ Thị Nại lên thẳng đây. Thưa anh, vì sao...

Nhà vua cắt lời em:

– Chú thắc mắc việc hạ cống chào chú gì?

– Vâng ạ. Chẳng lẽ ở nhà chưa nhận tin chiến thắng...

Một lần nữa, nhà vua cắt lời Huệ:

– Có nhận chứ. Chú khá lắm. Chưa có trận nào oanh liệt cho bằng trận này. Ta giao một mình chú lo liệu, không phải là liễu lĩnh đâu. Không cần phải sai thêm chú Bảy (Nguyễn Lữ). Một mình chú đã

dư sức đập tan quân xâm lược Xiêm rồi.

– Nhưng tại sao...

– Ấy, chính vì chiến thắng oanh liệt ở phương nam mà ta phải dè dặt, đừng làm điều gì khiến phương bắc lo ngại. Dĩ nhiên không trước thì sau, thế nào ta cũng phải đòi lại dải đất từ Lũy Thầy trở vào. Đất đai Đảng Trong thì phải trả lại cho chúa Đảng Trong. Bắc Hà giữ làm sao được. Nhưng, vào lúc này, ta chưa nên làm điều gì khiến họ lo ngại. Phải chờ ít lâu nữa đã, chú Tám!

Nguyễn Huệ cúi đầu suy nghĩ, đôi lông mày chau lại, răng trên cắn lấy môi dưới. Một lúc sau, Huệ ngước lên, hỏi anh:

– Lâu nay Đô đốc Chính có thường đến đây không ạ?

Câu hỏi bất ngờ khiến vua Thái Đức ngơ đi một lúc mới đáp:

– Cống Chính hả? À, có. Khi nào ông Nhật tâu trình những điều liên quan đến phương Bắc, ta đều có kêu ông ta lên hỏi cả. Ông ta thạo hết tình hình ngoài đó, biết rõ khả năng, tính tình từng người. Chú biết không, quận Tào ngoài Thuận Hóa hay tin chuyện ma quỷ, còn Phó tướng Thế thì thật thà như đếm. Cả hai đều thuộc loại hữu dũng vô mưu.

Nguyễn Huệ nói:

– Chỉ có Cống Chính là vừa dũng vừa mưu. Vụ tháo gỡ cổng chào chắc là cái mưu của lão ta!

Vua Thái Đức đang cười tự mãn, vội đổi sắc mặt, trở mắt nhìn Nguyễn Huệ, hỏi dồn:

– Chú nói gì thế? Ta nói nãy giờ chú chưa hiểu gì cả sao?

Nguyễn Huệ lâu bầu đáp:

– Không ạ. Mấy tháng nay ở nhà có gì lạ không anh?

Vua Thái Đức vui mừng tránh được một đề tài khó chịu, nên vốn vã đáp:

– Chẳng có gì lạ. Bả thì lúc nào cũng vậy, cần nhần mãi chuyện con Thọ Hương. Lại thêm mấy ông rể quý! Chúng nó cứ ganh tị mãi với thằng Nhậm (Vũ văn Nhậm). À này, con Thọ Hương đòi đi tu đấy. Chú gọi nó sang dinh cho nó vài tiếng. Xưa nay nó chỉ nể có chú.

Nguyễn Huệ ngậm ngùi, giọng buồn buồn:

– Kể cũng tội cho nó. Các anh các

chị ai cũng thành thân thành danh cả, chỉ một mình nó chịu lỗ làng.

Vua Thái Đức nói:

– Biết thế này hồi đó gả quách cho cái thằng... cái thằng gì làm Thư ký cho chú đó, cho nó yên chuyện!

Nguyễn Huệ lắc đầu chậm chậm, nhưng không nói gì để giải thích ý kiến của mình. Nhà vua hỏi:

– Tinh thần quân lính thế nào? Họ vẫn khỏe đấy chứ?

Nguyễn Huệ đáp chậm:

– Thừa vẫn khỏe tuy vượt biển liên tiếp hơn mười ngày có nhiều người mệt nhọc. Nhưng họ thù người ra khi vào đất liền thấy cảnh tiếp đón lạ lùng quá. Dân chúng tưởng chuyến này đại bại.

Vua Thái Đức vội nói:

– Phải giải thích cho chúng nó hiểu. Không phải lúc nào thắng trận cũng phải reo hò vang ầm trời đất mới vui. Phải chờ, phải nhịn cho đến lúc lặn ra được đến Lũy Thầy, lúc đó muốn dựng hàng vạn cái cổng chào, nổ hàng vạn phong pháo cũng được. Cả chú nữa, chú phải nhìn xa hơn nữa. Xong mặt nam ta còn phải lo mặt bắc. Chú về chuyến này, nghỉ vài hôm rồi ta sẽ gọi Cống Chính lên bàn cho kỹ chuyện Thuận Hóa. Mấy lâu nay ta có cho gọi thằng Nhậm với chú Bảy vào dự bàn đấy, nhưng vì thiếu chú, nên chưa đâu vào đâu cả. Chú vào thăm chị hay về bên ấy trước đã?

– Em xuống Thị Nại liền bây giờ. Lòng quân đang hoang mang. Em nghĩ anh cũng nên xuống dưới đó.

Vua Thái Đức vội vã nói:

– Phải, ta sẽ xuống vào ngày mai. Cho khao quân ngay dưới đó cho tiện. Tránh đừng cho chúng nó ỷ công mà làm kinh động kinh thành. Cái loạn kiêu binh ngoài Bắc Hà vẫn còn sờ sờ ra đây. Chú xuống trước báo cho các quan dưới ấy ngày mai ta xuống Thị Nại. Bộ Lễ và bộ Binh lo chung việc tiếp đón và khao quân. Chú uống chén nước đã.

Nguyễn Huệ nhận chén nước trà từ tay nhà vua, uống cạn một hơi rồi trả cái chén về cái khay bạc chạm trổ công phu. Vua Thái Đức chăm chăm nhìn vẻ mặt em, cố kiểm chứng lại những gì Cống Chính vừa nói lúc nãy, nhưng nhà vua không thấy gì khả nghi. Khuôn mặt Nguyễn Huệ có sạm đen hơn một chút, đôi mắt có sâu hơn một chút nên cái nhìn thêm sắc sảo, quả quyết. Chỉ thế thôi! Nhà

vua bắn khoăn, đến nỗi Nguyễn Huệ cúi chào xin lui mà nhà vua quên cả thốt vài lời ân cần đối với một người em vừa lập công lớn trở về.

✱

Cuộc lễ khao quân trang trọng, thịnh soạn, nhưng không phô trương âm ỉ đúng theo lời hịch tướng sĩ của nhà vua. Bài hịch do Nguyễn Hữu Chỉnh soạn rất văn hoa, tế nhị, tình lý đầy đủ, nhất là khéo léo đến nỗi dù có đọc kỹ bài hịch, không ai hiểu nổi vì sao phải ăn khao chiến công một cách âm thầm, sẽ sàng như vậy. Người ta chỉ mơ hồ hiểu được là vì một cái gì cao hơn, xa hơn, hứa hẹn nhiều vinh quang hơn, mang lại cho toàn quân nhiều phần thưởng hơn, mà hôm nay ta không nên rầm rộ ăn mừng

chiến công vĩ đại vừa lập được. Không đủ trình độ, mà cũng không muốn phí thì giờ, tâm não tìm hiểu những phức tạp tinh tế người ta muốn giấu kín sau các lời văn hoa, nên đám quân lính chú tâm chè chén no nê, đoạn ngủ một giấc nồng nặc mùi men rượu. Tỉnh dậy, họ chỉ còn một ước muốn là được phép gặp ngay cha mẹ, vợ con để vui vẻ báo tin trở về bình an. Những điều trọng đại, như ý nghĩa cuộc chống xâm lăng lịch sử, như cái thể tàn tạ của chúa Nguyễn, như hy vọng khôi phục toàn vẹn xứ Đàng Trong về Tây Sơn, như lễ phước hưng theo ý Trời v.v... Đối với đa số quân sĩ góp công góp máu làm nên cái trọng đại ấy, không lớn hơn cục cơm vắt ăn độ đường. Nếu có gì đáng nhớ trong lễ khao quân năm ấy, có lẽ là đêm hát tuồng đặc biệt tổ chức riêng cho họ.

Đêm hát tuồng có nhiều yếu tố đặc biệt để trở thành kỷ niệm khó quên đối với đa số quân sĩ.

Trước hết đây là lần đầu họ được xem tài nghệ một đoàn tuồng nổi tiếng, lâu nay chỉ diễn cho nhà vua, hoàng tộc, và các quan trong triều thưởng lãm. Đào kép lịch sự, đẹp đẽ như trong tranh Tàu. Cách diễn xuất điêu luyện trong từng cử chỉ, lời ca ấm áp khi thì thánh thót bi thương, khi thì hùng tráng rộn rã. Họ vừa thưởng thức tài nghệ diễn tuồng, vừa có cảm giác khoái trá được ghé mắt dự vào cuộc giải trí của bậc vương giả. Thật là một cơ hội nghìn năm!

Điều bất ngờ thứ hai là tối hôm ấy, họ được xem một vở tuồng ngắn. Một vở tuồng hát toàn bằng lời Nôm dễ hiểu. Và nhân vật tuồng không phải ai xa lạ: chính là chú Lía của quê hương họ, chàng trai

lao động nghèo khổ như họ, ăn mặc đơn sơ tầm thường như họ, chịu đựng những nổi cay đắng bất công giống những gì họ từng chịu đựng, chỉ khác một điều căn bản là chú Lía dám nói “không” khi họ cúi đầu vâng dạ, dám ngửng mặt quắc mắt khi họ gục mặt lấm lét, dám mạnh tay bắt tung các trói buộc phi lý trong khi họ chấp tay chịu trói. Chàng Lía trên sân khấu khiến họ sảng khoái hả hê vì hãnh diện, nhưng đồng thời cũng gây cho họ những thẹn thùng, ưu tư. Chàng Lía thật là gần gũi với họ, mà cũng thật cao xa đối với họ. Họ chết điếng vì xúc động bất ngờ. Chưa bao giờ một vở tuồng tạo được cảm giác sâu sắc và phức tạp như vậy trong tâm trí đám lính vốn là những người cày ruộng, chài lưới, làm thuê, buôn bán nhỏ, suốt đời vất vả chỉ đủ nuôi thân qua ngày.

Và điều bất ngờ hơn hết là võ tể bị cắt đứt nửa chừng, theo lệnh của nhà vua. Sau khi chú Lía cướp quan tài của mẹ đưa đi chôn, sắp trở vào thành để trừng trị bọn tham quan thì một viên quan của bộ Lễ lên sạp hát bảo cho mọi người biết có lệnh vua cấm hát tiếp võ tể. Mọi người sững sờ vì kinh ngạc, nhưng sau đó, họ chỉ dám xì xào bàn tán rồi tản nhanh như một làn khói. Mãi về sau, họ vẫn không được giải thích vì sao võ tể lại ngưng nửa vời. Cho nên đêm xem hát ấy trở thành khó quên, như một tiếc nuối dai dẳng, thê thiết!

✱

Khi viên quan bộ Lễ mang chiếu chỉ đến cho Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, vị tướng trẻ vừa lập công

lớn không quên cung kính làm đủ các nghi tiết tiếp chỉ. Nguyễn Huệ quì xuống cúi đầu nghe viên quan già dùng giọng khao khao đọc chiếu. Nghe xong, Nguyễn Huệ lạy đủ hai lạy rồi mới chống gối đứng dậy, đưa thẳng tay ra trước nhận tờ chiếu từ đôi tay run của viên quan già.

Nguyễn Huệ đọc lại nội dung tờ chiếu một lần nữa, bàng hoàng không hiểu tại sao vua anh lại đột ngột xuống chiếu cấm diễn vở tuồng Chàng Lía của Lãng. Lúc đó Lãng đứng bên cạnh Long Nhương tướng quân. Trong khi Nguyễn Huệ ngỡ ngác, thì Lãng lo sợ. Hóa ra những điều An nói đều đúng. Những gì An sợ đều đang tuân tự xảy ra, không có cách nào tránh khỏi. Lãng hối hận, nhưng có cảm tưởng cay đắng bất lực của người bị lôi cuốn vào một cuộc phiêu lưu nguy hiểm nhưng đúng sở nguyện. Anh liếc nhìn

Huệ, dò xem phản ứng của viên tướng trẻ. Anh không thể đoán được Huệ đang nghĩ gì.

Quân lính lạng lẽ tản mạn về các doanh trại, như muốn tránh không dây dưa vào một vụ rắc rối lớn. Trên sập tuồng, đám đào kép cũng đang ngẩn ngơ, chưa biết phải làm gì. Họ mặc y nguyên quần áo diễn tuồng, để nguyên khuôn mặt son phấn hoặc râu ria tùm nãm tùm ba dưới sân khấu để bàn tán nho nhỏ.

Nguyễn Huệ kéo Lãng ra xa hỏi:

– Ở nhà lúc tập tuồng, có xảy ra chuyện gì không?

Lãng thấy tốt hơn hết là phải nói đầy đủ sự thật. Nhưng vì không bình tĩnh, nên anh nói không hết ý.

– Dạ anh em gặp nhiều khó khăn

lắm. Nhiều người chê tuồng nôm na không chịu tập. Bác Mịch phải nhờ đến các đào kép phụ. Họ phải làm cả đôi việc một lúc. Vâng, bác Mịch khó chịu lắm. Họ vẫn tiếp tục diễn tuồng cổ. Khi nào rảnh mới tập tuồng này. Các quan Giáo phường biết chứ. Có một vài chỗ các quan bộ Lễ bảo nên sửa đổi cho hợp nghĩa trung quân hơn. Các quan không cấm nhưng cũng không khuyến khích. Anh em họ tập vì thích chuyện Chàng Lía, chứ không hy vọng được diễn. Nhờ tướng quân nhớ và hỏi, tuồng mới được ôn tập lại, và chuẩn bị diễn đêm nay.

Nguyễn Huệ hỏi:

– Hoàng thượng có biết Giáo phường đang cho tập tuồng này không?

Một lần nữa, Lãng phải nói thật:

– Dạ có. Một hôm vô tình Hoàng thượng đi qua Giáo phường, có dừng lại xem các đào kép tập diễn tuồng. Sau đó Hoàng thượng bỏ đi, không nói gì cả.

Nguyễn Huệ cắn môi suy nghĩ, lẩm bẩm:

– Lạ thật. Chắc bên trong... Mấy năm nay cậu ở bên Giáo phường có động chạm gì đến ai không?

– Dạ không.

– Thôi, cậu đừng buồn.

Lãng nói nhỏ:

– Có thể do nội dung vở tuồng. Chàng Lía là một người nổi dậy làm loạn. Có thể Hoàng thượng không ưa kẻ phản loạn đó, nên...

Nguyễn Huệ tức giận nói:

– Nhưng nổi loạn chống bọn tham quan ô lại thì xứng đáng làm trai quá rồi còn gì nữa. Chẳng lẽ...

Huệ muốn nói gì nữa, nhưng do dự, rồi im lặng. Lãng hỏi:

– Chắc thế nào em cũng bị ghép tội?

– Tội gì?

– Có thể là tội dùng “Yêu ngôn hoặc chúng”. Các quan Hình bộ giỏi luận tội lắm, thế nào cũng tìm ra. Dù thế nào chẳng nữa...

Nguyễn Huệ quay phắt lại nhìn Lãng, giọng trách móc:

– Cậu đã trưởng thành, ba mươi tuổi đầu rồi mà không dám nói điều gì dứt khoát. “Chắc thế nào”, “Có thể” “Dù

thế nào chẳng nữa”. Ta ghét cay ghét đắng cái giọng ngấp ngừng đó. Cậu phải bỏ tính yếu đuối ấy đi. Cậu trả lời thẳng và gọn cho ta xem: Cậu soạn tuồng này có phải là một cái tội hay không?

– Theo em thì...

– Lại “theo em thì”, có lẽ, nhưng mà. Cậu trả lời gọn đi: Có tội hay không có tội?

Lãng lấy đủ cương quyết đáp:

– Không.

– Như vậy thì không nên sợ sệt gì cả. Cậu sẵn sàng ý tưởng để làm trần tình văn nếu bị khép tội. Nhưng không đến nỗi thế đâu.

✱

Cái tin cả quan Giáo phường lẫn bác Mịch bị bộ Hình tổng giam, khi gánh hát vừa về đến kinh thành bắt buộc Long Nương tướng quân phải gác cuộc thanh sát công xưởng đóng thuyền lại, và vội vã lên Qui Nhơn.

Đến nơi, Nguyễn Huệ xin được bái yết vua Thái Đức ngay, nhưng điều khác thường đã xảy ra. Vua anh lấy cớ không được rảnh, hẹn gặp Huệ vào sáng hôm sau.

Nguyễn Huệ ngỡ ngàng, cảm thấy sự việc trầm trọng hơn ông tưởng. Ông ghé qua bộ Lễ, để chỉ gặp những bộ mặt dáo dác, sợ hãi, nghe những lời nhát gừng quanh co. Dường như mọi người đều cố giấu mình để khỏi phải liên lụy vào một vụ nguy hiểm ghê gớm.

Nguyễn Huệ định vào hoàng cung

gặp nhà vua vào buổi tối hôm ấy, nhưng về sau kịp nghĩ lại, ông nhận thấy làm như vậy là dại dột. Ông qua một đêm trần trọc, nhờ không ngủ được nên ông ôn lại cả quãng đời dài, từ lúc anh em ông mới khởi dấy ở Tây Sơn thượng cho đến ngày nay. Càng nghĩ, ông càng thấy sự cách biệt giữa những người chân đất từng hằng hái theo anh em ông từ thuở đầu với đám quan lại của triều đình Tây Sơn, giữa ông và nhà vua, giữa con người ông trong quá khứ và hiện tại, sự cách biệt trùng trùng, gần như không còn có hy vọng gặp gỡ hoặc tiếp nối nào nữa. Có thể như vậy được không? Đây là nguyên do sự biến đổi, mâu thuẫn, hay nói cho mạnh hơn, sự phản bội ghê gớm ấy? Tại sao lại cấm diễn một vở tuồng phản ánh cái quá khứ kiêu dũng ban đầu của chính mình? Sợ cái gì, nếu không phải là sợ sự thực phũ phàng, sự phán xét của những

người từng trải từ đầu, những người có đủ trí nhớ chưa quên những lời hô hào khởi loạn của anh em ông?

Một đêm mất ngủ khiến Nguyễn Huệ kém điểm tỉnh khi vào gặp vua anh sáng hôm sau. Nhà vua không tiếp Nguyễn Huệ ở điện Chánh Tẩm, mà gọi em sang hoàng cung. Chỉ có hai anh em, nên vua Thái Đức không dè dặt điều gì, gần như mắng trách em ngay từ câu đầu. Nguyễn Huệ vừa ghé ngồi xuống sập, vua Thái Đức đã bảo:

– Chú muốn gì thì nói thẳng cho ta biết. Đừng giấu diếm. Đừng quanh co. Chú muốn khích động bọn lính đang say chiến thắng để làm loạn phỏng? Chú vuốt ve lòng tự ái của chúng, nhân chuyện dẹp bỏ cổng chào kích thích cho chúng bất mãn. Rồi chú kéo gánh hát xuống ngâm xúi chúng bắt chước thẳng

Lúa. Có đúng như thế không?

Nguyễn Huệ chăm chăm nhìn vua anh không tin rằng vua Thái Đức lại có thể nghĩ được những điều như vậy. Ánh nhìn bi phẫn khiến nhà vua chạnh lòng, bắt đầu hối hận vì đã trót nói những câu nặng nề đối với người em vừa lập công lớn. Nguyễn Huệ cảm thấy nghẹn ở cổ họng, mạch máu đập mạnh hai bên thái dương. Hai bàn tay tự nhiên run, ông phải nắm lấy vạt áo bào để cố trấn tĩnh. Nhưng phải cố gắng lắm, Nguyễn Huệ mới hỏi được một câu ngắn:

– Tàu Hoàng thượng, có phải đó là những lời mật tấu của Đô đốc Chỉnh? Hoàng thượng có thể tin được những lời sàm tấu như thế sao?

Vua Thái Đức vội lắc đầu:

– Chú đừng nghĩ quàng xiên cho người ta. Những điều đại đột chú làm đã rõ như ban ngày, cần gì phải chờ trình tấu ta mới biết! Chú nghĩ ai cũng đơn giản, ngây thơ như chú sao? Kéo một đoàn tuồng cung đình xuống hát cho quân lính xem, người ta phải đặt câu hỏi. Rồi lại hát tuồng Nôm, thuật chuyện thằng Lúa khởi loạn chống triều đình. Chú không ra chợ, đâu có nghe được tất cả những lời bàn tán độc địa. Ngựa trạm mới trở vài giờ, ngoài phố đã xì xào bảo nhau rằng ta cấm đường để ngăn bọn kiêu binh tiến về kinh thành. Chú đã biết những điều đó chưa?

Nguyễn Huệ đã hoàn toàn bình tĩnh, nên nhìn thẳng vào mắt vua anh, chậm rãi đáp:

– Những lời đồn đãi thì lúc nào chẳng độc địa. Như cái tin đồn quân

ta đã bị quân Xiêm đánh tan tác. Lúc nào cũng có những bọn xấu chụp tất cả những cơ hội để vu khống, chống phá, xúi giục. Có cơ hội vô tình chúng chộp được. Có cơ hội do chính chúng ta tạo ra để biểu chúng. Như vụ hạ cổng chào. Như vụ cắt ngang buổi diễn tuồng.

Vua Thái Đức tức giận, đập tay xuống mặt sập, nói lớn:

– Ta đã giải thích cho chú rồi, chú nhắc lại làm gì. Vì sao không nên khoa trương chiến công phạt Xiêm, chú rõ rồi chứ? Có cần nhắc lại lần nữa không?

Nguyễn Huệ im lặng không trả lời. Vua Thái Đức chờ một lúc, rồi bảo:

– Chú có vẻ cay cú về buổi diễn tuồng. Chú cho ta hạ lệnh như vậy làm mất mặt chú chứ gì?

Nguyễn Huệ vội nói:

– Dạ không phải thế.

Vua Thái Đức hỏi dồn:

– Hay vì quá thương thằng em con An mà chú...

Nguyễn Huệ đỏ mặt, hấp tấp cắt lời anh:

– Không phải. Không phải đơn giản là chuyện cảm tình riêng ...

Nhà vua cũng vội cắt lời em:

– Không phải thế thì là cái gì? Vì nặng tình nghĩa thầy trò mà chú lo bảo bọc hết cho gia đình con An đến thằng Lãng. Vụ can thiệp thả thằng Lợi, chú tưởng ta không biết gì sao! Cả đến vụ chú gửi cái thằng vô tích sự ấy qua Giáo phường để học lão Mịch cách viết tuồng

nữa. Nhưng chú Tám à, chú phải biết anh em ta đang làm việc lớn, đang thay Trời hành đạo, chú biết chưa? Vì nghĩa lớn, chú phải dẹp những tình riêng. Anh phải nói thế nào cho chú hiểu đây! Sá gì chuyện thường tình! Chú là một viên tướng lấy lòng cả nam bắc, chẳng lẽ không dẹp được chút tình riêng hay sao?

Thấy giọng nói của nhà vua đã dịu dàng hơn, Nguyễn Huệ cũng lễ phép đáp:

– Nhưng thưa anh, ở đây không phải là chuyện thường tình. Không phải vì là vợ tuồng của Lãng mà em lên đây. Anh hiểu lầm em rồi. Điều quan trọng chính là nội dung vở tuồng. Lúc nãy anh bảo đem chuyện chú Lía ra làm tuồng tích là đã kích động quân sĩ làm loạn. Em thì em không nghĩ vậy. Chính em gợi ý cho Lãng soạn một vở tuồng Nôm về Chàng Lía, vì theo em, Chàng Lía là

kiểu mẫu đẹp đẽ nhất cho những người dân nghèo bất khuất, nghĩa là cho tất cả anh em chúng ta. Tại sao chúng ta giống Chàng Lía mà lại sợ Chàng Lía? Ta sợ cái gì? Chẳng lẽ ta đã trở thành bọn tham quan bị dân nghèo chán ghét nên phải sợ bóng sợ gió, không dám nhắc đến tên một dân nghèo khởi loạn chống triều đình?

Giọng nói của nhà vua đã mất tự tin.
Nhà vua bảo em:

– Chú nói như vậy vì chú chưa phải gánh vác những việc phức tạp rắc rối như anh. Lâu nay chú chỉ lo việc binh. Hễ có quân lính can đảm mạnh khỏe, đủ lương thực, đủ gươm giáo, hễ tính toán mưu kế cho khéo, là chú an tâm. Kẻ thù của chú ở trước mặt. Chú kéo quân vào đó đánh một trận bất ngờ, quét sạch thành lũy của chúng, rồi kéo quân về mở tiệc khao,

chờ lần tiến công tiếp theo. Còn anh, chú nhớ cho, anh có đủ mọi loại kẻ thù. Ở phía bắc cũng có, phía nam cũng có, kẻ thù trước mặt không khi nào thiếu. Mà kẻ thù núp sau lưng, kẻ thù nguy hiểm nhất, kẻ thù đáng sợ nhất, lại càng đông đảo hơn. Anh phải đề phòng mọi mặt, sẵn sàng dẹp tan các cuộc phản kháng bất cứ lúc nào. Chú nghĩ mà xem, anh đâu được yên tâm như chú. Anh không ăn ngủ yên nếu kẻ thù tứ phía chưa được dẹp hết. Đã thế, vô tình (vâng, anh biết vì lý tưởng nên chú vô tình thôi, chú không cố ý) chú vô tình đề cao một mẫu người làm loạn cho bọn kiêu binh đó bắt chước. Chúng nó đâu có nghĩ đủ đầu đủ đuôi như chú. Xem tuồng xong, chúng nghĩ gì? Chúng nó nhớ những tên quan hống hách từng làm phiền chúng, so sánh họ với tên tham quan trong tuồng. Rồi chúng thấy thằng Lía làm loạn, và được

tán thưởng. Chúng sẽ nghĩ: Mình làm gì đây? Thằng Lía làm được, chẳng lẽ mình là thằng Xoài, thằng Mít lại không làm được. Đứng dậy đi, anh em! Tìm giết cho hết bọn tham quan đang làm khổ chúng ta. Chỉ cần một tên bợm nào đó hô lên một tiếng, đám lính kiêu của chú sẽ kéo nhau đi tìm giết... giết ai chú biết không? Giết anh em chúng ta, giết những người được chúng ta cử đi làm quan ở đây, ở dưới đó. Chú đừng nên xem thường các tuồng hát bội. Nguy hiểm lắm! Lời hát, tiếng trống, tiếng đàn cũng mạnh như mũi tên mũi giáo, chú không phải đùa. Không phải không có lý khi từ xưa đến nay, các triều đình chỉ cho hát tuồng ca tụng tôi trung, con hiếu, vợ hiền, nghĩa là ca tụng sự ngoan ngoãn, phục tùng. Không có ông vua nào đại đột ca tụng những tên nổi loạn. Chú ngẫm mà xem anh nói có đúng không!

Nguyễn Huệ im lặng suy nghĩ, không biết trả lời với anh thế nào. Thấy nét mặt trầm ngâm của em, vua Thái Đức biết Huệ chưa hoàn toàn đồng ý với mình. Nhà vua vẫn còn nghĩ động cơ chính thúc đẩy em, khích động em, là động cơ tình cảm. Vì vậy, vua Thái Đức cười nhỏ, rồi nói:

– Thôi được. Chú giỏi chiến trận, nhưng vẫn là một kẻ thường tình. Ta sẽ ra lệnh tha cho quan Giáo phường và lão Mịch, không khép tội ai cả. Nhưng từ đây về sau không được tự tiện diễn các tuồng như thế nữa. Ta sẽ nhờ ông Nhật tìm người qua thay quan Giáo phường. Còn thằng Lãng thì...

Nguyễn Huệ vội thưa:

– Dạ em xin nó về làm Thư ký trở lại. Mấy tên nhà nho bị ta bắt từ trận

Đồng tuyên cũng có năng lực đấy, nhưng không tin họ được.

Nhà vua vui vẻ gật đầu, vì tin rằng Huệ đã được thuyết phục. Rằng không còn vấn đề gì chưa được giải quyết giữa hai anh em. Khi Huệ xin lui, nhà vua giữ em lại, dẫn em vào hậu cung thăm hỏi Hoàng hậu và các Quận chúa, rồi giữ lại dự bữa cơm của hoàng gia.

Chương 59

Khoảng cuối mùa Xuân năm Bính Ngọ (1786), Trấn thủ Thuận Hóa là Tạo Quận công Phạm Ngô Cầu sai viên Thuộc hiệu đội Dục hữu là Dương Lĩnh bá Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn để thương thuyết vấn đề biên giới giữa hai nước.

Vì là bạn cũ của Nguyễn Hữu Chỉnh, nên sau các nghi thức triều kiến và những lời đối đáp ngoại giao văn hoa mà giả dối, Nguyễn Phú Như tìm cách để nói chuyện riêng tư thân mật với Chỉnh về tình hình

Bắc Hà. Đô đốc Chỉnh mừng rỡ nhưng dè dặt, không mời Như về dinh riêng mà tiếp chuyện ngay tại công đường.

Hai người bạn lâu ngày mới gặp lại, nắm tay nhìn nhau mừng mừng tủi tủi, ngỡ như gặp trong chiêm bao. Nguyễn Phu Như liếc nhìn tên lính hầu đang lo pha trà rót nước, giọng nói có vẻ khiên cưỡng:

– Ngài vẫn mạnh giỏi đấy chứ? Bác gái và các cháu thế nào?

Nguyễn Hữu Chỉnh cười xòa, rồi bảo:

– Thôi đừng khách sáo, anh bạn cũ! Chỉ có hai ta ở đây, văn hoa khách sáo mà làm gì. Cảm ơn bác, nhà tôi vẫn mạnh. Cháu Du đã bắt đầu giúp tôi được trong việc quân. Nghe có sứ giả Thuận

Hóa mới vào, tôi tưởng ai hóa ra bác!

– Phần tôi thì vì biết chắc có bác trong này mới dám nhận đi sứ. Thế nào bác cũng phải giúp tôi một tay.

Nguyễn Phú Như lại liếc về phía tên lính hầu. Nguyễn Hữu Chỉnh không lưu ý đến thái độ dè dặt của bạn, giờ cả hai tay lên trời nói:

– Một tay à? Không. Với ai thì tôi còn ngại, nhưng với bác thì tôi dám giúp cả hai tay chứ đừng nói một.

Lúc đó tên lính hầu đã pha trà xong, lóm thóm đi về phía cửa sổ khép bớt một cánh che bớt ánh nắng. Nguyễn Phú Như nhân cơ hội hỏi nhỏ:

– Bác tìm có sai hấn ra ngoài có được không?

Chỉnh nháy mắt ra dấu hiểu ý bạn, lắc đầu, rồi đáp lớn:

– Người trong nhà cả, bác đừng ngại. Tôi giúp được bác gì nào? Tại sao Quận Tào lại sai bác vào đây? Không phải để dụ hàng tôi đấy chứ?

– Không đâu! Bác đừng đùa ác thế! “Lão dân” ấy lo bán lên, mới sai tôi vào đây. Lão muốn mơn trớn bác để mong được yên thân với Tây Sơn, còn nói chi đến chuyện dụ hàng.

Nguyễn Hữu Chỉnh kinh ngạc hỏi:

– Quận Tào được Chúa tin dùng cử vào Thuận Hóa làm Trấn thủ từ năm Bính Thân (1776), tính đến nay đã mười năm rồi. Mấy người giữ được nơi quan yếu lâu như hắn. Hắn vững như núi, còn lo nỗi gì?

– Ấy, tại bác ở xa không biết đấy thôi. Năm Quí Mão (1783) Chúa cử Hồ Sĩ Đống vào thanh sát Thuận Hóa. Khi trở về, Hồ Sĩ Đống tâu lên Chúa rằng Quận Tào là một người tham nhu, không thích hợp với nơi biên viễn nguy hiểm, cần phải cử người can đảm, cương cường hơn để cấp tốc thay thế. Chúa không nói gì, nhưng thế nào cũng thắc mắc, hồ nghi khả năng của Quận Tào. Mấy năm nay lão còn ngồi yên vì là nhờ trong này không động tịnh gì. Nếu ngược lại, tất nhiên Chúa phải xem xét. Lão “đần” nghe phong thanh Tây Sơn đã dẹp yên phương Nam, nên lo ngại lắm. Lão nài tôi đi cho được chỉ vì vậy.

Nguyễn Hữu Chinh giả vờ ngạc nhiên, hỏi bạn:

– Tôi với bác là bạn nối khố từ lâu, sao nỡ giăng bẫy hại nhau làm gì! Bác có

nói bốn không đấy? Bác bảo Quận Tạo lo ngại thế lực của Qui Nhơn? Trời ơi! Bác tưởng chúng tôi ở đây, vì lọt thỏm vào mấy vùng núi cao vây quanh, nên không trông được gì bên kia đèo Hải Vân hay sao? Bác lầm rồi. Đối với bọn giặc cỏ trong Gia Định thì chúng tôi còn dám bậm môi, rướn gân, cố sức một phen sống mái được. Nhưng với binh lực Bắc Hà, Tây Sơn chỉ là con kiến trước con voi. Mấy vạn tinh binh ở Thuận Hóa, dinh lũy liền dãy từ Hải Vân ra đến sông Gianh, bố trí để sẵn sàng tiếp viện, ứng cứu cho nhau khi có loạn. Phía bắc lại có sẵn kho lương thực và đạo quân Thanh Nghệ lúc nào cũng sẵn sàng để ứng phó với mọi tình thế. Tôi còn lạ gì sức mạnh của Bắc Hà nữa mà bác định giảng bầy! Không. Không. Chúng tôi không sa bầy đâu!

Nguyễn Phú Như bắt đầu sốt ruột. Ông từ chối miếng trầu Chỉnh mời, tự cầm chén trà uống cạn một hơi, rồi nói:

– Bác tin hay ngờ là tùy bác. Sự thực thế nào, có dịp bác trở lại Bắc Hà, bác sẽ biết. Cùng là người một nước với nhau, tôi giấu bác làm gì. Khổ lắm, bác Chỉnh ạ! Hiện nay ngoài đó đang bị nạn đói. Giá gạo cao vọt. Dân kinh kỳ và bốn trấn bị đói to, thầy chết nằm liền nhau. Chúa phải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức. Nhưng bác tính, đói thế thì ai hưởng ứng! Chúa buộc phải xuống chiếu bắt ức nhà giàu để lấy của mà phát chẩn.

Nguyễn Hữu Chỉnh rung động, lòng quặn thắt vì lo âu cho những bà con thân thuộc còn ở lại Bắc Hà. Chỉnh hấp tấp hỏi:

– Tình thế bi đát đến thế sao? Bấy lâu nay Bắc Hà có giặc già gì đâu mà đến nỗi thế?

Nguyễn Phú Như tức tối đáp:

– Không có họa gươm giáo thì có họa “các lái”. Chúng thừa dịp mất mùa để bán gạo đắt không có một chút từ tâm, mặc cho những người khốn cùng chết đói đầy đường đầy chợ.

Nguyễn Hữu Chinh hần học nói:

– Ô kìa! Tại sao bác lại đổ hết tội lên đầu các lái! Thế hạn hán mất mùa cũng do các lái à? Còn lợi lộc thì ai không tham.

Nguyễn Phú Như chột nhớ đến gốc gác gia đình Chinh, bối rối tìm cách chuyển đề tài nhưng không tìm được cách nào để cho bạn bớt giận. Nhưng

Chỉnh đã đổi giận làm vui mau chóng, đến nỗi Nguyễn Phú Như tưởng Chỉnh giả vờ giận dối vì mưu kế hơn là vì bị xúc phạm.

Nguyễn Hữu Chỉnh hỏi:

– Thuận Hóa có bị đất đến độ ấy không?

Nguyễn Phú Như lắc đầu nói:

– Chưa đến nỗi nào. Nhưng giữa dân với lính Bắc Hà cũng căng lắm. Đến nỗi trời tối nhá nhem là lính không dám ra khỏi đồn canh. Dân với lính ghét nhau như chó với mèo.

Nguyễn Hữu Chỉnh lại giả vờ kinh ngạc hỏi:

– Thật ư? Hay bác lại giảng bày để đón chúng tôi.

Nguyễn Phu Như đưa hai tay lên cao, giọng hô hoán:

– Bác lại ngờ tôi! Thật không còn trời đất nào nữa!

Chỉnh vội cười cầu hòa:

– Tôi nói đùa đấy thôi. Bác chóng giận quá. Bác Như này, tôi đem gia đình trốn vào đây, chắc bác đã hiểu, chẳng qua chỉ là sự bất đắc dĩ. Bốn năm nay lúc nào tôi cũng nhìn đăm đăm về Bắc. Con chim còn có tổ, hướng chi... Cho nên xin bác lấy cái tình đồng hương mà khuyên hộ tôi vài lời. Bác liệu tôi có còn hy vọng về quê được không? Hay lại chết rấp vùi xương ở nơi đất khách này?

Quả nhiên Nguyễn Phu Như xúc động. Quên cả dè dặt. Như hăng hái nói:

– Sao lại không? Bác về lúc nào chẳng được. Ngoài mình dân như thế, lính như thế, cả vua lẫn chúa đều do bọn kiêu binh lập nên chúng ỷ thế ỷ công chẳng coi ai ra gì cả, chúa không ra chúa, quan lại thì khép nép sợ hãi như gà phải cáo. Nước nhà còn chút kỷ cương nào đâu mà còn sức mạnh. Chỉ một cơn gió nhẹ cũng đủ xô ngã rồi. Chỉ sợ bác không muốn về đây thôi!

Nguyễn Hữu Chỉnh cố làm ra vẻ chán nản, buồn rầu đáp:

– Bác nói đúng. Tôi già rồi. Có lẽ phải vùi thân nơi hóc núi này mất. Một mai ở Bắc Hà nếu có ai nhắc đến tôi, chẳng qua là nhờ mấy điệu cung tử. Nghĩ mà xót lòng, bác ạ.

*

Ngay chiều hôm đó, Nguyễn Hữu Chỉnh xin được gặp vua Thái Đức. Nhà vua vuốt râu, cười hỏi:

– Thế nào? Lần này nhà Chúa mật chỉ cho ông những gì? Ông đến từ biệt ta đây phải không?

Nguyễn Hữu Chỉnh vội vã sụp xuống lạy nhà vua. Nguyễn Nhạc không ngờ Chỉnh làm như vậy, hoang mang chưa biết phải làm gì thì Chỉnh đã lạy đủ hai lạy. Nhưng sau khi lạy xong, thay vì chống gối đứng dậy, Chỉnh vẫn phủ phục trước sập thếp vàng nhà vua đang ngự, trán chạm vào mặt gạch bát tràng màu gan gà. Nhà vua định xuống sập đỡ Chỉnh dậy, thì Chỉnh đã khẩn khoản tâu:

– Muôn tâu Thánh thượng, thần

không khéo ăn ở để cho Thánh thượng nhọc lòng hồ nghi. Nếu không được Thánh thượng khoan dung, thần xin phủ phục tại đây để chờ Thánh thượng xử tội.

Nguyễn Nhạc cười ha hả, đến vực Nguyễn Hữu Chỉnh dậy. Nhà vua nói:

– Ta chỉ nói đùa thế thôi. Sứ giả nói với ông điều gì, ta đã biết cả. Ta không nghi ngờ ông điều gì đâu.

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi người về phía trước chấp tay vái tạ nhà vua, miệng nói:

– Thần xin cảm tạ hoàng ân.

Vua Thái Đức sốt ruột, trở gót sập bảo:

– Thôi, đừng khách sáo nữa. Ông

ngồi xuống đây, rồi thuật tỉ mỉ cho ta nghe tình hình Thuận Hóa.

Nguyễn Hữu Chỉnh kể thật rành rẽ những gì Nguyễn Phú Như vừa thuật với ông vào buổi sáng. Nhà vua chú ý lắng nghe, lâu lâu gật gù ra vẻ bằng lòng. Nguyễn Hữu Chỉnh nói xong, vua Thái Đức hỏi:

– Ta tin lời hắn được không?

Chỉnh quả quyết đáp:

– Nếu Thánh thượng tin được lòng thần, thì cũng có thể tin được lời Nguyễn Phú Như.

Nhà vua mỉm cười, dăm dăm nhìn Chỉnh rồi hỏi:

– Hình như xứ này quê mùa không có gì quyến rũ được ông? Ông chỉ ngong

ngóng trông về Bắc. Ông muốn ta đưa đường chẳng?

Nguyễn Hữu Chỉnh lo âu, liếc nhìn nhà vua để đoán những gì nhà vua đang nghĩ. Thấy vua Thái Đức vẫn mỉm cười, đôi mắt hiền dịu khác thường, Đô đốc Chỉnh yên tâm. Ông thú thật:

– Mấy năm nay được Thánh thượng mở lượng bao dung, thần không biết lấy gì để đền công ơn trời bể ấy. Thần đâu dám chê vùng địa linh nhân kiệt này là chốn quê mùa. Quan Bảng nhãn Lê Quế Đường vốn giỏi sấm ký đã báo trước cho nhà Chúa rằng đất Tây Sơn này là đất thiên tử, nhờ thế thần mới mạnh dạn vào đây xin tá túc. Chỉ thẹn một nỗi nợ nước, thù nhà chưa trả...

Nhà vua vội nói:

– Lòng ông thế nào mấy năm nay ta đã rõ. Khởi phải áy náy, ông Cố ạ! Nhưng ông muốn ta đưa đường cho ông đến đâu đây? Đến Thuận Hóa chẳng? Đến Lũy Thầy chẳng? Rồi ông bỏ ta mà đi hay sao?

Chỉnh khép hai đầu gối ngồi ngay ngắn trên mép sập, xoay người nhìn thẳng về phía nhà vua lễ phép thưa:

– Tâu Thánh thượng, thần còn biết đi đâu nữa! Bắc Hà đã xử bạc với thần, thì thần đâu còn nợ nần gì với Bắc Hà. Thần có đi đâu, có làm gì, cũng vẫn là một viên tướng Tiên phong mở đất cho Thánh thượng. Chỉ vì thần hiểu hết phong thổ, nhân vật Đàng Ngoài, nên thần xin dẫn đầu cho cuộc Bắc tiến. Vả lại, lòng quê hương ai mà không có. Được gần thêm nơi chôn nhau cắt rốn, gần chỗ mồ mả tổ tiên, thần cảm thấy yên tâm hơn. Từ

bên này sông Gianh đứng nhìn ra Bắc, lòng nhớ quê đờ bi thiết.

– Đến sông Gianh ư? A ha, ông không nói đùa đấy chứ?

– Tàu Thánh thượng, từ lâu cương vực bắc nam đã định. Từ sông Gianh trở vào là đất của Thánh thượng. Ta phải lấy những gì của ta. Danh chính ngôn thuận, lại hợp lòng Trời lòng người. Thần mạo nghĩ thời cơ đã đến để thu giang sơn Nam hà về một mối!

Vua Thái Đức thích thú cười lớn, cánh tay trái chống vào chông gối thêu. Nhà vua lại hỏi Chỉnh:

– Ông về Lũy Thầy làm tướng biên cương cho ta được không?

Chỉnh mau mắn đáp:

– Thần không bao giờ dám từ nan bất cứ việc gì Thánh thượng có lòng thương giao phó. Huống chi được cầm quân tiến ra Bắc lập công, trả ân sâu của Thánh thượng, vốn là ước nguyện của thần.

Nhà vua lại cười, lần này vẻ mặt nhà vua rạng rỡ. Nhưng nhà vua cố lập nghiêm bảo Chỉnh:

– Ông khéo nói lắm, suýt chút nữa ta bị ông làm xiêu lòng mất. Chuyện này liên quan đến vận mệnh thịnh suy của xã tắc, không thể khinh xuất được. Kéo quân vượt Hải Vân đánh mấy vạn quân Thuận Hóa để lấn ra tận Lũy Thầy? Nói thì dễ, nhưng lúc thực hiện không khéo lại bốc phải lửa! Ta chưa quên trận Cẩm sa đâu! Đem cái sức mười năm tích lũy mà chọi với cái sức mấy trăm năm, có khác nào chú dê con buồn sừng húc đầu

vào vách đá núi. Ông dừng vì tình quê hương mà dẫn luôn anh em ta vào cái bấy ngấm. Ta phải xem xét lại đã. Hôm nào thì sứ Trịnh về?

– Dạ thần không được rõ.

– Nhấn ông ấy rán giữ mình, tránh trước khỏi nơi đầu tên mũi đạn.

Nguyễn Hữu Chỉnh vui mừng đáp:

– Thần xin tuân lệnh.

– Ngày mai ta sẽ tiếp ông ấy lần nữa. Phần ông, hãy thảo cho Quận Tào một thư phúc đáp. Khỏi cần nhắc ông cũng đã đủ tài văn từ và ứng đối rồi. Làm sao cho Quận Tào yên tâm, khỏi lo đề phòng mặt Nam. Đêm ngày ngay ngáy lo mất chức Trấn thủ Thuận Hóa đã đủ khổ cho hãn rồi. Hình như hãn tin thấy tướng lắm phải không?

– Tàu Thánh thượng, đúng như vậy. Không có việc gì hần không nhờ thầy tướng xem giùm cát hung, nhất là những thầy tướng số người Tàu.

– Đúng là thằng đần. Hần tưởng chỉ có những “con trời” mới biết được thiên cơ hay sao! Hần khinh thường người Nam quá lắm! Được. Rồi hần sẽ có dịp sáng mắt, mở trí ra!

✱

Sau khi yết kiến vua Thái Đức, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn ghé qua dinh Long Nhương tướng quân để gặp Nguyễn Huệ ngay. Giấc mộng ông ấp ủ từ bao lâu sắp thành hiện thực, Chỉnh khắp khởi mừng, quên cả dè dặt. Đến lúc sắp đến cổng dinh, ông mới thấy ý

định của mình quá vội vã, nông nổi. Tuy không có bằng chứng gì rõ rệt, Chinh vẫn có cảm tưởng Nguyễn Huệ không ưa mình. Ngược lại Chinh cũng không ưa Nguyễn Huệ. Mỗi lần bắt gặp đôi mắt sáng ranh mãnh ấy xoi mói nhìn mình, Chinh khó chịu, như bị lột trần truồng trước đám đông. Gặp Huệ vào giờ này? Trời ơi! Ta đã điên chưa? Nói với anh ta những gì? Không khéo lại gây thêm đổ vỡ, mâu thuẫn, thậm chí có thể là tai vạ. Chinh bảo bọn lính hầu đi thẳng về dinh, không ghé lại dinh của Long Nhương.

Mãi mười ngày sau, lúc Nguyễn Huệ đến thăm cơ xưởng đóng thuyền của Chinh, hai người mới có dịp thuận tiện nói chuyện với nhau. Nguyễn Hữu Chinh chờ cho Lãng ra khỏi phòng, mới hỏi Nguyễn Huệ:

– Trong cuộc Bắc phạt này, Tướng

quân dùng quân bộ hay quân thủy để làm lực lượng nòng cốt?

Nguyễn Huệ hiểu ngay ý Chính, nhưng vẫn giả vờ kinh ngạc hỏi:

– Cuộc Bắc phạt nào? Ông hỏi gì vậy?

Nguyễn Hữu Chính lúng túng nói:

– Tôi tưởng Hoàng thượng đã...

Nguyễn Huệ hỏi dồn:

– Theo ông, ta nên dùng quân bộ hay quân thủy?

Chính qua được cơn bối rối, đáp chậm:

– Tướng quân đoán được câu trả lời của tôi rồi. Người nào quen việc gì, thường xem việc đó quan trọng hơn hết.

Tôi được đòi đặt cho cái hiệu “con cắt nước”, nên hể lên khỏi thuyền là lúng túng.

Nguyễn Huệ mỉm cười nói:

– Dinh của Dao trung hầu đầu phải là nhà thủy tạ! Ông có lúng túng chút nào đâu. Ông chỉ nói khiêm đấy thôi!

Chỉnh đở mặt, ngồi im không nói gì. Nguyễn Huệ lấy giọng hòa nhã nói:

– Tôi nói đùa cho vui, ông đừng để tâm. Vâng. Ngay sau khi sứ giả Quận Tào vào đây, Hoàng thượng có vời tôi vào. Hình như ông cũng có được gọi thì phải. Hoàng thượng có nhắc đến chuyện Thuận Hóa. Nhưng tôi còn do dự, chưa dám đương. Sau trận đương đầu với quân Xiêm, tôi nên nghỉ một thời gian. Có lẽ đích thân Hoàng thượng cầm quân Bắc phạt đấy.

Chỉnh quên cả dè dặt, hấp tấp nói:

– Sao Tướng quân lại chối từ! Tôi e rằng... Không... Ý tôi muốn nói quân lính đã quen được Tướng quân chỉ huy, chỉ nội sự có mặt của Tướng quân cũng đủ cho họ tin tưởng và hăng hái rồi. Chưa nói đến sự từng trải chiến trường, đến mưu lược, sự quyết đoán nhanh nhẹn. Vả lại... vả lại... không biết tôi thua với Tướng quân điều này có tiện không...

Thấy vẻ mặt lão liên của Chỉnh, Nguyễn Huệ thêm ác cảm với Chỉnh. Nhưng vì tò mò, ông hỏi:

– Có gì ông cứ nói. Giữa ông với tôi, không nên ngại.

Chỉnh đưa lưỡi liếm nhẹ môi trên, ngáp ngừng, rồi đánh bạo nói:

– Có thể tôi quá liều lĩnh, đem

mạng sống ra đánh đổi một điều chưa chắc chắn, nhưng... vì đại cuộc, tôi phải thừa thật với Tướng quân. Chuyến này Tướng quân không nên từ chối kiểm lệnh vì nhiều lẽ.

Nguyễn Huệ cười nhỏ, khuyến khích Chính:

– Ông cứ tự nhiên. Tôi là một người biết điều. Xin ông kể hết các lẽ phải trái. Tôi sẽ lắng nghe những lời biện biệt.

Nguyễn Hữu Chính yên tâm hơn, tiếp tục nói:

– Lẽ thứ nhất là hiện nay, từ nam chí bắc không ai có tài cầm quân hơn Tướng quân. Tôi nói từ nam chí bắc, vì sau khi Quận Việp qua đời, đất Bắc không còn viên tướng nào đủ sức nhìn mặt Tướng quân. Chiếm lại một vùng đất đã bị Bắc

Hà chiếm hàng mười năm, đồn lũy, binh bị đã vững, lương thực khí giới đầy đủ, việc đó không thể giao cho bất cứ ai. Trận đầu mà không thắng thì quân dân dễ nhụt chí. Do đó, cần phải giao cờ lệnh cho một tướng bách chiến bách thắng.

Lễ thứ hai liên quan đến vận hội chung của vương triều. Tướng quân nghĩ mà xem, vị thế của Tướng quân ở đây, sau khi Tướng quân toàn thắng quân Xiêm, bắt đầu có điều không ổn. Tướng quân xem thường chuyện danh lợi vụn vặt, nhưng không phải ai ai cũng như Tướng quân. Rất nhiều người mong muốn Tướng quân mãi mãi là viên tướng biên viễn. Tướng quân càng sáng thì họ càng mờ. Thấy Tướng quân khải hoàn, họ dầu dầu nét mặt. Nhiều chuyện hiểu lầm đã xảy ra từ lúc Tướng quân về đây mà nếu không có lòng thuận

thảo hiểm có giữa anh em ruột thịt trong hoàng gia, nếu ở vào trường hợp khác, có thể có nhiều đổ vỡ lớn. Nhiều người e dè khép nép với Tướng quân, kính sợ nhưng dè dặt, khâm phục mà xa cách. Chúng nó đáng thương, vì còn phải nhìn trước nhìn sau để giữ lấy thân. Tôi nói sơ qua, nhưng một người thông minh sắc sảo như Tướng quân chắc đã biết trước mọi điều. Do đó, tại sao không nhân cơ hội này, Tướng quân lãnh phần trấn thủ Thuận Hóa, dương oai hùng với Bắc Hà, bảo vệ giang sơn cho Hoàng thượng, lại được thỏa thích tùy nghi trong khu vực riêng. Tướng quân vui, mà bọn tiểu nhân cũng đỡ phần lo ngại.

Nguyễn Huệ gật gù ra vẻ đồng ý, rồi hỏi Chính:

– Nếu tôi lãnh kiếm lệnh, ông có giúp tôi không?

Nguyễn Hữu Chinh mau mắn đáp:

– Tôi chỉ mong ước có bấy nhiêu. Được bước gần quê hương thêm một bước, lòng tôi vui thêm một bậc.

– Bọn tiểu nhân ở đây lo ngại tôi, vậy ông không lo ngại sao mà xin theo tôi?

Nguyễn Hữu Chinh nhũn nhận đáp:

– Người quân tử phải biết tìm đáng mình quân để thờ. Tôi có chút tài mọn về thủy chiến, cũng phải biết chọn dũng tướng để phục vụ.

Nguyễn Huệ cười, bảo Chinh:

– Ông nói khiêm quá đấy. Ông thông thạo chuyện đất liền hơn cả chuyện sóng nước.

Lúc ấy Lãng vào phòng báo cho Nguyễn Huệ biết đoàn tùy tùng đã sắp sẵn ngựa và hành lý xong. Nguyễn Hữu Chinh cười rất tự nhiên, hỏi Long Nhường tướng quân:

– Tướng quân lại sắp đi? Giá tôi còn được sức thời trai trẻ, tôi sẽ xin theo hầu Tướng quân. Nhưng tôi già rồi. Tướng quân sắp đi đâu đấy ạ?

Nguyễn Huệ trầm ngâm suy nghĩ những điều Chinh vừa nói, đáp bằng quơ:

– À, tôi vào xem lại các đồn phòng thủ trong kia.

Rồi quay về phía Lãng, Huệ hỏi:

– Liệu có kịp không?

Lãng nhìn bóng mặt trời đáp:

– Nếu trể ta có thể dừng lại nghỉ đêm ở cung Bình Điền.

Nguyễn Huệ đứng dậy, kéo lại áo bào cho ngay ngắn, rồi bảo:

– Nào, ta đi. Cảm ơn Đô đốc. Ông nói hay lắm!

✱

Khi đoàn người ngựa đến ngã ba chỗ đường đất xuống Thị Nại gặp đường thiên lý, Nguyễn Huệ bảo mọi người dừng lại cho ngựa nghỉ. Đúng ra, chính Nguyễn Huệ cần nghỉ chứ không phải ngựa. Những lời Chinh nói tác động mạnh mẽ lên tâm hồn ông. Dù không nói ra, ông vẫn nhận thấy trong các lời bàn đầy hậu ý của con người khả nghi ấy có nhiều điều đáng phải quan tâm. Nhất

là những điều liên quan đến vị trí của ông!

Rõ ràng mọi sự đã thay đổi nhiều, so với thuở ban đầu. Ông đã 34 tuổi, không còn là một cậu em út bé dại của ông Biện Vân đồn như thời xưa nữa. Kẻ địch kh-iếp đảm khi nghe nhắc tới tên ông. Quân sĩ kính phục ông, sự kính phục pha lẫn sợ hãi khép nép. Kể cả số anh em quen biết ông từ thời Kiên thành hoặc Tây Sơn thượng. Ông ngờ ngờ nhận ra sức mạnh khuất phục của quyền lực, nên khi tiếp xúc với cấp dưới, ông cố tỏ ra đơn giản, bình tĩnh, hòa nhã, để khoảng cách giữa ông với họ bớt xa. Nhưng các chiến công liên tiếp ông lập được lại tạo cho ông một thứ quyền lực vô hình gần giống với quyền lực của thần linh đối với kẻ chiêm bái. Càng ngày ông càng cảm thấy cô đơn, thèm muốn cuộc sống đơn giản, thèm

muốn được khuất lấp trong dòng sống bình thường của mọi người. Đôi lúc ông thâm ước sự đơn giản của Nguyễn Lữ, sự hiếu động vô tư của Nguyễn Nhạc. Càng muốn hòa hợp vào sự dung dị, lịch sử càng tách lìa ông với phần còn lại, buộc ông phải đứng một vị trí cao sáng hơn. Từ đó bắt đầu những hệ lụy phức tạp, những bon chen tầm thường mà từ thời còn trẻ, ông ghét cay ghét đắng. Nguyễn Hữu Chỉnh đã nói đúng... Chiến công của ông gây ra nhiều hệ quả đau lòng, quấy rầy ông chẳng khác nào một kẻ thù khuất mặt dai dẳng và ranh mãnh. Ông thừa hiểu lý do vụ hạ cổng chào, hoặc vụ cấm hát tuồng Chàng Lúa. Ngay cả vua anh cũng bắt đầu lo ngại uy tín của ông. Chỉ cần nhìn qua cách nhìn, lối nói khi gặp ông, nhìn qua cách cười gượng gạo khi khuyến khích hoặc vỗ về ông, ông đủ hiểu tâm trạng của vua Thái Đức.

Nguyễn Hữu Chỉnh nói đúng. Vị trí của ông ở đây không còn thích hợp nữa. Ông phải nhận lãnh nhiệm vụ trấn thủ phía bắc Hải Vân, hoặc phía nam Bình Thuận. Ông phải nhận số phận bạc bẽo của một viên tướng biên tái, nếu muốn giữ tiếng thuận thảo cho gia đình.

Nguyễn Huệ suy nghĩ lung lắm, càng suy nghĩ càng buồn. Ông dùng dằng, chưa biết nên rẽ phải về kinh thành xin nhận kiếm lệnh Bắc phạt của vua anh, hay nên rẽ trái vào thanh sát các đồn lũy Cù Mông. Bọn lính xuống suối múc nước cho ngựa đã trở lại. mấy con ngựa khỏe đang nhai thóc, đuôi ve vẩy thỏa mãn.

Nguyễn Huệ gọi Lãng đến hỏi:

– Liệu có đến kịp Bình Điện lúc trời sập tối không?

Lãng quả quyết đáp:

– Chắc chắn kịp, thưa Tướng quân.
Từ đây vào đó gần hơn từ đây về thành.

Vô tình lời nói của Lãng giúp Nguyễn Huệ quyết định. Ông bảo:

– Ta khởi hành thôi. Nếu kịp, ta
thăng đến Cù Mông.

Lãng cưỡi ngựa chạy phía sau Nguyễn Huệ. Ông cố ý ghìm cương ngựa lại chờ Lãng tiến lên ngang hàng với mình, nhưng hễ ông đi chậm thì Lãng cũng đi chậm, khoảng cách hai người không thay đổi. Thành thử Nguyễn Huệ cảm thấy lòng nặng trĩu vì cô độc. Ông thấm thía nỗi quạnh hiu của danh vọng, của quyền lực. Thấm thía nỗi quạnh hiu của kẻ khác thường. Không cưỡng được khát vọng được cảm thông, Nguyễn Huệ quay lại gọi Lãng:

– Cậu thúc ngựa lên đây.

Lãng vâng lời, nét mặt ngơ ngác chưa hiểu chủ tướng muốn gì. Lúc đến gần Nguyễn Huệ, Lãng hỏi nhỏ:

– Tướng quân truyền gì ạ?

Nguyễn Huệ bức dọc nói:

– Cậu bỏ quách cái giọng khúm núm yếu đuối ấy đi.

Lãng cúi đầu im lặng, không hiểu vì sao đột nhiên Huệ nổi giận. Nguyễn Huệ hối hận vì nặng lời vô cớ, nên hỏi:

– Lãng đã quen đi ngựa trở lại chưa?

Lãng vui mừng đáp:

– Dạ quen rồi. Mấy năm núp sau đám mũ áo phường hát, em quên cả cách giữ cương. Ngày đầu đi ngựa, tối về mỗi

rã cả thân thể. Phải qua một tháng mới làm quen trở lại với đời sống sương gió cũ.

Nguyễn Huệ ngấm vẻ hân hoan của người bạn trẻ, xúc động, thúc ngựa đến gần Lãng hỏi:

– Cậu có biết vì sao ta lại xin cậu về đây không?

Lãng đáp:

– Em biết ơn anh.

Nguyễn Huệ vội bảo:

– Có gì mà ơn với huệ. Lãng không biết đấy. Ta cần có Lãng bên cạnh không biết bao nhiêu. Nhiều lúc ta cảm thấy mọi người đều giả dối, giả vờ khép nép, xu nịnh, tâng bốc ta, nhưng sự thật họ ghê tởm xa lánh ta.

Lãng không tin những điều mình vừa nghe. Anh nói:

– Tại sao Tướng quân lại phản đời như vậy? Không có ai dám...

Nguyễn Huệ cắt lời Lãng:

– Phải. Họ không dám nói sự thật, nên hoặc lấy lời tâng bốc lừa ta, hoặc tìm cách lánh tránh cho xa ta.

– Mọi người kính phục Tướng quân. Vì kính phục nên nể sợ.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Còn Lãng thì thế nào?

Lãng đáp:

– Tướng quân đã biết rõ cảm tình của em rồi!

Nguyễn Huệ nói một mạch:

– Không. Lãng chưa hiểu rõ ta, cũng như ta chưa hiểu rõ Lãng. Không có điều gì, không có người nào đơn giản cả. Chẳng hạn Lãng đừng lầm tưởng rằng ta xin Lãng về để cứu Lãng. Không. Ta cần Lãng. Ta cần Lãng như cần một tấm gương soi rõ mặt mình, cái mặt không có mũi trẹt trên đầu, vào lúc không còn ai chung quanh để cố nghiêm nghị hoặc đóng tuồng hòa nhã. Ta muốn có một người hoàn toàn đáng tin cậy bên cạnh để được nói bất cứ điều gì thích nói, sống thoải mái bình thường như một kẻ vô danh, lúc yếu đuối, hèn nhát cũng như lúc giận dữ điên cuồng. Lãng đừng gọi ta là “Tướng quân”. Cũng không nên khép nép giữ ý, đi sau ta như một tùy tướng. Lãng hiểu ý ta không?

Lãng chưa hiểu nhiều, nhưng cứ đáp liêu:

– Dạ vâng, thưa Tướng quân.

Nguyễn Huệ cười chế nhạo:

– Cậu vừa đáp hiểu, lại vừa dùng hai tiếng “Tướng quân”. Cậu chưa hiểu gì cả.

Câu chuyện đến đó thì ngừng.

Tối hôm ấy và từ sáng hôm sau, trên đường trở về kinh thành, Nguyễn Huệ lăm lè không tìm cách gợi chuyện với Lãng. Vì thế, anh cho cuộc đối thoại hiếm hoi hôm trước chỉ là một phút lạc lòng của viên dũng tướng.

Dù sao, Lãng cũng vui mừng vì hiểu được vị trí của mình đối với Nguyễn Huệ.

Chương 60

Từ đầu tháng Tư, cuộc chuẩn bị tấn công Thuận Hóa cuốn hút mọi người như một cơn lốc, khiến không ai còn thì giờ suy nghĩ về mình. Chỉ còn một điều đáng suy nghĩ là làm sao để quyết thắng. Khắp nơi nhịp sống gia tăng gấp đôi, gấp ba. Hơi thở hùng hục chí chiến đấu. Cái rộn rã huyền nhiệm báo hiệu mùa xuân lại trở về vào đầu mùa hạ. Ngày kéo dài bằng ánh đuốc. Tuổi trẻ kéo dài bằng hy vọng và niềm tự hào. Những người chân đất vốn là anh

chăn trâu, chị bán trâu, phu khuân vác, thậm chí là tên vô lại ngoài chợ, chưa hết ngõ ngàng trước sức mạnh tiềm tàng của chính mình. Hơn mười lăm năm qua họ tham dự vào biến động long trời lở đất, cho nên họ hết còn e dè ngờ rằng tất cả chỉ là do may rủi. Không. Không có may rủi nào lại có thể trường cửu đến hơn mười lăm năm ròng. Họ bắt đầu tự tin, và tự hào. Họ tin ở bàn tay cầm cày và cầm giáo của họ, rồi tin ở khả năng trí tuệ của họ. Ngoài mùa xuân trời đất, họ tạo ra một mùa xuân khác vào mỗi đầu hạ. Đầu tháng Tư họ ra đi, và khoảng đầu hoặc cuối thu họ mang chiến công trở về. Điều đó xảy ra hằng năm như luật tự nhiên, như điều bình thường.

Nhưng tháng Tư Bính Ngọ, họ rạo rực hăm hở vì một điều khác thường. Không như những lần vượt biển vào

Nam trước đây, lần này, họ sắp tiến công ra Bắc!

✱

Trong phòng cơ mật, vua Thái Đức đang chủ tọa một cuộc họp quan trọng. Những người được triệu tới dự họp gồm có: Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh, Phò mã Vũ Văn Nhậm và Thái úy Bùi Đắc Tuyên. Không thấy mặt quan Hình bộ Bùi Văn Nhật như trong các cuộc họp quan trọng trước đây. Các lính hầu được lệnh không cho bất cứ ai đến gần phòng họp.

Vua Thái Đức mở cuốn lịch ra, vui vẻ bảo mọi người:

– Ta đã định được ngày xuất quân

rồi. Hai mươi tám tháng Tư. Chỉ còn không đầy nửa tháng nữa. Các ông phải lo cho gấp lên!

Rồi quay về phía Nguyễn Huệ, nhà vua nói:

– Chú Tám, lần này ta cũng giao trọng trách cho chú đấy. Chú làm “Tổng lĩnh chư quân thủy bộ”. Nhưng chú đừng vội lo. Chú không đơn thương độc mã như lần đánh nhau với quân Xiêm đâu. Chú có thằng Nhậm theo làm Tả quân Đô đốc, ông Cống Chính đây làm Hữu quân Đô đốc. Lại thêm chú Bảy Lữ chỉ huy đội thủy quân dự bị. Đường đi nước bước Thuận Hóa ông Cống thuộc như thuộc từng chỉ tay của mình. Bên kia đèo Hải Vân nhân tâm đang ly tán, phòng thủ rời rạc. Việc có vẻ khó nhưng với chú, ta biết chú đảm đương nổi. Ý chú thế nào?

Nguyễn Huệ định trả lời vua anh, nhưng nghĩ sao, do dự, quay sang phía Nguyễn Hữu Chỉnh hỏi:

– Xin quan Đô đốc cho biết tình hình phòng thủ Thuận Hóa thế nào đã.

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi đầu xin phép nhà vua, rồi mới đáp:

– Tình hình chung thì đúng như lời dạy bảo sáng suốt của Hoàng thượng. Lực lượng nhà Trịnh ở Phú Xuân mới xem có vẻ hùng hậu. Từ sông Gianh vào đến Hải Vân, ngoài số tam binh và thổ binh, riêng số tinh binh từ Bắc hà đưa vào cũng có trên ba vạn rồi. Thành Phú Xuân là chốn địa đầu trọng yếu, nên lực lượng thủ ngự lại càng mạnh mẽ đông đảo. Cách xây đồn đắp lũy cũng kiên cố, kín đáo. Trên dải đất hẹp chạy dài theo ven biển gần như không chỗ nào không

có bóng quân Trịnh. Phía bắc có các đồn Bồ Chính, Leo Heo, và Lũy Thầy. Sâu về phía nam có dinh Cát. Phía cực nam có đạo quân án ngữ ở vị trí xung yếu tại đỉnh Lũy (đèo Hải Vân). Cả bắc lẫn nam che chở kín đáo cho thành Phú Xuân của Quận Tào. Đó là chưa kể những đạo quân Bắc hà bên kia sông Gianh có thể sẵn sàng tiếp cứu Phú Xuân lúc có tin biến. Nhưng... như nhận định anh minh của Hoàng thượng, tất cả lực lượng đông đúc, dinh lũy kiên cố ấy giống như một cây đa bị mục nát từ bên trong, chỉ chờ một cơn gió nhẹ là đổ. Vì Hoàng thượng đã dậy: nhân tâm Bắc hà đang ly tán, phòng thủ lại rời rạc. Lẽ thắng đã rõ như ban ngày.

Vua Thái Đức hỏi:

– Quận Tào, trấn thủ Thuận Hóa, có đáng sợ không?

Nguyễn Hữu Chỉnh bấu môi đáp:

– Hắn chỉ là cái bị thịt dần dần, sở dĩ được nhà Chúa tin dùng vì rằm rắp tuân theo lệnh trên, không dám có sáng kiến riêng. Hắn lại không giỏi việc binh, khi hữu sự cứ quỳnh quáng như gà phải cáo. Nhưng lúc vô sự thì lại nhanh nhẹn tìm mọi cơ hội để vơ vét của dân. Nếu không nhờ tên Phó tướng Hoàng Đình Thể lo giúp việc binh thì hắn khó lòng ở yên Thuận Hóa lâu đến thế. Hiện giờ Quận Tào và viên Phó tướng không ưa nhau. Quận Tào ghét Thể vì thể lực viên Phó tướng này mỗi ngày mỗi tăng. Hoàng Đình Thể ghét Quận Tào vì tính tham lam vô độ, sự dần dần, và mê tín của tên Trấn thủ.

Nhà vua liền hỏi:

– Hẳn tin chuyện quỷ thần nhảm nhí lắm à?

– Tàu Hoàng thượng đúng như vậy. Hẳn tự biết mình bất tài, lại sợ Chúa mới không tin dùng, nên theo lời Nguyễn Phú Như, suốt ngày hẩn tìm gặp bọn thầy tướng để biết trước hậu vận, liệu trước đường thoát thân.

Vua Thái Đức gật gù, cười thật tươi nhưng không nói gì. Một lúc sau nhà vua hỏi Nguyễn Huệ:

– Bây giờ đến lượt chú Tám. Chú định dùng thủy binh hay bộ binh? Dồn hết lực lượng đánh vào Phú Xuân hay chia nhiều mũi đánh đồng loạt các đồn lũy suốt một dọc từ Hải Vân ra sông Gi-anh?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc mới chậm rãi đáp:

– Lần này thì địch đông đảo và bố phòng kỹ càng, nếu chỉ đánh Phú Xuân không thôi thì quân ở dinh Cát lẫn đỉnh Lũy sẽ tiếp cứu Phú Xuân được ngay. Cho nên ta nên tấn công bất ngờ và chớp nhoáng ở tất cả các cứ điểm chính. Phải từ Hải Vân đánh ra, từ sông Gianh đánh vào, đồng thời ta dùng quân thủy bộ đánh cả Phú Xuân, để chúng giở tay không kịp, mà cũng không thể tiếp cứu cho nhau được.

Vua Thái Đức lo lắng hỏi:

– Liệu ta có đủ sức không?

Nguyễn Huệ quả quyết đáp:

– Dạ thưa đủ. Nhờ quan Đô đốc mà thủy quân của ta có khả năng chở được cả súng lớn và voi trận. Thủy chiến cũng hữu hiệu hơn. Hiện nay là mùa gió nồm

thối mạnh, chiến thuyền của ta có thể nhanh chóng đưa quân đến đánh phá tất cả các dinh lũy ven biển.

Nhà vua lại hỏi:

– Chú chia các cánh quân thế nào?

Nguyễn Huệ đáp:

– Có lẽ nên chia làm ba cánh lớn: một đạo thủy quân vượt biển ra tới sông Gianh vừa để chặn quân tiếp viện của Bắc hà, vừa để tiêu diệt các đồn lũy từ sông Gianh vào đến dinh Cát. Một đạo thủy quân tiến đánh thành Phú Xuân. Một đạo bộ binh đánh đèo Hải Vân, phá tan được quân Trịnh ở đỉnh Lũy thì phối hợp với đạo thủy quân tiến công đồng loạt vào mấy vạn quân của Quận Tào. Mặt trận chính dĩ nhiên là thành Phú Xuân. Do đó phải làm thế nào để hai

cánh quân thủy bộ phối hợp được nhau thì mới thủ thắng.

Nhà vua hớn hở quay hỏi mọi người:

– Kế hoạch tiến quân như vậy được chứ? Các ông nghĩ sao?

Không ai dám trả lời ngay. Nhà vua lại hỏi Huệ:

– Chú định giao cho ai cầm đầu ba cánh quân đó?

Nguyễn Huệ đáp:

– Cánh quân bộ lãnh trách nhiệm nặng nhất, nên quan Đô đốc ạ, có lẽ tôi phải nhờ ngài giúp sức. Cánh quân thủy đánh Phú Xuân giao cho Phò mã. Còn cánh quân ra sông Gianh thì do anh Bảy chỉ huy.

Vua Thái Đức hỏi Lữ:

– Chú Bảy thấy đã ổn chưa?

Nguyễn Lữ rút rè nói:

– Đường biển hơi xa, nhưng chắc cũng được thôi. Phần quan trọng vẫn là nhiệm vụ của chú Tám ở Thuận Hóa.

Nhà vua hỏi Vũ Văn Nhậm:

– Còn cánh thủy quân đánh vào cửa Thuận. Nhậm có đảm đương nổi không?

Vũ Văn Nhậm mạnh bạo đáp:

– Tàu Phụ vương, nhất định con phải đảm đương nổi. Nếu không...

Vua Thái Đức cười ha hả vì vui mừng, cắt lời con rể:

– Nếu không... nếu không! Chẳng lẽ mày thua trận, tao đòi lại con gái!

Mọi người cười ồ. Hào khí bàng bạc

khắp cả gian phòng cơ mật.

✱

Nguyễn Hữu Chinh gọi Lợi đến chỗ vắng xa xóm chài hỏi:

– Tôi hỏi điều này, anh đừng giấu tôi nhé. Anh có để dành được chút ít vàng bạc, tiền của nào không?

Lợi lúng túng không biết phải trả lời thế nào. Chinh vẫn kiên nhẫn chờ Lợi đáp, miệng mỉm cười khuyến khích, Lợi thú thật:

– Trước đây tôi cũng dành dụm được chút ít. Nhưng sau vụ bị án, mòn mỏi đi cả. Gần đây, tôi lại...

Nguyễn Hữu Chinh nói:

– Tôi biết! Tôi biết! Nhưng ít ra nếu anh đi Bắc, chị ở nhà cũng đủ sống được vài năm chứ!

Lợi lo âu nói:

– Có lẽ không đủ. Nhưng vợ tôi lúc cùng cũng có thể tự xoay xở được. Con cái bây giờ đã lớn, mấy mẹ con có thể bươn chải kiếm sống. Mà tại sao ngài hỏi thế?

Nguyễn Hữu Chinh im lặng hồi lâu, chờ cho Lợi sốt ruột mới nói:

– Tôi sợ chuyển tấn công ra Bắc kỳ này làm đảo lộn hết cả. Có thể anh phải xa gia đình lâu đấy, hoặc một hai năm, hoặc lâu hơn nữa!

Lợi lấy làm lạ, vội hỏi:

– Sao thế ạ? Những lần đánh Gia

Định trước đây có xảy ra gì đâu! Hay ngài sợ chuyến này ta sẽ thua to.

– Không phải thế. Nhất định ta sẽ thắng lớn. Quân Trịnh bạc nhược không thể chống lại ta đâu. Nhưng lấy Thuận Hóa xong, chắc chắn sẽ có nhiều phân tranh. Lúc đó anh phải chọn. Không dễ dàng đâu!

– Chọn gì ạ?

– Chọn ở phía nào, bên này đèo Hải Vân hay bên kia. Chọn phía nam Hải Vân thì đoàn tụ với gia đình, nhưng... nhưng khó lắm. Chọn phía bắc thì... tôi sợ, tội nghiệp cho chị và các cháu!

Lợi bắt đầu hiểu, nhưng không thể thấy hết được toàn thể cục diện sắp chuyển của tình thế. Anh hoang mang lo lắng hỏi:

– Sắp xảy ra phân tranh hay sao, thừa Đô đốc? Có thể khác không? Vả lại, ai phân tranh với ai? Có lẽ nào...

Nguyễn Hữu Chỉnh không muốn đi xa hơn nữa, nên bảo:

– Ấy là tôi chỉ đoán mò vậy thôi. Anh không kín miệng, cả anh lẫn tôi đều mang vạ đấy. Đáng lẽ tôi không nên nói chuyện này. Nhưng với anh, tôi muốn giúp đỡ.

Lợi rụt rè hỏi:

– Tôi phải làm gì, thưa ngài? Hay là...

– Anh muốn ở lại đây phỏng? Không được đâu. Chuyến này nhà vua đốc toàn lực ra đánh Phú Xuân, cho nên anh có cưỡi cũng không cưỡi nổi. Ngọn sóng đã cuốn về phương bắc, anh có

dừng lại thì sức sóng cũng đập vỡ ngực anh ra. Tốt hơn hết là phải lựa chiều sóng mà toan tính, mà cư xử. Anh có nhớ một lần tôi khuyên anh nên cố nổi lại với ông Long Nhường hay không? Lần này, anh phải đi, đồng thời cũng phải lo trước cho gia đình. Hay tôi cho anh vay một ít nhé?

Lợi cảm động không nói được, chỉ lí nhí:

– Thật tôi không ngờ... Tôi không dám...

Nguyễn Hữu Chinh vỗ vai Lợi, thân mật bảo:

– Anh làm việc với tôi bao lâu mà còn nói thế ư? Đừng ngại. Tôi giúp anh không phải vì lòng tốt đâu. Vì lợi đấy, anh Lợi ạ (Chinh cười vì cách nói láy hóm hỉnh của mình). Nhưng anh đừng

sợ. Tôi không đòi hỏi anh giúp tôi những điều khó khăn, nguy hiểm. Tôi chỉ mong anh thành thực cho tôi biết những điều anh biết. Thế thôi!

Lợi hấp tấp hỏi:

– Ngài muốn biết điều gì ạ? Nếu...

– Không. Không phải bây giờ. Sau này kia! Tôi liều thân báo trước những điều hung cát cho anh, thì xin anh hãy xem tôi như một người thân thuộc, như người anh ruột thịt của anh. Thế thôi! Chuyến này tôi được cử làm Phó tướng cho ông Long Nhương, nên chắc chắn có những điều tế nhị ông Long Nhương không nói hết với tôi, vì cách biệt tuổi tác, vì cách biệt tính tình, vì nam bắc xa lạ. Dĩ nhiên ông Long Nhương đối đãi với anh khác, với tôi khác. Khi nào anh thấy có điều bất lợi cho tôi, cho đại cuộc,

hoặc do tôi vụng về, hoặc do ông Long Nường e ngại, thì anh báo giùm cho tôi biết để tôi sửa chữa. Nhớ nhé, anh Lợi nhé.

Lợi không ngờ Nguyễn Hữu Chinh chỉ nhờ mình có vậy, nên vui mừng đáp:

– Vâng ạ. Nếu chỉ có thế thì tôi sẵn sàng. Còn về khoản...

Nguyễn Hữu Chinh cắt lời Lợi:

– Được. Anh nên lo trước cho chị và các cháu khỏi vất vả nếu vạn nhất có điều bất trắc xảy đến. Anh cần gì, cứ bảo tôi. Bây giờ anh với tôi coi như anh em kết nghĩa, anh đừng e ngại gì cả. Thôi, ta trở lại cơ xưởng, để bọn thợ khỏi bỏ bê công việc. Ngày mai ta cho hạ thủy mấy mươi chiến thuyền cuối cùng phải không? Ta phải lo cho xong xuôi hết để

thủy binh còn diễn tập cho thành thạo trước khi xuất quân. Không biết ông Long Nhương sẽ xếp anh theo tôi hay theo Phò mã Nhậm!

✱

Lăng đưa người thầy võ vào gặp Long Nhương tướng quân xong mới xin phép về nhà. Anh phải lặn lội lên tận An Thái để tìm cho ra người Tàu ở chợ An Thái trước đây từng dạy võ nghệ cho hai anh em Lữ, Huệ. Ông cụ không còn ở căn nhà cũ nữa, tiệm thuốc bắc ngày trước đã dột nát. Lăng hỏi thăm nhiều người mới tìm được khu vườn u tịch ông cụ về đây để dưỡng già. Tuy đã ngoài bảy mươi, người thầy võ vẫn còn mạnh khỏe, quắc thước. Tóc bạc phơ, khuôn mặt trở đồi mồi nhưng da dẻ còn đỏ hồng, râu

trắng dài phất phơ. Ông cụ không tin những người học trò cũ nay đã thành danh còn nhớ tới mình. Rõ ràng ông cụ hãnh diện được Long Nhương tướng quân gửi biếu quà cáp quý giá. Nhưng khi nghe lệnh triệu về kinh thành, ông cụ hơi ngỡ ngàng, không vui. Lãng đi ngựa theo sát bên cái võng điều của ông cụ, đi đường, anh không nghe ông cụ hỏi han gì. Người lính khiêng võng gốc An Thái gọi chuyện, ông cụ cũng chỉ đáp qua loa cho có mà thôi. Lúc dừng nghỉ ở giữa độ đường, ông cụ mới hỏi Lãng:

– Ông là tùy tướng của ngài Long Nhương đấy à?

Lãng muốn cải chính, nhưng không biết nói thế nào cho đúng vị trí của mình, chỉ ậm ừ cho qua. Ông cụ lại hỏi:

– Ngài Long Nhương vẫn thường tập quyền đấy chứ?

Lãng thích thú, đáp liêu:

– Thưa vẫn tập luôn đấy ạ.

Ông cụ gật gù, rồi nói:

– Hồi xưa anh ấy... ý tôi muốn nói ngài Long Nhương đó, hồi xưa ngài giỏi quyền cước lắm. Lão đoán thế nào sau này... rồi quả nhiên đúng y như vậy. Cách ông ấy đứng tấn vững, và oai, như con hổ sắp vồ mồi.

Mấy người khiêng vồng tò mò muốn hỏi chuyện võ nghệ, ông cụ không muốn bắt chuyện, từ chối khéo:

– Lão già yếu, quên cả rồi. Bây giờ chỉ sống tạm với mấy khóm hoa để chờ chết. Chẳng hiểu ngài Long Nhương còn

triệu lão về kinh làm gì?

Nguyễn Huệ thực sự mừng rỡ khi gặp lại người thầy võ ngày xưa, sự cung kính cuống quýt giống y như lúc Huệ gặp ông giáo Hiến. Lãng định dìu ông cụ bước lên thêm dinh, nhưng ông cụ bước thoăn thoắt, mạnh bạo nhanh nhẹn như một thanh niên tráng kiện và yêu đời. Anh làm tròn bốn phận, và xin được ghé thăm nhà. An nghe tiếng Lãng gọi cổng, lật đật chạy ra với bộ mặt hốt hải khác thường. Lãng ngạc nhiên hỏi:

– Chuyện gì thế chị?

An quên cả mở cửa, bảo em:

– Vào chị hỏi cái này. Nhanh lên!

– Nhưng chị chưa mở cổng.

– À quên. Em vào nhanh lên. Hay

thôi, ta đứng đây nói chuyện để lũ trẻ khỏi quấy rầy. Anh Lợi với chị vừa cãi nhau xong.

Lãng chán nản nói:

– Lại cãi! Độ này em thấy cả chị lẫn anh Lợi đều nóng nảy.

Môi An run run khi chị nói:

– Không phải chuyện vặt thường ngày đâu Lãng. Sáng nay anh ấy nói với chị nhiều chuyện lạ lắm. Em đừng giấu chị. Đã xảy ra việc gì ghê gớm lắm phải không?

Lãng ngơ ngác không hiểu chị nói gì. Anh nói:

– Có gì đâu! Tại sao chị hỏi thế?

An bức dọc nói:

– Đến em mà cũng giấu chị. Nếu không có gì, tại sao anh Lợi nói xa nói gần đến chuyện sắp xa nhau, nào là mẹ con chị phải kiên nhẫn chờ anh ấy, nào là nếu gặp biến nên tránh xa kinh thành, nào là... ôi thôi, anh ấy nói như người hấp hối trời trần cho vợ con. Không biết anh ấy tìm ở đâu mà có vàng bạc đưa cho chị nữa, bảo là để phòng tai biến. Lãng, chị sợ quá, đừng giấu chị, tội nghiệp. Chuyện gì sắp xảy ra thế? Hay anh Lợi bị người ta dèm pha, ám hại?

An nói một mạch, nét mặt xanh xao, đôi mắt rơm rớm sắp khóc. Lãng vội bảo:

– Em chẳng hiểu gì cả. Hoặc trong thời gian em đi An Thái dưới này vừa xảy ra chuyện gì. Nhưng anh Lợi đâu rồi, chị?

– Anh ấy về ăn vài bát cơm lại tắt

tả đi ngay. Anh ấy hẹn tối về sẽ nói kỹ hơn. Lãng, chị sợ lắm. Chị có cảm tưởng chuyến này sẽ có người trong gia đình ta gặp chuyện chẳng lành. Nếu... nếu bất cứ ai... nếu... mẹ con chị sẽ ra sao đây.

An bắt đầu thút thít khóc. Lãng cố tìm mọi cách để trấn an chị. Anh lúng túng bảo:

– Coi kìa! Sao chị lại nghĩ vớ vẩn thế. Em chẳng hiểu anh Lợi tưởng tượng ra những điều ghê gớm nào để lo sợ rồi cuống quít lo lắng. Nhưng chị bình tĩnh lại đi. Chị nghĩ mà xem. Cả triều đình ai là kẻ am tường tình thế nhất? Có phải ông Long Nhương không? Có phải anh Huệ không? Một khi anh Huệ chịu nhận kiểm lệnh, chắc chắn anh ấy đã thấy trước ta phải toàn thắng. Chị nhớ lại xem, có bao giờ anh ấy thua đâu! Chị đừng tưởng quân Bắc hà hùng hậu can đảm hơn quân

Gia Định. Ngoài đó chính sự nát bét ra! Binh lính thì kêu căng phá phách lương dân, quan lại thì những lạm biếng nhác. Điều đó ông Cống Chỉnh đã biết từ lâu, và chắc hẳn anh Lợi cũng biết. Thuận Hóa lại là đất cũ của Nam hà, lâu nay bị chúa Trịnh thừa cơ chiếm đoạt, cai trị hà khắc, xem dân Thuận Hóa như cừu thù. Lòng dân tất phải hướng về ta. Chuyến này ta ra đây, chỉ có thắng chứ không thể bại. Làm gì có tai biến, có bất trắc đến nỗi anh Lợi phải trời trăn trước với chị. Hay là anh ấy cố làm ra bi thảm để chị mũi lòng trước lúc đi xa. Gớm, mấy năm nay anh ấy không rời khỏi nhà, nên lần này anh ấy làm ra vẻ quan trọng. Chứ đối với anh Huệ và các tướng sĩ, chẳng qua là một chuyến đi chơi rong thích thú mà thôi. Chị không vào trại lính để thấy mọi người rộn rã vui mừng đến bậc nào!

An đưa ống tay áo lên chặm nước mắt, thút thít bảo:

– Rộn rã! Vui mừng! Thật chị không hiểu nổi bọn đàn ông! Không bao giờ hiểu nổi! Vui mừng! Làm như sắp được cầm chuôi gươm, cầm giáo đi đâm chém người khác là một trò chơi thích thú lắm! Em biết không? Mấy hôm nay đi đâu chị cũng nghe các bà mẹ, bà vợ xì xầm sợ hãi. Họ không dám nói lớn vì sợ phép nước. Họ cũng không dám khóc lớn ở chỗ đông người. Họ khóc thầm em có biết đâu! Em không phải là đàn bà, không mang nặng đẻ đau nên không thể hiểu được tấm lòng những người mẹ. Khổ sở nuôi cho con khôn lớn, rồi phải sắm sửa quần áo, gạo thóc, đưa nó đi, đi đâu? Đi đến chỗ hòn tên mũi đạn để chết. Biết bao nhiêu công phu đổ xuống sông xuống biển, không đau đớn sao

được! Trong lúc đó cái bọn vô ơn lại cười đùa, “vui mừng rộn rã” như em vừa nói. Vui mừng! Tự nhiên xông ra đâm chém nhau, để ruộng nương lại cho đàn bà cày cấy, tưới mồ hôi kiếm cơm nuôi lũ nhỏ lớn lên để tiễn chúng ra trận chuyển sau, chuyển sau nữa...

Lãng cắt lời chị:

– Nói thế thì còn chuyện gì nữa!
Chuyện đời đâu có đơn giản vậy!

An cãi lại:

– Sao không đơn giản! Mọi người cùng hện với nhau bẻ hết gươm giáo, rút hết súng ống, thì đâu còn cảnh mẹ già đưa con ra trận, vợ góa khóc chồng, trẻ con mồ côi cha.

Lãng biết không thể tranh luận được với An, cười xòa, nói đùa:

– Lúc đó người ta vẫn đánh nhau, nhưng đánh theo lối của các bà: Giằng tóc của nhau, lấy răng mà cắn nhau cho đến lúc cả hai cùng chết mệt.

An nói đã hả, nên không giận Lãng. Nghe em nói đùa, An cười. Chị đã bình tĩnh hơn, bắt đầu ngờ vực chồng sốc nổi, hời hợt, lo sợ những điều không đáng lo sợ. Để vững tin hơn, An hỏi:

– Nhưng chắc chắn không có gì nguy hiểm chứ?

– Chị nói gì ạ? Các bà cắn nhau mà không nguy hiểm sao?

An cười khanh khách:

– Không phải thế. Chị hỏi: Chuyến này không có gì đáng lo ngại phải không?

– Đúng như vậy. Chị đừng lo hão.

Hai chị em lững thững vào nhà. Lặng hỏi:

– Các cháu đâu, chị?

– Chị vừa hét cho chúng chịu ngủ trưa. Nhất là cái thằng Phát rần mắt, cứng đầu. Khổ vì nó! À, hồi sáng có chị vợ anh Kiên qua đây!

– Có gì lạ không hở chị?

– Dĩ nhiên chị ấy chịu qua đây phải có sự lạ rồi. Chiều nay em qua gặp anh Kiên một chút!

– Chi vậy?

– Chị ấy khóc, bảo anh Kiên độ này gần như phát khùng rồi. Cả ngày ngồi yên một chỗ, rồi lảm nhảm những gì không ai hiểu. Chị ấy nhờ chị, hoặc em qua “khuyên răn” anh ấy. Khuyên răn! Nghe mà tức cười!

- Ai bảo anh Kiên phát khùng?
- Thì chị ấy chứ còn ai.
- Thật là...

Lãng tức quá, nhưng không tìm được tiếng nào thích hợp, không tìm được ai để trút giận. Anh ấp úng một lúc, rồi đỏ mặt, bảo An:

– Được, em qua ngay. Em với anh Lợi sắp đi xa, chị và các cháu cũng nên qua lại với bên ấy để thăm nom, nương tựa nhau.

An vội hỏi:

– Em vừa nói gì đấy? Đúng y như lời anh Lợi hồi sáng. Cũng dặn nếu có gì thì nhờ anh Kiên lo giúp, cũng bảo cần nơi ẩn lánh, nương tựa. Nhất định em còn giấu chị.

Lãng không ngờ câu nói vô tình lại có hậu quả xấu, hấp tấp nói:

– Chị lại lo hão rồi! Em giấu chị để làm gì! Chị nghĩ lại mà xem, giấu chị để làm gì!

★

★ ★

Vợ Kiên dẫn Lãng đến chỗ bụi chuối, trở chỗ Kiên đang ngồi tĩnh tâm, rồi len lén trở ra quán, như vừa làm một việc tội lỗi. Lãng thấy anh vẫn tĩnh tọa ở chỗ thường tĩnh tọa trước đây. Nắng chiều xuyên qua cành lá cây mít già in loang lổ lên người Kiên những bóng râm. Cảnh tượng khác thường đó khiến Lãng rụt rè. Anh bước chậm và nhẹ, cố không gây tiếng động. Nhưng con đường nhỏ trong vườn có nhiều sỏi nên bước chân Lãng

vẫn làm xao động cảnh u tịch quanh Kiên. Lãng đến cách anh độ vài bước thì Kiên mở mắt, mỉm cười chờ em. Kiên giữ nguyên thế ngồi kiết già, nhưng hai bàn tay đã lật ngược lại, úp lên hai đầu gối. Thấy em lúng túng chưa biết nên đứng hay ngồi chồm hổm trước mặt anh để nói chuyện, Kiên bảo:

– Chú ngồi xuống viên đá ong đó cho khỏi nắng.

Lãng vâng lời anh, đến ngồi lên viên đá đặt cách xa Kiên khoảng hai bước, phía bên trái. Vì Kiên không đổi hướng nhìn nên mỗi lần nói, Lãng phải nghiêng người quay về phía anh.

Kiên hỏi:

– Chùng nào chú đi giết người?

Lãng ngớ người, không ngờ ngay từ

đầu Kiên đã hỏi như vậy. Lãng không thể trả lời được gì, nên hỏi lại:

– Anh bảo gì ạ?

Kiên mỉm cười, nhìn Lãng với đôi mắt bao dung, thương xót. Kiên không nhắc lại câu vừa nói, chỉ hỏi sang chuyện khác:

– Nghe nói Lợi nó cũng đi phải không?

Lãng đáp:

– Vâng ạ.

– Xong việc này thì làm gì nữa?

Lãng hơi bực, đáp gọn:

– Em không biết.

– Chú không biết mà vẫn làm.

Lãng không dần được giận, hỏi Kiên:

– Thế anh có biết anh đang làm gì không?

Kiên vẫn giữ nụ cười thương xót, đáp:

– Biết chứ. Anh đang tỉnh tọ.

– Tỉnh tọ để làm gì?

– Tỉnh tọ để khỏi phải “tỉnh tọ”.

Thấy em nhú mày, Kiên nói thêm:

– Để khỏi phải mù lòa làm theo những điều không thấy, khỏi phải múa may quay cuồng trong cái không biết, khỏi phải húc sâu vào cái giả. Cho giống mọi người. Như chú vậy!

Máu nóng bốc lên đầu Lãng. Anh nhìn thẳng vào mặt anh, bạo dạn nói

một mạch, những điều Lãng nghĩ:

– Anh cũng chẳng khác em bao nhiêu đâu. Có bao giờ anh nhìn rõ mình hay không? Anh sợ mù lòa ư? Sợ múa may ư? Sợ không thấy được hư thực ư? Anh tránh cái giả này bằng cách bám vào một cái giả còn lớn hơn nữa! Cái anh gọi là chân lý, là hạnh phúc, chẳng qua chỉ là ảo giác. Cái anh gọi là lối thoát toàn vẹn, là đại đạo, là... là đủ thú tuyệt đối mỹ miều, chẳng qua chỉ là một cách lừa mình và làm khổ người. Cảm thông với vạn vật! Hòa nhập vào cái đại thể của vũ trụ! Thở được cùng một nhịp với đá và hoa cỏ! Nghe được tiếng cười của nắng! Anh còn nghĩ ra được bao nhiêu điều huyền diệu nữa, trong khi chính anh, vâng, chính anh thu mình trong cái xó vườn này, cố ý làm ngơ không biết nỗi khổ tâm của chị, nỗi lo âu của mọi người.

Anh tưởng có thể lấy thúng úp voi được sao? Càng tỉnh tọ, anh càng phải cố làm thui chột cảm giác của anh, ép buộc đầu óc anh chịu đổi giả làm thực, đổi đen làm trắng. Anh đừng cười như thế nữa. Anh phải nhìn cho rõ cái thực của anh rồi muốn làm gì hãy làm, chê bai, chê giễu ai cũng được.

Kiên nghiêm mặt lại, chậm rãi hỏi Lãng:

– Bộ mặt thực của anh là gì? Lãng thử nói đi.

Lãng hỏi:

– Anh chưa thấy sao?

– Thấy chứ! Nhưng đứng trong nhà nhìn qua cửa sổ khác với đứng ngoài trông vào. Lãng đừng ngại. Anh không giận chú đâu. Nói đi!

– Anh như con tầm tịt nhả tơ làm kén để gói mình.

– Đây là một lời khen, không phải chê. Bậc trí ở đời ngồi một chỗ có thể biết được mọi sự, nhìn một sợi tóc cũng đủ biết lẽ lớn nhỏ của bốn phương. Tụ gói lại để hàm dưỡng. Đến một lúc nào đó, phải đục thủng cái kén óng ánh đó hóa thành con ngài mà bay ra.

– Không. Anh tự quán lấy mình mà tưởng là đang trên con đường đạt đạo. Khổ quá. Anh không muốn nhìn sự thực.

– Thì chú cứ nói phăng cái sự thực phũ phàng ấy đi. Còn chờ gì nữa. Biết đâu chuyến này chú đi không về. Anh còn chờ chú đến lúc nào?

– Anh đã muốn, em không ngại nữa. Cái thực của anh ư? Anh yếu đuối

mà kiêu căng. Anh ngại khó, nên lúc nào cũng tìm một con đường dễ để khỏi đau đớn thấy mình yếu đuối. Cả đời anh, anh đã làm được gì? Thất bại. Thất bại. Hết thất bại này đến thất bại khác. Anh bằng lòng lấy chị không phải vì cao thượng, ân nghĩa mà chỉ vì anh nhận cái gì có sẵn, cái gì vô tình gặp trên đường. Anh khỏi phải thử thách, cố gắng. Thiên hạ sau đó có đàm tiếu chẳng? Anh lại được dịp thấy mình cao thượng, kẻ cả, vượt lên tất cả thị phi. Những điều ấy đều giả chẳng khác nào cái cảm giác anh gọi là hạnh phúc lúc gò mình ngồi ôm cục đá. Anh đánh lừa anh quá lâu rồi. Đủ rồi! Anh nên chấm dứt làm khổ mình và làm khổ kẻ khác. Đây, em đã nói hết, một lần cho xong. Em không nói thì không ai dám nói. Không bao giờ có dịp để nói nữa. Anh có giận, em xin chịu!

Kiên lắc đầu chậm chậm, dịu dàng bảo Lãng:

– Chú lầm rồi. Anh không giận chú đâu. Chú nói không sai! Nhưng chỉ đúng có một phần. Chú chỉ đủ sức thấy được cái kén, mà không đủ sức thấy được cái gì có trước cái kén, cái gì có sau cái kén. Cả đến cái kén chú cũng chỉ thấy được phần hình, sắc, mà chưa thấy được chính nó. Anh hiểu chú, và thương xót chú. Chú ngồi dịch lại đây, không lại nằng.

Lãng làm theo lời anh, lòng ấm ức nhưng không biết phải tranh luận với Kiên thế nào cho ngã ngũ. Kiên nhắm mắt lại, đưa hai bàn tay bụm lại như muốn hứng một vật gì sắp từ trên trời rơi xuống. Kiên lăm bắm những gì Lãng không nghe rõ. Lãng khó chịu, run run hỏi:

– Anh còn muốn nói chuyện với em nữa không?

Vẫn nhắm mắt và mỉm cười, Kiên nói:

– Chú cứ nói tiếp đi. Nhớ nói, chứ đừng bập bẹ học nói. Cũng như chém giết là một cách bập bẹ học sống. Kẻ đạt đạo thường lặng lẽ. Sự sống thực, tự nó sinh và diệt, không cần nhờ đến ai. Nào, chú nói tiếp đi!

Lãng vùng vằng đứng dậy. Cho đến lúc anh sắp đi khỏi vườn, quay lại nhìn, Lãng thấy Kiên không mở mắt.

✱

Vợ Kiên lo lắng đón Lãng ở hông quán, thì thào hỏi:

– Sao chú? Anh ấy có nghe chú không?

Lãng buồn rầu, lắc đầu, không nói gì.
Vợ Kiên đỏ hoe cặp mắt, chán nản nói:

– Thật là Trời hành! Mẹ con tôi có tội tình gì mà khổ thế này! Nhưng anh ấy có mở mắt nhìn chú không? Có nói gì với chú không?

– Có, chị ạ.

Vợ Kiên mừng rỡ hỏi:

– Thế à! Anh ấy nói những gì?

Lãng lúng túng, chưa biết phải thuật cuộc đối thoại giữa hai anh em thế nào.
Người chị dâu hấp tấp hỏi tiếp:

– Anh ấy có chịu vào nhà không?

Lãng kinh ngạc hỏi:

– Chị nói gì vậy? Anh ấy không vô nhà à?

Đến lượt vợ Kiên ngạc nhiên:

– Cô An không nói gì với chú sao?

– Có. Chị ấy bảo chị gọi em qua đây gấp, khuyên anh Kiên vài lời.

Vợ Kiên đưa hai ngón tay bóp đầu mũi, rồi lấy khăn chùi nước mũi nhiều lần, đến nổi đầu mũi và mép môi trên đỏ rần. Giọng chị kể lể:

– Anh ấy mới trở chứng chừng vài ba hôm thôi. Mấy hôm trước đến bữa ăn, anh ấy còn vào. Tối sương xuống cũng vào đi ngủ. Đột nhiên mấy hôm nay anh ấy ngồi luôn cả đêm, ai hỏi gì không nói. Tôi, thì anh ấy giận dữ, chê là dốt nát không thềm nói cũng được đi. Đến con Út hằng ngày anh ấy cưng chiều nó, thế

mà tôi sai nó ra vườn năn nỉ, anh ấy cũng không mở miệng. Trước khi trở chúng, anh ấy có bảo con Út là anh ấy sắp “nhập đạo”, đừng ai quấy rầy anh ấy. Chú xem, “nhập đạo”! Nhập áo quan thì có! Quán đông người ra vào, người tử tế thì ít mà dân vô lại uống quít lại lắm. Không có đàn ông trong nhà, chúng nó đánh hơi được, nên càng lộng. Buôn bán thế này có ngày cụt vốn chết đói cả mẹ con. Anh ấy có hứa gì không chú? – Không, chị ạ!

– Thế anh ấy nói gì với chú?

Lãng cố gắng tóm tắt những điều anh em tranh luận nhau, nhưng vợ Kiên không hiểu gì cả. Rõ ràng chị nghi ngờ cả sự sáng suốt của Lãng. Chị chán nản, hỏi em chồng:

– Nghe nói chú sắp đi xa phải không?

– Vâng, chị ạ.

– Tôi cũng thấy khách uống rượu bàn tán xôn xao lắm. Họ bàn tính trước chuyện đi buôn Đàng Ngoài. Nghe họ bảo đem gạo ra Thuận Hóa bán, lời nhiều lắm. Cầu trời cho chú được bình yên. À, chú Lợi có đi không?

– Anh ấy cũng phải theo quân, chị ạ!

– Chú ấy lạnh, thế nào cũng phát tài. Chỉ còn bọn đàn bà chúng tôi ở lại. Quán này chắc sẽ ế ẩm. Làm sao sống đây! Tôi đã nhắn cậu em chồng tôi ngoài Thăng Bình, nhờ cậu ấy vào giúp tôi trông nom quán một thời gian. Tôi cho tiền phụ trạm, không biết hấn có giúp thực hay không. Cậu ấy vào thì chị em đùm bọc nhau, nếu cần dắt díu trở ra ngoài đó nương nhờ bà con, chú ở đây...

chú tính, mẹ con tôi thế này, anh Kiên lại thế này... Chú vào nhà uống chén trà đã.

– Thôi, chị cho tôi về. Ngày mai rảnh tôi lại cố sang, xem anh Kiên có đổi ý hay không.

– Làm phiền chú quá. Thật đúng là tội trời! Hôm nào đi chú nhớ cho tôi hay nhé. Trời sinh giấc làm chi! Hết giấc này đến giấc khác. Chú về nhé. Cảm ơn chú.

Chương 61

Lợi đình ninh còn nhiều thì giờ để xếp đặt chuyện gia đình, vì đạo bộ binh do Phó tướng Nguyễn Hữu Chinh chỉ huy chưa ổn định xong hàng ngũ và vũ khí. Bất ngờ vào 20 tháng Tư, có lệnh gọi Lợi đến trình diện gấp tại bản doanh của Long Nhương tướng quân. Cả Nguyễn Hữu Chinh cũng không biết Nguyễn Huệ gọi Lợi đến làm gì.

Tuy hoang mang, nhưng Lợi tin ở tình quen thân lâu ngày giữa anh và Nguyễn Huệ, ân nghĩa thầy trò giữa ông

giáo và Huệ, cố tin cả vào tình cảm giữa Huệ và An. Tên lính mang lệnh khẩn chờ để về một lượt với Lợi, khiến anh không thể ghé tạt về Bằng Châu được. Lợi đến bản doanh thì Nguyễn Huệ đã chờ anh sẵn tại căn phòng kín đáo phía hữu với một cụ già râu tóc bạc phơ, thân thể quắc thước. Lợi trông cụ già, nhớ hình như đã gặp ở đâu, nhưng không thể xác định rõ gặp lúc nào.

Nguyễn Huệ chờ cho Lợi ngồi ngay ngắn trên tràng kỷ mới trở cụ già và hỏi:

– Anh còn nhớ thầy đây không?

Lợi e dè đáp:

– Hình như tôi có được quen. Có lẽ cụ là... cụ là...

Cụ già cười, đáp:

– Anh quên tôi rồi. Anh quên cũng phải, vì hồi đó anh chỉ ghé qua tiệm thuốc bắc có vài lần. Tôi là thầy Tầu dạy võ ở An Thái đây.

Lợi nhớ lại quá khứ, vui mừng nói:

– Hóa ra thầy. Thầy già đi nhiều nên con không nhận ra. Thầy vẫn còn ở An Thái?

Người thầy võ đáp:

– Vâng.

Lợi nói:

– Con trông thầy vẫn mạnh mẽ tráng kiện như trước.

Nguyễn Huệ sốt ruột, nói ngay:

– Sau này ta sẽ có nhiều thì giờ hỏi thăm nhau. Bây giờ phải bàn ngay vào

việc chính, để kịp sửa soạn tối mai xuống thuyền.

Lợi ngạc nhiên định lên tiếng hỏi, nhưng Nguyễn Huệ đã ra dấu bảo chờ cho ông nói hết.

– Các chi tiết, thầy đây sẽ giải thích cặn kẽ cho anh sau. Ngay bây giờ, anh qua bên dinh quan Tiết chế để nhận lệnh xuống kho lựa hàng hóa. Mấy lần ra cửa Hội và vào Gia Định anh đã quen các loại hàng Tàu rồi. Nếu một thương thuyền từ Quảng Đông cập bến cửa Hội, thì khách buôn Quảng Đông sẽ mang theo thứ gì?

Lợi thành thạo kể:

– Hàng Quảng Đông mang sang bán bên ta gồm sa, đoạn, gấm, vóc, vải, các vị thuốc, giấy vàng bạc, hương vòng, các thứ đồ giấy, kim tuyến, ngân tuyến, các thứ phẩm, y phục, giấy tốt, nhung,

kính, pha lê, quạt giấy, bút, mực, kim, cúc áo. Cổng kênh hơn thì có các loại bàn ghế, các thứ đèn lồng, các thứ đồ đồng, các thứ đồ sứ đồ sành. Về thức ăn uống thì mang sang bán cho ta chè, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh, miến, bột mì, trám muối, dầu Thái, trứng muối, tương gừng, tương ngọt, kim châm, mộc nhĩ, nấm hương...

Nguyễn Huệ ngăn lại, nói:

– Thôi đủ rồi. Đây là một chuyến buôn hàng sang trọng, nên anh chỉ lựa chọn các loại hàng quý, như thuốc bắc, sa, đoạn, gấm, vóc, quạt giấy, đèn lồng, các thứ đồ sứ mỏng, các thứ đồ đồng có chạm trổ. Anh qua bên kho lựa mỗi thứ một ít, sao cho đủ một chuyến buôn lớn. Nếu còn thiếu, ta sẽ ghé qua cửa Hội lấy thêm. Từ bây giờ tới tối anh chọn xong được không?

Lợi e dè đáp:

– Tôi sợ... tôi e bên kho không có sẵn.

– Quan Tiết chế sẽ giúp anh việc đó. Làm sao để sáng sớm mai có đầy đủ hàng hóa để khởi hành. Tối mai thuyền phải ra khỏi cửa Thị Nại. Anh định ghé về nhà chứ gì? Không cần. Tôi sẽ nhờ Lãng tin cho An hay. Vả lại việc này tối mật, ngoài anh và thầy đây, không ai được biết thuyền từ đâu tới, và sẽ đi đâu. Anh còn hỏi gì nữa không?

Lợi bị bất ngờ nên không còn biết hỏi gì nữa. Nguyễn Huệ quay sang người thầy Tầu nói:

– Mọi việc sẽ xong. Xin thầy cứ yên tâm nghỉ ngơi. Khi nào khởi hành, sẽ có lính đem võng qua đón thầy. Chắc từ

đây đến tối con không gặp lại thầy được. Chúc thầy thượng lộ bình an. Đến nơi, sẽ có người đón thầy để đưa vào thành và xin tiếp kiến với hân.

Long Nhương tướng quân đứng dậy có ý từ khách. Người thầy võ và Lợi biết ý, cúi chào rồi lui ra khỏi phòng. Hai người lính hầu đã đợi họ sẵn trước cửa, để dẫn cụ già về chỗ nghỉ ngơi và dẫn Lợi sang dinh quan Tiết chế Nguyễn Lữ.

✱

Vì đạo bộ binh do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy xuất quân trước hai đạo thủy quân của Phò mã Vũ Văn Nhậm và Tiết chế Nguyễn Lữ, nên nhà vua dành riêng một buổi sáng để dặn dò riêng viên tướng chỉ huy.

Hai anh em bỏ hết cung cách triều đình, ngồi nói chuyện y như lúc họ chưa khởi nghiệp. Nhà vua mặc bộ quần áo lụa vàng đơn giản, đầu quấn cái khăn đỏ, còn Nguyễn Huệ thì mặc nhung phục nhà võ. Nhà vua hỏi:

– Chú đã sẵn sàng cả chưa?

Nguyễn Huệ đáp gọn:

– Xong rồi ạ.

– Thím có thút thít như lần trước không?

Biết vua anh hỏi đùa nên Huệ không trả lời, chỉ mỉm cười thay cho lời đáp. Vua Thái Đức bắt đầu nghiêm sắc mặt để căn dặn:

– Lần này khác hẳn các lần trước, chắc chú đã hiểu vì sao rồi. Họ Trịnh

chiếm Thuận Hóa đã mười năm, trật tự kỷ cương chắc chắn là vững chãi hơn trong Gia Định. Thành lũy, dinh trại của họ kiên cố hơn. Quân Bắc hà đánh giặc giỏi hơn. Chú không dự trận Cẩm Sa, nhưng đã biết họ tiến thoái có qui củ, có lẽ lối, mình không thể liều mạng thủ thắng được. Đã đành từ lâu quân Trịnh không chiến đấu nên việc phòng thủ có trễ tràng. Nhưng chú chớ có khinh địch. Ta không đông hơn họ, địa thế Thuận Hóa lại hiểm trở, phần tiện nghi ở về phía thủ hơn là phía công. Chú coi, như địa thế Hải Vân chẳng hạn. Núi cao hiểm trở ăn sát biển. Từ lưng núi trở lên mây mù bao phủ ngày đêm, cách nhau mấy bước không thể trông rõ nhau. Sát biển có một quả núi thấp không gồ ghề lắm, nhờ thế người xưa mới mở lối thông thương nam bắc. Nhưng so với đồng bằng Quảng Nam, từ Cầu Đê nhìn

lên, đèo vẫn cao chót vót. Càng lên cao đường đèo càng quanh co, mây giăng kín đỉnh Lũy. Sườn núi bên phía đông dốc đứng không thể bám víu leo lên được, quãng biển ấy thường sóng to gió lớn, ghe thuyền sợ qua lại. Do đó muốn vượt đèo, bộ binh chỉ còn một con đường độc đạo hiểm trở. Quân Trịnh biết thế nên chỉ cần canh giữ thật kỹ đèo Hải Vân là yên tâm mặt nam. Chú không dùng thủy quân để đánh Hải Vân được, mà cũng không thể dùng thật nhiều quân bộ bao vây áp đảo như đã làm trong Gia Định. Núi non hiểm yếu đứng về phe họ. Phải dùng trí. Ta tin chú có thừa tài năng để nhanh chóng chiếm đỉnh Lũy trước khi đổ xuống sườn đèo phía bắc hợp lực với thẳng Nhậm và chú Bảy bao vây Phú Xuân

Nghỉ một lúc để cầm chén trà uống cạn, nhà vua nói tiếp:

– Phải dùng trí mới chắc chắn thủ thắng. Không biết ông thầy võ An Thái có làm được cơm cháo gì không, hay lại mất toi một số hàng Tàu cho tên Quận Tào. Dù thế nào chẳng nữa, đã có Đô đốc Chinh bên cạnh chú. Không có cái gì bên kia đèo Hải Vân mà ông ấy không am tường. Cần quyết định việc gì, cần bày ra mưu kế gì, chú hãy gọi ông ta đến mà bàn cho kỹ. Trời gửi ông ta vào để giúp ta đấy. Đừng vì bất cứ lẽ gì mà bỏ phí đi!

Nguyễn Huệ ngừng lên nhìn vua anh hỏi:

– Có thể tin được ông ta không? Hay không khéo chuyến này ta chỉ mất công làm tổ cho quạ đẻ trứng!

Vua Thái Đức nóng nảy nói:

– Chú không được nghĩ thế. Ông ta theo chân ta trở về Bắc tất bị Bắc hà xem là tên công răn cắn gà nhà. Bọn sĩ phu Bắc hà vốn ỷ vào cái bụng chữ Nho nên vừa kiêu căng vừa cố chấp, không bao giờ dung tha cho Cống Chính. Ông ta không thể bỏ ta được. Bỏ ta, ông ta sẽ bị dân Bắc hà hùa nhau đâm chém như đâm chém một tên phản bội.

Giọng Nguyễn Huệ cũng bắt đầu gay gắt:

– Nhưng hẳn... nhưng ông ta âm thầm thu xếp để cả gia đình theo quân ra Bắc. Anh chưa biết chuyện ấy sao?

Nhà vua cười:

– Sao lại không biết! Chính ta khuyên ông ấy nên đem gia đình theo. Vì sau

khi lấy lại được Thuận Hóa, chỗ cần đến ông ta không phải là Qui Nhơn, mà là Lũy Thầy. Giao cho ông ta trấn giữ mặt nam sông Gianh. Ông ta thích thế. Và ta cũng thích thế.

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

– Nếu thành Phú Xuân sụp đổ nhanh chóng mà Bắc hà không dám làm gì, thì Bắc hà yếu ớt lắm rồi. Bắc hà yếu thì mặt bắc không kiềm chế nổi Chỉnh. Ngược lại, hử... ngược lại ông ta có thể liên lạc với đám tay chân cũ của Quận Huy để mưu đồ đại sự. Ông ta có đủ mưu trí và khả năng để làm nổi việc đó. Bấy giờ, chính ông ta lại trở thành hiểm họa của Thuận Hóa chứ không phải là cái mộc che cho Thuận Hóa. Nếu sau này tình thế xảy ra như vậy, thì có khác nào ta thả hổ về rừng!

Vua Thái Đức cười khẩy rồi bảo em:

– Chú nói cái gì thế? Thả hổ về rừng!
Còn chú ở đây làm gì! Chú sợ hấn sao?

Nguyễn Huệ đột nhiên hồi hộp, tim đập nhanh hơn. Nghe đến hai tiếng “ở đây” của vua anh, ông nhớ lại lời Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên ông nên biệt lập ở Thuận Hóa để tránh hậu hoạn. Nguyễn Huệ mím môi để lấy thêm can đảm, ngừng mắt nhìn thẳng vào mắt nhà vua. Tuy không tìm ra điều gì khả nghi, nhưng ông vẫn nhất định tin rằng nhà vua bắt đầu e ngại ông, muốn ông cầm quân đánh chiếm Thuận Hóa để trở thành một tướng biên viễn cho cương giới phía bắc. Thấy em đỏ mặt cau có, vua Thái Đức tưởng Nguyễn Huệ giận vì lời nói khích của mình. Nhà vua cười đã lâu bảo em:

– Anh chỉ nói đùa đấy thôi. Chú đừng giận. Hãy yên tâm ra đi. Anh hoàn toàn tin tưởng ở chú. Sau trận này, ta lấy lại được tất cả đất đai Nam hà, lúc đó để hiệu mới thực xứng đáng. Thiên hạ không ai dám dị nghị gì nữa. Chú cần gì nữa không?

Nguyễn Huệ đáp:

– Dạ không cần gì cả. Em chỉ đi vài tháng, rồi về ngay thôi! Chuyến này đổi ra hướng bắc, nhưng cũng chẳng khác các chuyến vào nam là mấy. Xin anh yên lòng!

Nguyễn Nhạc chau mày bảo:

– Chú lầm rồi! Chú sắp đặt chân vào lãnh thổ một nước lâu bền hàng mấy trăm năm, chứ không phải vào một vùng sông rạch bùn lầy dân cư thưa thớt

như trong Gia Định. Chú không thấy hết được các hệ quả của trận này đâu. Cả anh cũng vậy. Cho nên anh phải dài dòng căn dặn chú cả buổi sáng. Chú nhớ nhé. Lấy Thuận Hóa xong, chú báo ngay về đây. Thế nào ta cũng ra đó để liệu lý các việc kế tiếp. Chú chớ quên!

✱

Nghe Lãng báo tin Lợi đã đi từ sáng sớm hôm qua, An cũng sờ đến độ không nói được lời nào, trố mắt, há hốc mồm nhìn Lãng. Lãng không ngờ chị xúc động như vậy, và anh kinh ngạc một cách chua chát. Dù An lấy chồng đã hơn mười năm, đã có hai mặt con với Lợi, dù cuộc sống chung đựng đã giúp Lãng quen thuộc với cái tính mau miệng hời hợt của ông anh rể, Lãng vẫn không thể thực sự thân

thiết được với Lợi, chứ đừng nói đến chuyện nể trọng. Anh tin đã hiểu chị như hiểu chính mình. Trong mấy anh em, Lãng chỉ tâm sự được với An. Cho nên anh tin chắc rằng dù bằng lòng lấy Lợi, An vẫn xem thường chồng. Cuộc sống sau ngày cưới đối với An chỉ là một thói quen, tẻ hơn nữa, một sự chịu đựng. Phần cao đẹp hai chị em cùng mơ ước tuy không bao giờ với tới được, nhưng nó vẫn còn đó qua sự im lặng e ấp giữa hai người. Nhiều lúc An chỉ cần hấp háy đôi mắt, ậm ừ muốn nói rồi thôi, Lãng đã hiểu chị muốn nói gì. Ngược lại, chỉ cần nghe Lãng nói quanh co những việc thiếu mạch lạc không biết của ai, An đã đỏ mặt quay đi.

Như vậy thì tại sao An lại sợ hãi đến thất sắc khi nghe tin Lợi đã đi. Cái gì đã khiến An xúc động tột độ? Tình

vợ chồng chẳng? Cụ thể tình vợ chồng đó thể nào? Sự thương mến cảm phục chẳng? Không. Lợi không có gì để An cảm phục, và sự thương mến cao đẹp An cũng không dành cho chồng? Tình chăn gối chẳng? Có thể như thế được sao? Chị ấy có thể “sa đọa” đến nỗi tình chăn gối có thể đánh bật được tất cả các e ấp cuống quýt của tình yêu, lòng tương kính tha thiết, vẻ đẹp của đời sống tri thức?

An càng tỏ ra đau đớn thì Lãng càng bức dọc. Anh thảng thốt hỏi:

– Có gì đâu mà chị tái mặt thế?

An sắp bật khóc khi hỏi:

– Có gì bất ngờ vậy Lãng? Tại sao anh ấy không về nhà? Có gì nguy hiểm em giấu chị phải không?

Lãng gất:

– Có gì đâu mà chị làm như trời sập vậy? Anh ấy có công việc gấp phải đi ngay không về báo cho nhà biết được, thế thôi.

– Nhưng chuyện gì mới được chứ?

– Chuyện gì em cũng không biết!

An bẻ lại:

– Không biết mà Lãng bảo không có gì đâu!

Rồi đột nhiên, An khóc bù lu bù loa:

– Hay người ta lại ganh ghét anh ấy, đày anh ấy đi xa cho mất xác. Anh ấy có tội tình gì mà tự nhiên buộc anh ấy phải xa vợ con, không được nói lấy một lời, không được đem theo cả quần áo. Chị biết mà, mọi người đều ganh tị với anh ấy. Chúng nó không để cho anh ấy sống yên.

– Thôi chị đừng làm âm lên nữa. Không có ai hãm hại ai đâu. Cũng không có ai thèm ganh tị anh Lợi làm gì. Em nói cho chị biết, chính ông Long Nhường, chính anh Huệ ra lệnh cho anh ấy đi gấp đấy!

An thôi khóc, ngược mắt nhìn Lãng, chưa hoàn toàn tin lời em. Phải một lúc sau, An mới hỏi:

– Ông ấy sai anh Lợi đi đâu vậy?

Lãng thành thực đáp:

– Em không biết.

An hỏi dồn:

– Đi làm gì?

– Em cũng không biết!

– Ông ấy không nói cho Lãng biết sao?

– Không.

– Vậy thì ai bảo Lãng về đây báo tin?

– Anh Huệ!

An lại bù lu bù loa:

– Như vậy là đúng rồi. Ông ấy muốn giết anh Lợi, không muốn anh Lợi ngóc đầu lên nổi.

Lãng tức giận, gằn như quát lên:

– Anh ấy hãm hại anh Lợi làm gì?

Câu hỏi bất ngờ thốt ra trong cơn nóng giận cùng khiến cho hai chị em giật mình. An cúi đầu để che giấu bối rối. Còn Lãng thì đăm đăm nhìn chị, thương hại.

Họ làm hòa với nhau, từ đó tránh

không muốn nhắc đến chuyện Lợi nữa. Chính An sẵn đón, tìm mọi cách để che lấp, để quên câu chuyện hai chị em tranh luận vào buổi sáng. An đề nghị cùng đi với Lãng sang thăm Kiên. Kiên đã thôi không ngồi suốt đêm ngày ngoài vườn để tĩnh tâm từ hôm trước. Anh sống bình thường trở lại, gần như không hề có việc gì xảy ra. Trong câu chuyện, Kiên cũng tránh trở lại đề tài gay go. Kiên chỉ hỏi bao giờ Lãng đi, và khi nghe Lãng trả lời mù mờ, anh không hỏi gặng. Vả lại, ba anh em có quá ít thì giờ để nói với nhau nhiều điều. Bọn mã phu, những người lính sắp ra trận dốc túi chè chén trước khi xuất quân nên lúc nào quán rượu cũng đông nghẹt khách. Kiên vừa nói chuyện, vừa lo lắng xăng giúp đỡ vợ. An và Lãng thấy không còn chuyện gì để nói nữa, xin phép ra về. Kiên không giữ lại, chỉ dặn An:

– Khi nào cần gì, em cứ sang đây. Mấy cháu vẫn thường chứ?

An đáp:

– Vâng. Em về!

Buổi tối trước khi Lãng vào trại, chính An nhắc lại các kỷ niệm cũ, thời gia đình còn ở Thuận Hóa. Lãng thời đó quá bé không nhớ được gì. Còn An thì chỉ nhớ những mảnh vụn của quá khứ. An bảo em:

– Chị tin thế nào mình cũng thắng. Chắc chắn em được có dịp về Thuận Hóa trước chị. Em với anh Lợi thử tìm lại căn nhà cũ xem sao.

– Em đâu biết đường!

– Để chị vẽ cho. Không biết có đúng không. Căn nhà đó nằm bên bờ sông

đào, phía trước có một rặng tre. Sát bờ sông có con đường nhỏ dẫn lên đường cái quan.

Lãng cười nói:

– Chị chỉ dẫn như vậy thì có thánh mới tìm được.

An trực nhớ, vui mừng nói:

– Hay là em tìm thăm bác Ngô Thế Lân! Bác là bạn thân của cha. Em xưng là con của ông giáo Hiến, thế nào bác cũng vui mừng. Nhưng bao nhiêu năm qua rồi, biết bác còn sống không!

– Em sẽ tìm. Chắc ngoài kinh còn có nhiều người biết cha. Chuyến này ra Thuận Hóa chẳng khác nào được hồi hương, chị nhỉ.

An mơ màng nói:

– Hồi hương! Quê hương ta ở đâu? Không. Chị xem quê hương là An Thái, không phải Thuận Hóa. Không phải An Thái bây giờ, mà An Thái của thời nhỏ. Em có nhớ chuyện cây gạo không?

✱

Trong mấy ngày đạo bộ binh tạm dừng tại dinh Chàm (Quảng Nam) để lấy thêm quân, Lãng không có thì giờ rảnh để xem quyển “bữu bối” Kiên đưa cho anh trước ngày lên đường. Kiên quanh co nói đủ chuyện tầm phào, đến lúc chia tay về mới nhét cuốn tập nhỏ bằng bàn tay vào tay em lí nhí dặn:

– Em đi xa, gặp gì khó khăn cứ giờ xem cuốn này là rõ. Anh có ghi đủ cách giải quyết mọi chuyện buồn phiền.

Lãng muốn xem ngay tập ghi chép lạ đó, nhưng cuối cùng, Lãng đành được tò mò. Anh muốn kéo dài chờ đợi, để thưởng thức điều kỳ thú được nhiều nhất. Chưa đọc, Lãng đã đoán Kiên dồn hết tâm sức vào cuốn ghi chép, xem đó là tích lũy của biết bao chiêm nghiệm, suy tưởng trong thời gian tĩnh tâm. Có thể nào đọc vội đọc vàng công trình vĩ đại ấy được!

Lãng hẹn đến dinh Chàm sẽ lấy cuốn bữu bối ra đọc. Anh lầm. Dinh Chàm không phải là chỗ an dưỡng. Biết bao nhiêu công việc chờ Lãng ở đấy! Long Nhượng tướng quân, Phó tướng Nguyễn Hữu Chinh và Trấn thủ Quảng Nam hội họp liên miên để chuẩn bị lần chót cho cuộc tiến công, và yêu cầu quan trọng hàng đầu là làm thế nào giữ bí mật cuộc chuẩn bị ấy cho đến phút chót.

Việc trưng binh vừa khẩn cấp vừa kín đáo. Phải giữ cho bộ mặt sinh hoạt phía nam đèo Hải Vân hoàn toàn bình thường, đồng thời vẫn tiến hành các cuộc tập hợp, điều động quân lính đến các điểm đã định để chuẩn bị nổ súng.

Vì thế, vào những ngày quang đăng mây thưa, từ trên đỉnh Lũy nhìn xuống mặt biển phía nam, những người lính Bắc hà vẫn thấy thuyền đánh cá của dân chài giương buồm ra khơi, để ngậm ngùi ao ước được quá giang một trong những chiếc thuyền nhỏ đó, lênh đènh trên sóng nước, thoát khỏi cảnh sống buồn chán tù túng trên đỉnh cao heo hút. Họ cũng phải chịu đựng cái hành dịch nhàm chán mỗi ngày là khám xét hàng hóa của các đoàn khách buôn thường ra vào giữa Quảng Nam-Thuận Hóa. Công việc của họ nhọc nhằn hơn, vì số con buôn mỗi

ngày thêm đông đảo, phần lớn đem gạo và quế Quảng Nam ra bán cho Thuận Hóa. Bù lại, mấy ngày gần đây, họ được biếu xén hậu hĩnh. Mỗi con buôn, có lẽ vì được lời nhiều, đều biếu cho trạm xét hoặc rượu ngon Thăng Bình, hoặc thịt quay, hoặc nếp thượng hạng. Giữa trưa trên đỉnh đèo gió rừng ẩm ướt vẫn rét buốt. Họ bày rượu thịt ra chén, dễ dàng cho các đoàn khách thương. Quan Đồn trưởng Quyền trung hầu (Hoàng Nghĩa Hồ) thông cảm cho tình cảnh lính thú ở nơi biên tái, làm ngơ cho thuộc hạ lấy rượu giải sầu. Lính trên đỉnh Lũy thở ra hơi rượu, đỉnh Lũy cũng say mù trong mây trắng. Không biết gì đến công cuộc chuẩn bị tiến công kín đáo mà qui mô ở dinh Chàm.

Góp nhóp mỗi ngày một ít, số quân tinh nhuệ của Long Nhương giả dạng

làm khách buôn lên đèo Hải Vân khá đông. Cộng thêm vào số người giả làm dân chài mỗi tối liều lĩnh bơi thuyền qua hang Giời đổ bộ vào bãi Lăng Cô để luồn rừng đi ngược về nam, tổng cộng quân số Tây Sơn tham dự tấn công đỉnh Lũy khoảng trung tuần tháng Năm Bính Ngọ (1786) đã vượt quá số quân Bắc hà đồn thủ. Vì vậy, khi bị đánh bất ngờ vào lúc chạng vạng tối mây giăng mù mịt, quân Trịnh không thể nào trở tay kịp. Họ bị tan vỡ nhanh chóng, lớp chết mà chưa kịp tỉnh khỏi cơn say và hết bàng hoàng, lớp thoát chết chạy lạc vào rừng để chết vì đói, chết vì thú dữ mấy ngày sau đó. Chủ tướng đồn Hải Vân là Quyền trung hầu Hoàng Nghĩa Hồ thì chết tại trận.

Đỉnh Lũy đổi chủ giữa mây khói bàng bạc mà sau đó, các đoàn khách thương vẫn đều đặn thổ hàng xuôi đèo ra Thuận

Hóa, thuyền dân chài vẫn giăng buồm qua lại hang Giời. Phú Xuân không biết gì hết, ngoài nỗi lo toan bận bịu cho một đàn chay lớn tổ chức ở chùa Thiên Mụ do Tào quận công Phạm Ngô Cầu đích thân đứng làm chủ lễ.

Giữa không khí sôi động hào hứng chung, Lãng không có thì giờ tò mò, mà cũng không thấy cần thiết phải giở tập bữu bối của Kiên để tra cứu. Anh cùng với đoàn tùy tùng của Long Nhương tướng quân vượt đèo Hải Vân vào ngày 17 tháng Năm Bính Ngọ, và quên bằng cuốn ghi chép của Kiên.

✱

Trước đó gần mười ngày, một tàu buôn Quảng Đông vào cửa Thuận cập

bến Phú Xuân mang theo toàn hàng hóa quý giá như gấm vóc, đồ sứ đồ đồng và thuốc bắc. Giá trị của hàng hóa, cùng số lượng các món hàng đó đã làm cho các quan trông coi Tàu vụ chóa mắt.

Nhờ thế, chủ tàu, một cụ già râu tóc bạc phơ thân thể quắc thước giống y một tiên ông trong các bức tranh Tàu, xin được yết kiến quan Trấn thủ Thuận Hóa là Tạo quận công không chút khó khăn.

Mâm lễ ra mắt khiến quan Trấn thủ bỏ hản dáng điệu mệt nhọc, gương mặt bí sị cau có thường ngày. Quan chịu khó ngồi ngay ngắn trên sập gụ, hai bàn tay mập ú chịu khó rút ra khỏi vạt áo gấm để vung vẩy múa may làm nhịp cho câu nói. Và giọng nói thì mất hản cái điệu lè nhè biếng nhác. Quan Trấn thủ hào hứng tiếp chuyện với cụ già chủ tàu, hết hỏi thăm khí hậu, thời tiết, phong tục Quảng

Đông là chuyển ngay qua chuyển làm ăn mua bán. Quan khen món này đẹp, món kia quý, món nọ bổ, nhờ mua thêm thứ này thứ khác. Rồi họ chuyển lần qua những điều tinh khiết, cao cả hơn như cách xử lý tiếp vật, vận mệnh đời người, sự phù du của nhân sinh. Tào Quận công thích thú khám phá ra kiến thức quảng bác của người khách buôn. Lời qua tiếng lại, đôi bên chuyển qua thuật xem tử vi. Người chủ tàu rụt rè xin phép được biết tuổi của quan Trấn thủ, rồi xin được xem tướng của quan. Cụ già bấm ngón tay lẩm lẩm tính toán một lúc, rồi lễ phép thưa:

– Bẩm ngài, tuổi Mậu Ngọ sinh ngày mồng 9 tháng Mười, giờ Dậu là mệnh lập tại cung Tuất, vô chính diệu, đắc Long, Phượng, Cái, Hổ, hội Cơ Lương, Cụ Nhật ở Quan Lộc, Thiên Di giao hội

là đại quý. Bẩm ngài Quận công, Phú Ma thị có câu:

Tứ linh Cái, Hồ, Phụng, Long

Công danh quyền thế lẫy lừng khắp nơi

Cung Quan lộc của ngài đóng tại cung Dần, cung này thuộc Mộc sinh phò cho Hỏa mệnh của ngài, lại được Cự nhật ngộ Hình, Hồ, hội Quáng, Quý, Thiên Mã, Trường Tinh, đó là cách đại tướng. Cung Nô của ngài lại được cách Thiên tướng ngộ Thiên quan, Thiên Phúc quý nhân, đó là địa vị ngài luôn được bề trên hết lòng nâng đỡ.

Quan Trấn thủ cười híp cả mắt, rồi gật gù:

– Bản chức cũng đã được nhiều thầy tử vi ở Bắc hà giải đoán tương tự như

thầy. Nhưng, bây giờ bản chức muốn hỏi nhà thầy điều này: Tại sao từ đầu năm đến giờ...

Người chủ tàu mỉm cười ngắt lời Quận Tạo:

– Bẩm Ngài, tiểu hạn năm Bính Ngọ này của ngài đến cung Thiên di, cung Thân thế của ngài cũng ở tại đó. Có hai vị Nam đầu tinh Cơ Lương tọa thủ, đang bị đám hung tinh Đà, Kỵ, Cô, Quả, Tang, Điều xâm nhiễu. Cung này lại là cung Thiên la, nghĩa là lưới trời bủa vây khắp nẻo. Do đó, việc dụng binh của ngài, nhất là phần việc an ninh đang bị thất lợi.

Quận Tạo xanh mặt sợ hãi, lắp bắp hỏi:

– Có cách nào hóa giải bọn hung tinh ấy không?

Người chủ tàu bóp trán suy nghĩ, bấm đốt ngón tay tính toán một chặp, rồi nói:

– Bẩm ngài, gốc đại hạn ở cung Quan lộc có Kiếp, Không, Hình, Tuế, Tang Hổ; lưu đại hạn đang ở cung Phúc Đức hội đủ bốn Diêu, Đà, Kỵ, Kiếp, Tuế, Kinh, thì họa vô đơn chí. Nguy lắm. Nguy lắm. Chỉ còn một cách hóa giải là phải lập chay đàn cầu cúng, đích thân ngài trai giới bảy ngày bảy đêm, thành tâm lễ bái...

Ban đầu, quan Trấn thủ còn bình tĩnh, gật gù mỉm cười xem lời bàn của viên chủ tàu Quảng Đông như chuyện mua vui. Nhưng càng nghe, quan càng chột dạ. Mặt quan biến sắc. Quan chồm hẳn tới trước để uống từng lời của cụ già, hai bàn tay no đầy chống lên mặt sập in hẳn thành hai dấu mồ hôi ướt và chua.

Mồ hôi cũng rịn khắp các lỗ chân lông, làm ẩm đến cả lớp vải gấm.

Cho nên sau khi sai quan hầu lo chỗ ăn chỗ ở tươm tất cho người chủ tàu và đám thủy thủ, quan vội vã ra lệnh lập ngay một đàn chay thật lớn ở chùa Thiên Mục để cầu cho tai qua nạn khỏi. Lệnh quan Trấn thủ được tuân hành răm rắp. Kẻ dưới quyền Tào quận công được dịp chứng tỏ lòng tận tụy trung thành và khả năng tổ chức của mình, dốc hết nhân lực vật lực cho cuộc chay đàn. Quân lính phục dịch cả đêm lẫn ngày, tiếng chuông tiếng mõ vang dội khắp một khúc quanh rộng của sông Hương.

Lễ trai đàn kéo dài đến ngày thứ bảy thì thành linh có tin cấp báo đại quân Tây Sơn đã lấy mất đỉnh Lũy, chủ tướng đồn Hải Vân là Quyền trung hầu tử trận, các đồn khác bên này đều tan vỡ, hiện

thủy quân Tây Sơn đã theo đường biển vào Phú Xuân, trong vòng sớm tối sẽ đến đây.

Tạo quận công hốt hoảng không biết phải làm thế nào. Quan quân sau mấy ngày đêm hầu hạ đàn chay sức lực đã yếu, nay nghe tin có giặc, ai nấy không còn hồn vía.

Tạo quận công vội cho tìm người chủ tàu để hỏi hậu vận, thì khách đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bấy giờ Quận Tạo mới biết mình bị lừa.

Chủ tớ sợ hãi ùn ùn kéo nhau chạy bộ về thành để lo chống địch. Cảnh tượng bát nháo vô trật tự khiến dân chúng cũng xôn xao, già trẻ dắt nhau tìm đường lánh nạn. Họ chạy chưa xa thì quân Tây Sơn đã đến, và bắt đầu khép dần vòng vây.

Chính Lãng được Nguyễn Huệ giao cho nhiệm vụ mang bức thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Phó tướng Phú Xuân Hoàng Đình Thể, nhưng lại cố ý đưa lầm sang cho Tào quận công Phạm Ngô Cầu để ly gián thêm hai kẻ vốn đã không ưa nhau. Nguyễn Hữu Chỉnh lấy giấy bút của Lãng để thảo lá thư ngay tại đỉnh Lũy, giữa cảnh đổ nát ngổn ngang và trong sương khói mù mịt. Chỉnh viết xong trình cho Long Nhương tướng quân đọc lại, rồi mới niêm kín giao cho Lãng. Thư viết:

Kính gửi Thể Quận công hiền hữu,

Tuy cách mặt nhau lâu ngày, kẻ bên này người bên kia đỉnh Lũy, nhưng đệ vẫn không thể quên cái tình sâu nặng giữa đệ với hiền hữu từ hồi hai ta cùng ở dưới

trưởng Huy quận công.

Cũng vì cái tình sâu nặng thiêng liêng đó, mà đệ có vài lời chân thực xin giải bày. Đệ vì cái loạn Nhâm Dần phải lánh nạn vào Nam nương náu ở đất Tây Sơn. Hơn bốn năm qua, đệ đã tận mắt chứng kiến sức mạnh của họ. Lời sấm ký của quan Bảng nhãn Lê Quế Đường quả thật không sai. Sức mạnh của chúa Tây Sơn không ai có thể chống cự nổi. Nào diệt họ Nguyễn ở Gia Định, nào phá tan mấy vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm, nào chinh phạt phiên trấn; các kỳ công ấy chắc hiền hữu đã nghe, đệ có nhắc lại cũng bằng thừa. Cho nên lần này họ tiến ra Phú Xuân đệ rất lo cho hiền hữu. Phàm làm tướng, ai cũng lấy chuyện đầu hàng là nhục nhã. Nhưng cái dũng của con nhà tướng không phải là nhắm mắt làm liều, húc đầu vào vách đá cứng. Đức Khổng phu tử nói: “Quân tử

nhi thời trung”. Đệ tin rằng hiền hữu đã hiểu hai chữ thời trung của đấng Vạn thế Sư biểu ra sao rồi!

Vì vậy, đệ không ngại ngừng đem cái ý thô thiển vụng dại kính nhắc hiền hữu nên tùy thời mà xử thế. Nếu hiền hữu bằng lòng khuyên binh sĩ xếp giáo đón tiếp Chúa Tây Sơn, đệ sẽ tìm hết lời giúp cho hiền hữu vẹn toàn phú quý. Việc khẩn cấp lắm rồi. Hiền hữu chớ nên do dự mà lỡ phận. Thư bất tận ngôn, mong hiền hữu đừng chấp.

Lãng nhập vào một toán lính Tây Sơn giả dạng làm khách buôn gạo ra Thuận Hóa, và khi các toán lính này dừng lại tập trung về điểm tập kết thì Lãng lại nhập vào đám dân chạy loạn đang ùn ùn kéo nhau trốn về thành Phú Xuân. Lãng đến

một địa điểm trong khu phố Thanh Hà để giao lá thư. Phận sự anh chỉ có vậy. Điểm hẹn là một cửa hàng bán thuốc bắc của người Tàu. Lãng giả vờ vào hàng hỏi mua thuốc, đến gần người lớn tuổi nhất trong cửa hàng để nói ám hiệu. Anh được dẫn ngay ra phía sau. Thật là điều thú vị bất ngờ cho Lãng: anh gặp Lợi đang ngồi thái thuốc bắc ở chái bên hữu.

Lợi nháy mắt ngấm bảo Lãng đừng tỏ ra vô vập vui mừng thái quá. Giao việc thái thuốc cho người khác, Lợi kéo Lãng ra sau vườn hỏi:

– Ở nhà thế nào? Chị lo lắm phải không?

– Còn phải nói. Em có đem lệnh ra. Giao cho ai đây anh?

– Lệnh gì thế?

– Anh đọc thì rõ. Có một bức thư phải giao ngay cho tên Trấn thủ.

Lợi ngạc nhiên tưởng Lãng nói lầm.
Lợi hỏi:

– Giao cho ai?

– Cho Trấn thủ Thuận Hóa Tạo quận công.

Lợi giở bọc vải xem bao cuốn thư, trở mắt nhìn Lãng:

– Của ông Cống gửi cho Phó tướng Hoàng Đình Thế mà!

Lãng không muốn dài dòng, nhắc Lợi:

– Anh đọc kỹ lệnh và làm y như vậy. Ông Long Nhương bảo phải đưa thư gấp nội nhật ngày hôm nay.

Lãng nhìn quanh khắp nhà, ngờ ngác hỏi:

– Sao nhà rộng mà vắng vẻ thế? Lại chẳng có đồ đạc gì cả.

Lợi cười:

– Cho chạy tránh loạn bớt rồi. Từ hôm qua cả phố xao xác vì quân lính Quận Tào từ trên Thiên Mục ùn ùn chạy về, đóng cửa thành lại để chuẩn bị cố thủ. Anh đã bảo ta không chạm đến dân đâu, chỉ cốt đánh tan quân Trịnh mà thôi. Nhưng đàn bà con gái trong nhà này vẫn không yên tâm. Thôi thì cho họ đi bớt cho đỡ vướng tay.

Lợi giở lệnh ra đọc kỹ, mặt hơi lo âu:

– Gấp quá không biết kịp không. Cửa thành lại đóng.

– Không giao thư được à?

– Được chứ. Vung tiền ra, việc gì chẳng xong. Bây giờ Lãng đi đâu nữa?

– Em phải về. Báo thế nào đây?

Lợi vênh mặt đáp:

– Chú cứ báo cho ông Long Nhường biết là tôi đã giao thư cho quan Trấn thủ. À, sẵn tiện chú báo thêm là ông thầy tướng Quảng Đông khéo đoán hậu vận của Quận Tào lắm. Hà hà. Đúng là tiểu hạn đại hạn đều “xung” cả.

Lãng nhìn quanh hỏi Lợi:

– Cụ ấy đâu rồi?

– Ở chỗ khác. Quận Tào biết bị lừa cho truy lùng ráo riết. Tạm thời phải lánh mặt đi. Chậc! Kể ra cũng uổng. Hàng Tàu đem cho chác biếu xén cũng khá nhiều.

Lãng không muốn cà kê kéo dài, vội bảo Lợi:

– Thôi em đi đã. Vài hôm nữa lại gặp nhau.

Lợi vội hỏi:

– Chị có nhắn gì cho anh không?

– Có. Chị bảo khi xong tìm cách về. Và qua thăm nhà cũ.

– Chuyện! Toàn chuyện không đâu. Thôi, chú đi đi. Nhớ báo là tôi sẽ làm y như lệnh. À quên, lúc nãy có người đến báo là chiến thuyền của ta đã đến cửa Thuận. Không biết ông Long Nhương đã được tin chưa. Chú báo cho ông ấy hay luôn tin ấy.

Chương 62

Lãng lại nhập vào đám dân Phú Xuân đang bồng bế nhau chạy tảo ra xa khu vực sắp giao tranh để trốn tai họa. Qua hai ngày đường quần áo của anh cũng xốc xếch nhem nhuốc giống y quần áo đám người lam lũ hốt hải trước cơn bão sắp tới. Trai tráng trốn đâu mất cả, chỉ còn có những người mẹ gánh một đầu là đứa con nhỏ ngồi gọn trong lòng thúng hai tay níu chặt lấy tao giống, đầu kia là một mớ lộn xộn nào quần áo rách, chăn mền, gạo, nồi, niêu, ấm... Những đứa trẻ biết đi thì ôm một cái bọc nhỏ

trước ngực cố chạy cho kịp mẹ. Nhiều đứa sợ quá vừa chạy vừa mếu máo khóc. Các cụ già chậm chạp đi sau con cháu, vì yếu sức nên chỉ ôm những vật nhẹ như chiếc chiếu, cái mền. Càng đến gần ngã ba đổ vào con đường thiên lý thì cảnh chạy loạn càng hỗn độn. Đám người chạy từ phía nam định vào thành gặp đám từ trong thành chạy ra, hai bên đều ngỡ ngàng không hiểu bên nào đúng bên nào sai. Số người bị dồn đến tăng dần, phía trước bối rối chưa biết tính sao trong khi phía sau nóng ruột, tức giận, quát tháo, chửi bới. Phía sau Lãng, có nhiều tiếng la to:

– Sao không tiến tới? Đứng lại chờ chết hả?

– Đi chậm như rùa! Bây giờ lại đứng đực ra đấy. Nhanh lên!

– Có nghe thấy không? Bước gấp lên các cha nội! Chạy giặc mà làm như đi dạo mát!

– Ối! Sao lại xô vào người ta, đồ quỷ tha ma bắt!

– Ai thèm! Tại phía sau cứ đẩy tới. Phía trước, sao lại đứng yên như trời trồng thế?

– Có giỏi thì chạy ra trước mà hỏi!

Đã đến lúc không khí trở nên khó thở hơn. Mùi mồ hôi xông lên ngọt ngọt. Trẻ con khóc chát chúa. Tiếng chửi bới, cãi cọ tăng thêm sức kích động cho đám người vốn đã dễ dàng hoảng hốt hay tức giận. Tình trạng bế tắc cứ nhè nhằng như vậy dưới ánh nắng thiêu đốt, cho đến lúc không biết từ đâu người ta truyền nhanh tin vui là quân Tây Sơn chỉ ra vây thành

Phú Xuân để diệt quân Trịnh chứ không động chạm gì đến tài sản, sinh mạng dân Thuận Hóa. Đồng thời từ ngã ba cũng chuyển ra phía sau chỗ Lãng đứng lời giải thích vì sao đường đi bị tắc nghẽn: Quân Tây Sơn đã từ đèo Hải Vân ra đến Quán Trà. Những người yếu bóng vía đã vội dắt díu nhau chạy trốn ra hướng bắc, hy vọng được ba vạn quân Trịnh ở thành Phú Xuân bảo vệ. Đến ngã ba, họ gặp đám người từ Phú Xuân tỏa ra khắp hướng cho xa thành để tránh loạn.

Trong lúc mọi người do dự chùn bước (nhờ thế cảnh xô đẩy giảm bớt) đột nhiên có người nào đó hét to:

– Bà con cứ yên tâm trở về nhà đi. Việc gì mà chạy. Tây Sơn là người Đảng Trong, mình cũng là người Đảng Trong. Cùng là dân một nước, tại sao lại sợ hãi nhau. Về nhà đi, bà con!

Nhiều tiếng reo hò đáp lại:

– Về đi! Về nhà! Không việc gì mà sợ!

Từ đám đông, một giọng đồng dục khác nói lớn:

– Thuận Hóa của ta bị Bắc Hà chiếm đóng từ mười năm. Bây giờ anh em Tây Sơn ra giành lại Thuận Hóa cho ta. Bà con hãy ở lại để đón tiếp anh em Tây Sơn. Tây Sơn vạn tuế!

Sau một lúc do dự, có vài lời đáp rồi rạc:

– Vạn tuế! Tây Sơn vạn tuế!

Rồi ngay sau đó, đám người chạy loạn lấy được tự tin, cùng nhau reo hò một cách cuồng nhiệt, hỗn loạn:

– Vạn tuế! Vạn tuế!

– Vạn tuế cái gì thế bác?

– Không biết. Chỉ nghe hô vạn tuế!
Nào! Vạn vạn tuế!

– Tây Sơn ra đuổi quân xâm lăng Bắc Hà đấy. Vạn tuế Tây Sơn. Đáng kiếp tụi quân Trịnh. Chuyển này chúng hết còn vênh mặt quát tháo với bà con Thuận Hóa nữa nhé! Vạn tuế Tây Sơn. Nào hô to lên nào. Tây Sơn vạn tuế!

Rồi không biết từ đâu, vài lá cờ đào được đưa cao lên, phất qua phất lại. Người cầm cờ đi đến đâu thì đám đông tự tránh rẽ đường cho họ đi tới trước. Nhờ vậy, chẳng bao lâu lá cờ đào đã đến ngã ba. Lá cờ lớn cột vào một cán trúc cao đi giữa, hai lá nhỏ cán ngắn so le nhau đi hai bên. Màu cờ đào như có sức thôi miên, hút đám người định chạy loạn ùn ùn đi theo, trở lại con đường dẫn vào

thành Phú Xuân

Lãng cũng suýt bị cuốn hút theo dòng người đột nhiên định hướng đó. Nhưng anh kịp thời nhớ đến phận sự. Anh lách khỏi đám đông, chụp dây cương của một con ngựa lạc chủ, nhảy lên yên phi nhanh về phía Quán Trà.

✱

Trong lúc thường dân ở Thuận Hóa phân nào yên tâm trước cơn sóng gió, thì các gia đình quân lính Trịnh ở ngoài thành Phú Xuân cuống cuống sợ hãi. Khác với những gia đình lân cận bỗng bề nhau chạy càng xa thành càng tốt, những người này kéo nhau vào thành để ẩn nấp. Nhưng chỉ có một số rất ít kịp vào thành trước khi các cửa thành đóng kín.

Số còn kẹt lại bên ngoài quá nhiều, tạo ra cảnh la hét, van xin, chen lấn, khóc lóc ở cả bốn cửa đông nam tây bắc.

Nơi có nhiều náo loạn nhất là cửa bắc.

Vì cửa thành đóng vội sau khi quân lính phục dịch ở chùa Thiên Mụ ùn ùn kéo về, nên có nhiều toán lính bận công việc khác ở xa thành lúc đó chưa thể về kịp. Họ bị kẹt lại ở ngoài thành, trong lúc các làng lân cận đã dáo dác hỗn loạn vì tin Tây sơn đã bắt đầu khép vòng vây, và nhiều lá cờ đào bắt đầu phát phối đây đó, ở những địa điểm thật bất ngờ, như trên nóc quán lá cách cửa bắc không xa, nơi bọn lính canh thường trốn ra uống trộm vài ly rượu trắng cho đỡ rét. Ngược lại, có những người lính đã vào được trong thành muốn ra ngoài vì chưa dẫn được vợ con vào nơi ẩn núp an toàn. Cảnh kêu

khóc, la hét, chen lấn khiến cho người chịu trách nhiệm canh cửa ban đầu khó chịu, về sau bắn khoản do dự, cuối cùng sợ hãi trốn mất. Tuy vậy cửa thành vẫn đóng im ỉm, cả bên trong lẫn bên ngoài chưa có ai dám phá tấm cửa sắt dày để thông thương.

Bọn lính canh báo động lên các quan trên. Lệnh truyền xuống buộc các đội canh cửa phải triệt để tuân hành, không được cho địch nhân cơ hội lọt được vào thành. Nắm được nghiêm lệnh, bọn lính gác tự tin hơn, quát tháo, dọa nạt, đuổi mọi người ra xa cổng thành. Nhưng chính họ cũng có vài người gặp hoàn cảnh oái oăm. Họ không thể làm ngơ trước nỗi lo sợ của thân nhân. Từ thái độ dứt khoát, họ hạ giọng, bối rối giải thích lẽ này lẽ nọ. Mối đe dọa phía ngoài ngày càng gần. Tin bộ binh Tây Sơn đã ra khỏi Quán

Trà, và thủy quân đã vào khỏi cửa Thuận cảng làm cho đám vợ con lính Trịnh mất bình tĩnh. Đàn bà con nít kêu khóc như sắp chết. Cầm lòng không đậu, lính gác phải mở cửa thành. Thế là mọi người hối hả ùa vào, gạt phăng bọn lính canh sang một bên. Cảnh hỗn loạn như một trận dịch truyền nhiễm đến tất cả lính phòng thủ. Nhiều nơi bọn lính tướng quân Tây Sơn đã phá được cửa thành xông vào, nên quãng cả khí giới định chạy thoát thân. Mặt mày ai nấy đều xanh mét, mắt dớn dác nhìn trước nhìn sau. Kỷ luật dù có nghiêm đến bao nhiêu cũng không mạnh bằng nỗi sợ chết. Lớp vợ con lính Trịnh này vào được trong thành thì lại đến lớp khác. Lớp khác vào xong, lại đến lượt lớp kế tiếp. Cứ như vậy không khí trong thành luôn luôn dao động, nơm nớp sợ hãi. Mỗi lần cửa thành mở là một lần run sợ. Đã thế, những người mới vào

mang theo các tin tức về quân Tây Sơn, khiến từng tùm lính Trịnh bao quanh vợ con họ để xì xào lo âu cho an nguy của gia đình.

✱

Trong lúc đó, Trấn thủ Thuận Hóa Tào quận công Phạm Ngô Cầu bốn chồn nôn nao như đang ngồi trên lửa. Quận Tào đã vùi tất cả tướng tá dưới quyền đến để bàn kế hoạch chống cự quân Tây sơn. Mọi người đã đến đông đủ. Nhưng quan Trấn thủ cứ dùng dằng chưa chịu ra công đường dự họp. Đám nàng hầu đông đúc của quan tất tả thu vén quần áo tư trang để chuẩn bị chạy loạn, người nọ giành giật đồ đạc của người kia, tranh cãi, khóc lóc, rồi kéo nhau đến kiện tụng đòi quan phân xử. Quận Tào còn bụng

dạ đâu để làm vừa lòng các nàng! Quên cả bản tính mềm mỏng trước các người đẹp son phấn, quan nổi giận, quát lên:

– Im mồm đi, lũ bồ chao!

Các nàng hầu trở mắt nhìn khuôn mặt dàu dàu, đôi mí mắt, đôi má nhẽo và đôi môi đều “chảy” xuống, lần đầu khám phá rằng “quan đại” chỉ là một ông già bạc nhược, mềm yếu, không thể là một cây tùng cây bách vững chãi để các nàng núp bóng. Họ lăm lét tránh xuống hậu phòng. Còn lại một mình trong căn phòng rộng, Quận Tào ngồi bần thần thật lâu, mắt nhìn mông ra phía trước, tay mân mê lá thư Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Quận Thử trong túi áo. Quận Tào cứ bị câu hỏi này quấy nhiễu:

– Có nên đem bức thư này đưa cho hấn không?

Ông đã tìm hết mọi lý lẽ để trả lời, nhưng đến lúc mọi người đã tề tựu đông đủ và chờ ông ra chủ tọa cuộc họp, Quận Tạo vẫn chưa xác quyết được gì. Nên hay không? Nên lắm: Xưa nay Quận Thế vẫn tự cao tự đại, xem mình là rường cột chống đỡ Thuận hóa. Quân sĩ kính phục hẳn. Nếu hẳn chịu đầu hàng địch, thì dù ta có chống lại chưa chắc quân sĩ đã vâng lệnh ta. Nội cái chuyện vật là đốt hương đánh trống hầu đàn chay mà ta còn phải đem vài tên lười ra phạt trượng chúng nó mới nghe theo, huống chi việc sinh tử giữa tên đạn. Không tố cáo sự phản trắc của Quận Thế trước các tướng tá, thì họ vẫn một lòng kính phục hẳn, nhắm mắt nghe theo hẳn. Bao năm thâm gan tím ruột mà phải nhịn nhục hẳn, bây giờ là cơ hội tốt để lấy lại uy quyền. Nên lắm! Phải tố cáo sự phản bội của hẳn thôi! Quận Tạo hăm hở chống tay lên mặt trường kỷ

nặng nhọc đứng dậy. Hai bàn tay ươn ướt mồ hôi chua. Sự cố gắng quá sức để nhắc tấm thân phì nộn lên khỏi ghế khiến óc Quận Tào bị lay động. Ông chợt nghĩ: Nhưng nếu ta tố cáo hần, thì lấy ai cầm quân chống địch? Ta ư? Đường đường một quan Trấn thủ đâu có hạ mình cầm gươm hò hét như một tên võ biên! Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên ư? Hần khâm phục Quận Thế như thần thánh, Quận Thế bị cất chức hần còn lòng dạ nào cầm quân xông trận! Vả lại, ngoài lá thư đưa lần này, biết đâu sau đó Cống Chính đã gửi tiếp nhiều lá thư dụ hàng khác cho Quận Thế, và chúng nó đã toa rập với nhau để bán đứng ta? Tố cáo hần ngay trong cuộc họp này tức là rước ngay cái chết. Chi bằng cứ gác tạm việc này lại, chờ lúc bình yên hãy mật tấu lên Chúa để xử tội. Phải. Hãy kiên nhẫn! Cứ giao cho hần cầm quân cự địch, rồi tùy cơ mà ứng biến.

Tay Quận Tào chạm vào lá thư Cống Chỉnh trong túi áo. Kiên nhẫn! Đúng. Phải kiên nhẫn. Nếu Quận Thế đầu hàng địch, ta cũng phải đầu hàng thôi, lúc đó lá thư này sẽ giúp ta ăn nói êm xuôi với quân Tây Sơn. Ngược lại nếu Quận Thế chống cự được địch, ta có thể dùng lá thư này để kiềm chế hắn, đoạt công của hắn. Quận Tào không ngờ trong cảnh hỗn loạn nguy hiểm này tâm trí của mình còn sáng suốt đến thế! Ông rút lá thư ra ngắm nghía, giở ra xem thử có đúng lá thư Cống Chỉnh hay không! Đúng nó rồi, bảo bối của đời ta!

Vì vậy, các tướng tá Trịnh ở Thuận Hóa vô cùng ngạc nhiên khi thấy chủ tướng bước ra công đường với một nét mặt hân hoan đắc thắng. Quận Tào lạch bạch đi đến chỗ chiếc kỷ gấm dành cho mình, ngồi xuống một cách trịnh trọng

chậm chạp, rồi cao giọng hỏi:

– Thế nào, các ông sợ chúng nó đến xanh mặt phải không?

Không ai dám trả lời ngay, Hoàng Đình Thế mím môi lại để dần cơn giận. Quận Tào nghĩ: quả nhiên hắn đã nhận thêm thư của Nguyễn Hữu Chinh. Nếu không, tại sao hắn biến sắc! Nhìn đăm đăm vào mặt Quận Thế, quan Trấn thủ hỏi tiếp:

– Voi giặc đã đến trạm Lôn voi chưa?

Tự cho câu hỏi của mình là một lối đùa cợt vừa táo bạo vừa ý nhị, Quận Tào cười lên ha hả. Vài người cố cười góp cho vừa lòng chủ tướng, Quận Thế bực dọc nói:

– Tình thế đã nguy cấp lắm rồi! Xin

Ngài ban lệnh khởi chiến ngay. Quân sĩ đang hoang mang, nếu không có lệnh chắc chắn sẽ sinh biến.

Quận Tào cười, rồi hỏi:

– Tình thế nguy cấp? Có thực thế chẳng, hay ông sợ quá trông gà hóa quố?

Vũ Tá Kiên vội nói:

– Quả thực giặc đã kéo đến gần thành rồi. Chúng lén cắm cờ đào ngay trước cửa bắc. Bọn phản trắc xu thời đã hòa nhau đi kéo pháo cho giặc để tăng công. Chiến thuyền Tây sơn cũng đang tiến về kinh thành. Có tin chúng đã đánh chìm tàu Bồ Đào Nha ở cửa Thuận. Thuyền trưởng và bọn tùy tùng đều bị quăng xuống biển.

Quận Tào gay gắt cất vấn Vũ Tá Kiên:

– Ai báo cho ông tin ấy?

Vũ Tá Kiên rụt rè đáp:

– Dạ bọn vợ lính vừa chạy vào thành báo như vậy.

Quận Tạo bảo:

– Ông tin lời bọn đàn bà ấy sao? Chúng nó sợ đến vãi cứt trong quần, nhìn đâu không thấy quân địch. Chúng nó đàn bà yếu bóng vía, chứ ông mà cũng yếu bóng vía như bọn đàn bà hay sao!

Vũ Tá Kiên sợ quá, cúi đầu im lặng. Hoàng Đình Thế nói:

– Bọn hèn nhát quả có phóng đại thanh thế của giặc, nhưng chắc chắn quân thủy bộ Tây sơn đang bao vây thành chúng ta. Nếu không ban lệnh quyết chiến, quân sĩ sẽ thêm hoang mang vì

tưởng ta có ý đầu hàng.

Quận Tạo vội hỏi:

– Ý quan Phó tướng thế nào? Giặc như thế, ta như thế. Nên treo cờ bạc hay nên phất cờ điều?

Hoàng Đình Thế ngạc nhiên hỏi lại:

– Chưa đánh trận nào đã vội treo cờ bạc ư?

Quận Tạo hấp tấp bảo:

– Ấy, ta nói hết mọi đường để các ông định liệu. Xưa nay ta không bao giờ ôm lấy hết mọi quyền binh rồi buộc người khác nhắm mắt tuân theo. Các ông cứ bàn cho hết lẽ, sau rồi quyết định điều gì tất phải dốc lòng làm cho kỳ được. Nào, các ông nói đi.

Đốc thị Nguyễn Trọng Dương nói:

– Ta còn những ba vạn quân, thành cao, lũy sâu. Thuốc súng, lương thực không thiếu gì. Giặc từ xa vượt đèo vượt sóng mà tới, lương thiếu, quân mệt. Cái thế thắng bại đã rõ. Treo cờ bạc lên, dù có được giặc tha thì hậu thế cũng bĩu môi cười lây đến con cháu.

Hoàng Đình Thế hăng hái nói tiếp:

– Tôi xin lãnh kiếm tiên phong, phất cờ điều một phen sống mái với giặc. Chúng vào được thành này, ít ra phải dẫm lên xác của ba cha con tôi.

Quận Tào mỉm cười ra vẻ giễu cợt, bảo Quận Thế:

– Thế mới thực là trang anh hùng cái thế. Chuyến này anh em trong nhà gặp nhau ở nơi đầu tên mũi đạn, bạn thù thù bạn khó phân lăm. Quan Phó tướng

tiên liệu điều đó chưa?

Hoàng Đình Thế ngơ ngác hỏi:

– Ngài nói điều gì tôi chưa hiểu.

Quận Tạo gật gù, không trả lời ngay. Chờ cho mọi người sốt ruột, quan Trấn thủ mới đứng đĩnh nói:

– Chả là Phó tướng Hoàng Đình Thế đây và Phó tướng Tây Sơn Nguyễn Hữu Chinh đều là tay chân cũ của Quận Huy. Bọn nỏ khố hóa ra cừu địch, trời xanh thật trở trêu lắm.

Hoàng Đình Thế xám mặt vì giận và sợ. Ông lấp bắp hỏi:

– Ngài nghi tôi chăng?

Quận Tạo vội vã nói:

– Không phải thế. Ta phải nói hết

tình lý để đề phòng. Nếu không, nhờ trận này ông thua, miệng đời lại bảo ông trá bại.

Quận Thế mím môi, đồng dặc nói:

– Nếu tôi bại trận, Ngài cứ hạ lệnh chém đầu tôi đi.

Nói xong, Quận Thế ngồi im để chờ cơn xúc động qua khỏi. Không khí trong phòng căng thẳng đến ngộp thở. Không ai muốn nói gì. Chỉ có Quận Tào tiếp tục huơ tay cười nói tự nhiên, xem như không có việc gì xảy ra. Vì thế, gần như kế hoạch giữ thành đều do ý của Quận Tào. Hoàng Đình Thế được giao cho nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu chống giặc, Quận Tào thì “giữ thành” để chuẩn bị tiếp ứng cho quân giáp chiến.

Cuộc họp tan khi có quân khẩn báo

bộ binh Tây Sơn bắt đầu chia ra nhiều cánh bao vây thành, súng lớn súng nhỏ đều chĩa nòng vào thành Phú Xuân chờ nhả đạn. Bấy giờ, khuôn mặt viên Trấn thủ Thuận Hóa mới bị sì nặng trĩu như cũ.

✱

Đến đầu giờ Mẹo Lãng trở về báo cáo tình hình chuẩn bị trận đánh cho Long Nhương tướng quân. Sương đêm ướt đầm mái tóc dày và vai áo Lãng, bùn đen lấm cả hai ống quần. Lãng vừa nói vừa ho húng hắng:

– Bên Phò mã Nhậm đã sẵn sàng. Chờ pháo lệnh là bắt đầu khai hỏa.

Nguyễn Huệ chăm chú nhìn vào bản đồ, suy tính một lúc, rồi ngược lên hỏi:

– Quan Phó tướng Chinh có nhần gì không?

Lãng đáp:

– Dạ không.

Rồi sau một chặp do dự, Lãng e dè nói thêm:

– Hình như giữa Phò mã và quan Phó tướng không thuận với nhau. Quan Phó tướng tự tin rành rẽ về thủy chiến, còn Phò mã thì...

Huệ vội hỏi:

– Vậy cách bố trí súng do ai quyết định?

Lãng đáp:

– Hình như do Phò mã Nhậm.

Nguyễn Huệ cau mày nói:

– Sao lại hình như?

Lãng bối rồi đáp:

– Vì cho đến lúc chào về đây, Phó tướng Chinh chỉ ngồi lặng lẽ đăm chiêu ở góc lều, không nói câu nào. Hình như trước khi “tôi” đến, hai người vừa cãi nhau kịch liệt lắm.

– Vậy cậu có dặn kỹ bên đó phải bắn cho nát mặt thành phía nam không?

– Dạ có.

– Họ đã biết mặt hiệu khởi pháo rồi chứ?

– Dạ vâng.

– Sắp đến giờ rồi đấy. Chỉ một chốc nữa thôi, cả thành quách vững chãi bao nhiêu đời nay sẽ lung lay. Tên lính lo hỏa pháo đã sắp sẵn đấy chứ?

– Dạ đã!

– Cậu có cảm thấy hồi hộp không?

Lãng thú thật:

– “Tôi” chỉ cảm thấy choáng váng. Như đất dưới chân đi ngã nghiêng say sóng.

Nguyễn Huệ cười:

– Ta cũng vậy. Mỗi lần sắp vào trận, ta đều cảm thấy choáng váng như vừa nhấp rượu. Nhất là nghĩ rằng sau mệnh lệnh của mình, cả trời đất đột nhiên phủ khói. Chưa nói đến cuộc sinh tử.

Lãng lấy bạo hỏi:

– Có bao giờ Tướng quân do dự không?

Nguyễn Huệ lắc đầu:

– Không.

– Nhưng Tướng quân vừa bảo có choáng váng.

– Choáng váng nhưng không do dự. Vì choáng váng mà do dự là thiếu tự tin. Vừa do dự vừa choáng váng là kẻ yếu đuối.

Lãng cổ nói vài lời cuối để biện hộ cho mình:

– Thật khó tránh được do dự, khi nghĩ quyết định của mình sẽ khiến kẻ này chết, kẻ kia góa bụa, mồ côi.

Nguyễn Huệ cau có đáp:

– Cậu lại giở cái giọng vú em ra rồi. Thôi, ra truyền cho bắn pháo lệnh đi.

Lãng sắp thi hành lệnh, thì Nguyễn Huệ ra dấu giữ lại. Ông nói:

– Cậu bỏ cái bộ mặt dầu dàu này đi. Cậu nên nhớ sấm chớp bão mưa cũng cần thiết cho đời sống chẳng kém những lời mẹ ru con. Hy vọng cậu mở mắt nhìn rộng hơn. Cậu đi đi. Bắn pháo lệnh xong, cậu vào đây để đi xem mặt trận với ta.

✱

Khi pháo của quân Tây Sơn đồng loạt nổ vào thành Phú Xuân, Hoàng Đình Thế ra lệnh đóng chặt các cửa, rồi đem quân lên mặt thành tập trung pháo bắn trả mãnh liệt. Vòng thành ở sát bờ sông, từ mặt nước lên đến mặt thành cách đến hơn hai trượng. Nhờ thế pháo của Tây Sơn đặt trên các chiến thuyền bắn ngược trở lên không tới được mặt thành. Ngược lại, từ các cao điểm, quân Trịnh bắn trả như mưa. Nhiều chiến thuyền

của Tây Sơn bị bắn chìm. Quân bộ của Tây Sơn không thể chịu đựng được hỏa lực địch, dần dần lùi lại núp vào trong thuyền. Hoàng Đình Thế mừng rỡ, ba quân hò reo khi thấy Tây Sơn cho các chiến thuyền lui ra xa ngoài tầm pháo của quân Trịnh.

Thấy thế tấn công có nhiều bất lợi, Long Nhương tướng quân hạ lệnh ngưng chiến. Nguyễn Hữu Chỉnh được gọi về lều chỉ huy để báo cáo số thiệt hại. Nguyễn Huệ hỏi:

– Ông thông thạo thủy chiến, có biết thủy triều ở đây dâng cao nhất vào lúc nào không?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp liền:

– Giờ giấc chính xác còn tùy từng mùa, từng vùng. ở vùng này thủy triều

thường lên cao nhất vào ban đêm. Bây giờ tháng Năm mùa lũ, nước lại càng lên cao hơn nữa. Tôi có hỏi nhiều người chài sống ven sông Hương nên được biết có lúc thủy triều dâng cao lên tận chân thành. Càng về khuya, con nước càng lớn.

Nguyễn Huệ mừng rỡ nói:

– Như vậy ta sẽ tấn công trở lại vào đêm nay. Cho quân sĩ cơm nước xong xuôi trước giờ Dậu. Các chiến thuyền chuẩn bị sẵn sàng trước giờ Tuất. Ông về truyền lại cho Phò mã hay là trước khi trời sáng, phải hạ cho được thành. Mặt trời mọc mà tên lính nào còn ở ngoài thành sẽ bị coi như kẻ đào ngũ. Dĩ nhiên là trừ những kẻ có phận sự ở lại giữ thuyền.

Quả nhiên đêm đến nước triều dâng

lên cao, càng về khuya, mực nước càng cao hơn. Vững tin ở trận thế thuận lợi, Nguyễn Huệ hạ lệnh tấn công. Nước nâng thuyền lên, tầm pháo có thể bắn lọt vào mặt thành khiến quân Trịnh không dám lên đó chiến đấu như buổi sáng. Nhờ vậy, chiến thuyền Tây Sơn áp sát vào chân thành Phú Xuân, vừa đổ bộ binh lên vây chặt các cửa, vừa bắn lên mặt thành như mưa.

Quận Tào liền phái Hoàng Đình Thế và các thuộc tướng là bọn Vũ Tá Kiên ra thành nghênh chiến. Cả hai người con trai của Quận Thế cũng theo cha ra ngoài thành chiến đấu. Cả đội dựa lưng vào thành mà bày trận. Đánh nhau chừng hơn một canh, quân Quận Thế bị hết cả thuốc đạn. Ông sai người vào thành xin thêm, Quận Tào ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại bảo:

– Cơ đội nào cũng cấp đầy đủ khẩu phần, đạn dược cả rồi, giờ vào đây đòi hỏi gì nữa?

Quận Thế nghe thuật lại giận quá, bảo các tướng:

– Tên Quận Tào phản rồi! Để ta trở vào phá cửa thành chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau đó sẽ ra đánh.

Rồi ông ngoảnh lại nói với các con:

– Chúng bay đứng phía trước lo cản địch, ta vào một lát sẽ ra ngay.

Quận Thế co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi, thế trận tức thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa thế sẵn tới. Hai người con Quận Thế phóng ngựa ra múa đao chém chết chừng vài mươi người. Quân Tây Sơn kéo đến đông hơn, họ xông bừa vào chém quí chân ngựa hai người. Ngựa

quì, hai con Quận Thế hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa. Rồi họ bị thương nặng và đuối sức, phải gọi cha đến cứu.

Quận Thế vội quay voi trở ra, nhưng quá muộn. Hai người con đã bị chém chết. Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên cũng bị tử trận. Ông ra lệnh thu quân định bày trận khác, nhưng ngoảnh nhìn lên thành đã thấy bên trong kéo cờ bạc rồi.

Tên quân tượng của Quận Thế thấy thế, hoảng hốt, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Voi mất nài chạy loạn xạ. Quân Tây Sơn đuổi theo voi mà bắn. Quận Thế chết trên bành voi, mắt vẫn trợn trừng nhìn lá cờ bạc phấp phới trên cột cờ thành Phú Xuân

Quận Tạo liền vội vã mở cửa thành, xe quan tài ra đầu hàng. Quân Tây Sơn hò

reo ủa vào thành chém giết bất cứ ai gặp được. Đốc thị Nguyễn Trọng Dương chết trận. Hầu hết mấy vạn lính trong thành đều bị tiêu diệt, một số nhỏ trốn ra ngoài thành cũng bị dân Thuận Hóa bắt giết cả. Chỉ còn một tên lính duy nhất sống sót, chạy trốn về báo tin cho quân Trịnh ở dinh Cát biết. Nội một đêm, thành Phú Xuân đã đổi chủ.

Chương 63

Bộ tham mưu vào thành lúc mặt trời đỏ vừa lên khỏi lũy tre phía đông. Sương chưa tan hẳn. Khói còn ngún ở các căn trại cháy dở. Ánh nắng làm cho mặt đất ướt xông hơi, và chen lẫn vào mùi cỏ ngai ngái, mùi đất hăng hăng, mùi khói khét còn có cả mùi tanh lợm của những vũng máu loang lổ, rây rắc đây đó trên mặt cỏ. Quạ đen bắt đầu kéo đến chờ đợi trên những nhánh cây cháy sém quanh thành, tranh nhau chỗ đậu thuận tiện để sẵn sàng bổ nhào xuống những xác chết nằm la liệt đây đó.

Chúng còn e dè vì đạo quân Tây Sơn rầm rập tiến vào thành mỗi lúc một đông, gươm giáo, gậy gộc, xe cộ, voi pháo, chen chúc nhau, dẫm cả lên những xác chết và xác nhà cháy.

Phò mã Vũ Văn Nhậm hướng dẫn bộ tham mưu đến chỗ đặt xác viên Phó tướng Hoàng Đình Thế. Quân sĩ cũng đã khiêng về đây xác hai người con trai của Quận Thế, cùng xác của Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên, Đốc thị Nguyễn Trọng Dương. Năm xác chết nằm gần sát bên nhau, xác nào cũng nhem nhuốc những máu bầm và bùn lầy, mặt mũi bị tóc phủ hoặc lấp bụi không còn nhận rõ được ai với ai nữa. Long Nhương tướng quân dừng lại trước các xác chết, nhìn khắp một lượt rồi hỏi:

– Phó tướng Thế Quận công nằm ở đâu?

Vũ văn Nhậm dùng kiếm trở cái xác nằm ngoài cùng, thừa:

– Dạ, cái kia!

Xác Hoàng Đình Thế nằm nghiêng, chân phải duỗi thẳng đè lên chân trái co quắp, đôi giày đã bị lột mất còn trơ hai bàn chân trắng xanh và tóp lại. Bộ quần áo nhà tướng đã bẩn thỉu vì khói thuốc súng và máu, bùn. Dải khăn điều thắt ngang hông quá bẩn nên không ai thèm cởi, thắt chặt một thân thể bắt đầu căng lên. Vết thương ở ngực nhuộm nâu chiếc áo trận, ruồi nhặng bu đầy chỗ máu đọng!

Thấy chủ tướng tò mò muốn nhìn mặt Quận Thế, một tên lính tháp tùng vội vàng đến lật ngửa xác Quận Thế. Anh ta dùng chân lèn xuống dưới hông xác chết hất mạnh lên một cách rẻ rúng.

Nguyễn Huệ quát:

– Dừng lại. Không được vô lễ!

Tên lính sợ hãi, lú lú lánh ra xa. Nguyễn Huệ đi quanh đến gần xác Quận Thử. Nguyễn Hữu Chỉnh và Lãng cũng đi theo. Nguyễn Huệ ngồi xuống gần sát xác chết, lật nhẹ xác Quận Thử để nhìn kỹ nét mặt viên Phó tướng. Ông đưa tay vén mớ tóc bạc bù rối bết thành mảng vì bùn và sương đêm. Tay ông chạm một làn da lạnh, khuôn mặt Quận Thử đánh lại như còn giữ nguyên nét giận dữ, đôi mắt trợn ngược như vẫn cố dùng cái nhìn đục nhìn lên ngọn cờ bạc mà tên Trấn thủ phản bội đã cho kéo lên cột cờ thành. Nguyễn Huệ quay lại hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh:

– Năm nay Thử Quận công được mấy mươi?

Nguyễn Hữu Chinh liếc nhìn thi thể người bạn cũ, cổ dẫn xúc động nói:

– Ông ấy xấp xỉ tuổi tôi.

Nguyễn Huệ lại hỏi:

– Xác hai người con trai ông ấy đâu?

Phò mã Vũ Văn Nhậm không muốn đi sát bên cạnh Nguyễn Hữu Chinh, đứng từ xa trở hai cái xác nằm gần mình nhất đáp:

– Dạ, hai người này!

Hai cái xác bấy nhầy thảm hại, gần như chỉ còn là hai đồng thịt tanh bọc bằng một mớ vải rách. Muốn giải thích rõ hơn nguyên do tình trạng thảm hại của hai xác chết, Vũ Văn Nhậm nói:

– Chúng nó hung dữ, ngoan cố lắm. Cả trăm người bị chết vì hai anh em hăn.

Vì thế, lúc ngựa quị...

Nguyễn Huệ hiểu ý Phò mã, cắt lời
Vũ Văn Nhậm:

– Nhớ chôn ba cha con gần bên
nhau. Gia đình Thế Quận công còn ai
không?

Vũ Văn Nhậm đáp:

– Chỉ còn đám đàn bà, con nít. Hiện
bị giam trong nhà ngục.

Nguyễn Huệ liếc nhìn khuôn mặt
Quận Thế lần nữa, rồi đứng dậy, bảo
Nguyễn Hữu Chỉnh:

– Ông vào thăm họ một chút.
Khuyên họ đừng sợ. Khi đường sá yên,
ta sẽ cho họ về Bắc.

Nguyễn Hữu Chỉnh gật đầu, đáp
nhỏ:

– Vâng!

Nguyễn Huệ trở hai cái xác còn lại, hỏi:

– Còn ai đây?

Vũ văn Nhậm đáp:

– Đây là Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên, còn đây là Đốc thị Vũ Trọng Dương.

Vũ Tá Kiên bị đâm ở bụng, ruột non ruột già lòi một đồng ra ngoài áo, bùn và ruồi bám đầy. Còn Vũ Trọng Dương thì bị chém một vết thật sâu ở đỉnh đầu, khuôn mặt không còn nhận ra được nữa. Viên Đốc thị bị lột mất áo ngoài, còn Vũ Tá Kiên thì đôi giày chỉ còn lại một chiếc.

Vừa lúc đó, một toán lính Tây Sơn áp giải một đoàn đàn bà con nít vợ con lính Trịnh đi về phía trại giam. Những kẻ

thất thế mệt nhọc, sợ hãi, cúi đầu lầm lũi bước. Lũ con nít cũng không dám khóc. Vài người trong bọn bị thương, phải có người dìu đi. Nguyễn Huệ đưa mắt nhìn theo cho đến lúc họ khuất sau một khúc ngoặt có cây rậm. Ông im lặng, khiến đám tùy tùng không ai dám nói gì. Nhìn xác chết nằm rải rác đây đó, nhìn đám quạ đen chờ trên những cành cây cháy sém, Nguyễn Huệ mím môi, suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

– Có nhiều việc phải làm cho xong càng chóng càng tốt. Phò mã Nhậm, anh ra lệnh cho quân sĩ thu dọn chiến trường nhé. Nhớ chôn cất cẩn thận các xác chết, không lại bị bệnh dịch. Còn Phó tướng Chinh thì chỉ huy việc kiểm kê kho tàng, tù binh, sắp xếp ăn ở cho binh sĩ và đám vợ con lính Trịnh. Trưa nay ông lại đăng tôi để bàn về lệnh chiêu an và thảo tờ

“lộ bố”. Nói gọn thì Phò mã lo cho người chết, còn ông lo chuyện người sống. Rõ rồi chứ?

Nguyễn Hữu Chinh mau mắn đáp:

– Vâng ạ!

Còn Phò mã Nhậm chỉ khẽ gật đầu, khuôn mặt giữ nguyên vẻ dàu dàu bất cần.

Bộ tham mưu về dinh của Tào quận công. Đàn quạ hình như bớt sợ, bắt đầu kêu lên những tiếng dài và chát.

✱

Trong khi quân lính vội vã dọn dẹp các đồ nát trong dinh Trấn thủ làm đại bản doanh, thì ngoài khắp phố phường, làng mạc Thuận Hóa, không khí rộn rã

tưng bừng như ngày hội. Cờ đào phất phới khắp nơi, nổi hân trên nền lá cây xanh của những khu vườn um tùm và các lũy tre. Màu đào trở thành dấu hiệu của niềm hy vọng, hoặc thấp hơn một chút, là nhãn hiệu thức thời. Đi đâu, làm gì người ta cũng mang theo một lá cờ đào. Đó là tấm thẻ bài qua lọt được mọi trạm canh. Mà trạm canh thì quá nhiều. Trạm canh ở đầu làng, trạm canh ở cuối làng. Trạm canh ở giữa làng. Trạm canh ở bên này và bên kia bến đò. Trạm canh ở giữa những chiếc cầu tre. Tờ hịch chiêu an của Tây Sơn có hô hào dân chúng yên tâm làm ăn, nhưng phải coi chừng bọn tàn quân nhà Trịnh lén lút phá hoại hoặc trả thù. Từ đó bất cứ kẻ nào không mang thứ gì màu đào trên người đều trở thành khả nghi.

Tin quân Trịnh đã kéo nhau chạy

trốn về Bắc suốt một dọc dinh trại đồn lũy từ sông Gianh trở vào đã tăng thêm uy lực cho màu đào. Những kẻ lưng chừng, những kẻ dè dặt lo xa, bấy giờ mới yên tâm nhìn nhận lá cờ đào. Vải may cờ khan hiếm trên thị trường, người ta phải dùng đến chu sa hoặc lấy vôi già với trầu để vẽ cờ lên nón lá, lên vách nhà. Màu đào chói chang phản chiếu ánh mặt trời tháng Năm, cảnh vật rực rỡ, không khí hùng hực. Mọi người từ trẻ tới già nhấp nhóm không ngồi yên chỗ. Lũ trẻ và trai tráng đổ ra ngoài đường cái. Ông già bà cả và các bà nội trợ lóng ngóng ở đầu ngõ. Chính trong khung cảnh sôi động đặc biệt đó mà các toán nhỏ dân chúng cầm cờ đi tuần hành biểu dương sự hoan hỉ đối với chế độ mới đã tự động thành hình.

Đại bản doanh chưa kịp sắp đặt xong,

tàn tích cuộc chiến đẫm máu tàn khốc còn nhan nhản khắp mọi chốn, thì Lãng đã phải tiếp tay với đội hầu cận tiếp đón các đoàn đại biểu của dân Thuận Hóa. Lãng gặp trở lại Lợi khi tiếp một toán bộ lão người Tàu ở phố Hà Thanh đến chúc mừng chiến thắng. Hai người mừng rỡ ôm chầm lấy nhau. Lợi hỏi:

– Có ông Long Nhường trong dinh không?

Rồi không chờ Lãng hỏi, Lợi trở mấy bộ lão ăn mặc theo lối khách trú dưới thêm dinh giải thích:

– Mấy cụ đây là bậc trưởng thượng của nhóm Khách trú Quảng Đông. Họ giúp đỡ cho ta từ trước. Ngay khi thấy cờ đào được kéo lên cột thành, họ tự động góp tiền quay heo để thết anh em binh sĩ. Họ có lòng, cậu phải tìm cách nói khéo

để ông Long Nhường tiếp họ.

Lãng bối rồi nói:

– Nhưng trong đó chưa dọn dẹp xong gì cả. Bàn ghế, đồ đạc bị phá hư không có bộ nào còn nguyên. Đánh thành vào ban đêm, nên bọn lính cả hai phía được dịp phá bằng thích.

Lợi nôn nóng hỏi:

– Nhưng ông Long Nhường còn ở đây chứ?

– Còn.

– Thế thì cậu dẫn anh vào đi.

Rồi Lợi quay về phía toán bộ lão nói bằng tiếng Quảng Đông:

– Các cụ chờ cháu nhé. Long Nhường tướng quân đang chờ các cụ,

khổ nổi dinh bị hư hại chưa kịp bày biện tử tế để đón các cụ. Các cụ rán chờ một chút thôi!

Lãng không hiểu tiếng Quảng đông, hỏi anh rể:

– Anh nói gì thế?

Lợi cười đáp:

– Anh bảo ông Long Nhương bận lắm. Nhưng anh sẽ cố nói để các cụ được tiếp kiến trước nhất.

Nguyễn Huệ đang làm việc với Nguyễn Hữu Chinh trong tiền sảnh trống trơn không có màn trướng gì cả, thấy Lãng và Lợi đi vào, vội đứng dậy chào hỏi Lợi:

– Anh mới đến hả? Việc giao cho anh thật hợp. Thầy đâu rồi?

Lợi hiểu Nguyễn Huệ uốn hỏi vị thầy cũ dạy võ ở An Thái, nên vui vẻ đáp:

– Cụ ấy mừng quá hóa đau. Đáng lý cụ vào, nhưng sau tôi can, nên có người bà con với cụ ấy đi thay. Họ đang chờ Tướng công ngoài kia!

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

– Họ? Những ai vậy?

– Những Khách trú phố Hà Thanh đã giúp ta trong vụ xếp đặt xem tướng cho tên “quan Đại” (Tạo quận công Phạm Ngô Cầu). Họ tốn biết bao nhiêu tiền mọi chuyện mới êm xuôi như vậy. Tướng công nên tiếp họ một lát, cho họ vui lòng.

Nguyễn Huệ hơi do dự nhìn Nguyễn Hữu Chỉnh thầm hỏi ý kiến. Nguyễn Hữu Chỉnh nhìn vào tờ giấy cầm nơi tay,

đáp:

– Vâng. Tướng công cứ ra tiếp họ đi. Tôi sẽ tiếp tục vẽ cho xong cách bố trí ở địa giới La-Hà, và sửa lại tờ lộ bố.

Nguyễn Huệ yên tâm, đưa tờ giấy đang nắm trong tay cho Chỉnh rồi đi về phía tiền sảnh. Lãng lo âu nhắc:

– Ngoài đó chưa có bàn ghế gì cả.

Nguyễn Huệ hỏi Lợi:

– Các cụ đang ở đâu?

– Họ đang chờ dưới thêm dinh.

Nguyễn Huệ phác tay nói:

– Thì mình đến đó đứng nói chuyện cũng được.

Rồi mỉm cười ranh mãnh, Nguyễn Huệ bảo Lợi:

– Anh xuống thuyền xong, cô An bù lu bù loa bắt đền tôi với Lãng. Khoảng ngày một có ngựa trạm về Qui Nhơn. Anh viết vài dòng nhắn cho cô ấy yên tâm.

Lợi đang hớn hở, đột nhiên đổi nét mặt, đáp cộc lốc:

– Vâng.

Nguyễn Huệ không chú ý sự thay đổi nét mặt của Lợi, bước nhanh ra phía thêm dinh trấn thủ.

Lợi đứng ra làm thông ngôn dịch lại những lời đối đáp giữa các bộ lão Hoa kiều Quảng Đông và Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ bước hẳn xuống thêm dinh, cung kính chấp tay vái chào tất cả mọi người trong đoàn, rồi bảo Lợi:

– Anh thừa giùm với họ là nhà vua rất cảm kích trước sự giúp đỡ của dân phố Hà Thanh. Không có các cụ giúp đỡ chắc chắn việc đánh đuổi quân Trịnh khỏi Thuận Hóa còn khó khăn hơn nhiều.

Lợi dịch lại lời Nguyễn Huệ. Các bô lão hơn hở, nói với nhau một lúc, cuối cùng vị trưởng đoàn nhờ Lợi dịch lại:

– Dân phố Hà Thanh chúng tôi cũng mang ơn Hoàng thượng và Tướng quân. Tên Trấn thủ bụng phệ tham lam vô độ Phạm Ngô Cầu không cho chúng tôi được sống. Buôn bán được bao nhiêu lời đều chui vào túi quan Đại cả. Quan Đại to lớn, cái túi của quan Đại càng to lớn hơn, lại không có đáy. Tướng quân đã giải thoát cho dân phố Hà Thanh chúng tôi.

Nguyễn Huệ cười nhỏ, rồi hỏi thẳng:

– Các cụ có cần tôi giúp điều gì chẳng? Có gì cứ nói, đừng ngại.

Các bô lão Hoa kiều lại bô lô bàn tán một chặp. Lợi chờ cho họ nhất trí mới dịch:

– Họ than dân Thuận Hóa lâu nay đã thiếu ăn, lại còn bị vợ vét hết thóc lúa để nuôi ba vạn lính trong thành Phú Xuân Họ xin được phép vào Quảng Nam và Gia Định mua gạo chở ra đây bán rẻ cho dân.

Nguyễn Huệ bật cười, bảo Lợi:

– Các cụ đã già mà chưa lắm cẩm tí nào. Mới dứt tiếng súng thiên hạ chưa kịp hoàn hồn, các cụ đã thấy ngay con đường làm ăn lớn. Bảo các cụ là “thương” dân Thuận Hóa như vậy quý lắm. Luật lệ thể

thức chở gạo miền trong ra đây thế nào, sẽ có bổ cáo rộng rãi. Các cụ cứ yên tâm. Thương người như các cụ, trời không để mất phần đâu.

Lợi cũng cười, dịch một thôi dài sang tiếng Quảng Đông. Lợi chưa dịch xong thì đã có một đoàn khác đến xin ủy lạo quân sĩ. Đi đầu là một nông dân mặc áo đen quần cộc, đôi tay đen cháy gân guốc cầm vững cán cờ đào. Lãng đến cạnh Long Nhương tướng quân nói:

– Nếu cứ cho tiếp kiến thế này thì không bao giờ dứt. Tướng quân nên hẹn dịp khác, và tiếp kiến tại công đường.

Nguyễn Huệ có thiện cảm với vẻ mộc mạc chất phác của người cầm cờ đi đầu, và nét lam lũ của những người dân cày trong đoàn, nên vờ không nghe lời Lãng, tiến về phía họ hỏi:

– Các bác ở đâu đến đây?

Người cầm cờ mạnh dạn nói:

– Chúng tôi ở xã Vu Lai huyện Quảng Điền.

Nguyễn Huệ hỏi tiếp:

– Các bác cần chúng tôi giúp gì chăng?

Mọi người trong đoàn ngơ ngác nhìn nhau, chẳng biết trả lời sao cả. Người cầm cờ lúng túng một lúc, rồi đáp:

– Chúng tôi cũng không biết mình cần gì. Các ông ra đây đuổi quân tham ô đi, chúng tôi mừng quá, ủa ra đường, rủ nhau lên đây xem quân Tây Sơn. Thấy cửa thành mở, ra vào không có lính gác, chúng tôi bảo nhau vào xem cho biết. Nghe có vị tướng giỏi chưa từng bao giờ

bại trận, chúng tôi muốn gặp mặt cho biết. Có phải ngài là ông Long Nhường không?

Nguyễn Huệ cảm động, cười ha hả bảo:

– Thế mới thật là lòng chân thành. Tìm gặp cho biết vậy thôi. Không cần thứ gì khác. Vâng tôi là ông Long Nhường em vua Tây Sơn đây.

Có tiếng xì xào ở phía sau xa:

– Ông ấy trẻ quá. Chẳng khác chúng ta gì cả.

– Ông ấy nói tiếng chi rứa? Không hẳn là tiếng Quảng!

Người cầm cờ quay phía sau lờ mắt cho các bạn im lặng, rồi đồng dục nói:

– Chúng tôi thấy có người mang heo

quay cơm nếp đến thết quân sĩ. Chúng tôi nghèo, lại đột nhiên ùn ùn kéo lên đây nên không kịp chuẩn bị gì cả. Xin Ngài chớ chấp, xem chúng tôi là kẻ vô ơn.

Nguyễn Huệ vội xua tay nói:

– Không đâu. Chính các bác mới là những người thân thiết, ruột rà của anh em chúng tôi. Chúng tôi cũng xuất thân dân núi, dân cày như các bác. Chúng ta mới mở lời đã hiểu nhau, cần gì rườm rà với lại quà cáp. Hiện giờ chúng tôi quá bận, chắc chưa đến tận nhà quý bác để thăm hỏi được. Sau này có dịp, thế nào tôi cũng tìm tới. Lúc này bác bảo các bác ở xã nào, huyện nào?

Thanh niên đứng sau người cầm cờ vụt miệng đáp:

– Dạ xã Vu Lai, huyện Quảng Điền.

Lúc đó Nguyễn Hữu Chinh đã ra đến gần chỗ Nguyễn Huệ, nghe thanh niên kia nói quê quán, vụt nhớ một điều quan trọng nên chen vào hỏi:

– Xã Vu Lai Quảng Điền ư? Có phải quê của dật sĩ Ngô Thế Lân không?

Những người nông dân quay hỏi lẫn nhau, cuối cùng có một cụ già đội nón mê đứng phía sau nói:

– Thưa phải. Đúng là quê của ông đồ Ngô.

Nguyễn Huệ nhớ lại lời thầy giáo Hiến, vui mừng hỏi:

– Thế hiện nay ông đồ còn ở đấy không?

Cụ già đáp:

– Ông ấy dời lên ở phố Hà Thanh từ hơn mười năm rồi.

Cả Nguyễn Huệ lẫn Nguyễn Hữu Chinh đều thất vọng. Thấy cuộc hội kiến kéo dài đã hơi lâu, Nguyễn Huệ nói:

– Các bác đến đây, tôi vui lắm. Cảm ơn các bác lắm. Các bác đã ăn cơm chưa?

Mọi người nghe hỏi bất ngờ, vùng cười ồ. Người cầm cờ nói:

– Chúng tôi ăn thật no mới đủ sức chạy bộ lên đây chứ. Chúng tôi quấy quả Ngài lâu rồi. Xin phép Ngài, cho chúng tôi về.

Rồi không chút khách sáo, cả toán quay lưng ra về. Nguyễn Huệ vội quay trở vào để tránh một đoàn khác đang giương cờ tiến đến.

Liên tiếp mấy hôm sau ngày hạ thành Phú Xuân (20 tháng Năm Âm Lịch), phố xá không lúc nào ngớt người. Thiên hạ chen chúc nhau đi xem cảnh tượng mới: những đoạn thành bị sập, những cây cháy sém, gươm giáo gãy, những vết máu khô bắt đầu bị đất đỏ lấp phải chú ý lắm mới nhận ra, quần áo quân Trịnh vất tứ tung hòng cải trang thoát thân, và hấp dẫn nhất là những xác chết chưa kịp đem chôn. Từng tùm trẻ con và đàn ông hiếu kỳ bao quanh các xác chết sinh căng phủ đầy vôi trắng, trong khi mùi thối tanh gắt tỏa ra dưới ánh nắng chói chang. Đường phố lúc nào cũng tỏa bụi mù mịt. Gần như mọi người đều lên cơn say. Không thể ngồi yên ở nhà, họ chạy ra đường, đi lên đi xuống, nhìn ngắm không biết bao nhiêu lần tàn tích

đổ nát chết chóc. Mạch máu đập mạnh hơn, trí não căng thẳng, chân tay bứt rứt. Gần như sau mười năm bị đè nén dưới ách cai trị khắc nghiệt, không dám nói những điều muốn nói, không dám nhìn thẳng vào cuộc sống, ấp úng dáo dác để bảo toàn tấm thân, giờ đây thiên hạ vùng vẫy cho thỏa thích để tận hưởng khoái lạc của tự do và tự tin. Bầu trời tháng Năm cao xanh, đất dưới chân bước vững chãi, hết thấy mọi người gặp trên đường đi đều là bè bạn.

Tự do! Tự do! Món quà bất ngờ thật to lớn, quý giá quá, đến nỗi dân Thuận Hóa đã sờ mó được nó vẫn còn ngỡ vực, tưởng mình còn say hoặc vẫn chưa ra khỏi giấc chiêm bao. Cho nên cảnh tượng mới không đậu lại trong trí nhớ, mà cứ lan man phơ phớt. Mọi người đi lại, nhìn ngắm bấy nhiêu cảnh, gặp bấy

nhieu người, nhưng không thấy thỏa mãn. Mỗi lần nhìn lại là một lần đổi mới. Cuộc tìm kiếm vội vã cái gì chưa biết rõ, sự tận hưởng cảm giác khinh khoái mơ hồ, được hít thở không khí khét nắng và đượm mùi tử khí, cảm giác lưng lửng ở dạ dày, say đại ở trí não, tất cả bao nhiêu thứ lộn xộn ấy, lạ lùng thay, hòa hợp tạo thành hạnh phúc trước vận hội mới.

Người ta tụ tập thường xuyên ở trước cổng nam để chờ xem các tờ cáo, tờ hịch của chính quyền mới. Những ông đồ ốm o gầy như bơi trong chiếc áo the cũ sờn cổ và rách ở cùi chỏ đột nhiên thoát khỏi cảnh rẻ rúng, trở thành nhân vật miễn tiếp được đám đông nể vì, chiêu chuộng. Họ đứng trước các tờ cáo bạch đọc lớn từng câu, dịch ra tiếng ta cho mọi người hiểu, rồi lại tấm tắc khen văn hay, ý sâu. Những bố cáo về các việc thông thường

như cấm tàng trữ vũ khí, ấn định nơi và lúc phát gạo cho những người nghèo khổ, cấm lấy cắp của công, khai báo lương thực tồn trữ trong cửa hàng, khai báo các nơi có xác chết vô thừa nhận, ngày và nơi các hương chức giao nộp sổ thuế và sổ đinh v.v... đều được viết bằng chữ Nôm. Đây là một biến cố lạ lùng chưa từng thấy, làm cho các ông đồ thuộc lòng kinh sử phải ngỡ ngàng.

Những yếu tố kích động đám đông mạnh nhất là các tin đồn. Ngoài các tin đồn thổi về sức mạnh “thần kỳ” của quân Tây Sơn (như tin đồn ông Long Nhương có đôi mắt khác người: con người lớn nhỏ tùy theo ý như mắt mèo, nhờ vậy ban đêm vẫn có thể nhìn rõ mọi vật như ban ngày, hoặc nhìn qua được cả chướng ngại vật như tường thành, cây cối...), loại tin đồn hấp dẫn dân Thuận Hóa nhất là

tin khám phá được các tội ác “tày trời” của Quận Tào. Nào Quận Tào cho giết tù, rồi sai lính chôn xác dưới gốc cam để cam mau sây trái và quả ngọt, nào Quận Tào có đến vài trăm nàng hầu, khi Quận Tào cầm cờ bạc xe quan tài ra hàng các nàng hầu nằm lăn ra đường chắn xe khiến Quận Tào phải cho cán lên vài người họ mới sợ, nào quân Tây Sơn vừa khám phá được một hầm ngầm ăn thông từ tư dinh Quận Tào ra đến bờ sông Hương, dưới hầm có đầy đủ tiện nghi y như trên tư dinh quan Trấn thủ, nào nếu không có thám tử biết trước, thì chiếc thuyền giả trang thuyền chài ở đầu kia của hầm ngầm đã chở Quận Tào thoát ra cửa Thuận An để tềch về Bắc... Xem xác chết chán, thiên hạ đổ ra đường ùn ùn đi xem các gốc cam bón phân xác tù, đầu thoát của hầm ngầm, hoặc chiếc thuyền giả trang của tên Trấn thủ. Dĩ nhiên khô-

ng ai tìm được thứ gì xác thực. Nhưng đã lỡ bị lừa, họ im lặng để tìm thêm những kẻ nhẹ dạ, cho vui!

Phản ứng của dân Thuận Hóa trước vận hội mới thật khác với phản ứng của dân Gia Định.

Gần như Thuận Hóa đã từng ngóng chờ Qui Nhơn từ bao năm nay, và sau mấy ngày tháng năm Bính Ngọ, Thuận Hóa bàng hoàng chợt thấy ước mơ ôm ấp bao lâu đã thành sự thực. Con sông Hương thôi nhả nhục trầm lặng. Thành quách thức giấc. Nước dâng đầy nâng cao tầm súng. Và Thuận Hóa hân hoan gửi trọn cả một xã hội có tổ chức tề chỉnh, qui củ cho đạo quân giải phóng.

Nguyễn Huệ nhớ lại những lời Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên ở Qui Nhơn, nhớ thái độ khác thường của anh,

rồi nhìn quang cảnh rộn rã hoan hỉ của Thuận Hóa, ông thấy lòng lâng lâng. Như một con chim đã tìm được cành hiền để làm tổ! Ông sai bày biện lại tiền sảnh dinh trấn thủ, xếp đặt đội quân hầu, rồi kiên nhẫn tiếp kiến tất cả các đoàn dân chúng các nơi đến chúc mừng. Và ông cũng sai Lãng tìm gặp cho được Ngô Thế Lân và Trần Văn Kỳ!

✱

Lãng nhờ Lợi dẫn đến phố Hà Thanh. Cụ chủ căn nhà Lãng có đến một lần không biết Ngô Thế Lân là ai, nên dẫn anh sang tìm hỏi một người bạn hay sành làm thơ, hy vọng nhờ chữ nghĩa có quen với Ngô Thế Lân chẳng. Anh được cho biết trước đây, Ngô Thế Lân có ở phố Hà Thanh thực, nhưng sau khi quan Hiệp

trấn Lê Quý Đôn cho người đến mời và ông gửi thư cảm tạ bảo lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn, Ngô dật sĩ đã vội dời nhà xuống Dương Nỗ.

Lãng về báo lại với Long Nhương tướng quân, đồng thời xin thêm vài người lính hộ vệ mặc thường phục không mang gươm giáo để tìm đến làng Dương Nỗ. May mắn cho Lãng là anh tìm được ngôi nhà tranh nhỏ và thấp núp dưới bóng trúc của Ngô Thế Lân.

Chỉ có một người cháu gái khoảng mười hai, mười ba tuổi ở nhà. Thấy có nhiều người lạ trước cổng, cô cháu gái sợ không dám mở cửa. Lãng tự giới thiệu là con một người bạn cũ của dật sĩ, lâu ngày xa cách nay có dịp tìm đến thăm. Nhìn vẻ mặt chân thành hiền hòa của Lãng, cô gái băn khoăn chưa quyết. Lúc đó, Ngô Thế Lân cũng vừa về.

Đây là một cụ già ngoài sáu mươi, thân thể mảnh khảnh, mặc bộ quần áo rộng màu nâu, đi chân không. Mái tóc bạc búi gọn ở sau ót, nhưng vài sợi ngắn vẫn lòa xòa trên trán và hai thái dương. Chòm râu cằm cũng bạc phơ. Hàng lông mày bạc che chở cho đôi mắt đen vẫn còn tinh anh lắm. Cái mũi thanh tú hòa hợp với đôi môi mỏng khiến khuôn mặt có vẻ tao nhã nhẹ nhõm. Đặc biệt đôi vành tai vĩnh lên khác thường.

Thấy ông đã về, cô cháu gái vui mừng nói:

– Có mấy chú đây đến tìm ông. Con thấy lạ, chưa dám mở cổng.

Ngô Thế Lân còn ngần ngừ chưa biết nên hỏi ai trong đám, thì Lãng đã nói trước:

– Thừa cụ, cháu là con trai ông giáo Hiến, mười mấy năm trước đây từng ở Thuận Hóa và làm việc với quan Nội hữu Ý đức hầu.

Lãng hơi xúc động nên giọng nói khó nghe, tiếng nọ chập vào tiếng kia. Hơn nữa, giọng Qui Nhơn của Lãng khá lạ tai đối với Ngô dật sĩ. Ngô Thế Lân đưa bàn tay giơ lên ngăn Lãng, chậm rãi bảo:

– Các ông đã đến đây, xin mời vào nhà đã. Mở cổng đi cháu. Mời các ông vào. Nghe giọng nói, lão đoán các ông từ trong Quảng ra. Có đúng thế không?

Lãng lễ phép đáp:

– Dạ thưa đúng vậy. Chúng tôi nghe danh của cụ đã lâu, nay mới được hân hạnh gặp mặt.

Ngô Thế Lân sai cháu vào nhà đem

ghế ra đặt dưới khóm trúc thân vàng lá xanh um, mời bọn Lãng ngồi, rồi hỏi:

– Từ Quảng Nam ra, đi đường đèo chắc vất vả lắm nhỉ. Có bị lính trạm Hải Vân hạch hỏi khó khăn không?

Thấy Ngô Thế Lân nói xa nói gần để tìm biết thân thể mấy khách lạ, Lãng nói ngay:

– Chúng cháu theo quân từ Qui Nhơn ra đây. Nhờ may mắn hạ được thành Phú Xuân chóng vánh, mới được cơ hội tìm xuống Dương Nỗ thăm cụ.

Ngô Thế Lân cười, làm ra vẻ thích thú:

– À, ra thế! Các ông là quân sĩ của vua Tây Sơn. Hèn chi giọng nói khang khác. Không giống như giọng Quảng Nam. Lúc nãy ông vừa nhắc đến ông giáo

nào từng làm việc với Ý đức hầu?

Lãng vui mừng được dịp làm thân hơn nữa với chủ nhà, nên cung kính đáp:

– Thưa, thân phụ cháu là ông giáo Hiến, môn khách của quan Nội hữu Ý đức hầu. Sinh thời cha cháu vẫn thường nhắc nhở đến cụ luôn.

Ngô Thế Lân nhú mày hỏi:

– Ông giáo Hiến à? Có phải ông giáo từng làm Quân sư cho chúa Tây Sơn không?

Nghe giọng nói của Ngô Thế Lân hơi gay gắt, Lãng vội đáp:

– Thưa vâng. Trước khi lánh nạn Trương Phúc Loan về nương náu ở An Thái, cha cháu vẫn thường đi lại với cụ. Cha cháu còn dạy cho chúng cháu đọc

những bài thơ trong Phong Trú tập của cụ nữa.

Ngô Thế Lân dăm dăm nhìn Lãng, rồi nhìn đến mấy người theo hộ vệ Lãng, lơ mờ đoán ra vai trò quan trọng hiện Lãng đang giữ. Cụ hiểu ngay đang nói chuyện với đại diện của quyền uy, của một thế lực đang tung hoành ngang dọc từ Nam chí Bắc. Một cơn gió nhẹ lay động khóm trúc xanh. Thân trúc vàng khẽ nghiêng về phía đông, cành lá lao xao. Ngô Thế Lân lấy giọng hòa nhã bảo Lãng:

– Tưởng ai xa lạ, hóa ra quen thân cũ với nhau cả! Ông giáo Hiến, à, lão nhớ rồi. Thế cháu là con trai đầu của bác giáo?

– Thưa không ạ. Cháu là con trai út. Sau cháu còn một em bé nữa, nhưng nó mất sớm.

– Cha cháu vẫn mạnh giỏi chứ?

– Dạ cháu đã thừa là cha cháu...
cha cháu đã qua đời rồi!

Giọng Ngô Thế Lân có vẻ thảng thốt:

– Thế à! Ra bác giáo bỏ lão mà đi
sớm. Bác giáo mất lâu chưa?

– Dạ đã được tám năm rồi.

Giọng Ngô Thế Lân đượm vẻ chán
nản:

– Tám năm! Như vậy là lão đã sống
thừa ra tám năm, ăn gian của trời đất
những tám năm, tranh ăn của thiên hạ
suốt tám năm. Bao giờ lão mới được
thảnh thơi như bác giáo! Các anh các chị
đã thành gia thất rồi cả chứ?

Lãng sơ lược gia cảnh từng người.
Ngô Thế Lân hỏi:

– Cháu gái trước kia vẫn thường theo bác giáo lên phố Hà Thanh mua bút giấy nay đã chồng con đề huề rồi à! Hồi xưa cháu còn bé tí. Cô ấy được mấy con rồi?

– Thưa chị An cháu được hai con.

– Chồng làm chức gì? Bác giáo là quân sư, tất cả các anh các chị đều là quan to cả!

Lãng vội đáp:

– Thưa không phải thế ạ. Anh rể cháu chỉ là một viên quan nhỏ lo quân lương thôi.

Ngô Thế Lân hỏi liền:

– Thế cháu làm đến chức gì?

– Cháu chỉ là Thư ký của Long Nhượng tướng quân thôi!

– Thư ký của ông Long Nương?
Thế cháu đến đây, ông Long Nương có biết không?

Lãng thừa cơ hội tốt, nói ngay chủ đích của cuộc thăm viếng:

– Dạ chính ông Long Nương sai cháu đến đây. Từ lâu lắm, từ hồi cha cháu còn dạy anh em ông Long Nương ở An Thái, cha cháu đã nhắc nhở hoài đến thi văn của cụ, nhất là tập thơ Phong Trúc. Cho nên vừa ra đến đây, ông Long Nương đã hỏi thăm tin tức cụ.

Ngô Thế Lân buồn rầu nói:

– Khổ cho lão rồi. Chữ nghĩa làm ra trong lúc nhàn hững không ngờ còn di lụy lâu đến vậy. Các ông nghĩ quá cao cho lão. Lão áy náy, hổ thẹn lắm.

Lãng hăng hái nói:

– Cự quá khiêm nhường đấy thôi. Cái chí của cự đã diễn hết trong bài Tự Vịnh. Cả ông Long Nhương lẫn cháu đều thuộc lòng mấy câu khí khái của cự trong bài thơ đó.

Đam thư phế tẩm thực

Nhiệm hiệp vong quyền uy

Mục kích thương sinh khổ

Hung trung vô sở thi

Tự phụ kỳ thao uẩn

Thiện giá ứng hữu kỳ

(Mê sách bỏ ăn ngủ

Hào hiệp quên quyền uy

Mắt thấy dân đen khổ

Mà lòng biết làm chi?

Tự phụ ngọc dành cất

Giá lành bán có khi)

Thưa cụ! Chẳng lẽ ngọc lành cứ cất mãi trong tối! Long Nhương tướng quân hy vọng không bị cụ chê là kẻ không sành giá ngọc. Cháu được gửi đến đây để trình trước với cụ lòng ngưỡng mộ chân thành ấy.

Ngô Thế Lân xua tay nói:

– Cháu để ý làm gì đến những lời ngông, viết ra lúc lão chưa đầy bốn mươi. Thời trẻ, ai cũng tưởng mình có thể lấp biển, vá trời, xoay trời đất lại, biến tối thành sáng, đem thánh đức rạng rỡ cảm hóa thiên hạ. Lầm, lầm hết! Toàn là những cuồng vọng làm hại đời chẳng khác gì lời vô đạo. Lão đã đến cái tuổi tri thiên mệnh rồi, tiếng gió tiếng trúc nghe

qua tai khác hẳn thời trẻ dại. Cháu đừng nhắc những lời thơ đó cho lão đỡ xấu hổ.

Lãng thất vọng, biết không thể nài thêm lời nào được nữa. Phải cần có thời gian. Cho nên anh chuyển sang chuyện khác. Lãng nói:

– Đó là lòng thành của Long Nhượng tướng quân. Cháu biết là khó, nhưng được ủy nhiệm việc khó, cháu không thể chối từ. Phần cháu, cháu chỉ mong được thăm cụ cho thỏa lòng mong ước thôi. Cha cháu dưới tuổi vàng chắc cũng mát dạ vì cháu tìm viếng được cụ hôm nay.

Ngô Thế Lân cười nhỏ, rồi nói:

– Chưa chắc đâu cháu. Ngày xưa cha cháu vẫn thường trách lão là kẻ bịt tai trốn đời. Cha cháu muốn xăn tay áo xoay

lại thế cuộc. Cha cháu xông xáo lắm. Vào tận Tây Sơn để tìm cho ra một ông Biện lại có chân mạng đế vương mà phò tá, thật vất vả và công phu không ai bằng. Cha cháu hơn hẳn lão già chết nhát này, cháu không biết sao? Hay là cháu giả vờ không biết?

Nghe giọng nói mỉa mai của Ngô Thế Lân, Lãng quyết không nói tiếp chuyện quốc sự nữa. Lãng lễ phép nói:

– Cháu còn nhỏ tuổi, tất nhiên còn vụng dại, cụ bỏ qua cho. Cháu tìm đến đây ngoài việc công, còn có một việc riêng tư. Trước khi ra đi, chị cháu có dặn nên tìm thăm lại ngôi nhà trước đây cha mẹ cháu từng ở trước khi lánh nạn. Cháu lúc đó còn bé quá, không thể biết rõ ngôi nhà đó ở đâu. Cụ đi lại với cha cháu, chắc có thể giúp đỡ cháu được.

Ngô Thế Lân nghe Lãng chuyển sang một việc ít gai góc hơn, nên khuôn mặt bớt vẻ nghiêm trọng, vui vẻ nói:

– Được. Lão còn nhớ. Ngôi nhà cất gần bờ sông chứ gì? Nhưng lâu quá rồi, thế nào cũng có nhiều thay đổi. Cháu muốn lấy lại ngôi nhà cũ hay sao?

– Dạ không. Chúng cháu chỉ muốn thăm qua cho biết thôi. Chắc gì chúng cháu còn được ở Thuận Hóa lâu!

Ngô Thế Lân cười, bông đùa:

– Lân này thì cháu nói khiêm chứ không phải lão! Chỉ một đêm thôi, cờ đào đã bay trên đỉnh kỳ đài. Lão nghe được tiếng phong trúc, chẳng lẽ không nghe được tiếng pháo Tây Sơn bắn vào thành đêm hai mươi. Cháu sẽ còn ở lại Thuận Hóa lâu lắm, lâu lắm!

Trên đường về, Lãng gặp một đám tang đơn giản, lặng lẽ. Hai cụ già trạc sáu mươi tuổi dùng cái đòn tre mới chặt (vỏ còn xanh) khiêng một xác chết phủ đầy vôi trắng. Xác chết của một lính Trịnh, Lãng đoán chắc như vậy vì lớp vôi khử trùng phủ trắng cả tóc tai mặt mũi và quần áo. Anh cũng đoán thêm: người lính này không phải dân Bắc Hà; nhất định anh ta là dân Thuận Hóa bị trưng binh, do đó, thân nhân đã tìm được xác chết nằm vất vưởng đâu đây nhờ nhận ra được quần áo hoặc dấu tích một tàn tật. Cách khiêng xác thật khác thường: người ta dùng dây dừa cột hai tay và cột hai chân người chết lại với nhau, đoạn xỏ đòn tre vào khiêng đi như khiêng một con heo bị chọc tiết. Cái đầu thõng xuống lúc lắc theo nhịp bước, mớ tóc bết

vôi rủ xuống tua tủa như bẹ chổi cùn.

Hai ông già khiêng xác bước chậm trong bóng chiều vàng vọt. Phía sau họ, xa thật xa, hai người đàn bà một già, một trẻ dìu nhau đi theo đám táng. Gặp Lãng và mấy người lính theo hộ vệ, hai người đàn bà cúi gằm mặt xuống, lầm lũi bước. Qua khỏi họ rồi, Lãng lại nghe thoang thoang tiếng rên rĩ, và tiếng khóc nghẹn.

Cảnh đưa ma đơn giản khiến Lãng tê dại cả người. Gai ốc nổi dọc theo xương sống. Lãng muốn quay lại nhìn theo cái xác chết bị trói, nhìn theo hai người đàn bà lẽo đẽo theo sau thân nhân xấu số, nhưng anh xấu hổ quá không dám quay nhìn.

Mấy người lính trẻ vô tâm cười nói tự nhiên, đoán non đoán già về liên hệ thân thuộc giữa hai ông già và cái xác

chết, giữa xác chết và hai người đàn bà. Một anh lính cương quyết bảo hai người khiêng xác không họ hàng gì với người chết. Có họ hàng mà lại nở cật trối tàn nhẵn thế kia à? Một người lính bảo có thể họ vẫn là thân nhân của nhau, và dù hết sức đau lòng, người sống không dám làm điều gì khác thường để tránh các tai bay vạ gửi của thời loạn. Người thứ ba bẻ lại, bảo chính cái cách cật xác như cật thú vật mới khác thường. Người lính am tường lẽ đời bảo rằng cách trối như vậy cốt biểu lộ sự căm thù cần thiết nhằm tự bảo vệ cho mình và gia đình mình, nói chung là nhằm cho kẻ còn sống được sống yên. Đối với hai người đàn bà, tất cả mọi người đều đồng ý đó là mẹ và vợ của người lính Trịnh xấu số. Còn liên hệ giữa hai người đàn bà với hai người khiêng xác? Ba người lính Tây Sơn lại huyền thiên bàn cãi nhau. Họ muốn Lãng phân

xử, nhưng liếc nhìn vẻ mặt trầm ngâm, đăm chiêu của Lãng, họ không dám mở lời.

Lãng về đến thành thì trời cũng vừa sập tối!

Quan Tiết chế Nguyễn Lữ cũng đã về tới Phú Xuân.

Ở tiền sảnh dinh trấn thủ, Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ, Phò mã Vũ văn Nhậm và Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh đang bàn tán với nhau điều gì nghiêm trọng và sôi nổi lắm. Lãng rụt rè ở cửa dinh mãi, không dám tự tiện vào phòng để báo cáo kết quả công việc được giao. Đèn sáp ong thấp sáng, tỏa màu vàng ấm lên những tường gỗ quý bóng loáng, rồi cái màu ấm áp thân mật ấy phản chiếu trở lại, khiến khung cảnh tiền sảnh rực rỡ sang trọng

mà vẫn giữ được vẻ đầm ấm ôn nhu.

Nguyễn Lữ đang đọc tờ giấy Nguyễn Hữu Chinh vừa trao, vô tình nhìn ra cửa trông thấy Lãng, liền bảo Nguyễn Huệ:

– Có chú Lãng ngoài kia.

Nguyễn Huệ vui mừng nói:

– Thế à? Vào đi. Việc đến đâu?

Lãng chấp tay vái chào khắp mọi người, rồi mới đáp:

– Ngô dật sĩ có ý chối từ.

Nguyễn Hữu Chinh nói:

– Tôi đã đoán trước thế nào ông ta cũng từ chối. Nhưng không sao. Ông ấy quá già rồi. Mời được thì chẳng qua giống như gấn thêm cái lông công lên áo bào gấm cho nó đẹp, chứ ý tứ các cụ già

cũng gàn bướng lắm. Ngày mai tôi sẽ xin đích thân đến mời Cử nhân Trần Văn Kỳ.

Nguyễn Huệ gật đầu, đôi mắt hơi buồn. Ông nói:

– Kể cũng đáng tiếc. Nhưng vội quá không được đâu!

Nguyễn Lữ đưa tờ giấy về phía em, nói:

– Cả nội dung tờ “lộ bố” này nữa. Vội quá không được đâu. Ta cứ ở đây chờ Hoàng thượng, rồi muốn tính gì hãy tính. Chú vừa nói đúng. Vội quá không được đâu!

Nguyễn Hữu Chinh nhìn Lãng e ngại. Nguyễn Huệ hiểu ý Chinh nói:

– Không sao. Nhưng việc này ta sẽ bàn kỹ vào sáng mai. Còn việc tìm mời

ông Cử nhân Trần Văn Kỷ, ông Cống hãy
dời chiếu mai vậy.

Chương 64

Sau những ngày say sưa vì thoát khỏi cảnh đàn áp, dân Thuận Hóa bắt đầu nhớ lại những ngày tủi nhục, khốn khổ trước đây. Họ bắt đầu tính sổ nợ. Một vài vụ trả thù lẻ tẻ xảy ra. Các toán quân Tây Sơn đóng ở các trục giao thông quan trọng và những đồn lũy cũ của quân Trịnh giữ thái độ dè dặt, gần như không muốn dính vào các vụ ân oán giữa dân Thuận Hóa và quan quân Bắc hà. Do đó, càng ngày các vụ trả thù càng nhiều hơn, dần dần loang thành một thảm kịch vượt ra ngoài tầm

tự chế của mọi người. Khắp các làng xóm, phố phường, dân Thuận Hóa mở những cuộc săn đuổi, truy lùng người Bắc hà. Bọn hiếu động hợp với bọn vô lại tự tiện tổ chức các trạm kiểm soát ở bến đò, ở đầu chợ, ở cổng làng, thậm chí ngay trên đường thiên lý. Cách thức kiểm soát rất đơn giản: người qua lại bị buộc nói lớn hai ba câu tùy theo sáng kiến của những người gác đường. Chẳng hạn toán kiểm soát đò ngang trên sông Hương đòi hỏi người qua lại phải nói:

– Răng bữa ni đò đông chi lạ rúa tể!

Những cậu thanh niên bạo miệng thì đòi các cô gái đi chợ lập lại cho họ nghe hai câu ca dao:

Dấu ngòi của sổ chạm rồng

*Chăn loan gối phượng không chồng
cũng hư.*

để sau đó cười cợt với nhau.

Nhưng không phải lúc nào các vụ kiểm soát cũng hiền hòa tinh nghịch như vậy. Gặp một người đàn ông nói tiếng Thuận Hóa lơ lớ, hoặc nói đặc giọng Bắc hà, là bọn hiếu động bu quanh hạch hỏi, làm tình làm tội. Nhiều chỗ dân Thuận Hóa còn đánh đập, hoặc đâm chém người gốc Bắc vì hận thù tích lũy hơn mười năm dưới chế độ cai trị hà khắc của nhà Trịnh. Nhiều người Bắc hà theo thân nhân là lính Trịnh vào Thuận Hóa lập nghiệp phải trốn chui trốn nhủi, nhiều người giả câm giả điếc để trốn nạn.

Từ cái trò tinh nghịch, các vụ chặn đường kiểm soát tùy hứng trở thành những cuộc truy lùng đẫm máu, và đôi khi những kẻ bị săn đuổi phải liều chết chống lại.

Tình trạng hỗn loạn nguy hiểm đó không thể kéo dài!

Nguyễn Huệ đã cho ban hành nghiêm lệnh chấm dứt các vụ truy lùng dân Bắc, kèm theo các lời đe dọa trừng phạt những tên vô lại xem thường phép nước. Tờ bố cáo được dán trước cổng thành. Người qua lại xem lệnh như một điều không đáng quan tâm, vì nghĩ đến số lính Bắc hà ít ỏi còn sống sót sau đêm Tây Sơn hạ thành Phú Xuân. Không cần chờ lâu, bọn vô lại thấy trò tinh nghịch bắt đầu gây tai họa khôn lường. Các toán truy lùng và kiểm soát dân Bắc bị càn quét nội trong vòng một ngày. Vài tên đầu sỏ bị bêu đầu ngay tại chỗ hấn tụt tập tay chân tác oai tác quái. Cuộc truy lùng khủng bố qua đi, nhưng biến cố đó khiến Long Nhương tướng quân suy nghĩ.

Ông so sánh phản ứng của dân Gia

Định mấy lần quân Tây Sơn vào Nam tiêu diệt tàn quân Nguyễn Ánh với phản ứng của dân Thuận Hóa. Vẻ bàng quan của Gia Định khác hẳn sự quá khích của Thuận Hóa, quá khích trong niềm hân hoan tự do cũng như trong lòng hận thù. Nguyễn Huệ thấy lại cái sức mạnh kỳ diệu của đám đông thời bắt đầu khởi dậy. Lúc đó, giữa những người chân đất xiêu giạt tụ tập ở Tây Sơn thượng, anh em ông chỉ cần hô hào một tiếng là muôn người như một đứng dậy, giơ cao gậy gộc, gươm giáo rùng rùng đổ xuống đèo. Ông có cảm tưởng giờ đây dân Thuận Hóa cũng có tâm trạng y như vậy. Hãy nhìn cảnh tượng thiên hạ đổ cả ra đường cười đùa, hò hét cho thỏa ước. Hãy nhìn sức mạnh tiềm tàng trong những đôi mắt rực sáng, trong cả niềm say sưa tìm kiếm điều gì không giống với sự thường tình. Họ tìm điều gì? Họ chờ điều gì? Cái gì khiến họ

nôn nao không ngồi yên được một chỗ, khiến họ dám bỏ cán cày mái chèo để ùn ùn kéo nhau lên thành Phú Xuân? Họ chờ một tiếng hô chẳng? Trước kia khi ở Tây Sơn thượng, chỉ cần một tiếng hô là đám người cùng khố rùng rùng đổ xuống đèo. Bây giờ nếu ông hô lên một tiếng, những kẻ từng bị áp bức này sẽ đổ về đâu?

✱

Nguyễn Hữu Chỉnh tìm gặp riêng Nguyễn Huệ đúng vào lúc ông không dám trả lời các câu hỏi đó.

Nguyễn Hữu Chỉnh trình cho Nguyễn Huệ xem lại tờ lộ bố sẽ gửi về Qui Nhơn, sau khi được Nguyễn Lữ góp ý kiến đề nghị sửa đổi nhiều chỗ. Chỉnh

chú ý theo dõi nét mặt Nguyễn Huệ khi Tướng quân chăm chú đọc lá thư báo tiếp này. Thấy Nguyễn Huệ bản thân không vui sau khi đọc xong, Nguyễn Hữu Chỉnh lấy bạo nói:

– Tôi có ý này, không biết Ngài có chịu nghe không.

Nguyễn Huệ ngược lên nhìn viên Phó tướng, hơi ngạc nhiên. Sau một lúc im lặng, Nguyễn Huệ bảo:

– Ông cứ nói đi.

Nguyễn Hữu Chỉnh bấu chặt hai tay vào mép kỷ để trấn tĩnh, cố ý nói thật chậm¹:

– Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hóa, chỉ đánh có một trận là xong, oai danh rung động khắp thiên hạ. Trong

1 Lấy ý theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, từ trang 81

phép dụng binh có ba điều cốt yếu: một là thời, hai là thế, ba là cơ. Hễ gặp được ba điều đó, nhất định đi đâu thắng đấy. Nay ở Bắc hà tướng trẻ, binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả. Nếu ta thừa thế tiến ra đánh chiếm, thì thật đúng như lời cổ nhân: “Chiếm kẻ yếu, đánh kẻ tồi, lấy kẻ loạn, đè kẻ sắp mất”. Xin Ngài xét lại, cơ và thời ấy, ta không nên bỏ lỡ.

Nguyễn Huệ rung động cả tâm thần, tim đập mạnh trong lồng ngực. Ông mím môi dăm dăm nhìn Nguyễn Hữu Chỉnh, tướng viên Phó tướng đã đọc hết được niềm băn khoăn của ông, ước vọng thầm kín của ông. Chỉnh sợ, không dám nhìn thẳng vào đôi mắt rực sáng của Nguyễn Huệ nên không thấy được những giọt mồ hôi rịn ở hai bên sống mũi của Long Nhương tướng quân. Im lặng một lúc

lâu để trấn tĩnh, Nguyễn Huệ mới nói:

– Bắc hà là một nước lớn, có nhiều nhân tài. Lời xưa có nói: “Con ong có nọc”. Ta có thể khinh thường được ư?

Nguyễn Hữu Chỉnh hăng hái nói:

– Nhân tài Bắc hà chỉ có một mình Chỉnh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi, Bắc hà chỉ là cái nước rỗng. Xin ngài chớ ngại.

Nguyễn Huệ liền cười nhạt, rồi nói với giọng nửa đùa nửa thật:

– Không ngại ai khác, chả hóa ra chỉ ngại một mình ông chăng?

Nguyễn Hữu Chỉnh giật mình, tự biết mình đã nói hớ, nên tái cả mặt, lắp bắp tạ lỗi:

– Sở dĩ tôi đề cao cái ngu hèn của

mình thành ra tài giỏi, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyệt nhiên không có nhân tài đó thôi!

Nguyễn Huệ thấy Chinh lúng túng, dài dòng bào chữa, cố cười ha hả một cách tự nhiên, rồi an ủi:

– Tôi cũng “nói quá” cho vui thôi. Ông đừng để tâm. Nhưng một nước đã đứng được bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình ra cướp lấy thiên hạ sẽ coi việc ấy là cái gì?

Nguyễn Hữu Chinh trở lại yên tâm, chậm rãi đáp:

– Nước tôi có Vua lại có Chúa, đó là một việc hết sức trái ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng là phù Lê, thực ra vẫn ăn hiếp Thiên tử, người trong nước từ lâu vốn đã không phục. Trước đây,

những bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy ai cũng vịn vào danh nghĩa phù Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong địa ký² của họ Trịnh có câu:

Chẳng để chẳng bá

Quyền nghiêng thiên hạ

Truyền được tám đời

Trong nhà dấy vạ.

Tính từ Thái vương Trịnh Kiểm đến Tĩnh vương Trịnh Sâm đã đủ tám đời. Nếu ngài lấy có “diệt Trịnh phù Lê” mà

2 Sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mả. Thái vương Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Trịnh Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi họa. Câu “Tộ truyền bát đại” có bản chép là “Truyền nhị bách niên”. Ghi chú số 1 của Ngô gia Văn phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Nxb Văn Học Hà nội, trang 99.

kéo quân ra, thiên hạ không ai là không theo phục. Ấy là cái công nghiệp không mấy đời có!

Nguyễn Huệ gật gù ra dáng chấp nhận lý lẽ của Chỉnh, nhưng ông vẫn nói:

– Đó là việc rất hay. Nhưng ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hóa, không phải vâng mệnh đi đánh nước ngoài. Xong việc nọ ra việc kia thì ra làm sao?

Nguyễn Hữu Chỉnh vội đáp:

– Trong kinh Xuân thu có nói: “Xoay nhỏ mà công lao lớn, thế là có công”. Như thế có xoay cũng chẳng ngại gì đâu? Huống hồ ngài há chẳng nghe nói: “Tướng ở ngoài, có khi không cần phải theo mệnh Vua” đó sao?

Nguyễn Huệ lặng im suy nghĩ, vâng trán nhăn thành nếp, đôi mắt đăm đăm

nhìn ra phía trước nhưng hình ảnh viên Phó tướng cứ nhòe dần nhòe dần, như một khuôn mặt nhìn qua tấm kính ướt. Đầu tiên ông thấy cặp mắt Nguyễn Hữu Chinh trở thành hai vệt xéch, rồi trở thành hai hõm đen. Cái miệng cười mỗi lúc một rộng thêm ra, gờ hai hàm răng trắng nhớn, cho nên cuối cùng thật giống như một cái đầu lâu nhập nhòa uốn lượn. Tai ông văng vẳng tiếng chân rầm rập chạy, tiếng la hét săn đuổi, tiếng quát tháo giận dữ, tiếng thét đau đớn. Nguyễn Huệ vỗ nhẹ tay xuống mặt kỹ để đánh thức mình. Ông lại thấy Nguyễn Hữu Chinh mỉm cười, kiên nhẫn chờ đợi. Nguyễn Huệ nói:

– Ông bỏ tờ báo tiếp này đi. Ta viết hẳn tờ lộ bố mới, và sẽ gửi về Qui Nhơn theo đội quân áp giải tên Quận Tào. Tôi giao hẳn việc đó cho ông. Ông khỏi phải

cần phải hỏi ý kiến ai cả. Càng lắm thầy, càng thối ma mà thôi.

✱

Nguyễn Huệ đọc đi đọc lại bản thảo tờ lộ bố sẽ gửi về Qui Nhơn:

“Lũ thần vâng mệnh theo mưu mô của miếu đường, lại kính nhờ oai Trời thiêng liêng, Thuận Hóa đã được dẹp yên, khắp thiên hạ đều rung động. Nay ở Bắc hà quân thì kiêu, tướng thì lười, thế có thể lấy. Thần xin theo lễ tiện nghi, đã ủy cho Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh đem tiền bộ thủy binh đi trước, thẳng tới Sơn nam.

Riêng thần hiện đang chiêu mộ nhân dân ở các vùng ven biển, chọn lấy đỉnh tráng để tăng quân thế. Hẹn trong ít ngày

sẽ dẹp yên xứ Bắc hà. Còn quan ải, thành quách xứ Thuận Hóa, hiện đã giao cho Đông định công (Nguyễn Lữ) coi giữ.

Vậy xin bề trên ban gấp chiếu chỉ cho thần tuân theo³”.

Ông căn môi suy nghĩ. Cái hoa đèn trước mặt lắt lay, ngọn tim đèn thiếu dầu hóa thành tàn đen cong xuống giữa ngọn lửa yếu ớt. Lá thư do Chỉnh soạn vừa gãy gọn, vừa đầy đủ ý nghĩa. Nguyễn Huệ nhận thấy không cần thêm bớt gì. Chỉ có hai điều khiến ông lo lắng là phản ứng sẽ có của hai ông anh. Ông sẽ nói với Nguyễn Lữ thế nào đây để Đông định công bằng lòng ở lại trấn giữ Thuận Hóa cho ông cất quân ra Bắc hà. Và vua Thái Đức sẽ nghĩ thế nào sẽ làm gì khi tiếp được bức thư này?

3 Chương 8 Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch của Ngô Tất Tố.

Nguyễn Lữ hiện đã về thành Phú Xuân, và Nguyễn Huệ biết với bản tính thụ động, Nguyễn Lữ sẽ không gây nhiều trở ngại khi thấy mọi việc đã được xếp đặt, không thể thay đổi được nữa. Lữ không muốn, mà cũng không có can đảm làm điều gì khác thường có thể gây chấn động cho cuộc sống điều hòa và khi có biến cố xảy ra, ông cũng không dám làm gì để biến cố ấy đổi dòng. Mọi sự trước mắt ông đều là sự đã rồi, không nên thay đổi. Nguyễn Huệ hiểu rõ anh, nên dù có chút ít ngại ngùng, nỗi lo về “anh Bảy” không đến nỗi lớn lao lắm.

Nguyễn Huệ lo nhất là phản ứng của vua Thái Đức!

Ông quá hiểu chủ đích của Nguyễn Nhạc khi quyết định sai ông đem quân vượt đèo Hải Vân ra đánh Thuận Hóa. Anh Cả của ông vẫn nửa đùa nửa thật

khoe mình là “người họ ngoại của Chúa Nam hà”. Nhà vua không có tham vọng nào khác ngoài ý muốn khôi phục giang sơn cũ của họ Nguyễn Gia Miêu, lấy lại từ tay nhà Trịnh miền đất từ sông Gianh trở vào đèo Hải Vân. Nhà vua không giấu diếm ước vọng đó. Gặp ai, ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, nhà vua cũng nhắc tới. Ngay với cả Chapman, người đại diện cho nhà cầm quyền Anh tại Bengale đến Qui Nhơn năm Mậu Tuất (1778). Cái ước vọng ôm ấp từ thời khởi dấy này, qua bao nhiêu năm tháng, qua bao nhiêu vất vả, tóc càng bạc nếp nhăn trên trán càng nhiều thì ước vọng ban đầu lại càng thu nhỏ lại. Tuổi đời như một chất cường toan ăn mòn dần các dự ước của thời trai trẻ. Bây giờ thấy ước vọng đó viên mãn, nhất định nhà vua phải bàng hoàng, gần như không thể tin có thể đó là sự thực. Sau nỗi bàng hoàng sẽ đến niềm lo âu. Sẽ

có nhiều lý lẽ để biện hộ cho những bước chân uể oải chậm chạp, cho sự trì độn của trí não, cho tầm nhìn ngắn của đôi mắt bắt đầu nhấp nhem. Tất cả những điều đó, Nguyễn Huệ có thể đoán trước được!

Nếu lá thư này đến Qui Nhơn sớm, nhất định nhà vua sẽ ra lệnh ngăn cản. Còn nếu chuyến phiêu lưu kỳ thú này thất bại, tất cả tội lỗi sẽ đổ lên đầu Nguyễn Huệ. Chỉ nội cái “tội tự chuyên” cũng đủ phế bỏ tất cả chức tước, công lao xưa nay của ông! Nhưng, Nguyễn Huệ biết mình không thể dừng lại được!

Có một sức mạnh siêu việt, mạnh hơn tất cả mọi lý lẽ, thúc giục ông tiến tới. Con đường thênh thang dẫn về Thăng Long, đất văn hiến mấy nghìn năm! Thuận Hóa những ngày giải phóng sung sức như một con ngựa khỏe sắp

lồng lên. Kẻ cầm cương nếu vì nhút nhát sợ hãi bụi đường thiên lý dùng hết sức ghì cương lại tất sẽ bị quật ngã. Và sau đó, con ngựa khỏe cứ rong ruổi đường xa! Không! Không! Ông không thể dừng lại, làm một quan Trấn thủ thu mình tận hưởng tuổi đời trong cái thành cũ ven con sông Hương trầm lặng này! Nước sông xanh lặng lẽ, núi không đủ cao để đùa giỡn với những đám mây! Những cơn mưa chì chiết lê thê! Làm quan trấn thủ Thuận Hóa? Ông mới ba mươi lăm tuổi mà đã chồn chân sớm sủa thế sao? Ông sẽ thay thế cho Quận Tào, ngồi vào chỗ hăn ngồi, tay đặt vào thành ghế găm còn vương mùi mồ hôi chua của hăn, chân bước lên những viên gạch hăn đã bước, mắt nhìn mái ngói hăn đã nhìn? Rồi sau đó? Bốn mươi tuổi? Năm mươi tuổi? Ông sẽ béo phệ như hăn, mắt híp như hăn, mấy ngón tay xanh xao nung

núc như hắc? Và đến lúc nào thì cũng sẽ như hắc, ông cúi đầu lầm lũi bước theo sau xe quan tài và lá cờ bạc, vào một ngày mưa dầm ảm đạm?

Không! Không thể được! Hoặc ông ngồi vững trên lưng ngựa, giong cương cho lịch sử đưa xa về phía trước, cho đúng với ước nguyện của mọi người. Hoặc ông mù quáng ghìm cương để con ngựa lịch sử hất ông xuống bùn và dầy lên trên mà tiến. Ông phải lựa chọn, đúng ra là phải thuận theo cái đà chẳng dặng dừng của thế cuộc. Ngọn đèn bên ông mờ dần. Đêm quá khuya. Căn phòng trống trải, lạnh lẽo. Nguyễn Huệ chưa bao giờ cảm thấy cô đơn như vậy! Trước khi quyết định một việc liên hệ đến sinh mệnh bao nhiêu vạn người, đảo lộn cả lịch sử, xáo động cả tình ruột thịt, rúng động cả lòng người, ông lại cảm thấy cô đơn và yếu

đuối. Ông đứng dậy khỏi chiếc ghế gấm, định gọi tên lính hầu thay đèn, nhưng nghĩ lại, ông lại thôi. Ông đến đứng bên cửa sổ, nhìn ra trời đêm.

Trăng thượng tuần lơ mờ. Ánh trăng non chiếu lên các mặt lá ướt sương bóng nhẫy, gợi hình ảnh một sức sống trầm lặng nhưng nao nức hạnh phúc. Tháp canh in bóng đen trên nền trời xám đậm. Xa xa vọng về tiếng mõ cầu cứu, và tiếng chó sủa hoảng hốt!

Nguyễn Huệ bản thân giữa niềm hãnh diện tự tin và cảm giác bị lôi cuốn một cách yếu đuối tuyệt vọng. Một cơn gió thổi mạnh vào phòng. Tờ lộ bố bay xuống nền nhà. Nguyễn Huệ vội đến nhặt tờ giấy lên. Mặt giấy mịn và lạnh truyền cảm giác mơn man lên tay phải của ông. Ông lẩm bẩm:

– Không có cách nào khác! Phải thế thôi!

✱

Tờ lộ bố gửi về Qui Nhơn đồng thời với thời gian truyền hịch hô hào Bắc tiến để diệt Trịnh phù Lê. Và từ đó, cuộc chuẩn bị tiến công mới phải chạy đua với ngựa trạm từ Thuận Hóa về đến Hoàng đế thành.

Sau những ngày ngày ngất với tự do, Thuận Hóa lại quay cuồng trong những biến cố dồn dập đến nỗi từng người quên mất ý niệm về thực tại. Trai tráng khao khát tìm kiếm một thứ trật tự mới, ý nghĩa mới cho đời sống, nên sẵn sàng lao đầu vào các cuộc vận động mạnh bạo và dứt khoát do chính quyền mới đưa ra.

Những người có tuổi thì ngơ ngác, lạc loài, nhưng không có cơ sở nào để tự tin. Mọi sự trước mắt họ lạ lẫm quá. Có nhiều cái mâu thuẫn mà vẫn đi đôi với nhau, thậm chí bổ khuyết cho nhau để tạo nên sức mạnh. Họ không hiểu gì cả! Con cháu họ hoàn toàn đối khác, vượt khỏi tầm kiểm soát và phán đoán của họ. Họ không dám trách mắng các hành động sốc nổi khác thường của chúng, nhưng cũng không dám mạnh mẽ cổ động chúng. Biết lấy gì làm cái nền cho mọi phán đoán đây? Hịch Bắc tiến như một chất men say thức tỉnh xứ Thuận Hóa trĩu trĩu ngái ngủ dậy! Diệt cái bọn tham quan nhà Trịnh từng cha truyền con nối mấy trăm năm ức hiếp Thiên tử, hí lộng quyền bính, thật là một sứ mệnh cao cả. Khắp nước còn có xứ nào xứng đáng được trao cho sứ mệnh vinh dự ấy cho bằng Thuận Hóa. Thuận Hóa ở

vào địa đầu dĩ nhiên phải lãnh vai tiên phong. Dân Thuận Hóa từng bị áp bức suốt mười năm, nên đáng được giao cho trách nhiệm trừng trị kẻ áp bức.

Nhưng gánh nặng của trách nhiệm cao cả đè lên đôi vai gầy gò của những người dân vừa bị đói khổ, dịch tễ suốt mấy năm. Thiếu ăn thiếu áo, đôi chân run, xương sống mỏi, liệu dân Thuận Hóa có kham nổi sứ mệnh vĩ đại lịch sử đã dành giao cho họ không? Trong vòng năm ngày, tất cả đàn ông Thuận Hóa đều phải nhập ngũ. Chùa chiền bị phá, chuông, tượng đồng bị thu về đúc súng. Các nhà sư, bất kể giả mạo hay chân chính đều phải cầm khí giới đi đánh giặc. Những tín đồ đạo Công giáo cũng không được chừa.

Với đôi mắt già nua, họ không thể hiểu được vì sao lại cần có những biện

pháp thô bạo và dứt khoát như vậy. Gần như không có sự chuyển tiếp từ cái cũ sang cái mới. Không có ngoại lệ. Không có ưu tiên, biệt đãi. Không dài dòng, thận trọng xét từng trường hợp cá biệt, cân nhắc hơn kém trước khi quyết định. Nhất là không có gượng nhẹ khoan dung cho các trường hợp vi phạm. Nếu chỉ nhìn ở một đoạn cuối là phương cách thi hành mà không ngược trở lên nguyên nhân là chính nghĩa phù Lê, thì các biện pháp trừng binh do Tây Sơn ban hành còn hà khắc hơn cả thời Quận Tào làm Trấn thủ. Nhưng tại sao bọn trai tráng lại hân hoan, mừng rỡ khi xa gia đình xông vào cuộc chinh chiến? Tại sao kể cả những người bị buộc phải gác chuông khánh, cởi áo cà sa, phải làm ngược với giới luật của tín ngưỡng, những kẻ chắc chắn bị ép buộc cầm giáo ấy vẫn trở thành những người lính Tây Sơn can đảm, kiên

cường, có kỷ luật?

Trời đất đã đảo điên rồi chẳng? Hay chính họ đã trở thành lắm cảm, nghịch thường?

Trần Văn Kỷ là một trong những nhân sĩ Thuận Hóa ngổ ngàng bản khoản trước vận hội mới ấy! Ông vui mừng thấy thành Phú Xuân sụp đổ. Tuy có chạnh lòng khi nghe tin người Bắc hà bị tàn sát, nhưng ông cố viện dẫn nhiều lý lẽ để bảo vệ niềm vui: tội ác của bọn lính Trịnh, lòng kỳ thị tự nhiên giữa nam bắc, thiệt hại không thể tránh khỏi của chiến tranh, cuối cùng là lý lẽ ích kỷ hơn: dân Thuận Hóa không bị thua thiệt gì nhiều. Nguyễn Hữu Chỉnh tìm đến tận nhà cố thuyết phục ông cộng tác với chính quyền mới. Trần Văn Kỷ đã từng ái mộ cái tài làm văn Nôm của Cố Chỉnh. Ông cũng nghe được những lời

thị phi về con người ấy. Ông tự biết so về học thức, ý chí, tài biện bác, nhất là sự tự tin và xem thường kẻ khác để bạo dạn tiến thủ, ông thua xa Cống Chính. Cho nên trong cuộc hội kiến đầu tiên, Trần Văn Kỷ cố nói càng ít càng tốt. Ông dè dặt vâng dạ, đến nỗi Nguyễn Hữu Chính không ngờ một nhân vật có uy tín của Thuận Hóa văn vật lại xoàng xĩnh, tầm thường đến thế.

Rồi Nguyễn Hữu Chính bị cuốn hút vào cuộc chuẩn bị hội hương nên quên bẵng Trần Văn Kỷ. Chính quên thì Long Nhương tướng Quân lại nhớ. Nguyễn Huệ sai Lãng tìm tới nhà Trần Văn Kỷ, mang theo nhiều quà cáp đắt giá và một lá thư do chính Nguyễn Huệ viết. Sự ân cần nể trọng của một người lấy lòng nam bắc, đang nắm trong tay vận mệnh của Thuận Hóa, khiến Trần Văn Kỷ bối

rồi hơn cả lúc tiếp chuyện Cống Chỉnh. Thư Nguyễn Huệ viết bằng lời Hán có pha Nôm, không cầu kỳ văn hoa, mà hết sức mộc mạc, chân thành. Nét chữ chân phương, ý tứ đơn giản, nhưng đặt Trần Văn Kỷ trước một vấn nạn không có đường lui: Là một sĩ phu Thuận Hóa, lẽ nào ông bịt mắt che tai trước vận hội mới của Thuận Hóa? Ông không đứng ra gánh vác thì ai gánh thay cho ông? Chờ Qui Nhơn chăng? Chờ Gia Định chăng? Lại chờ Thăng Long chăng? Trần Văn Kỷ không dám nhận hết mâm quà. Ông chỉ nhận đĩa trầu, và hai gói trà ngon. Ông cũng hứa với Lãng là sẽ viết ngay lá thư trần tình với Long Nhương tướng quân.

*

Trần Văn Kỷ chần chờ mãi, chưa

viết thư phúc đáp cho Nguyễn Huệ. Thật ra phải nói ông rất ít có thì giờ rảnh rỗi để viết thư. Cái tin Phó tướng Tây Sơn Nguyễn Hữu Chỉnh và viên Thư ký của Long Nhương Tướng quân đến tận nhà mời Trần Văn Kỷ cộng tác mau chóng truyền đi khắp Thuận Hóa, và trở thành một đề tài thời sự. Trần Văn Kỷ là một trong những nhà nho khoa bảng ít ỏi còn lại của Thuận Hóa. Giống như Ngô Thế Lân, ông không chạy theo bọn quan lại nhà Nguyễn và các thế gia lâu đời như Nguyễn Cửu, Tống Phước, Nguyễn Khoa, Trương Phước, theo chân Duệ Tôn chạy vào Gia Định. Ông xem họ Nguyễn Gia Miêu như một cổ thụ đã ruỗng nát từ bên trong, không còn đủ sức đâm chồi nảy lộc sau mùa đông năm Ất Mùi (1775) nữa. Bọn nhà nho hẹp hòi cố chấp xem đó là bằng chứng sự hèn nhát. Nếu vài người còn có cảm tình với Trần

Văn Kỹ, chỉ vì họ hy vọng sau khi kinh đô thất thủ, ông sẽ bắt chước hai người con vua nước Cổ Trúc (Bá Di-Thúc Tề) bỏ Phú Xuân tìm mót rau vi trên núi Thù Dương chứ không thèm ăn gạo của nhà Trịnh. Nhưng thái độ của Trần Văn Kỹ sau năm Ất Mùi khiến họ thất vọng. Ông vẫn ở Phú Xuân, vẫn ăn gạo Trịnh. Thế là thế nào? Bạn bè chờ thấy Trần Văn Kỹ nhận mũ áo của Tỉnh vương Trịnh Sâm! Lại một lần nữa họ đoán sai! Ông từ chối mọi lời mời mọc, xem thường mọi đe dọa. Lại không trốn đi đâu! Hơn mười năm, ông cử Trần Văn Kỹ sống đạm bạc với nghề làm vườn và dạy học. Cho đến lúc thiên hạ hết nhớ đến ông! Kẻ xem ông là người gàn, kẻ xem ông là người bất tài. Ông hết trở thành một “vấn đề”!

Cho đến khi Nguyễn Hữu Chỉnh đích thân đến nhà ông đồ Kỹ! Bấy giờ

ông lại trở thành đầu mối của câu chuyện bàn cãi. Người ta lại chờ xem thái độ của ông, đoán già đoán non đủ cách. Sự đảo lộn dữ dội trong đời sống Thuận Hóa, sức mạnh hiển nhiên của chế độ mới, tiếng tăm lừng lẫy của Long Nhương tướng quân, và nhất là cái dư lực sẽ đẩy tình thế đến những đảo lộn còn rộng rãi và dữ dội gấp bội, đã khiến ý kiến của từng người dân Thuận Hóa hùng hực quá khích. Họ không chịu lặng lẽ chờ đợi, để từ xa đón xem phản ứng của ông đồ Kỷ. Hịch Bắc tiến đã truyền, cảnh trưng binh ráo riết, cuộc chuẩn bị khẩn cấp đòi hỏi mọi người phải dốc hết sức lực và tài sản đóng góp, tiếng cười tiếng khóc chen nhau trong từng gia đình, những tranh cãi gay gắt trong từng bữa ăn, hăm hở sôi nổi bên những giọt nước mắt giấu diếm của những người ở lại! Thuận Hóa đang xao xuyến lẫn náo động, không cho phép

ai được ngồi yên tĩnh nữa. Cho nên Trần Văn Kỳ phải tiếp đủ mọi loại khách xa gần, thân sơ tìm đến để thúc giục, khuyến khích hoặc đe dọa, cảnh cáo ông.

Lớp trẻ tìm đến ông như tìm một người đầu đàn. Họ cũng đặt cho ông những câu hỏi giống như câu hỏi của Nguyễn Huệ.

Số phận của Thuận Hóa do ai quyết định đây? Bao nhiêu năm tủ nhục vì tên Quốc phó Trương Phúc Loan, tiếp theo mười năm tủ nhục dưới ách thống trị của nhà Trịnh, bây giờ còn chờ gì nữa? Chờ ai đứng ra gánh vác thay đây? Chờ bọn con cháu họ Nguyễn trong Gia Định chăng? Chờ bọn kiêu binh Tam phủ ngoài Thăng Long chăng? Hay cứ phó mặc cho Qui Nhơn lo hộ mọi việc của Thuận Hóa? Lớp già thì viện đủ kinh sử để dài dòng quanh co về lễ chính thống,

về đức trung dung, về “Bắc phương và Nam phương chi cường”, về lễ xuất xử của kẻ sĩ. Nhiều người nhìn trước nhìn sau trước khi nói đến những tiếng “bạo chúa”, “thoán đoạt”, “dân núi”, và lo lắng căn dặn trước lúc ra về.

Khách khứa về hết, ông đồ Kỷ lại một mình hỏi mình: Có nên cộng tác với Tây Sơn hay không?

Ông không thể trả lời được dễ dàng. Trong những lúc yếu đuối, ông đâm hối tiếc. Ông vẫn còn muốn để cho đời nhớ đến tên tuy bên ngoài cố làm ra vẻ dung dị, thô sơ, khuất lấp, tầm thường. Thật đáng tiếc! Đêm khuya, vợ con đã đi ngủ, ông không chịu đựng nổi dằn vò của hối hận mới tìm đến Trang tử. Ông tìm lại những lời phúng thích Khổng tử họ Trang gán cho quan Đại công tên Nhiệm:

“Ở Đông Hải có loài chim tên là Ý dĩ. Loài đó chậm chạp, từ tốn như vụng về. Bay cùng đoàn với nhau, con trước con sau, chen lấn nhau mà đậu. Khi tiến không con nào bay trước, khi lui không con nào dám ở lại sau, khi ăn không con nào dám ăn trước, đợi những đồ thừa. Cho nên loài đó được sống yên ổn trong hàng, người ngoài không hại được nó, mà nó tránh được họa.

Cây thẳng thì bị đốn trước. Giếng nước ngọt thì cạn trước. Ông có ý tô điểm tri thức để làm cho bọn ngu phải sợ, sửa cái thân để làm rõ kẻ xấu xa. Ông rực rỡ như giờ cao mặt trời mặt trăng mà đi, cho nên không tránh được họa...”

Ông đồ Kỷ đọc lại đoạn đó một lần nữa, tự nhiên thấy giận vu vơ. Đêm đó, ông không chợp mắt.

Chương 65

Trần Văn Kỷ chỉ quyết định viết thư phúc đáp cho Nguyễn Huệ sau khi nhận được thư của sư cụ chùa Hà trung, bạn thiết của ông. Sư cụ tin cho ông đồ Kỷ biết: một toán trai tráng dân chài đã ủa vào phá chùa, gỡ chuông, hạ tượng Phật và bắt tất cả các chú tiểu trên mười lăm tuổi cùng hai sư bác đem lên giao nộp cho Tây Sơn. Những người phá hoại không xa lạ gì với nhà chùa. Có điều sư cụ thắc mắc phải viết thư hỏi người bạn còn hiểu chuyện trần tục là cái gì đã thúc đẩy những thanh niên

hằng ngày hiền lành, nhút nhát, lằm lì, đến hành động bạo lực đó. Cái gì? Tại sao?

Trần Văn Kỷ xuống thăm bạn ngay sau khi được thư. Ngôi chùa giống như vừa trải qua một cơn bão mạnh. Cây cối trong vườn bị xác xơ gãy đổ, nhàu nát. Bệ Phật trống trải. Tất cả đồ đồng đồ sắt trong chùa bị mang đi. Máy chiếc mõ bị đập vỡ. Chùa chỉ còn một mình sư cụ là người lớn. Các học tăng, chỉ còn lại hai chú tiểu tuổi chưa đến mười lăm hình vóc ốm yếu, gầy gò.

Sư cụ lặng lẽ dẫn ông đồ Kỷ đi thăm một vòng khu vườn đổ nát và ngôi chùa chính. Tuyệt đối sư cụ không nói năng gì. Trần Văn Kỷ cũng không hỏi. Họ đi bên nhau, chân dẫm trên những mảnh vỡ của vôi xây bệ Phật và của cái mõ lớn, để bước vào phòng trong nơi sư cụ ở. Họ

lặng lẽ ngồi xuống chiếc chiếu trải trên nền chùa.

Sư cụ chờ ông đồ hỏi, nhưng lâu quá ông đồ Kỷ vẫn chưa hỏi gì. Cho nên sư cụ phải nói trước. Bằng một giọng nhỏ như lời thủ thi, sư cụ bảo:

– Ông xuống có hơi sớm. Nếu kịp dọn dẹp, cảnh chùa sẽ giống như hồi nhờ ông làm cho bài phả khuyến để đúc tượng.

Trần Văn Kỷ buồn rầu đáp:

– Thật không thể tưởng tượng được. Tất cả mọi điều xảy ra quanh ta đều hết sức lạ lùng. Có thể trước đây chưa bao giờ có, và sau này, cũng sẽ không bao giờ có. Sư cụ hỏi tôi tại sao? Tôi lại tự hỏi mình: Có phải mình đã quá già, đến nỗi không còn cảm nghĩ, hành động như mọi người chung quanh chăng?

Sư cụ chờ mãi không thấy ông đồ nói tiếp, nên nói:

– Họ đã phá những gì họ đã xây, rồi mang đi dựng một cái khác. Không mất gì cả. Ông đừng nghĩ đến chuyện đổ vỡ, mất mát mà thương hại nhà chùa. Lúc này tôi nói y như hồi làm phả khuyến là có ý đó. Có điều tôi vẫn còn vương vịu, mê chấp, là cứ muốn biết họ sẽ xây được cái gì với số chuông tượng của chùa này.

Trần Văn Kỹ nói ngay điều thoát nghĩ:

– Họ chưa vội xây đâu. Họ phá trước đã.

Nhà sư vội hỏi:

– Phá được cái gì?

Ông đồ đáp ngay:

– Trước mắt, họ phá được những tai ách mà tiếng chuông chùa Hà Trung không phá được. Lốp trẻ máu còn nóng, không kiên nhẫn lắng nghe chuông chùa niệm Phật như lớp cha chú của chúng, lớp đã nghe theo lời phả khuyến góp của để đúc chuông dựng tượng. Vì vậy chúng hằng hái đem chuông đi đúc sủng.

– Giả sử họ phá được mọi tai ách, san bằng hết chông gai hầm hố, xóa hết nghiệp chướng, sau đó họ sẽ xây cái gì?

Trần Văn Kỷ thú nhận:

– Tôi không biết.

Nhà sư hỏi:

– Họ có biết không?

– Họ là ai?

– Những người ra lệnh phá tượng để đúc súng, và ngay cả những người tuân lệnh.

– Có lẽ họ cũng chưa biết.

– Nghe nói ông được tiếp chuyện với viên Phó tướng Tây Sơn. Ông ta biết không?

Trần Văn Kỷ bấu môi nói:

– Hắn không nhìn quá được tâm tay.

– Thế viên Chủ tướng?

– Tôi chưa được gặp. Ông ta là người đã đập đổ cơ nghiệp họ Nguyễn Gia Miêu, và sắp tới đây, đến phiên cơ nghiệp họ Trịnh. Long Nhương tướng quân, em ruột vua Tây Sơn, sử cụ đã nghe nói đến rồi chứ?

Nhà sư gật đầu, mặt đăm chiêu. Một lúc sau, nhà sư hỏi:

– Viên Phó tướng nhờ ông việc gì vậy?

Trần Văn Kỷ thành thực đáp:

– Hẳn vâng lệnh ông Long Nhương tìm mời các sĩ phu Thuận Hóa ra cộng tác với Tây Sơn.

Nhà sư không giấu được sự nôn nóng tò mò, vội hỏi:

– Rồi ông trả lời thế nào?

– Tôi chưa trả lời thế nào cả. Bạch sư cụ, có nên ra giúp họ không?

– Nếu ông nghĩ việc đó có tạo được quả phúc cho nhiều người, thì cứ mạnh dạn.

Ông đồ hỏi dồn:

– Nhưng ý của sử cụ ra sao?

– Bần tăng đã chọn đường từ lúc cắt tóc khoác nâu sồng. Vì thế, bần tăng không còn so đo, thắc mắc chọn lựa con đường nào khác.

Ông đồ Kỷ bẻ lại:

– Nhưng nầy giờ sử cụ vẫn còn hỏi tại sao như vậy? Họ định xây cái gì? Nghĩa là...

Nhà sư vội nói:

– Ông hãy tự tìm đường. Bần tăng không tìm thay cho ông được đâu. Dĩ nhiên ông không có ý định xuống đây để xin qui y. Xưa nay ông vẫn thường xem vào chùa như một cách ở ẩn, hoặc đi trốn. Lúc nầy, ông cũng vừa lặp lại ý đó.

Chẳng lẽ đến lượt ông, ông cũng đi trốn? Có thể nhờ có ông mà họ khỏi đập phá những gì không cần, hoặc chưa cần đập phá. Phải chừa lại chút gì làm móng để mai sau xây lên cái khác chứ. Ông nghĩ lại xem!

✱

Khoảng đầu tháng sáu Bính Ngọ, Long Nhương tướng quân tiếp Trần Văn Kỷ tại sảnh đường tráng lệ của dinh Trấn thủ. Ngoài Lãng người được giao cho phận sự dẫn lính hầu đem võng đến mời ông đồ, trong phòng chỉ có hai người: viên võ tướng lưng lầy chiến công, và nhà nho xứ Thuận Hóa.

Vừa thấy võng điều hạ xuống trước thêm, Nguyễn Huệ đoán biết ngay là Trần

Văn Kỹ, nên vội vã ra tận cửa để đón ông đồ. Nguyễn Huệ cung kính chấp tay vái chào, ân cần bảo:

– Tôi biết thế nào thầy cũng đến. Suốt mười năm sống với bọn ma quỷ họ Trịnh mà thầy không thèm mặc áo giấy, đủ biết thầy vẫn hàm dưỡng để chờ bậc anh quân. Có đúng thế không?

Trần Văn Kỹ ngồi xuống tràng kỷ không chút e dè, khách sáo, sửa lại áo khăn cho ngay ngắn, rồi mới đáp:

– Ngài quả đã thấy cả lòng dạ tôi. Vâng, cả đời tôi vẫn ước mong được thấy bậc anh quân. Cho đến nay, tôi vẫn còn tìm.

Nguyễn Huệ mỉm cười, đôi mắt vừa thân ái vừa ranh mãnh như mọi khi. Ông sai lính hầu pha trà, đẩy coi trầu về

phía ông đồ Kỷ. Ông đồ khẽ gật đầu cảm tạ, rồi lấy một miếng trầu bỏ vào miệng. Nguyễn Huệ thấy khách nhai trầu thản nhiên chứ không dè dặt lấm lét như nhiều kẻ đến gặp ông, đã bắt đầu kiên nhẫn. Nguyễn Huệ hỏi:

– Thầy đã tìm ra minh chúa để thờ chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Thưa chưa!

Nguyễn Huệ hỏi ngay:

– Thế tại sao thầy bằng lòng đến đây?

Ông đồ đáp:

– Tôi làm nghề dạy học lại kiêm nghề thuốc mới đủ sống. Vất vả lâu thành thói quen. Đêm hôm khuya khoắt, nhiều

khi gặp con bệnh ngặt nghèo, dù mưa gió tôi cũng đi. Cho nên được đem vồng tận nhà mời đón, dù chưa biết đến đâu, tôi cũng không lấy làm ngại.

Nguyễn Huệ thích chí, mỉm cười, rồi bảo:

– Quả là danh bất hư truyền. Thầy dạy học hay lắm. Không biết thuốc thầy bổ cho người ta có được công hiệu không?

Ông đồ tiếp tục nhóp nhép nhai trầu, đáp lại:

– Cái đó còn tùy. Bệnh nặng quá không thuốc nào cứu nổi, thì chỉ bổ vài thang bồi dưỡng để con bệnh sống rán được ít lâu nữa với vợ con. Bệnh chữa được thì tùy con bệnh có thực tin ở thầy thuốc hay không. Có tin mới chịu uống

đúng phép tắc, cân lượng, giờ giấc. Không thể chữa được cho những người không chịu uống thuốc.

Nguyễn Huệ ngồi dịch lại gần ông đồ, chìa bàn tay phải ra, mỉm cười bảo:

– Thầy xem hộ mạch cho tôi được không?

Trần Văn Kỷ cũng mỉm cười, lắc đầu lễ phép nói:

– Ngài cương cường mạnh khỏe như vậy, có bệnh tật gì đâu mà phải xem mạch.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Thế lúc ra đi, thầy định làm nghề dạy học hay làm nghề thuốc?

Ông đồ Kỷ nhũn nhận đáp:

– Tôi chỉ vâng mệnh Ngài mà đến.

Nguyễn Huệ cười lớn, hỏi dồn:

– Vậy tại sao trước kia thầy không vâng mệnh Quận Tào?

Trần Văn Kỷ nhớ lại cuộc trò chuyện giữa mình và sư cụ Hà Trung, nghiêm mặt đáp ngay:

– Vì sau khi phá thành Phú Xuân này, hắn không biết làm gì khác ngoài việc tiếp tục phá hoại. Còn Ngài thì...

– Tôi thì thế nào? Thầy chớ ngại. Tôi thích những lời nói thẳng.

– Ngài thì có dư lực để xây cả một giang sơn, chứ đừng nói cái chuyện mọn là chấp vá lại vài chỗ thành sập lở.

Nguyễn Huệ thích chí quá, quên cả dè dặt, đập tay xuống cái kỷ trước mặt

khiến coi trầu dổi lên. Trong khi ông đồ Kỷ đưa tay sửa lại coi trầu, Nguyễn Huệ hân hoan nói:

– Lâu lắm tôi mới tìm được một bậc cao kiến để được nghe những lời khuyên chân thành, biện biệt phải trái nên chẳng rõ ràng. Lâu lắm! Từ ngày thấy tôi mất đi...

Nguyễn Huệ chỉ nói đến đó, rồi im lặng. Mãi một lúc sau, ông trở Lãng lúc đó đang đứng hầu phía sau, hỏi Trần Văn Kỷ:

– Thầy biết cậu này chứ ạ?

Ông đồ nheo mắt nhìn Lãng, vui vẻ đáp:

– Thưa có gặp. Ông này đem thư của Ngài đến cho tôi.

Nguyễn Huệ nói:

– Thế thầy có biết ông giáo Hiến không?

– Thưa có.

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

– Biết từ hồi nào?

– Ông giáo thuộc lớp đàn anh của tôi. Hồi đến nhà dật sĩ Ngô Thế Lân để tập văn, đôi lần tôi có gặp ông giáo đến chơi.

– Cậu này là con trai của ông giáo đấy!

Trần Văn Kỷ nhìn về phía Lãng, mỉm cười nói:

– Thế à!

Nguyễn Huệ nói:

– Tôi được học hỏi nhiều điều bổ ích suốt mấy năm theo học thầy tôi. Sau đó vì mãi theo chuyện cung kiếm, tôi không có nhiều cơ may nữa. Rồi thầy tôi qui tiên. Hôm nay được gặp thầy ở đây, tôi mừng như được gặp lại thầy.

Trần Văn Kỷ cảm động đến nghẹn lời, phải cố dần xúc động để nói vài câu thoái thác:

– Ngài làm cho tôi hổ thẹn quá. Tôi chỉ là một lão đồ gàn, suốt đời lận đận cơm áo, có làm được việc gì đâu! Xin Ngài xét lại kéo lằm lẩn.

Nguyễn Huệ cương quyết bảo:

– Tôi không lằm lẩn đâu. Thầy lằm thì có. Lằm vì chưa thấy, hoặc vờ như chưa thấy cái tài của mình. Xin thầy chớ ngại. Thầy đợi cho đến bao giờ nữa! Thầy vừa

bảo tôi có thể xây dựng được cả một giang sơn. Thực thế ư? Xây dựng giang sơn, một người mà làm nổi ư? Ngay cái thành Phú Xuân này, quân thì lười, Quận Tào thì nhát, nhưng hạ được nó đâu phải dễ. Nếu dân Thuận Hóa không chán ghét bọn đàn áp, nếu Trời không cho nước sông Hương dâng cao lên tận chân thành, thì dễ gì hạ họ nổi trong vòng có một đêm! Thầy là con dân của Thuận Hóa, hỏi bây giờ ai lo cho Thuận Hóa đây? Thầy chờ ai? Chờ đến bao giờ? Chắc thầy đã biết là chúng tôi sắp ra Bắc diệt Trịnh để phù Lê. Đại quân kéo đi tất có thể có nhiều kẻ lưu manh vô lại thừa chỗ hở, quấy phá dân lành. Xin thầy vui lòng giúp cho Đông định công ổn định mọi việc ở đây, trong lúc tôi ra Bắc. Tôi biết trước là thầy sẽ không từ chối, nên mới sai đưa vồng tới.

Trần Văn Kỳ không còn biết nói gì thêm nữa. Vả lại, ông đồ đã có ý định ra cộng tác với Tây Sơn từ lúc ra đi, nên lời khẩn khoản của Nguyễn Huệ càng khiến ông an tâm hơn. Sau này, ông đồ chỉ tiếc là trong buổi hội kiến thân mật và thẳng thắn ban đầu, ông đã không nói gì đến chuyện phá chùa lấy chuông tượng đúc súng và bắt lính. Có lẽ trong thâm tâm, vào thời đó, ông không tin nhiều ở tiếng chuông chùa và những lời kinh kệ.



Bốn người gồm Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, Nguyễn Hữu Chỉnh và Vũ Văn Nhậm ngồi ở bốn góc sập, ở giữa là tấm bản đồ đặt thuận chiều với Huệ và Chỉnh. Lãng ngồi ở cái bàn bên cạnh chuẩn bị ghi chép. Trên tấm bản đồ, có

một thanh gỗ mun dài gấp hai chiếc đũa ăn, nằm đúng tầm tay Nguyễn Huệ.

Nguyễn Lữ khó chịu vì phải nhìn bản đồ theo chiều ngược, lúng túng muốn đổi chỗ nhưng không muốn làm xáo động cuộc bàn luận quan trọng. Còn Vũ Văn Nhậm thì nét mặt dầu dàu, dường như đang nén một cơn giận. Nguyễn Huệ hỏi Chính:

– Bọn tướng tá nhà Trịnh còn đủ sức cầm quân hiện nay gồm những ai?

Nguyễn Hữu Chính đáp:

– Không được bao nhiêu. Tướng giỏi thì già. Bọn còn lại xuất thân hoạn quan hoặc là bọn thư sinh mặt trắng.

Nguyễn Huệ không bằng lòng câu trả lời mơ hồ đó, hỏi lại:

- Trấn thủ Nghệ An người thế nào?
- Thừa là Đường trung hầu Bùi Thế Toại xuất thân quan thị.
- Còn trấn thủ Thanh Hoa?
- Thừa Thùy trung hầu Tạ Danh Thùy. Cũng là quan thị!

Nguyễn Huệ cười, hỏi:

- Nhà Trịnh hết cả đàn ông hay sao mà giao kiểm lệnh cho bọn ái nam ái nữ! Thế bọn lão tướng còn có ai nào?

– Có Thái đình hầu Trịnh Tự Quyền, Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng và Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ ở trấn Sơn Tây.

Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Nếu ta giương cờ phù Lê diệt

Trịnh, thì ai theo vua ai theo chúa?

Nguyễn Hữu Chỉnh do dự không biết trả lời thế nào, cuối cùng đáp:

– Qua loạn kiêu binh, bọn chúng đã học khôn, không muốn cho ai biết mình đứng hẳn vào phe nào. Thời loạn dạy cho chúng phải khôn để sống sót. Nói đúng ra, chúng sẵn sàng đứng về phía kẻ mạnh, đồng thời cũng sẵn sàng tháo lui khi có biến.

Nguyễn Lữ chen vào hỏi:

– Như vậy cái cơ “phù Lê diệt Trịnh” phỏng ích lợi gì! Vua Lê chỉ làm vì, bọn sĩ phu và võ tướng Bắc hà đều phải trung thành với chúa Trịnh.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội đáp:

– Đây là lòng người ở vào thời Bắc

hà còn ổn định. Nhưng sau loạn Tam phủ và cái họa phế truất lập thứ, lòng dân đã bắt đầu nghiêng về vua Lê. Nêu cao danh nghĩa phù Lê thì dân Bắc hà hoặc phải hưởng ứng, hoặc bắn khoãn do dự rồi đứng ngoài. Ta chỉ còn một nhóm thuộc dòng dõi và cố thần họ Trịnh.

Nguyễn Huệ hỏi:

– Lòng dân đối với vua Lê ra sao?

Nguyễn Hữu Chỉnh được dịp khoe sự hiểu biết của người trong cuộc:

– Dân Bắc hà hết sức kính trọng, thương yêu nhà vua. Mọi người xem Ngài như một kẻ cô thế, truyền tụng nhiều điều huyền hoặc nhưng tốt đẹp về Ngài. Khi hãy còn làm Hoàng tử, vì việc ông hoàng Duy Mật chống lại họ Trịnh, Ngài bị chúa Trịnh nghi ngờ, bắt giam

ở nhà viên Nội thị là Hồng quận công. Đến hồi Trịnh Doanh mới lên làm Chúa, quận Hồng ra trấn ở Sơn Nam, Doanh lại đưa Ngài đến giam tại nhà cẩu y là Bình quận công. Trước kia quận Bình chưa biết Doanh có lệnh ấy, thành linh một đêm mơ thấy Hoàng tử tới nhà, cờ quạt phất phới, đàn sáo dập dìu, rõ là cảnh tượng đời thái bình. Sáng hôm sau, chợt thấy quận Hồng cho giải Hoàng tử đến giam. Quận Bình lấy làm lạ, tin rằng giấc mộng đêm trước không phải là ngẫu nhiên, bèn kể lại với Doanh. Bấy giờ bốn phương đang loạn, thế nước sắp nghiêng đổ. Doanh thấy điều đó, muốn nhờ phúc đức của Ngài để dẹp cho yên thiên hạ, bèn đón Ngài về làm vua, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng⁴.

Vũ Văn Nhậm cười nhạt, mỉa mai:

4 Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Bản dịch của Ngô Tất Tố, trang 105

– Tên quận Bình lâu lắm. Bày vẽ chuyện mộng mị để lập một ông vua. Còn ông Cống dài dòng chuyện huyền hoặc để lập cái gì đấy?

Nguyễn Huệ ngược lên lừ mắt nhìn Nhậm, rồi hỏi Chỉnh:

– Liệu nhà vua có trị được nước một mình không?

Nguyễn Hữu Chỉnh rụt rè đáp:

– Có lẽ không. Ngài đã quá già rồi. Vả lại xưa nay mọi việc đã có phủ Chúa lo cả. Lúc Ngài làm vua, chẳng qua khoan tay rũ áo, tìm trò mua vui, không phải lo việc gì cả. Nhờ thế Ngài sành về các món kỹ xảo lật vặt. Bao nhiêu cung điệu nhạc phủ, Ngài đều chế ra làm bài mới, âm thanh cực kỳ du dương. Có khi Ngài còn treo tranh Tam quốc bắt các cung

nhân mặc áo trận, cầm đồ binh, chia ra thế trận ba nước Ngụy, Ngô, Thục, dạy họ những cách ngồi, đứng, đâm, đánh, làm trò vui trong lúc thư nhàn. Về già gặp phải Trịnh Sâm đè nén mọi cách, người khác chắc phải tức giận không sao chịu nổi, song Ngải vẫn cứ đùa vui như thường. Những người thân cận nhà vua thấy vậy đều can ngăn. Nhà vua liền đáp: “Các người mới biết một đường, chưa biết hai đường. Nhà vua với nhà chúa hiện đang ngờ nhau, nếu Trẫm lấy sự mất quyền làm tức giận, nhà chúa ắt phải ngấm ngấm tính việc chẳng hay. Vì vậy Trẫm mới phải mượn trò chơi vui để tránh tai vạ đó thôi”. Có lần nhà vua bảo với cung nhân rằng: “Trong đời ta, thế nào cũng có ngày được trông thấy cuộc thống nhất. Nhưng ta vẫn không lấy thế làm mừng”. Cung nhân đó hỏi lại: “Nhà chúa chèn ép thế này, nếu Chúa bại tức

là may cho nhà vua. Cớ sao Bệ hạ lại không mừng?”. Ngài đáp: “Trời sai nhà chúa phò ta, Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất Chúa, tức là cái lo về ta, ta còn vui gì!”

Nghe đến đấy, mọi người cùng cười ồ, kể cả Vũ Văn Nhậm!

Nguyễn Huệ cố nín cười nói:

– Thật đúng như tục ngữ nói: “Cựa lắm càng sâu vấy”.

Nguyễn Lữ cũng cười ha hả, nói góp:

– Cũng như người ta bảo: “Đầu càng trọc càng mát”.

Nguyễn Huệ trở lại nghiêm mặt bảo Chính:

– Như vậy thì trước sau nhà vua chỉ mong thu người lại để hưởng nốt

tuổi đời rồi. Chắc là dù có giao nước cho Ngài, Ngài cũng lắc đầu. Phiền nhĩ!

Nguyễn Hữu Chỉnh sáng mắt, đáp liền:

– Nhưng họ Lê không phải chỉ còn một mình vua Cảnh Hưng. Vả lại, Vua có ngại thì còn có đám nhân sĩ Bắc hà.

Nguyễn Huệ cắt lời Chỉnh:

– Thế sao ông từng bảo nhân tài Bắc hà hiếm hoi, ông... ông bảo ngoài đó chỉ là cái nước trống rỗng.

Nguyễn Huệ định nhắc câu nói kiêu căng của Chỉnh hôm trước, nhưng đã kịp nghĩ lại, và chuyển sang ý khác. Nguyễn Hữu Chỉnh xanh mặt vì sợ. Thấy thái độ Chỉnh, Nguyễn Huệ tìm cách chuyển cuộc bàn luận sang việc khác. Ông nói:

– Thôi, chuyện đó ta sẽ tính sau. Chưa đỡ ông Nghè đã đe hàng tổng, không được đâu. Trước mắt phải tính cho kỹ cách đánh thế nào cho chắc thắng. Ông Cống, việc Bắc hà xin để cho ông nói trước!

Nguyễn Hữu Chinh cố giấu bối rối bằng cách nói thật chậm:

– Sau khi hạ được thành này, chúng ta lo phòng thủ ở địa giới La Hà vì sợ quân Trịnh tiếp cứu cho Phú Xuân. Nhưng mãi đến nay, vẫn chưa thấy động tĩnh gì cả. Như vậy tức là quân trấn thủ hai xứ Thanh-Nghệ đều ít và yếu. Thăng Long đang do dự chưa biết phải làm gì. Ta nên nhân cơ hội tốt, kéo thẳng đại quân ra phá Nghệ An.

Nguyễn Huệ lắc đầu, chụp thanh gươm mun trở vào bản đồ nói:

– Không cần! Quân và lương của ta không có nhiều để chạy vòng đâu. Phải tiến theo đường thẳng. Hai xứ Thanh-Nghệ ư? Bọn quan thị không râu đó việc gì phải nhọc lòng. Ta chỉ cần phô trương thanh thế là chúng đã bỏ thành mà chạy. Nào, ông tìm cho tôi chỗ yết hầu của Thăng Long.

Nguyễn Huệ đưa thanh gươm mun cho Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh chưa dám nhận, e dè hỏi:

– Yết hầu Thăng Long là thế nào ạ?

Nguyễn Huệ nóng nảy đập đầu thanh gươm xuống tấm bản đồ nói lớn:

– Là chỗ nếu ta đánh thật nhanh để chiếm lấy, thì Thanh-Nghệ ngơ ngác, còn Thăng Long thì dây dựa vì ngộp thở, vì sợ hãi. Trận đầu chỉ cần nắm lấy yết

hầu, sau đó mọi sự dễ dàng như lấy đồ vật trong túi áo. Ông nên nhớ nay là mùa gió nồm. Ta muốn đưa quân nhanh thì phải theo đường biển. Chỗ đó vừa thuận đường biển cũng thuận tiện đường tiến quân về Thăng Long.

Nguyễn Hữu Chỉnh mừng rỡ nói:

– Phải rồi. Ta phải chiếm lấy Vị Hoàng, thủ phủ trấn Sơn Nam.

Mọi người đều nhìn dồn về tấm bản đồ. Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Vị Hoàng ở đâu?

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi xuống dùng ngón tay phải chỉ địa điểm Vị Hoàng trên bản đồ, hân hoan giải thích:

– Vị Hoàng là một địa điểm trọng yếu vì nằm trên đường từ bắc vào nam.

Vị Hoàng ở gần biển nên ta có thể dùng thủy binh tập kích dễ dàng, sau đó theo đường sông tiến chiếm Thăng Long. Ngoài ra ở đây còn có một kho lương thực chứa hàng trăm vạn học thóc.

Nguyễn Huệ hoan hỉ nói:

– Như vậy là xong xuôi tất cả rồi! Hình như Trời bày sẵn mọi thuận tiện cho ta. Ông Cống, lòng dạ ông thế nào, anh em tôi biết hết cả. Ông chỉ ngong ngóng được mặc áo tướng cầm cờ trở về quê hương chứ gì? Lần này ông toại nguyện. Ông được chỉ huy đạo tiên phong, đem bốn trăm chiến thuyền theo đường biển đánh chiếm Vị Hoàng cho được. Trên đường đi, nếu muốn, ông cứ gửi các toán du binh vài trăm người đổ bộ đánh úp một dãy đồn lũy từ sông Gianh trở ra để phô trương thanh thế. Để cho người đồng hương xứ Nghệ mở

mắt xem tài của “con cắt nước”, phải thế không? Chiếm được Vị Hoàng, ông khỏi phải nhọc lòng đánh lẩn ra chung quanh làm gì. Cứ ở yên đấy. Ông chỉ cần cho các toán quân nhỏ rao truyền khắp nơi lời hịch “phù Lê diệt Trịnh”. Ông soạn lấy một bài hịch khác cho hợp với nhân tâm Bắc hà. Ngắn, gọn, và dễ hiểu thôi. Tài văn Nôm của ông, tôi khỏi cần nhắc lại nữa. Ông cũng cho người về Thăng Long trao cho vua Lê tờ mật tấu tôn phù, để Hoàng gia khỏi lo lắng. Sẵn kho thóc Vị Hoàng, ông cho xay giã sẵn để ba vạn quân ta đủ dùng. Tôi và Phò mã Nhậm sẽ đem đại quân ra thẳng Vị Hoàng, rồi chúng ta hợp lực tiến về Thăng Long.

Vũ Văn Nhậm hỏi:

– Làm thế nào báo tin đã chiếm được Vị Hoàng?

Nguyễn Huệ chợt nhớ ra, hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh:

– Các hỏa đài dọc theo đường thiên lý ở Bắc hà vẫn còn đấy chứ?

– Dạ còn.

– Thế thì khi chiếm được Vị Hoàng, ông cho đốt lửa làm hiệu.

Nguyễn Hữu Chỉnh do dự trước khi nói:

– Tôi sợ đạo quân tiên phong, nếu chỉ gồm toàn tân binh Thuận Hóa, chưa quen trận mạc nhất là thủy chiến, sẽ... sẽ...

Nguyễn Huệ cắt lời Chỉnh:

– Ông khỏi lo. Tôi giao cho ông bốn trăm chiến thuyền Qui Nhơn bấy lâu do ông luyện tập đã quen thủy chiến. Kể cả

số du binh tinh nhuệ, đánh được cả thủy lẫn bộ. Họ đã quen trận ở Rạch Gầm, ông chớ lo. Số tân tuyển người Thuận Hóa, cứ để cho tôi với Phò mã Nhậm. Thấy chùa, cố đạo, con nít, ông già, đui què mẻ sứt gì tôi nhận hết. Chỉ cần một tiếng hô, rồi ông xem. Chỉ cần một tiếng hô, đạo quân ô hợp của tôi sẽ phát cờ đào rục khắp biển Đông rùng rùng tiến ra Bắc hà. Rồi ông sẽ xem!

Không hẹn nhau, mọi người đều cười ồ. Kể cả chú Bảy Lũ!

*

Trong tập “Nhật ký chiến dịch” (Long Nhuơng tướng quân nửa đùa nửa thật bảo Lãnh ghi chép “những chuyện để đời”), Lãnh đã thay đổi cách nhìn.

Anh đã bỏ cái giọng chủ quan riêng tư, những suy nghĩ mẫn cảm, và chỉ giữ lại những sự kiện chính yếu, những nét điển hình. Lãng tự thấy mình thay đổi, nhưng không có thì giờ tìm hiểu tại sao. Anh bị cuốn vào biến cố Bắc tiến như tất cả mọi người, không còn nhận ra mình được nữa. Lãng đã ghi trong Nhật ký như sau: (chữ Hán dịch Nôm)

16 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Lửa trên hỏa đài báo hiệu quân tiên phong đã chiếm được Vị Hoàng. Thật khó mà ghi chép hết được cảnh rộn rã lúc xuất quân. Khói tỏa mù trên đỉnh núi. Trống giục giã động đến cả trăng sao. Thật giống y cảnh xuất quân trong Chinh phụ ngâm khúc:

Cổ bể thanh động Trường thành
nguyệt

Phong hỏa ảnh chiếu Cam tuyến vân

Cửu trùng án kiếm khỉ đương tịch

Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.

Gió nam thổi mạnh. Hơn một nghìn chiến thuyền lướt sóng như bay, quân kỳ đỏ rực cả mặt biển. Dân Nghệ An nhìn theo đoàn thuyền hùng dũng tiến ra phía Bắc, bàn tán xôn xao. Kẻ trách ông Cố công răn cản gà nhà. Người lại bảo: “Đây là một việc không mấy đời đã có”.

22 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Đại quân tới Vị Hoàng. Tiếng reo hò vang dội mặt sông. Cờ đào. Cờ đào. Khuôn mặt tướng Tiên phong Nguyễn

Hữu Chỉnh hồng hào, không hiểu vì hãnh diện hay vì được nhuộm sắc cờ. Long Nhuơng tướng quân nghe Nguyễn Hữu Chỉnh báo công ngay trên bến thuyền. Tịch thu được trên một trăm vạn học thóc. Trong vòng mấy ngày, đã vận động dân chúng chia nhau xay giã và chuyển sẵn xuống các thuyền lương. Thiếu thuyền, trưng dụng cả các thuyền buôn của “khách trú” đậu tại bến Vị Hoàng. Đã dâng được mật tấu về kinh đô. Đã loan truyền bài hịch phù Lê diệt Trịnh khắp các trấn.

Thú vị nhất là lời khai tâng công của một tên quan Bắc hà.

Hắn khai rằng hôm mồng 3 tháng Sáu năm Bính Ngọ, phủ Chúa được Trấn thủ Nghệ An cấp báo Phú Xuân đã mất. Chúa tôi nhà Trịnh lo lắng họp bàn để tìm cách đối phó. Bàn xuôi bàn ngược

một hồi, cuối cùng mọi người đều cho rằng: “Thuận Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiền triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may, ắt họ phải lấy sự lấn đất của ta làm điều đáng ngại. Như thế là ta không phải lo gì nữa”. Đúng y kiểu tự an ủi để bớt đau khổ trước rủi ro: “Càng trọc đầu càng mát”.

23 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Quân Trịnh vội vã đưa quân xuống vùng Sơn Nam để chống đỡ. Trịnh Tự Quyền đưa quân xuống giữ Kim Động.

Trấn thủ Sơn Nam Đỗ Thế Dận đóng quân ở bờ sông Phù Xa. Tất cả hy vọng của họ Trịnh dồn về đạo thủy binh hùng hậu của Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng ở cửa Luộc. Nắm rõ trận thế của địch, Long Nhương tướng quân quyết định khai trận lúc xâm xâm tối. Tướng quân nói đùa với tướng sĩ: “Nên thương hại chúng. Đánh ban đêm cho chúng nó dễ chạy trốn”. Câu nói đùa được truyền nhanh chóng khắp các chiến thuyền ở bến Vị Hoàng. Tiếng hò reo như sấm. Đầu giờ Mẹo; lệnh xuất phát. Đại quân tiến lên Phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam Thượng. Chiều, đoàn chiến thuyền tiến vào trung tâm trận thế của quân Trịnh. Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đem chiến thuyền dàn thành hàng chữ Nhất để ngăn chặn. Đỗ Thế Dận trấn thủ Sơn Nam thì dàn bộ binh hai bên bờ.

Đầu giờ Dậu: lệnh khởi chiến. Gió đông nam thổi mạnh. Long Nhương Tướng Quân cho năm chiến thuyền lớn giương buồm liều lĩnh xông thẳng lên phía địch. Đạn và tên Trịnh bay đến tới tấp. Nhưng thuyền ta vẫn tiến. Khi những thuyền tiên phong đến gần, chúng mới biết đó là những thuyền không người. Binh sĩ trên thuyền chỉ là những thằng người rơm ẩm ướt. Lúc khám phá ra xảo kế của ta, chúng đã bắn phí hết tên đạn, trong khi quân ta vẫn tiến tới. Tướng quân ra lệnh giục trống và reo hò ầm ĩ, thanh thế kinh thiên động địa. Quân Trịnh lớp bị thương, lớp sợ hãi, kêu la thảm thiết, tranh nhau bỏ thuyền mà chạy.

Lại có lệnh khai pháo. Từ các chiến thuyền, pháo lớn nã đạn vào hai bờ sông. Thuốc đạn chớp lòe, từ trên thuyền, trông

rõ cả những ngọn cỏ thụ gãy đổ. Thuyền chiến áp vào hai bờ, quân sĩ dùng hỏa hổ rắc lửa vào bộ binh của Trấn thủ Đỗ Thế Dân. Lửa cháy rần rạt đỏ nhòe cả mặt sông.

Phía Kim Động, mặt trận hoàn toàn yên tĩnh. Giữa khuya, cửa Luộc chỉ còn tiếng sóng đập lép nhép vào mạn thuyền, và tiếng tre cháy dờ nổ lép bép. Dĩ nhiên không kể đến tiếng reo hò tử mở của tướng sĩ.

Sáng 24 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Toàn thắng. Đại quân đường hoàng tiến vào Phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam Thượng.

✱

[Tiết này dựa theo Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự Của Nguyễn Huệ, của Phạm Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, trang 144 đến 153]

Tin thua trận tới tấp đưa về Thăng Long, triều đình hoảng sợ. Văn võ triều thần cuống quít lo cất giấu của cải, đưa vợ con chạy trốn, không một ai dám đứng ra nhận lãnh trách nhiệm chống nhau với quân Tây Sơn.

Chúa Trịnh đang rất lúng túng, lại thấy Tể tướng Bùi Huy Bích không có một mưu kế, sách lược nào để đối phó với tình hình, liền bãi chức Tể tướng của Bùi Huy Bích và bắt ra trận đốc chiến. Thấy Bùi Huy Bích một văn thần ra cầm quân, lòng người càng mất tin tưởng. Cả kinh thành xao xuyến nao động.

Cựu Tham tụng Nguyễn Lê từ Nghệ An về triều hiến kế “nên rút lui ra khỏi

kinh thành, đưa vua Lê lên Sơn Tây, khống chế miền thượng du để tính việc đối phó về sau. ở khúc sông bãi Tự Nhiên (bãi Tự Nhiên trên sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, Hà Đông, giáp địa phận Hưng Yên), nên giăng những bè nổi trên mặt nước để chặn thuyền chiến địch. Hai bên bờ sông đặt nhiều đồn binh để đánh đột kích. Chiêu dụ bọn cướp biển, cho quan tước để chúng đánh tập hậu thủy quân Tây Sơn. Giặc lấy danh nghĩa “tôn phù” mà tới, nhưng không thấy vua Lê, tiến thoái sẽ đều bất lợi. Chiến trận kéo dài, lương hết, giặc sẽ không thể ở lại lâu được. Khi ấy, báo cho hào mục Thanh, Nghệ đánh chặn đường về của giặc thì giặc sẽ đại bại. Còn nếu nay cứ giao chiến với giặc thì kêu binh không thể dùng được, nhất định sẽ thất bại, việc nước sẽ hỏng (Nguyễn Thu-Lê quý kỹ sự).

Nhưng kế của Lê bị phản đối kịch liệt. Bọn tôi chúa nhà Trịnh tuy sợ chết trong tay Tây Sơn nhưng lại sợ gian khổ khi phải chạy khỏi kinh thành, nên ngần ngại không muốn theo kế của Lê. Lính Tam phủ vốn ghét Lê lại càng phản đối Lê dữ dội. Nguyễn Lê phải trốn lên Sơn Tây.

Chúa Trịnh lại một lần nữa họp triều thần bàn kế hoạch đối phó với Tây Sơn. Trần Công Xán hiến kế:

“Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều mà binh pháp rất kỵ. Nên nhử cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết, đó là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu Chúa lật đặt ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho

giặc. Bây giờ, chỉ nên rước Thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi”. (Hoàng Lê).

Kế này rất hợp ý chúa Trịnh. Nhưng lấy ai là người đứng ra bảo vệ kinh thành, đánh một trận tiêu diệt hết địch như ý kiến Trần Công Xán? Chúa Trịnh đành phải tìm những viên tướng già còn lại, và lập tức sai người lên Sơn Tây gọi quận Thạc Hoàng Phùng Cơ về triều cứu Chúa.

Hoàng Phùng Cơ lúc ấy chỉ có vồn vện năm trăm quân. Chúa Trịnh phải bỏ ra năm nghìn lạng bạc để Hoàng Phùng Cơ mộ thêm quân, trong một ngày thuê mộ được một nghìn lính cũ. Nhưng mặc dù có thêm quân, bọn chúa tôi nhà Trịnh không ai dám nghĩ đến chuyện xuất quân đón đánh quân Tây Sơn, mà chỉ nghĩ đến việc phòng thủ Thăng Long, ngồi chờ

cho Tây Sơn đến đánh.

Chúa Trịnh và các tướng lãnh bố trí kế hoạch phòng thủ Thăng Long như sau:

– Cho đội thủy quân Tứ thị, là đội thủy quân duy nhất còn lại ở kinh thành, tới dàn chiến thuyền ở bến sông Thúy Ái để chặn giữ thủy quân Tây Sơn.

– Cho đội bộ binh do Hoàng Phùng Cơ chỉ huy tới hồ Vạn Xuân để đối phó với bộ binh Tây Sơn, và khi cần, tiếp viện cho thủy quân ở bến Thúy Ái.

– Còn chúa Trịnh Khải thì ngay từ 25 tháng Sáu Âm lịch, đích thân đốc xuất tất cả bộ binh còn lại ở kinh thành và một đội tượng binh gồm hơn một trăm con voi chiến ra quảng trường lầu Ngũ Long bày thế trận để chống giữ. Quân

của Chúa chia làm năm đạo:

* đạo Tả bộ giữ mặt Đông Long.

* đạo Hữu bộ giữ mặt Tây Hồ.

* đạo Tiền bộ giữ mặt cửa thành Tiền Lâu.

* đạo Hậu bộ giữ mặt Hậu lâu cạnh bờ hồ Thủy Quân.

* đạo Trung quân gồm hai hiệu lính Nhung, Kiệu và đội Tượng binh đóng ngay tại quảng trường lầu Ngũ long để bảo vệ Chúa.

Kế hoạch bố trí có vẻ chu đáo như vậy, nhưng tinh thần chiến đấu của quân tướng nhà Trịnh rất uể oải, kỷ luật lỏng lẻo. Đạo quân tiên tiêu đóng ở bến Thúy Ái lại chủ quan cho rằng quân Tây Sơn còn lâu mới tiến tới nơi, nên thường cột

thuyền vào bến, lên bờ chơi tản mát.

Không ngờ Nguyễn Huệ hạ xong Phố Hiến liền tiến quân ngay. Đang mùa hè gió đông nam thổi mạnh, thuyền chiến Tây Sơn giương buồm thẳng tiến về Thăng Long nhanh như tên bay.

Sáng 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), thủy quân Tây Sơn đã tới bến Nam Dư. Nguyễn Huệ cho một cánh quân đổ bộ lên bến Nam Dư, vòng lên đánh úp thủy quân Trịnh ở bến Thút Ái.

Khi cánh quân Tây Sơn này tới nơi, quân Trịnh vẫn còn đi chơi tản mát trên bờ. Quân Tây Sơn một mặt nhảy xuống chiếm giữ hết các thuyền chiến của quân Trịnh, một mặt đánh bãi thủy quân Trịnh ở trên bờ. Bên Trịnh chỉ có hai viên tướng Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên còn ở dưới thuyền. Khi thấy

quân Tây Sơn ập tới, Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên vội cầm siêu đao ra đứng ở mũi thuyền để chống cự, nhưng đều bị quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn chết ngay.

Tiêu diệt xong đạo thủy quân Trịnh ở bến Thúy Ái, cánh quân Tây Sơn này tiến ngay lên phía hồ Vạn Xuân, tập kích quân Hoàng Phùng Cơ. Quân của Cơ đang ăn cơm bị đánh bất ngờ, bỏ cả khí giới mà chạy. Quân Tây Sơn chia làm hai toán từ hai phía đánh ép lại, quân Cơ không sao trốn thoát, thầy chết ngón ngang khắp trận địa. Một số nhảy cả xuống hồ Vạn Xuân, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Một thuộc tướng của Hoàng Phùng Cơ là Mai Thế Pháp cố sức chống cự bị quân Tây Sơn đánh dồn ra tới tận bờ sông Nhị. Thế cùng, Mai Thế Pháp phải nhảy xuống sông mà chết.

Hơn 1500 quân của Hoàng Phùng Cơ chỉ còn sống sót vài chục tên, cùng với chủ tướng Hoàng Phùng Cơ và tám người con cố sức chống đỡ. Nhưng sáu người con Hoàng Phùng Cơ và mấy chục tên lính đều chết trận. Hoàng Phùng Cơ nhảy từ mình voi xuống đất, cùng hai người con sống sót cố cướp lấy đường chạy thoát thân.

Trong khi cánh quân bộ Tây Sơn đánh thắng ở bến Thúy Ái và hồ Vạn Xuân thì thuyền chiến Tây Sơn vẫn tiến lên phía trước kinh thành Thăng Long, đổ bộ lên bến Tây Long, đánh thẳng vào trận địa quân Trịnh chung quanh lầu Ngũ long.

Quân Tây Sơn từ bến Tây Long ồ ạt tiến vào.

Quân tiền bộ của Trịnh nổ súng bắn

ra. Quân Tây Sơn khom mình tránh đạn xung phong đến sát lầu Ngũ long, bản doanh của chúa Trịnh. Trịnh Khải đích thân lên voi trực tiếp chỉ huy chống cự. Mặc dù Chúa hạ lệnh phản kích, quân sĩ chỉ nhìn nhau không ai dám tiến. Trong lúc ấy, quân Tây Sơn ào ạt xông lên chém giết và dùng hỏa hổ tung lửa hùng hục vào hàng ngũ quân Trịnh.

Quân Trịnh hoàn toàn tan vỡ, vút cả khí giới chạy thoát thân. Một toán tiền quân Tây Sơn chừng vài chục người tiến thẳng vào chiếm đóng phủ chúa Trịnh.
[Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự Của Nguyễn Huệ]

Chúa Trịnh Khải thấy quân lính tan tác, ngó lại quanh mình cũng không còn ai. May sao lúc ấy quân Tây Sơn không biết mặt Chúa, họ tranh nhau xông vào phủ, không ai dám đến gần chân voi. Trịnh Khải vội cởi bộ nhung phục, đội

khăn chữ đinh, ngồi núp vào ngăn hòm da phía sau yên voi, cố cho voi quay vào cửa Tuyên Vũ. Bấy giờ quân Tây Sơn đã vào lọt được phủ Chúa và đang treo cờ đào ở phía ngoài phủ. Trịnh Khải bèn kéo voi đi ra bờ hồ Minh Đường, trông phía cửa ô Yên Phụ mà chạy.

Như vậy ngay ngày hôm ấy (26 tháng Sáu năm Bính Ngọ) quân Tây Sơn hoàn toàn làm chủ kinh thành Thăng Long. Nguyễn Huệ đóng bản doanh tại phủ Chúa. Cuộc tiến công Bắc hà kết thúc trong vòng mười ngày, từ 16 tháng Sáu năm Bính Ngọ lúc Nguyễn Hữu Chỉnh đánh chiếm Vị Hoàng cho đến 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ chiếm được Thăng Long.

Chương 66

Ngay sau khi vào phủ Chúa, Long
Nhuơng tướng quân sai Lãng
đem một toán quân đến giữ cung điện
nhà vua. Nguyễn Huệ căn dặn:

– Tuyệt đối không được làm náo
động cung khuyết. Cả Hoàng gia còn ở
lại không đi đâu cả, như vậy tức là bản
mật tấu đã đến tay nhà vua. Cậu thảo
ngay một tờ thỉnh an, rồi đưa ngay cho
ta đóng ấn.

Lãng xúc động vì được tham dự vào
một công việc trọng đại của lịch sử, nghĩ

tới lúc được diện kiến vua Lê, tay run, nét chữ cũng run rẩy theo. Anh phải viết đến lần thứ ba bản tâu mới tương đối chỉnh. Trong lúc đó, Nguyễn Huệ ra lệnh cho Phò mã Vũ Văn Nhậm:

– Kinh thành đang xao xác hoảng loạn, thế nào cũng có cảnh cướp bóc. Hãy coi chừng hỏa hoạn, vì phần lớn nhà cửa trong thành đều lợp tranh. Ta giao việc trị an cho anh đấy. Ra ngay nghiêm lệnh cấm quân sĩ không được động đến của cải dân chúng, dù là một cọng rau, bát nước. Ai phạm tội cướp bóc, bất kể dân hay lính, cứ chém đầu cho chúng nó sợ. Anh ra lệnh ngay đi. Những gì phải làm sau khi hạ được thành, anh đã quen quá rồi, ta khỏi cần nhắc!

Vũ Văn Nhậm vái chào Nguyễn Huệ, tất tả đi về lầu Ngũ Long. Ra đến cửa phủ Phò mã quay lại. Nguyễn Huệ ngạc

nhiên hỏi:

– Còn gì nữa đấy?

Vũ Văn Nhậm do dự, hình như ngần ngại chưa muốn nói ngay. Nguyễn Huệ phải giục:

– Có gì cần cứ nói đi.

Vũ Văn Nhậm đáp:

– Ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) cũng định đặt bản doanh tại lầu Ngũ Long. Bất tiện quá. Xin Tướng quân ra lệnh hấn tìm nơi khác.

Nguyễn Huệ chau mày bảo:

– Tìm chỗ nào nữa! Chẳng lẽ đem hấn vào phủ này. Thôi, tạm thời anh ở phía trước, hấn phía sau. Việc ai nấy lo. Hấn đâu rồi?

Vũ Văn Nhậm cười nhạt nói:

– Hắn đang được bọn xu nịnh Bắc hà công kênh, thầy tớ nói cười tíu tít. Ôn ào quá lắm. Vì vậy tôi mới...

Nguyễn Huệ cắt lời Phò mã Nhậm:

– Cho quân hầu sang báo ta cần gặp ông Bằng ngay. Còn chuyện kia, sau hãy tính.

Vũ Văn Nhậm đi rồi, Nguyễn Huệ mới cầm lấy tờ thỉnh an của Lãng vừa chép lại ngay ngắn cẩn thận để đọc thật kỹ. Nguyễn Huệ đọc lại lần thứ hai, quay hỏi Lãng:

– Sao lại đề niên hiệu Thái Đức? Phải dùng niên hiệu Cảnh Hưng chứ!

Lãng nhớ ra, lại chép tờ thỉnh an khác.

Khi anh đến cửa thành, bên trong cung điện mọi người đang dáo dác lo sợ. Lính tráng chạy qua chạy lại, nhiều người định chạy ra cửa thấy toán quân Tây Sơn, lú lú sợ hãi, lại chạy trở vào. Rồi có ba bốn người mặc áo sa và lụa sang trọng Lãng đoán là người Hoàng tộc dìu một cụ già ra phía vườn sau. Vài người con gái Lãng đoán là cung nhân núp sau rèm nhìn ra, rồi trốn vào trong những chỗ cho người khác. Lãng vội đến ngay cửa vào Cung điện quì xuống, hai tay nâng tờ thỉnh an ngang trán.

Một lúc lâu mới có vài người rời chỗ núp ra sân điện, rụt rè chỉ trở về phía Lãng. Rồi hai người mặc áo lụa thắt lưng nhiều đở không có râu (Lãng đoán là quan thị) mạnh dạn tiến về phía cửa. Theo sau có ba lính hầu. Hai quan thị không ai muốn đi trước, nên cứ liếc

nhìn nhau, bước chân chậm để tránh trách nhiệm. Do đó hai người cùng tiến về phía Lãng. Anh muốn nói một câu gì đó cho thật trang trọng, thật văn hoa, cho phù hợp với nhiệm vụ quan trọng, nhưng cổ họng Lãng nghẹn. Anh không nói được gì cả, cứ lảng lạng quì gối, hai tay run run cố giữ nguyên bản thỉnh an ngang trán. Hai quan thị thấy thái độ nhún nhường của Lãng, yên lòng hơn, đến thật gần viên tùy tướng Tây Sơn.

Họ chờ xem Lãng có nói gì không, còn Lãng thì nôn nao chờ họ nhận tờ thỉnh an cho xong việc. Cả hai bên đều lúng túng. Cuối cùng, viên quan thị đứng phía phải đưa tay nhận tờ thỉnh an, rồi vội vã quay vào.

[Dựa theo chương 7, Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố]

Hôm sau, trời vừa sáng rõ, Lãng đã tháp tùng Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh vào điện Vạn Thọ. Họ dừng lại ở cửa cung, viên quan thị nhận ra Lãng, liếc nhìn Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh giữa đám tùy tướng oai vệ nghiêm chỉnh, đoán ngay khách quý là ai. Ông ta lật đật trở vào tâu cho vua Lê Hiển Tông biết.

Họ chờ không lâu, đã thấy một người tuổi trạc ba mươi mặc áo gấm mầu vàng tự xưng là hoàng tử ra kính cẩn vái chào, rồi lồm thồm đi trước dẫn đường. Qua hai căn phòng có phủ rèm hơi tối bài trí hơi sơ sài, họ đến một căn phòng mái cao hơn, đồ đạc quý giá, bày biện đẹp và trang nhã. Sát một vách tường gỗ màu nâu mặt bóng phản chiếu ánh nến, có một cái sập sơn son thếp vàng, chung quanh phủ màn the màu vàng nhạt. Trong phòng

thiếu ánh sáng mặt trời vì cửa sổ phía bắc và phía đông đóng kín, nhưng đèn hoàng lạp đủ chiếu sáng mọi vật, tạo vẻ ấm cúng và hòa hợp với màu vàng êm ả của màn trướng và đồ đạc. Các quan thị, và lính hầu đứng hai bên cái sập phủ màn the, lặng lẽ chờ đợi.

Nguyễn Huệ vừa đến trước sập ngự thì màn được vén lên. Vài tiếng xì xầm nhắc nhở. Hai viên quan thị vội đến sát sập nâng nhà vua dậy. Nguyễn Huệ biết nhà vua đang bệnh, nên không chờ trông rõ mặt vua Lê, cũng không chờ nhà vua lên tiếng, cung kính sụp xuống lạy năm lạy và vái ba vái. Bọn quan thị và lính hầu quên cả sợ, trở mắt nhìn con người oai danh lừng lẫy nam bắc đang khoan thai, chậm chạp lạy vị vua già bệnh theo cách lạy lạ mắt của phương Nam.

Vua Lê thì thảo sai hoàng tử đến nâng

Nguyễn Huệ dậy, và mời đến ngồi vào cái sập đặt ngay cạnh sập ngự. Nguyễn Huệ từ chối, lễ phép bảo không dám. Vua Lê phải lên tiếng kéo nài hai ba lần. Nguyễn Huệ mới đến ngồi ghé vào một góc cuối sập, một chân bỏ thông xuống dưới sập

Vua Lê cố dần một cơn ho do xúc động thái quá, neho mắt nhìn về phía Nguyễn Huệ nói:

– Hôm qua quả nhân có nhận được tờ thỉnh an. Hôm nay lại được diện kiến, thật đáng mừng. Chỉ tiếc quả nhân không được khỏe, tiếp quý ông thế này, thật là không phải.

Nguyễn Huệ vội nói:

– Thần vốn là một tên dân ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của bề hạ, ăn đến lộc của bề hạ.

Nhưng vì thánh đức của bệ hạ truyền đi xa rộng, nên tuy ở nơi mán mọi, thần vẫn rất kính mến. Ngày nay được thấy long nhan, cũng do lòng chí thành của thần xui nên đấy thôi.

Vả lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn bức Hoàng thượng đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh, cho tỏ oai quyền của bệ hạ. May mà thành công được thế này, cũng do hồng phúc của bệ hạ mà ra. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể được khỏe mạnh, cai trị thiên hạ, cho thần được may nhờ chút phúc thừa.

Nhà vua đáp:

– Đa tạ ông có lòng quá hậu đối với quả nhân, phải trèo đèo lội suối đến đây, lính tráng tôi tớ đều phải một phen vất vả. Tiếc rằng quả nhân làm vua thanh

bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Nguyễn Huệ nói:

– Thần vì nghĩa tôn phù mà đến đây, đâu dám kể công lao. Vả chẳng chuyến này thần ra cũng bởi ý Trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với bộ hạ mà kéo quân ra, thì những quân lính, thuyền bè thần có thể điều khiển, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nổi mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là Trời muốn bộ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho vạn ức năm sau. Từ nay, thần xin bộ hạ chấn chỉnh giềng mối, yêu kẻ trong, nuôi kẻ ngoài, đưa cõi đời này lên cảnh thái bình. Ấy là thần được bộ hạ ban tặng nhiều lắm vậy!

Rồi quay về phía Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ nói:

– Người này là bề tôi cũ của bệ hạ đấy.

Nguyễn Hữu Chỉnh liền bước đến trước sập ngự lạy chào. Hoàng tử ghé sát nhà vua thì thầm. Vua Lê phán cho Chỉnh ngồi. Nguyễn Huệ lại nói:

– Ông này đội ơn tước lộc của bệ hạ chưa được nhiều lắm. Thế mà lòng trung thành của ông ấy đối với bệ hạ thật có một không hai trong nước. Thần được đến đây chính là nhờ phần lớn vào công sức giúp đỡ của ông ấy.

Vua Lê nói:

– Chỉnh biết trung nghĩa như vậy, cũng nhờ ông gây dựng nên.

Nguyễn Hữu Chỉnh dập đầu tạ:

– Thật đúng như lời dạy của Thánh

thượng.

Nhà vua vỗ về an ủi vài câu, rồi Nguyễn Huệ cáo từ:

– Hiện giờ thánh thể không được yên lắm, ứng tiếp mãi e mệt quá, thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay trở đi, thần xin thỉnh thoảng lại vào châu thăm. Nếu bệ hạ muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính vâng lời.

Vua Lê nói:

– Quả nhân có nước mà không được dự, khoan tay, rũ áo hơn bốn mươi năm. Nay lại già yếu lắm lắm, việc nước, việc quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phù, thì xin ở lại “tề quốc” để giúp quả nhân. Đừng bỏ quả nhân!

Nguyễn Huệ vội đáp:

– Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hóa. Nay đã ra đến đây, cũng là mượn việc nọ mà làm việc kia, nên không dám ở lâu. Tuy vậy bốn phương vẫn còn chưa yên, thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên rồi mới xin về.

Nhà vua cảm tạ, rồi nhắc hoàng tử bảo trà đồng bưng trà ra đãi khách. Nguyễn Huệ ung dung ngồi uống mấy tuần trà rồi mới xin phép cáo lui.

✱

Nhờ kinh nghiệm quân lương, mà Lợi được cử theo đạo quân tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh, để phụ trách chuẩn bị lương thực sau khi chiếm được kho thóc hơn một trăm vạn斛 ở Vị Hoàng. Việc điều động dân Sơn Nam

xay giã bấy nhiêu thóc trong vài ngày, việc trưng dụng tất cả ghe thuyền để vận lương chờ sẵn tiến về phố Hiến, với biết bao nhiêu phức tạp bên trong, không phải người nào cũng đảm đương nổi. Chỉ có Lợi! Bao nhiêu kinh nghiệm ở Gia Định thật hữu ích cho anh, nhờ vậy Lợi trở thành một thứ chuyên viên khó tìm được một người thứ hai.

Do đó khi tiến từ phố Hiến lên Thăng Long, Lợi lại được ủy thác trách nhiệm kiểm kê, tịch thu, thu hồi tất cả của cải tài sản thuộc công khố và gia đình những đại thần, tướng tá nhà Trịnh đã bỏ chạy. Anh dẫn một toán lính đông đảo đến chiếm giữ các kho tàng, công thự, và những nhà vắng chủ (dĩ nhiên chỉ chú trọng đến các thế gia vọng tộc và nhà giàu có trong thành). Ngay sau khi vào Thăng Long, Lợi đã lo đi rào khắp

nơi để cất đặt công việc.

Với đôi mắt nhà nghề, Lợi đạo khắp Thăng Long với nỗi thất vọng ê chề. Gần như anh bước hụt, vì không ngờ kinh thành Bắc Hà có vẻ đơn sơ, tầm thường như vậy. Nói là thành cho lớn chuyện, thực ra chỉ là một loại hàng rào làm bằng tre⁵, trừ phủ Chúa và cung điện nhà vua lợp ngói, còn thì hầu hết phố xá đều là nhà tranh cất chen chúc hai bên những con đường hẹp. Lính dưới quyền Lợi khỏi phải nhọc công vì cửa ở các dinh thự và nhà giàu có đều mở sẵn. Chỉ có những ngôi nhà tranh nghèo nàn là kín cửa. Liếp phen cửa sổ hạ xuống. Cửa lớn phần nhiều là khuôn gỗ bọc quanh tấm

5 Thư giáo sĩ Sérard đề ngày 31- 7 viết: “Ngày 21, bọn này (Tây Sơn) cầm súng cầm gươm tiến vào thủ đô, một chỗ mà tất cả đang ở trong tình trạng hỗn loạn. Vào như thế không khó lắm, vì thành chỉ là một hàng rào bằng tre, binh sĩ cũng như nhà giàu đã trốn đi để mở cửa”. (Cadière – Documents relatifs à l’époque de Gia Long, trang 40)

phên tre trát phân trâu được khép chặt, nhiều nơi gia chủ còn cẩn thận dùng dây mây buộc kỹ. Lợi tò mò tìm đọc những hàng chữ viết bằng than trên tường phía trước. Chỗ thì chủ nhà viết: “Nhà có chủ”. Chỗ khác: “Nhà không có gì, cứ đẩy cửa vào”, hoặc “Chờ cha lâu quá, con và mẹ chạy về phía Từ Liêm” hay “Cửa không cài then, xin đừng phá”. Lợi suýt phá lên cười khi đọc một lời dặn dò rất kinh điển “Sở kỷ bất dục, vật thi ư nhân”. Anh đoán đây là nhà của một nho sĩ. Thử đẩy cửa vào xem phía trong, Lợi thấy cảnh nhà tiêu tụy, đồ đạc không có gì quý giá. Chỉ có sách vở vứt bừa bãi khắp gian trước. Đúng là mặt thời của nghiệp nho rồi!

Không phải tất cả dân chúng Thăng Long đều đã chạy trốn khỏi kinh thành. Nhiều người còn ở lại, phần lớn là dân lao động nghèo không còn gì phải sợ,

kể cả cái chết và viễn tượng phải sống dưới một tên bạo chúa, tham quan khác. Nhưng những kẻ cùng đình này còn biết sợ tai bay vạ gió, nên họ cũng khép cửa lại, chờ toán lính Tây Sơn qua khỏi mới dám hé cửa nhìn trộm những người Đàng Trong vừa chiến thắng.

Ngoài đường phố, cảnh hỗn loạn tan tác còn bày ra đó. Chỗ nào cũng có quần áo lính Tam phủ, gươm giáo, súng ống, gậy, nón vút bừa bãi. Trong cơn hoảng hốt, chúng đã cởi bỏ quân phục vũ khí để hoặc tìm thay đồ thường dân, hoặc cứ ở trần như vậy mà chạy chung với dân Thăng Long. Chúng tưởng khôn ngoan, quên rằng ở trần mà chạy và cái giọng Thanh-Nghệ nặng tai của chúng khó che mắt được ai. Vì thế chạy đi đâu, lính Tam phủ cũng bị dân Thăng Long làm nhục nhã đủ đường. Họ không bao giờ quên

thái độ kiêu lộng của chúng trong những năm qua. Lợi nghe bọn lính dưới quyền kể lại một mẩu chuyện vui: (3) Hôm đó, có một người cưỡi trần trùng trục từ phía trong thành hốt nhoảng chạy ra, khi qua cửa ô, bị dân ở đó trông thấy. Họ liền chỉ mặt và nói: “Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng-Kiệu, kéo cổ nó lại đánh chết đi”. Người ấy vội đáp: “Không phải. Tôi là quan Huyện úy huyện Thọ Xương đây mà”. Mọi người cùng cười ồ. Họ kháo nhau: “Người ta vẫn bảo ông Huyện to bụng, thật không sai tí nào”.

Phổ xá buồn thiu, xơ xác, khói còn bốc lên từ những ngôi nhà bị cháy trong chiến trận. Mùi thuốc súng lớn vờn trong không khí. Những xác chết vô thừa nhận nằm lây lắt khắp nơi, máu loang thành vũng kéo đến hàng hà sa số ruồi nhặng. Những con chó hoang đến kẻ mõm ngửi

vào xác chết, do dự, gần như bần thần chán ngán, rồi lại tìm ngửi những xác khác như cẩn thận lựa lọc cho được một thức ăn hợp khẩu vị nhất. Đường sá vắng vẻ, nhưng không phải không có ai đi lại. Lâu lâu, Lợi gặp những toán người ăn mặc lam lũ hình hài tiêu tụy đi nép theo lề phố trở ngược vào trong thành. Đoàn ông, phần lớn là người già cả, đi trước. Phía sau là đàn bà và con nít, người nào cũng ôm trước ngực hoặc mang ở cánh tay một bọc nhỏ đựng quần áo và lương thực. Người lớn mặt mày hốt hải lo âu, còn trẻ em thì phụng phịu có lẽ hờn dỗi vì lỡ một chuyến phiêu lưu thú vị. Lợi chặn một gia đình hồi cư khác thường ấy lại. Họ sợ hãi dồn lại một góc phố, trẻ con và đàn bà chạy núp sau lưng đàn ông. Lấy giọng ôn tồn hiền lành, Lợi hỏi:

– Sao các bác lại về? Không sợ chúng tôi à?

Cụ già đứng phía trước cổ dằn sợ hãi, đáp:

– Quý ngài tha tội cho. Chúng tôi nhà nghèo, không đủ tiền trả tiền dò.

Lợi cười, hỏi tiếp:

– Chúng nó đòi giá cao quá phải không?

– Dạ vâng. Bọn bắt lương, thừa cơ vơ vét của người ta. Chúng đòi như vậy chỉ có bọn nhà giàu đủ tiền mà thôi. Vả lại ngoài bến sông cũng không còn được mấy chiếc. Các nhà quan và bọn các lái đã thuê bao dò từ hai hôm trước.

Lợi nói:

– Việc gì phải chạy. Mà dù có chạy,

việc gì phải trả tiền. Cứ ủa nhau xuống đò, chúng nó dám đuổi lên không?

Cụ già đỡ sợ hơn trước, phân bua:

– Ấy, người ta cũng cứ chen lấn trèo đại lên đò. Có chiếc chìm. Có chiếc phải tách bến sớm, con cháu đi được còn cha mẹ ở lại. Nhiều đứa bé rơi xuống nước không ai thềm cứu. Gia đình tôi toàn già cả yếu đuối, không có sức chen, nên phải liêu trở về thôi. Xin quý ngài thương xót, không nỡ...

Lợi vội nói:

– Về là phải. Chúng tôi ra đây để diệt họ Trịnh tôn phù vua Lê, chứ có muốn làm khổ dân nghèo các bác đâu. Để tôi sai lính đưa các bác về. Các bác ở phố nào?

Cụ già vội đáp:

– Dạ không dám phiền các ngài. Chúng tôi ở gần đây thôi. Không biết bọn vô lại có vào nhà vợ vét mọi thứ hay không?

– Bọn trộm cướp hôi của à? Bác biết chúng nó là ai, đã cướp của nhà bác thứ gì, cứ báo cho chúng tôi. Đã có nghiêm lệnh của bề trên rồi đấy. Bác báo cho biết, chúng tôi phạt (Lợi giơ bàn tay lên cao giả làm lưỡi đao chém xuống) thế là xong.

Toán người hồi cư vui mừng, líu ríu cảm ơn, rồi tiếp tục men theo dọc phố đi khuất sau một khúc quanh. Lợi gặp một toán khác gồm một người chồng mặc áo the ôm khư khư chiếc tráp gỗ mộc và một người vợ mặc áo nâu đang ẵm đứa bé bọc trong cái khăn cũ và bần mầu cháo lòng. Lợi hỏi lại:

– Ông bà dám trở về à?

Người chồng sợ quá, lú lú không nói được gì. Người vợ thút thít khóc trả lời thay chồng:

– Trăm lạy các ông. Nhà tôi chỉ là một ông ký quèn ở Giáo phường ty. Ngàn lạy các ông. Xin tha cho nhà tôi.

Lợi trở cái trap hỏi:

– Ông giấu thứ gì trong này?

Người vợ được dịp trách móc chồng:

– Dạy ai đời người ta chạy loạn thì ôm vàng ôm bạc để lo thân. Ông nhà tôi lại sợ mất giấy tờ quan trên quở trách, đi đâu cũng kè kè mang theo. Giặc đã đến bên dít còn lục soạn ba cái tờ giấy vụn. Chạy đến bến đò thì không còn chiếc đò nào nữa. Ông đã sáng mắt ra chưa.

Không nộp cho quan còn ôm khư khư nó làm gì! Khổ thân mẹ con tôi!

Lợi nhìn kỹ anh chồng, thấy mặt anh ta xanh xám vì sợ. Lợi không nỡ làm tình làm tội anh ta nữa, trở về phía trước nói:

– Thôi. Ông ấy muốn giữ để chờ quan nhà Trịnh về thì cứ việc giữ. Chúng tôi không lấy làm gì. Nhưng này, ông có thấy nhà Chúa trốn đằng nào không?

Người vợ cướp lời chồng:

– Dạ xin quý ông xét cho, chúng tôi thấp cổ bé miệng làm sao biết được mặt mũi nhà Chúa.

Lợi bắt đầu chán, cho phép họ đi không hỏi gì nữa. Người vợ sợ Lợi đổi ý, đẩy mạnh vào lưng anh chồng nhát. Đi được một quãng xa, hai vợ chồng cùng ngoảnh lại xem chừng. Thấy Lợi và toán

lính còn đứng đó nhìn theo, họ ù té chạy.
Bọn lính phá ra cười.

✱

Vài hôm sau, số người lục tục kéo nhau về càn đông. Vấn đề lương thực cung cấp cho cả quân lính Tây Sơn lẫn dân Thăng Long hồi cư trở nên cấp bách. Lợi lại phải lo tổ chức các trạm phát chẩn cho dân nghèo. Nhờ số thóc lớn lao tịch thu được ở Vị Hoàng, Tây Sơn đã tạo được thiện cảm và lòng tin của dân kinh thành bằng phương thức cụ thể, thiết thực nhất. Các chiến thuyền thì được lệnh sang bên kia sông chở tất cả dân chúng hồi hương, nên số người trở về thật đông. Phố xá mở cửa trở lại. Những liếp tre của sổ được chống lên, giống như những đôi mắt bạo dạn bắt

đầu dám mở và nhìn thẳng ra đường. Tàn tích chiến tranh được dọn dẹp mau chóng. Sinh hoạt trở lại bình thường dần dần. Bắt đầu bằng tiếng cười nô đùa của trẻ thơ. Chúng chạy ra đường vây quanh những người lính Tây Sơn tò mò nhìn y phục lạ mắt của họ. Có đứa rần mắt dám đến sờ lên giáo mác, súng điểm thương và hỏa hổ của họ. Đứa tinh nghịch thì hỏi chuyện lính Thuận Hóa để nghe những tiếng “mô, tê, rần rứa” rồi chạy thật xa, nhại lại, để cười với nhau. Rồi đến lượt các cụ già. Họ rủ nhau ra cửa Đại Hưng để xem Hịch chiêu an, và các bố cáo quan trọng ngày nào cũng có dán. Thôi thì đủ thứ bố cáo, tờ nọ dán chập lên tờ kia: nào là lệnh truyền cho dân chúng phải đem nộp tất cả vũ khí và tài sản công hiện còn cất giữ, lệnh báo ngay tên tuổi chỗ ở những tên vô lại vừa phạm tội trộm cướp, hôi của; lệnh truyền các

quan lại triều trước phải đến trình diện tại lầu Ngũ Long; lệnh truy nã tay chân họ Trịnh; lệnh phát chẩn lương thực cho dân đói; lệnh cấm ra đường ban đêm; lệnh nộp các giấy tờ sổ sách của các Bộ, Ty, Sở thất lạc trong lúc giao tranh hỗn loạn; lệnh cấm oa trữ đầu cơ gạo thóc; lệnh họp chợ...

Chợ trong kinh thành bắt đầu đông, nhưng dễ hiểu là người mua nhiều mà kẻ bán không được bao nhiêu. Người ta đi sắm thức ăn từ dầu mỡ cho đến tương chao, mắm muối như là săn cộp giữa đồng. Thấy có ai mang chút ít đồ mặn nào là các bà nội trợ bu đến giành giật, đến nỗi dù có muốn bán lấy tiền đong thêm gạo, những người có của cũng không dám mang hàng ra bày giữa chợ. Phải bán dấm dúi như là buôn hàng trái phép.

Rồi người ta lại nhớ đến các món rau quả tươi. Dân ngoại thành chưa hoàn hồn, e ngại tên bay đạn lạc trong chỗ kinh thành khói lửa nên không dám mang đồ xanh vào thành. Con buôn phải thuê đò qua bên kia sông mua rau tại vườn mang về. Họ bán lại giá gấp đôi gấp ba ngay tại bến, và khi ngọn rau đến tay người mua, giá đã tăng lên gấp năm gấp mười. Nhu cầu thúc đẩy sự cung cấp. Chẳng bao lâu, các cô hàng rau chung quanh Thăng Long riu rít gánh đủ các thứ hoa quả, rau ráng vào Thăng Long. Họ thích bán thẳng cho các trại lính Tây Sơn, vì được giá cao, lại bán trọn cả gánh một cách chóng vánh. Họ lại được nghe giọng nói lạ tai, nhìn cách cư xử, sinh hoạt của những con người mà qua lời đồn đãi, họ tưởng là những hung thần chỉ biết trợn mắt quát tháo.

Thực tế hoàn toàn trái ngược. Các cô các bà chỉ gặp những con người bình thường. Có người đã lớn tuổi bằng chú bác các cô. Có anh mặt mày non choẹt như em các cô. Họ cũng ăn uống kham khổ như các cô, bữa cơm chỉ có rau luộc và mắm. Cho nên từ e dè, sợ sệt, người mua và kẻ bán trở nên thân mật gần gũi. Những anh lính Tây Sơn bắt đầu chòng ghẹo các cô hàng rau Bắc hà, theo cái kiểu bộc trực thẳng tuột hết sức ngô nghĩnh.

Các cô cũng gặp nhiều điều bất ngờ đến thú vị. Một hôm cô hàng rau làng Đông Anh bị các bạn cặp đôi với một anh lính trẻ Tây Sơn. Anh ta lúc nào cũng đội khư khư cái nón mo cau sơn bạc trên đầu, dù đứng trong chỗ bóng mát cây cối um tùm. Nghe các cô gái tinh nghịch cặp đôi như vậy, bạn bè anh lính vùng phá

lên cười. Còn nạn nhân thì đỏ mặt tía tai, hai bàn tay bối rối hết líu ríu chấp lại van nài tha cho, lại đưa lên níu chặt lấy hai đai nón. Bọn lính trẻ tinh nghịch xô lại ôm lấy anh ta, giằng cái nón xuống. Các cô hàng rau thấy gì nào? Thấy một cái đầu trọc tuếch. Và các cô cười đến chảy cả nước mắt rồi bẽn lễn bỏ đi khi biết anh lính Tây Sơn tội nghiệp là một sư chú ở Thuận Hóa. Mô Phật! Các cô đâu có ngờ đem chuyện tình ái tình nghịch vào cửa Thiền!

★

Lãng lạt đặt vào báo với Nguyễn Huệ là có một tên Tuần huyện mang xác Chúa Trịnh Khải đến nộp để xin lãnh thưởng. Lúc đó Nguyễn Huệ đang nói chuyện với Vũ Văn Nhậm. Cả hai đứng bật dậy. Nét

mặt viên Tả quân (Vũ Văn Nhậm) hớn hở trông thấy. Nguyễn Huệ cố giữ vẻ điềm tĩnh, ngón tay phải cứ đưa lên quệt nhiều lần trên đỉnh mũi theo thói quen mỗi khi xúc động. Nguyễn Huệ ngơ ngác như muốn tìm vật gì. Tả quân Nhậm hỏi:

– Tướng quân tìm gì vậy?

Nguyễn Huệ vỗ tay vào thanh kiếm vẫn đeo bên hông, cười chữa thẹn:

– Lắm cảm quá đi mất. Nào, ra xem mặt mũi Chúa xem sao!

Xác Trịnh Khải được khiêng đến kinh thành bằng một chiếc võng trôn cũ đã rách ở vài chỗ. Khi Nguyễn Huệ đến, phu khiêng võng đã hạ đòn tre xuống, cái võng trải trên nền đất xộc xệch nên thân thể Chúa cũng sông soài, đầu và hai chân thò ra khỏi mặt võng. Cái khăn

chữ đình Chúa dùng để cải trang đã rơi ra ngoài, và tên Tuấn huyện xem đây là bằng chứng quý giá tài xét đoán nhanh nhẹn chính xác của mình, đã cẩn thận buộc vào thắt lưng xác chết. Trịnh Khải có khuôn mặt khá đẹp trai, tuy tóc tai bù xù da xanh mét nhưng từ khuôn mặt ấy vẫn tỏa ra vẻ kiên cường tự tin. Nguyễn Huệ cúi nhìn vết thương sâu và dài ở trước cổ, rồi ngước lên hỏi:

– Ai là người chém được Chúa Trịnh?

Một người đàn ông trạc bốn mươi có đôi lông mày rậm và khuôn mặt lưỡi cày tiến đến trước, cúi đầu chấp tay vái chào Nguyễn Huệ, rồi nói với giọng hãnh diện:

– Dạ thưa Ngài, chính tôi.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt hỏi:

– Anh tên gì? Làm gì?

Người đàn ông hơi khộp, giọng bắt đầu ấp úng:

– Dạ.. dạ thưa...

Lặng đứng bên cạnh nhắc:

– Đây là Long Nhương tướng quân.

Người đàn ông mừng rỡ tiếp lời:

– Dạ thưa Tướng quân, tôi là Nguyễn Trang, làm chức Tuần huyện.

Nguyễn Huệ hỏi:

– Làm sao anh chém được Chúa?

Tuần huyện Trang đáp:

– Dạ thưa không ạ. Chúng tôi bắt được ông ấy định giải về đây cho Tướng

quân. Nhưng đến nửa đường, ông ấy chụp dao tự đâm cổ chết.

– Một mình anh bắt được Chúa à?

– Dạ một mình tôi ạ!

Nguyễn Huệ cười, mĩa mai:

– Anh giỏi nhỉ.

Tuần huyện Trang chột dạ, ấp úng nói tiếp:

– Dạ cũng có thêm bạn bè và thuộc hạ của tôi giúp đỡ. Nếu không...

Nguyễn Huệ cắt lời Trang, hỏi:

– Chúa cái trang thế này, làm sao anh biết là Chúa?

Huyện Trang đáp:

– Dạ chỉ nhìn qua cảnh thầy trò ông

ấy đóng trò vụng về là đoán ra ngay. Và lại...

– Thầy trò nào? Anh nói chẳng đầu đuôi gì hết. Kể lại từ đầu xem nào.

Một người vóc nhỏ có khuôn mặt choắt như quả cau đứng gần Huyện Trang vội lên tiếng:

– Dạ thưa Tướng công, ông ấy nghi có đến hỏi tôi, tôi xác nhận đúng là Chúa. Nhờ thế...

Nguyễn Huệ hỏi Tuấn huyện Trang:

– Người nào nữa đây?

Huyện Trang liếc nhìn người vừa lên tiếng, cau mày khó chịu, nhưng cũng phải trả lời:

– Dạ thưa đây là ông Ba Đóm.

Người ấy vội nói:

– Thưa tôi là Nguyễn Noãn, cháu Lan Quận công Nguyễn Trục.

Nguyễn Huệ thấy câu chuyện nhì nhằng mãi, đâm bực, lớn tiếng bảo:

– Thôi, hai người kể lại từ đầu xem. Ai nói trước?

Nguyễn Noãn tranh lời Tuấn huyện Trang, kể:

– Dạ khi “ông ấy” trốn đến huyện Yên Lãng thì gặp tôi. Lúc đó ông ấy còn dẫn theo nhiều quân quan voi ngựa, chứ chưa có vẻ thất thế lắm. Vì vậy tôi phải vờ qui thuận, ra quì bên đường mà tâu rằng: [Theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 88] Ngày trước tôi vâng mệnh Chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được 500 tên đang chờ ở bờ bắc con sông này. Xin Chúa ngự giá

qua bắc về tạm làng tôi, đóng tạm ở đó ít lâu rồi hãy tính việc sau này”. Ông ấy tin tôi, sai gọi lái đò chở qua sông. Nhưng bao nhiêu chân sào bến đò nghe gọi sợ hãi lánh đi hết cả. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được mười ba, mười bốn người.

Nguyễn Huệ sốt ruột, giục:

– Kể gọn lại. Về sau tại sao Chúa sa vào tay Tuần huyện Trang?

Tuần huyện Trang được dịp may, lấu liến nói:

– Ông Ba Đóm nói quanh khiến ông ấy nghi, mới hỏi quanh đó có viên Tiến sĩ nào không. Ông Ba Đóm bảo chỉ có viên Thiêm sai Lý Trần Quán hiện đóng quân tạm tại Hạ Lôi.

Nguyễn Huệ bức quá, gắt:

– Lại thêm tên Thiêm sai nào nữa?
Sao lúc này anh bảo chỉ có một mình anh?

Tuần huyện Trang sợ hãi, vội đáp:

– Dạ Thiêm sai là thầy cũ của tôi. Thầy tôi gọi tôi đến bảo: “Có quan Tham tụng Kế liệt hầu Bùi Huy Bích tránh loạn đến đây, ta muốn phiền anh hộ tống ra khỏi địa phận”. Tôi chưa hay biết gì, nên xin vâng. Tôi theo thầy đến gặp Kế liệt hầu. Tôi cũng chưa có ý nghi ngờ gì cả. Đến chỗ hẹn, tôi thấy một người trẻ tuổi đứng giữa ba bốn người nét mặt đã già mà không có râu. Người trẻ tuổi thấy chúng tôi đến, liền trở thầy tôi hỏi: “Người nào thế?”. Một người không có râu khép nép thưa: Đây là Thiêm sai Lý Trần Quán. Tôi chú ý quan sát thầy tôi, thấy Thiêm sai còn khép nép cung kính với người trẻ tuổi hơn cả bọn không râu nữa. Tôi

đâm nghi, tự hỏi: Nếu thầy là chỗ quen biết cũ với Kế liệt hầu, sao thầy lại khúm núm quá độ như thế. Vả lại, tại sao Kế liệt hầu không biết mặt thầy? Hơn nữa trước đây tôi có nghe bọn lính kháo nhau rằng Kế liệt hầu là viên Tham tụng lão nhược ra cầm quân nhất định phải thua Tây Sơn, sao bây giờ ông lão hóa thành thanh niên? Lại thêm bọn không có râu này nữa! Đích thị là bọn quan thị trong cung cấm rồi! Tôi nghi, nhưng trong lúc thầy tôi thì thầm với “ông ấy”, tôi giả vờ như chưa hiểu gì. Thầy tôi yên tâm giao cho tôi hộ vệ ông ấy ra khỏi địa phận Hạ Lôi. Tôi xin vâng. Chờ thầy tôi đi xong, tôi tụ tập thêm chục thủ hạ đến đưa ông ấy qua một tòa nhà khác, rồi lớn tiếng hỏi: “Ông có phải là Đoan Nam vương thì cứ nói thật với tôi. Nếu không, hễ có việc gì, ông đừng có trách”. Ông ấy liền đáp: “Sao anh đoán xằng vậy? Ta là quan

Hành Tham tụng Bùi Huy Bích đây mà”. Tôi nói: “Ông chớ nói dối người ta. Cái ấn trạng của thầy trò nhà ông, lúc này tôi thấy cả rồi, còn che mắt được ai nữa. Từ xưa đến nay, hưng phế là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi. Đừng có giấu diếm làm chi cho nhọc thân”. Ông ấy đổi sắc mặt.

Nguyễn Huệ không dần được tò mò, vội hỏi:

– Chúa có nói gì không?

Tuần huyện Trang đáp:

– Dạ ông ấy tức giận, tất nhiên phải thế. Ông ấy tận số mà còn hách dịch cái giọng đế vương. Ông ấy nói: “Vua chúa phải có mệnh trời. Chính thật Đại nguyên súy Đoan Nam vương là tao đây. Nếu có chết về tay mày cũng là mệnh

trời. Tha hồ cho mày làm gì thì làm”.

Nguyễn Huệ hỏi:

– Anh giải Chúa đi nộp sao để cho ông ta tự vận?

Trang bối rối, lo sợ đáp:

– Dạ tôi không ngờ trước. Giải đến giữa đường, ông ta kêu mệt. Tôi không nỡ ép, cho vào nghỉ tạm trong một quán nước. Ông ấy vớ ngay con dao của nhà hàng tự đâm vào cổ. Tôi vội dắt con dao lại, nhưng vết thương khá sâu, máu phun tung tóe. Ông ấy muốn mau chết, đưa ngón tay chọc vào vết thương xé to ra. Tôi vội giữ tay lại. Máu vẫn phun như suối. Một lát, ông ấy vật vã đau đớn, đòi được uống nước. Tôi bưng nước đến, ông ấy hớp vài ngụm thì chết.

Nguyễn Huệ xúc động, đưa tay lên

quệt chóp mũi hai ba lần, rồi cúi xuống vỗ vào xác Trịnh Khải nói:

– Tiếc cho cậu trai trẻ đẹp. Giả sử lúc đầu sớm chịu hàng, thì đâu có mất phú quý. Sao lại phải tự giết mình cho khổ? [Liệt Truyện chính biên, quyển 30, tờ 22a]

Nói xong, Nguyễn Huệ đứng lặng một lúc lâu. Mọi người đều im lặng chờ. Một con nhặng xanh bắt mùi máu tanh tìm đến, tiếng vo ve rõ mồn một. Nguyễn Huệ quay lại bảo Tả quân Nhậm:

– Cho đem xác bêu ở cửa Tuyên Vũ cho thiên hạ biết, rồi sai khâm liệm tống táng theo cung cách vua chúa. Vũ Văn Nhậm bắn khoăn hỏi:

– Theo cách tống táng vua chúa là thế nào ạ?

Nguyễn Huệ bật cười:

– Ta cũng không biết. Đi hỏi Hữu quân (Nguyễn Hữu Chỉnh), nhất định ông ấy sành quan hôn tang tế theo kiểu Bắc hà.

Vũ Văn Nhậm sa sầm nét mặt. Mọi người dợm bước vào thì Tuần huyện Trang vội nhắc:

– Thưa Tướng quân, chúng tôi từ Hạ Lôi lên đây...

Nguyễn Huệ chột nhớ, cười lớn, rồi hỏi:

– Anh đòi thưởng công chứ gì? Được. Anh xứng công lắm. Ta phong cho anh làm Tráng nghĩa hầu, gia chức Trấn thủ Sơn Tây.

Tuần huyện Trang hớn hở ra mặt, liên tiếp cúi gập người lạy tạ. Yên tâm với chức vị mình, Trang mới nổi lòng hào

hiệp nghĩ đến các cộng sự viên. Trang ấp úng thưa:

– Dạ... dạ thưa Tướng quân... dạ...

– Chưa đủ sao? Còn gì thêm nữa?

– Dạ còn ông Ba Đóm, bạn tôi...

Nguyễn Huệ quay phắt về phía Nguyễn Noãn hỏi:

– Anh cũng đòi thưởng chứ gì? Anh là gia thần của họ Trịnh phải không?

Nguyễn Noãn đoán Nguyễn Huệ đặt câu hỏi để đề cao thái độ dứt khoát với họ Trịnh của mình, nên vội vã đáp:

– Thưa phải. Thân phụ tôi là Nguyễn Thưởng, vốn là gia thần Chúa Trịnh.

Nguyễn Huệ liền bảo Tả quân Nhậm:

– Tên phản trắc này có dùng cũng

chẳng ích gì. Chỉ nuôi ong tay áo. Đem chém hăn đi!

✱

Lợi tìm đến lầu Ngũ Long để hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh về Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quỳ. Khi kinh thành thất thủ Kiến xuyên hầu đem gia đình chạy ra vùng ngoại thành. Đến khi có ngự chỉ triệu về, Kiến xuyên hầu phải đem gia đình trở lại kinh. Lúc đó mới thấy dinh cơ của mình đã có một toán lính Tây Sơn chiếm giữ. Việc rắc rối lên tới Lợi. Lợi cũng không hiểu Kiến xuyên hầu là ai, thuộc phe cự thần Chúa Trịnh phải sung công tài sản hay chỉ là một văn thần có thể lưu dụng? Lợi phải đến hỏi Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh. Cảnh lầu Ngũ Long phía sau ồn ào đông đúc bao

nhieu, thì phía trước vắng vẻ hiu quạnh bấy nhiêu. Chỉnh là người Bắc hà, quen biết giao thiệp rộng. Nay đang ở buổi đắc thế, không thiếu người tìm đến nhờ vả đủ việc. Các quan được vua triệu hồi cũng phải đến ra mắt Chỉnh để nghe sắp xếp công việc. Bà con thân nhân đến nhờ nhờ. Bạn bè đến chúc mừng để nhắc nhở tình cũ. Kể cả kẻ thù hiện thất thế cũng đến van xin để được yên thân. Trong lúc đó, phía trước lâu nơi Tả quân Vũ Văn Nhậm đóng, không có ai ra vào cả.

Chỉnh biết cái thế khó xử của mình, nên đặt một tên lại ngồi ở trước cổng khu Ngũ Long, hễ có ai đến thì mời họ sang phía trước lâu để yết kiến Nhậm. Lợi cũng bị “hướng dẫn” như thế. Nhưng anh phải giải quyết gấp vụ trả nhà cho Kiến xuyên hầu, nên vào cổng xong, Lợi rẽ về phía sau lâu.

Từ sau trận Vị Hoàng, Nguyễn Hữu Chỉnh không trực tiếp điều khiển Lợi nữa, nên lần này hai người cư xử với nhau thân mật tự nhiên, bỏ qua tất cả dè dặt tôn ti giữa kẻ trên và người dưới.

Lợi nhận thấy Nguyễn Hữu Chỉnh hí hửng, linh hoạt như cá gặp nước. Chỉnh có cái vẻ bận rộn tíu tít của một người đang tận hưởng sự quan trọng của mình. Ngồi nói chuyện với Lợi, Chỉnh không hoàn toàn chú tâm vào các lời trao đổi. Khi gọi một viên lại giả vào dặn điều này, khi sai bảo quân hầu điều khác. Không còn ai để sai nữa, thì luôn tay lục soạn giấy tờ, rồi than quá nhiều việc, làm đêm làm ngày không xuể. Lợi định đứng dậy ra về thì một người khách nữa bước vào phòng Chỉnh.

Viên Hữu quân vội vã chạy ra tận cửa phòng rồi rít chào mừng:

– Kìa, bác Long. Từ trưa đến giờ tôi chờ bác mãi. Không, bác cứ vào đi. Toàn anh em trong nhà cả mà. Sao bác đến chậm thế?

Người khách cười, rồi bảo:

– Hữu quân hại tôi, rồi còn hỏi! Đặt chi cái tên lại già ngoài cổng thế? Tôi thì hẵn còn lạ gì, ngày nào không tới đây. Thế mà lúc nấy hẵn cứ nằng nặc đòi tôi phải vào trước lầu gặp Tả quân cho được. Tôi giả vờ thuận, vào trong cổng rẽ về phía này. Hẵn tức quá, chạy theo lối áo tôi lại. Nhì nhằng cả buổi hẵn mới cho đi.

Nguyễn Hữu Chinh mời khách ngồi đối diện với Lợi. Lợi chấp tay vái chào. Người khách chào lại, gương mặt do dự e dè vì chưa biết Lợi là ai, có thể tiếp tục ăn nói tự nhiên thân mật với Chinh được không. Nguyễn Hữu Chinh đoán được

tâm trạng bạn, vội nói:

– Đây là ông Lê Tấn Lợi, người thang mộc ấp, quan Bộ binh phụ trách quân lương. Chỗ thân tình của tôi đây. Thân tình chẳng kém gì giữa tôi với bác. Còn đây là bác Đỗ Thế Long người Thanh Trì, cũng bị họ Trịnh bỏ ngục một chỗ với tôi. Tôi thì may mắn vào được Qui Nhơn, còn bác Long thì chịu cực khổ cho đến ngày ta hạ được họ Trịnh. Chính tôi sai người thả cho bác Long ra đây.

Hiểu rõ thân thế của nhau, Đỗ Thế Long và Lợi bớt dè dặt hơn. Không khí trong phòng bớt khách sáo. Long thấy cần phải nói vài lời cầu thân với Lợi:

– Chắc ông quen biết với Hoàng gia ngay từ thời chưa dựng nghiệp?

Lợi được vượt ve niêm tự ái tự cao lớn nhất, hãnh diện đáp:

– Vâng. Quả có thế. Tôi làm việc với nhà vua từ thời còn buôn nguồn. Lúc đó mọi việc thu chi trong nhà đều do tôi cả.

Long nói:

– Thảo nào nhà vua giao việc quân lương cho ông. Nghe nói các kho tàng trong phủ Chúa vẫn còn nguyên không mất mát gì, phải thế không ạ?

Lợi đáp:

– Vâng. Chúa Trịnh bị bọn quan văn xúi dục, không biết người biết ta, nên không tâu tán kho tàng dắt gia đình trốn đi, lại dàn quân chống cự, tưởng giữ được thành. Đến lúc thua chỉ chạy thoát lấy thân. Rồi cả cái thân cũng không thoát. Góm, dân chúng bu đến ở cửa Tuyên Vũ cổ xem cho được mặt Chúa. Tôi đến đây, phải chận vật lắm mới chen qua được. Họ

có xem thấy gì đâu! Bọn lính lười khiêng xác đến vứt đó rồi giao cho bọn canh cửa Tuyên Vũ lo. Cái xác nằm nghiêng, đầu tóc xổ ra che kín mặt, làm sao mà xem!

Nguyễn Hữu Chinh liền nói với Long:

– Chúa không chịu tin lòng ta, nên tự hủy hoại đời mình. Nếu Chúa còn sống, chắc ta sẽ đặt vào một địa vị thanh nhàn, không để phải mất cả danh tộc.
[Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 94]

Đỗ Thế Long định nói gì đó, nhưng liếc nhìn Lợi, ngần ngại. Chinh thấy vẻ do dự của Long, liền nói:

– Tôi đã bảo bác chớ ngại! Tôi với anh Lợi đây tuy kẻ bắc người nam nhưng gan ruột của nhau đã hiểu nhau cả. Tôi thích cái đức nói thẳng của bác, chẳng

kém những bài hát quốc âm của bác đầu!
Mấy ngày nay từ khi bác ra khỏi ngục,
bác khuyên điều gì, tôi đều tuân theo.
Chắc bác đã thấy.

Đỗ Thế Long liếc nhìn Lợi một lần
nữa, rồi mím môi suy nghĩ một chút,
trước khi hỏi Chinh:

– Ông có ra cửa Tuyên Vũ chưa?

Chinh đáp, mắt mở to vì kinh ngạc:

– Tôi cần gì phải ra đấy? Ra xem
mặt Chúa à?

Đỗ Thế Long nói:

– Thế thì đáng tiếc. Ông phải ra đấy
mà không có quân đi trước dọn đường,
quân đi sau hộ tống, ra đấy như một sĩ
phu Bắc hà lỗ vận, mặc áo the vá cặp dù
gậy chen chúc với mọi người. Ra đấy để

nghe thiên hạ nói về ông.

Nguyễn Hữu Chinh xúc động, chồm người về phía Long hỏi gấp:

– Họ nói gì về tôi? Bác đừng giấu. Cứ nói thẳng những gì họ nói kể cả những gì bác nghĩ.

Đỗ Thế Long không dè dặt nữa, nhìn thẳng vào đôi mắt hoang mang chờ đợi của Chinh mà nói: [Sách đã dẫn trang 95 trở đi.]

– Cái việc mà ông đã làm, tiếng là nhân nghĩa, thật ra chỉ là tàn tặc. Ngày nay, ông có thể nghiêng non, lật bể, cố nhiên là nhờ “quí quốc” giúp cho. Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, cái gì không phải là ơn nhà Chúa. Nay ông lấy tiếng phù Lê diệt Trịnh để kéo quân ra, thật là quá tệ. Nếu bảo nhà chúa hiếp chế nhà vua là việc có

lỗi, thì sao không nghĩ đến cái công tôn phù hẳng hai trăm năm trời. Theo người mới phản người cũ tức là bất nghĩa, bởi cái lỗi để lấp cái công tức là bất nhân. Bất nghĩa, bất nhân tức là tàn tặc. Kẻ đại trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào chỗ tàn tặc được ư?

Nguyễn Hữu Chinh bị bất ngờ, da mặt tái mét, môi trên run run. Ông thảng thốt hỏi:

– Đấy... đấy là lời thiên hạ, hay ý của bác?

Đỗ Thế Long thấy Chinh xúc động, hơi sợ, nhưng vẫn mạnh mẽ đáp:

– Đấy là những điều sĩ phu Bắc hà nghĩ về ông.

Nguyễn Hữu Chinh im lặng hồi lâu để trấn tĩnh, rồi mới đáp chậm:

– Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi vì sự tôn phù nhà Lê mà làm việc này, cốt để chống đỡ cho nền cương thường. Đó là một việc chí nhân, đại nghĩa. Vậy mà bác lại bảo là tàn tặc, chẳng phải là bác nói quá tệ ư? Nếu không phải tôi nghĩ sai, thì chắc là bác nói quá.

Đỗ Thế Long như một mũi tên đã bắn ra, không dằn được phần kích, nói:

– Nhà vua vốn đã được tôn sẵn, cần gì đợi ông tôn phù? Chẳng qua ông chỉ mượn cớ đó để làm trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng nhà nước đương như cái bình vàng không mấy may sút mẻ, bỗng chốc vô cớ ông đưa “người ngoài” tới đây (Long cố gắng lắm mới khỏi liếc về phía Lợi), làm hại chủ sứ, làm hại nhân dân, người trong thiên hạ sẽ cho ông là beo,

sói, điều, quạ. Gọi là tàn tặc chưa phải là quá lời. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, chẳng qua cũng như cáo mượn oai hùm mà thôi. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc phải có ngày sinh biến. Rồi nữa “người ta” bỏ ông mà về (lần này Long không dẫn được, phải liếc về phía Lợi), ông đem cái thân cón con để cống cái tội tày trời, làm thế nào mà đứng vững được với thiên hạ?

Nguyễn Hữu Chỉnh càng tức giận hơn, hai hàm răng cắn chặt lại. Nhưng cuối cùng, ông cố đổi sắc mặt, vui vẻ hỏi theo giọng nửa đùa nửa thật:

– Vậy thì “ông bạn của giống heo, sói, điều, quạ” bảo “giống heo, sói, điều, quạ” nên làm thế nào đây?

Đỗ Thế Long thấy Chỉnh đổi sắc mặt ra vui, và nghe cái giọng đùa cợt của Hữu

quân, lòng mừng vì nghĩ bạn cũ không giận vì lời nói thẳng thắn thô bạo, nên hạ thấp cái giọng công kích gay gắt xuống thành lời tâm sự nhỏ nhẹ:

– Tôi hiểu lòng ông, ông ra chuyến này, chẳng qua vì ngài Trấn thủ trước (chỉ Quận Huy) mà trả thù với bọn lính Tam phủ. Nay bọn kiêu binh đã bị diệt, ấy là chí ông đã toại. Nếu ông xoay lại những điều đã định từ trước, khéo điều đình với “quí quốc”, khiến họ mãn nguyện ước muốn mà rút quân về, rồi ông chọn ở trong dòng họ Trịnh, kiếm người khá lập nên làm Chúa, còn ông thì làm vị Phù tá. Đó là cái công không mấy đời có.

Nguyễn Hữu Chinh nheo mắt với Lợi, bảo Long:

– Phải, để tôi nghĩ xem. Bây giờ bác hãy về nhà, tìm một người nào đáng

nói (nhớ sửa lại lời cho khéo hơn nhé) rồi đợi lúc nào người ấy thích nghe, bác hãy dùng lời nói mà làm con đường tiến thân.

Đỗ Thế Long biết Hữu quân muốn từ khách. Hơn thế nữa, ông hiểu từ nay về sau, Nguyễn Hữu Chinh không muốn gặp mình nữa. Long cảm thấy bồi hồi, như đứng trước một sự đã rồi. Sự đó hay hay dở, tốt hay xấu, đúng hay sai, đến lúc này, ông không xác quyết rành rọt được như lúc đang nói. Cho nên Đỗ Thế Long đứng dậy chào Chinh và Lợi ra về với tâm trạng bập bồng, như người say.

Long đi khỏi, Chinh liền nói với Lợi:

– Long (rồng) thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn, để làm mê hoặc thiên hạ.

Lợi vô tình tham dự vào cuộc đấu khẩu bất ngờ, cũng đang hoang mang chưa tìm được lối ra, cho chính mình. Nghe Chỉnh nói xa nói gần như vậy, Lợi mừng rỡ.

Chỉnh gọi quân hầu vào sai chặn ở ngoài cổng bắt Long trói lại, đem dìm chết ở sông Phú Lương.

Chương 67

Sau khi ra lệnh dim chết Đỗ Thế Long, Nguyễn Hữu Chỉnh ngong ngóng chờ đợi phản ứng của Tả quân Nhậm. Chỉnh biết sau khi đến gặp mình, Lợi đã qua gặp Nhậm ở lâu trước. Và ông cũng thừa biết rằng ở vào một vị trí tế nhị như Lợi, bắt buộc Lợi phải thuật rõ những gì xảy ra tại phía sau lầu Ngũ Long, để chứng tỏ sự vô can của mình. Hơn nữa, dùng quyền trực tiếp điều hành trị an trong kinh thành, Vũ Văn Nhậm đã cho gọi những người lính dẫn Long

ra giết ở sông Phú Lương đến tra hỏi, rồi cho về. Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ chờ Nhậm bắt giữ thuộc hạ của mình là đi khiếu nại ngay với Nguyễn Huệ. Nhưng Tả quân Nhậm không làm gì cả. Chỉ hỏi cho biết thôi! Nguyễn Hữu Chỉnh không thể chịu đựng mối nguy hiểm thường trực, không khí đe dọa căng thẳng hằng ngày như vậy nữa! Ông xin dời bản doanh qua chùa Tiên Tích. Nguyễn Huệ bằng lòng, nhưng dặn thêm:

– Từ nay về sau, việc gì động đến binh đao, chém giết, dù là giết ai và không phải dùng đến gươm giáo, ông cũng nên nói qua cho Tả quân biết.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết vụ Đỗ Thế Long đã đến tai Nguyễn Huệ, vội nói:

– Tên khốn kiếp người Thanh Trì đó chế giễu cả Tướng quân. Hắn xem tất

cả chúng ta là “tàn tặc”, là “heo, sói, điều, quạ...”.

Nguyễn Huệ xua tay can:

– Ta biết rồi. Nhưng...

Nguyễn Huệ nói đến đó rồi thôi, nói lảng qua chuyện khác. Sau tiếng nhưng ấy Nguyễn Huệ muốn nói gì? Câu hỏi ấy khiến Nguyễn Hữu Chỉnh bần thần, nôn nao. Ông biết Tả quân Nhậm có ác cảm với mình. Nguyễn Huệ thì tuy có hiểu tài của Chỉnh, nhưng hoàn toàn tin cậy như người nhà, như người cộng tác, thì chưa! Ở Qui Nhơn, ở Thuận Hóa, Nguyễn Huệ còn chưa tin Hữu quân, huống chi ở tại Thăng Long, nơi tất cả tướng sĩ Tây Sơn đều là khách lạ.

“Ta biết rồi, nhưng”! “Ta biết rồi, nhưng...”! Nhưng thế nào? Nguyễn Hữu Chỉnh lấy bút viết ra đủ thứ giả thiết.

– Ta biết rồi, nhưng... chính ông ra lệnh thả hăn ra khỏi ngục mà!

– Ta biết rồi, nhưng... ông thấy hăn nói cũng có lý phần nào đấy chứ?

– Ta biết rồi, nhưng... tại sao hăn dám bạo mồm như vậy? Phía sau hăn tất có nhiều tên xướng xuất. Sao ông vội giết hăn đi?

– Ta biết rồi, nhưng... đằng nào ông cũng nên đợi cho đại quân rút về rồi hãy tự chuyên. Ông vội vã quá đấy!

– Ta biết rồi, nhưng... nếu không có Lợi ở đó, thì hăn đã thoát chết.

– Ta biết rồi, nhưng... có lẽ hăn nói quá sớm điều ông sẽ làm. Đúng là khẩu nghiệp!

– Ta biết rồi, nhưng... nhưng... nhưng...

Càng nghĩ, Chỉnh càng sợ hãi. Ông cảm thấy cô đơn. Chỗ đứng của ta ở đâu? Lời Đỗ Thế Long vẫn còn vang bên tai ông: “Rồi nữa người ta bỏ ông mà về, ông đem cái thân còm con để cống cái tội tà trời. Làm thế nào mà đứng vững được với thiên hạ”. Cái tội tà trời? Tội gì? Đối với Nguyễn Hữu Chỉnh, chỉ có một cái tội đáng sợ nhất là: thất bại. Công hay tội tùy thuộc vào chuyện thành bại, thế thôi. Nhưng liệu mình có thể một mình ở lại giữa kinh thành Thăng Long ngơ ngác, hoang mang, sau khi Tây Sơn về Nam hay không?

Mấy ngày gần đây, cái tin Lý Trần Quán tự chôn mình để tự phạt cái tội giết Chúa đã thành câu chuyện truyền tụng hấp dẫn khắp Thăng Long. Bọn nhà Nho Bắc hà xem Quán là một tấm gương sáng của lòng trung nghĩa, nên mỗi ngày,

câu chuyện mỗi được tô chuốc đẹp đẽ. Người ta kể sau khi biết học trò cũ định đem Chúa Trịnh Khải giải nộp cho Tây Sơn, Lý Trần Quán vội đến chỗ Chúa rập đầu xuống đất than: [Đoạn này dựa theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 91]

– Làm cho Chúa đến nỗi này là tội của tôi cả.

Chúa Trịnh Khải đáp:

– Người ta ai có bụng nấy. Người có can dự gì?

Quán lui ra, bảo Tuần huyện Trang:

– Chúa là Chúa chung của thiên hạ, mà ta là thầy mày. Nghĩa cả vua tôi, sao mày nỡ làm thế?

Trang nói:

– Quan lớn không bảo tôi trước, để

tôi trót lỗ đến ra mắt Chúa. Nếu Chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi sau này quân Nam đến hỏi tội tôi, quan lớn có thể cãi hộ không? Sợ thầy không bằng sợ giặc, quý Chúa không bằng quý thân, tôi không thể để cho quan lớn làm lầm lỗ đâu.

Tức thì Trang quay về nhà rồi quát thủ hạ dìu Chúa đến kinh. Quán đón đường, lạy Chúa vừa khóc vừa kêu:

– Ôi Trời ơi! Tôi giết Chúa tôi, Trời có biết không?

Chúa vẫn an ủi:

– Tấm lòng trung nghĩa của người “cô” đã biết rồi, đừng nên tự oán trách mình như thế!

Trang dẫn Chúa đi rồi, Lý Trần Quán quay về nhà bảo chủ trọ:

– Bể tôi làm cho nhỡ vua, tội đáng phải chết. Nếu ta không chết, thì lòng ta vẫn không tỏ được với trời đất. Vậy hãy đi sắm cho ta một cỗ áo quan, mười thước vải trắng, để ta làm theo chí của ta.

Chủ trọ hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe và nói:

– Ta đã muốn chết, không có cách này tự khắc sẽ tìm cách khác, người không ngăn nổi đâu. Nếu có yêu ta thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phần uất nóng nảy. Chủ trọ ngăn không được, bèn đi sắm sửa như lời Quán dặn.

Quán sai đào sau nhà ở một cái huyệt, đặt chiếc quan tài xuống đó. Rồi Quán lấy tấm vải trắng xé ra làm hai, một

đoạn làm khăn, một đoạn nữa làm dải lưng. Sau khi đội mũ mặc áo ngoảnh về phương Nam, lễ vọng hai lễ, Quán bèn bỏ mũ chít khăn trắng và thắt dải lưng trắng, vào nằm trong chiếc quan tài và bảo chủ trọ đẩy nắp lại. Chủ trọ vừa vâng lời thì Quán ở trong quan tài nói ra:

– Hãy còn thiếu một câu nữa phải nói hết đã.

Chủ trọ gỡ nắp quan tài ra, Quán đọc hai câu thơ:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn

Thập phần chi trung vi tận

(Đạo hiếu ba năm đã trọn

Chữ trung mười phần chưa hết)

Nhờ ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ ta.

Chủ trọ chưa kịp nói gì, Quán tiếp:

– Đa tạ chủ nhân. Ta từ biệt ông từ đây!

Chủ trọ cùng năm, sáu người đẩy tứ sập xuống lễ ở trước quan tài, rồi đập nắp và lấp đất lên.

Nguyễn Hữu Chinh có biết Lý Trần Quán từ trước, nên đoán huyền thoại lưu truyền có nhiều phần tô vẽ, trau chuốt quá cả bình sinh của Quán. Nhưng sự cố ý biến Quán thành một bề tôi tận trung tận hiếu rõ ràng biểu lộ một thái độ phản kháng. Gần đây, trên các đoạn tường thành khuất nẻo, hai câu thơ của Quán đã xuất hiện. Tối hôm qua, kẻ vô danh đã bạo gan viết hai câu thơ đó ngay bờ thành cửa Tuyên Vũ bằng than. Chinh đoán nó sẽ xuất hiện ở nhiều nơi khác, vào những lúc bất ngờ nhất. Ông thấy

mình trở thành cái bia cho sĩ phu Bắc hà công kích, cười cợt, mai mỉa. Đề cao Lý Trần Quán là một cách chê bai ông. Làm thế nào đây?

Đỗ Thế Long khuyên ông tái lập ngôi chúa? Không, không thể được. Không ai cho phép ông làm như vậy. Chỉ còn một con đường thoát, một lối cứu mình là tìm mọi cách vận động cho phù Lê trở thành điều thực không phải là cái tiếng giả như chính ông đề nghị lúc đầu.

Tận trung với Vua có khác nào tận trung với Chúa? Vua Lê Hiến Tôn còn đó, quan văn quan võ đã triệu về gần đủ, trật tự an ninh đã được văn hồi nhờ những biện pháp cương quyết, dứt khoát. Còn có cơ hội nào tốt hơn để quảng bá công cuộc phù Lê, làm cho mọi bất bình được hóa giải, biến những kẻ tận trung như Quán thành kẻ cố chấp, và tìm một vị trí

vững chắc cho Chỉnh ở Thăng Long này?

✱

Nguyễn Huệ ngồi một mình trong gian phòng rộng phủ màn gấm sang trọng của phủ Chúa. Bấy giờ là canh ba. Đêm Thăng Long yên tĩnh giống như đêm Thuận Hóa và đêm Gia Định. Vẫn tiếng trống đổi canh quen thuộc. Vẫn âm thanh huyền bí của những cuộc sống trầm lặng cô cút không thể lộ ra giữa ban ngày ồn ào tấp nập, phải chờ đến đêm tĩnh lặng mới đủ sức nhắc nhở mình có mặt. Vẫn ngọn sáp vàng còn thơm mùi phấn hoa và mật ngọt. Nguyễn Huệ ngồi yên lặng như vậy thật lâu, tay trái mơn man lần tìm những nốt mụn nổi hai bên má và dưới cằm. Hễ mụn nổi nhiều là ông biết tâm hồn mình có nhiều bất định. Phải. Đêm

Thăng Long chỉ có cái yên tĩnh bên ngoài. So với Thuận Hóa, Thăng Long như một khúc sông trên mặt bập bênh bèo giạt, còn dưới mặt nước là sóng ngầm, là đá nhon, là rấn rít. Đã quen chế ngự sự bất ổn và hỗn loạn, lần này, Nguyễn Huệ ít tự tin hơn. Ông có nhiều nỗi lo. Hồi chiều Lãng vừa báo cho ông biết hai câu thơ tuyệt mệnh của Lý Trần Quán đã xuất hiện khá nhiều trên vách thành, trên các cửa ô, trên cả tường các dinh thự. Hơn ai hết, ông hiểu đây là dấu hiệu đầu tiên của sự bất ổn. Bọn hủ nho hành động sớm như thế sao? Thăng Long là đất văn hiến, nên Nho đã dấy. Không như Qui Nhơn hay Gia Định. So với Thuận Hóa, Thăng Long qui tụ được một số sĩ phu khoa bảng đông đảo hơn nhiều. Họ trở thành một tầng lớp đáng quan tâm, vì cách suy nghĩ của họ ảnh hưởng lớn lao đến đám đông. Trường hợp Lý Trần

Quán với tác dụng mạnh mẽ sâu sắc của nó, có sức mạnh của một đạo quân, chứ không phải chỉ là một đóm lửa lóe lên giữa chốn hoang vu như Nguyễn Đăng Trường hay Nguyễn Khoa Kiên. Cuộc tuần nạn vì cố chấp và tuyệt vọng, và có lẽ còn vì lòng kiêu hãnh tự phụ nữa, trong vòng có vài ngày lan truyền khắp Bắc hà, và điều đó đủ kích thích quyến rũ những kẻ thiêu thân tuyệt vọng và tự phụ khác. Sẽ còn nhiều Lý Trần Quán nữa, nếu... Nếu thế nào? Chưa bao giờ Nguyễn Huệ gặp nỗi hoang mang trùng trùng cho bằng lúc này. Hoang mang từng lớp chập chồng lên nhau. Ông cảm thấy tiếc cái thời tự tín trong sáng trước đây. Nhưng từ lúc nào ông bắt đầu có cảm giác ngây ngất say dại như người đã leo tới đỉnh núi cao đột nhiên ý thức khoảng cách hun hút giữa chóp núi và thung lũng và sự cô đơn? Có lẽ từ ngày ông cầm quân

ra đánh Thuận Hóa. Ngày 28 tháng Tư năm Bính Ngọ. Khác với các lần trước, lần này ông cảm thấy có một khúc ngoặt quan trọng trước mặt ông. Ông sẽ thoát khỏi kiềm tỏa của vua Thái Đức, sẽ tự mình gây dựng một cơ nghiệp theo ước vọng hoài bão của mình, không cần nhờ đến bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn cơ hội lưu manh hay bọn hủ nho cố chấp. Ông đã thành công nhanh chóng và dễ dàng không ngờ. Hai mươi tháng Năm hạ thành Phú Xuân. Mười sáu tháng Sáu chiếm Vị Hoàng. Vừa đem đại quân ra Vị Hoàng 22 tháng Sáu, thì 23 tháng Sáu đã tiến lên chiếm thủ phủ Sơn Nam. 26 tháng Sáu hạ thành Thăng Long. Nếu kể từ ngày xuất quân từ Qui Nhơn, thì chỉ trong vòng vẹn hai tháng, ông đã chiếm được một dải giang sơn kéo dài từ đèo Hải Vân cho đến Thăng Long, lật đổ một chế độ bền vững hàng mấy trăm năm.

Ông không thể không cảm thấy ngợp trước thành công, ngợp trước sức mạnh vừa tìm thấy, như một người lần đầu cưỡi một con ngựa khỏe và dữ. Ông đang ngồi ngay tại trung tâm của quyền lực, đang hít thở không khí của một nền văn minh ổn cố lâu dài, nơi mà một hòn sỏi trên lối đi, một gốc liễu trong vườn thượng uyển cũng có một giá phả. Ông phải làm gì đây? Họ Trịnh đã bị lật đổ khỏi phủ Chúa. Hoàng triều vẫn còn ngo ngoe sự sống, qua hình ảnh một vị vua già yếu suốt bao nhiêu năm lấy nhịn nhục làm khôn. Bao nhiêu ngày rồi Thăng Long êm ả, trật tự, nhưng ông biết lắm, đấy là sự êm ả trật tự để ra tù sợ hãi. Gần như chưa có một guồng máy cai trị mới thay cho guồng máy của Chúa Trịnh. Chế độ vũ trị không thể kéo dài. Quyền hành sau này sẽ thuộc về ai? Giao vận mệnh xứ sở xa lạ này (cái xứ sở ông mới làm

quen có hai tháng ngắn ngủi) cho sự đau yếu bạc nhược, hay cho sự sợ hãi? Vả lại anh ông ở Qui Nhơn đang nghĩ gì khi được tin ông đã đem đại quân vượt quá Lũy Thầy?

Mấy ngón tay trái vẫn mơn man tìm các nốt mụn. Một cái mụn lớn cộm lên dưới ngón trỏ. Nguyễn Huệ dùng móng tay út ấn mạnh vào chân mụn. Ông cảm thấy đau buốt, đến nổi tê dại cả một vùng da mặt. Một ít máu và cồi mụn trắng còn dính lên móng tay út của ông. Ông lẩm bẩm: Nặn như vậy có quá sớm chăng? Nhưng đằng nào cũng phải nặn cái cồi ra thôi!

✱

Nguyễn Hữu Chỉnh酣寐, khi

thấy Nguyễn Huệ có vẻ ngại ngủ, đã dươi, nhưng Hữu quân không muốn bỏ lỡ cơ hội chỉ có hai người trong phòng. Nhân khi Nguyễn Huệ hỏi vụ Lý Trần Quán, Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

– “Ngài lấy danh nghĩa tôn phù nhất thống mà ra đây, thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân, việc nước đều phải do Hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự tôn phù. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ, Ngài vào ra mắt Hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng, chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay Ngài nên chọn ngày lành, cho cử hành lễ triều yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại”! [Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 100]

Nguyễn Huệ vui mừng vì Chỉnh nói đến điều mình đang băn khoăn. Ông thoát khỏi cơn ngái ngủ. Nhưng Nguyễn Huệ giấu không muốn cho Chỉnh biết mình xúc động. Dùng giọng bình thường như không lấy đó làm quan trọng, Nguyễn Huệ hỏi:

– Người Bắc hà không tin ta có lòng tôn phù thực hay sao?

Chỉnh không đoán trước được Nguyễn Huệ sẽ dẫn mình tới đâu, dè dặt nói:

– Ấy là tôi muốn nói chung đến số đông, cả kinh thành lẫn dân các trấn. Họ Trịnh đã bị phế, điều đó ai cũng biết vì tiếng súng và lửa cháy ở Vị Hoàng, phố Hiến, Thăng Long, đâu đâu thiên hạ cũng nghe thấy trông thấy được. Còn vì sao ta đem quân ra đây thì chưa chắc mọi người

đã hiểu tường tận. Dù có hiểu, chưa chắc đã hiểu đúng. Một người có học thức như Lý Trần Quán mà còn làm thế, huống chi dân thường. Cho nên lòng thực của ta thế nào, phải nói lớn lên, thiên hạ mới nghe mới hiểu. Cứ xem bọn cố chấp xấu xa bôi vẽ bậy bạ trên các tường thành, đủ biết kẻ ngu tại chính kinh thành này còn nhiều lắm!

Nguyễn Huệ gật gù, rồi hỏi:

– Ta thật bụng phù Lê thì cứ hành lễ triều yết có khó nhọc gì. Cũng lạy đủ năm lạy, rồi vái ba vái chứ gì. Đối với ta thì dễ thôi. Đầu gối ta còn khỏe. Nhưng liệu nhà vua có đủ sức ngồi vững trên ngai suốt lễ không?

Nguyễn Hữu Chỉnh liền đáp:

– Tuy đang bệnh, nhưng chắc không đến nỗi!

Nguyễn Huệ hỏi tiếp:

– Sau lễ thì thế nào?

Chỉnh chưa hiểu ý Nguyễn Huệ, hỏi lại:

– Ngài muốn nói gì ạ?

– Ta hỏi: sau khi tổ chức triều yết để tuyên xưng sự thống nhất, liệu nhà vua có còn đủ sức ngồi vững trên ngai không?

Chỉnh mau mắn đáp:

– Thưa ngài đã biết rồi. Hoàng thượng đã tuyên triệu các quan về phò tá. Hiện đã có Tứ xuyên hầu Phạm Lê Phiên, Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quỳ, Thao đường hầu Uông Sĩ Điển, Luyện đường hầu Trần Công Thước, Hoàn Quận công Nguyễn Hoàn. Các quan văn võ cấp dưới cũng về khá đông.

Nguyễn Huệ cười nhạt, nói:

– Họ lũ lượt kéo về y như lúc lũ lượt bỏ trốn. Nhà vua đã bệnh, thêm một bọn nhát nữa thì liệu có mạnh thêm chút nào đâu! Ít lâu, bọn tay chân họ Trịnh kéo về, nhà vua biết dựa vào ai?

Nguyễn Hữu Chỉnh hăng hái nói:

– Còn có tôi ở đây, chúng đâu dám bạo gan như vậy!

Nguyễn Huệ liền bảo:

– Thế thì Hoàng thượng đã có cái lưng ngai vững chắc lắm rồi. Ông chịu đưa lưng ra cho Hoàng thượng dựa, tiện lắm, mà cũng lợi lắm!

Bấy giờ Nguyễn Hữu Chỉnh mới thấy mình nói hớ, vội bào chữa:

– Cũng nhờ oai danh của Ngài mà tôi được sĩ phu Bắc hà vị nể đôi chút đó thôi.

Nguyễn Huệ liền lấy giọng thân mật bảo:

– Ông quá lời rồi. Không có ông thì làm sao tôi ngồi ở đây được. Phải. Ông nói chí phải. Ta nên tổ chức lễ triệu yết thật long trọng cho thiên hạ khỏi hoang mang, bọn xấu thôi đàm tiếu, xuyên tạc. Ta chọn ngày mồng 7 tháng Bảy vậy. Chưa xem lịch, nhưng tôi biết đó là ngày lành. Vì Trời ở về phía ta mà. Ông không tin hay sao mà lo ra vậy? Nào nước lụt đang dâng cao lại rút xuống, nào gió Nồm thổi mạnh giục thuyền ta tiến nhanh về Thăng Long! Gió, nước là của ta, thì ngày tháng cũng là của ta. Chọn ngày nào chẳng là ngày lành!

Nguyễn Hữu Chỉnh không yên tâm,
nhưng không biết trả lời thế nào nữa!

✱

[Theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố,
trang 100, 101, 102]

Đúng ngày, vua Lê Hiến Tôn mở
cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các
quan đều theo thứ tự đứng hầu. Nguyễn
Huệ dẫn các tướng sĩ từ cửa Đoan Môn
đi vào. Sau khi lạy năm lạy và vái ba vái,
Huệ dâng biểu tâu về công diệt Trịnh và
các sổ sách quân dân, xin Hoàng thượng
cho quan coi giữ. Nhận lễ triều xong, vua
Lê tiến Huệ ra khỏi cửa điện, rồi cho bãi
triều.

Hôm sau Hoàng thượng sai đem
chiếu ra tận dinh Nguyễn Huệ, sách

phong cho Huệ chức Nguyên súy, tước Phù Chính dực vũ Uy quốc công. Nguyễn Huệ nhận chức tước xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn. Lễ nghi rất chu đáo. Nhưng sau đó, Nguyễn Huệ nói với Nguyễn Hữu Chỉnh:

– Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận dẹp yên được cả thiên hạ. Một hòn đất, một tên dân của nước Nam đều là của ta. Ta muốn xưng Đế, xưng Vương gì mà không được. Sở dĩ ta nhường những ngôi đó không muốn ngôi nào, chỉ vì lòng ta hận với nhà Lê mà thôi. Cái chức Nguyên súy Uy Quốc công, với ta có hơn cái gì? Hay là nước Nam muốn lấy những tiếng hão đó để lung lạc ta? Nếu ta không nhận, sợ rằng Hoàng thượng bảo ta kiêu căng. Nhận mà không nói, lại sợ người trong nước chê ta là kẻ mán mọi. Bởi vậy nên ta phải

nói.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết ý Huệ bất mãn, liền bịa ra lời vua Lê nói riêng với mình, bây giờ mình tiết lộ lại cho Huệ biết:

– Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi thế này: “Nhà vua kiệm bạc, không có vật gì đáng giá để tặng. Vẫn biết những cái danh tước nhỏ mọn không đủ làm cho Ngài sang thêm. Chỉ vì tục lệ Bắc hà vốn chuộng lễ nghĩa, làm thế để tỏ lòng thành của Hoàng thượng kính Ngài mà thôi. Bản ý của Hoàng thượng tự biết mình tuổi già, sợ rằng sau khi Ngài về, không còn biết nương tựa vào ai. Hoàng thượng muốn ràng buộc tình thân giữa hai họ, để cho hai nước đời đời làm thông gia với nhau. Nhưng vì chưa biết ý Ngài thế nào, cho nên Hoàng thượng chưa dám nói rõ.

Nguyễn Huệ cười, bảo:

– Xưa nay những kẻ xa nhà, tình chán gối rất cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chuyện ấy à? ừ, em vua nước Tây làm rể Hoàng đế nước Nam, môn đăng hộ đối như thế, tưởng không mấy ai được.

Những người có mặt trong phòng đều cười ồ.

Rồi Nguyễn Huệ lại nói:

– Ta đùa đấy thôi. Hoàng thượng nghĩ vậy thật là “Lão mưu đa kế”. Hoàng thượng muốn cho hai nước hiếu hòa với nhau.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết Nguyễn Huệ đã bằng lòng, liền vào tâu với vua Lê Hiến Tôn, xem liệu còn mấy Công chúa chưa lấy chồng.

Nhà vua liền đáp:

– Con gái chưa chồng của trăm còn nhiều, nhưng chỉ có một mình Ngọc Hân hơi có chút nhan sắc. Nhưng người ta bảo hễ yêu con thì hay thiên vị. Trăm nghĩ như thế, chưa biết con mắt người ngoài có nghĩ thế không! Người hãy ở đây trăm đòi tất cả chúng nó ra đây, người coi qua rồi lựa đứa nào xứng thì cố giúp cho thành việc đi!

Rồi nhà vua liền sai quan thị vào đòi. Một lát sau các vị công chúa cùng ra trước ngự tọa. Nguyễn Hữu Chỉnh liếc xem qua rồi nói:

– Được rồi. Mỗi nhân duyên này thần xin xe tơ, mười phần chắc xong cả mười.

Nguyễn Hữu Chỉnh trở về nói với

Nguyễn Huệ:

– Câu chuyện hôm qua tôi thưa với Ngài, nay tôi vừa vào chầu Hoàng thượng. Hoàng thượng vui mừng bảo tôi rằng: “Nếu đã được Ngài bằng lòng thì đó cũng là run rủi. Hiện Hoàng thượng có vị Công chúa thứ chín mới mười sáu tuổi, xin cho nương bóng hậu dinh hầu hạ khăn lược, để cho hai nước thành nghĩa thông gia, đời đời hòa hiếu với nhau”.

Nguyễn Huệ đáp bằng giọng bông đùa:

– Vì dẹp loạn mà ra, rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười cho thì sao? Nhưng ta mới chỉ quen gái Nam hà, chưa biết con gái Bắc hà. Nay cũng nên thử xem một chuyến xem có tốt không?

Cả phòng đều cười.

Lúc đưa Nguyễn Hữu Chinh về, Nguyễn Huệ lấy trở lại giọng nghiêm chỉnh nói:

– Nhờ ông tàu lại ta xin gửi Hoàng đế bệ hạ vạn tuế. Kẻ mán mọi đến đây, đâu dám đường đột như vậy. Bây giờ may sao lại bám vào được “lá ngọc cành vàng”. Thật là “Thiên tải kỳ duyên”. Kẻ mán mọi mừng rồi.

Nguyễn Hữu Chinh vội vào triều tâu với vua Lê. Vua Lê Hiển Tông liền hạ chiếu dụ gả Ngọc Hân công chúa cho Nguyễn Huệ.

✱

Tối hôm mồng 9 tháng Bảy, Nguyễn

Huệ sai Lãng gọi Lợi đến để xuất kho hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai chục tấm đoạn dùng làm lễ vật cầu hôn, đợi hôm sau viên Hình bộ Thượng thư sẽ dâng lên vua Lê. Lợi làm xong việc về rồi, Lãng thấy Nguyễn Huệ cứ đi ra đi vào, vẻ mặt bần khoản cử chỉ lúng túng hình như muốn nói gì với Lãng mà còn e ngại, bất quyết.

Lãng chờ mãi chưa thấy Nguyễn Huệ bảo gì, nên xin phép được lui. Nguyễn Huệ vội bảo:

– Không. Cậu ở lại đây tối nay!

Lãng ngớ ngàng nhìn Huệ, không hiểu Chủ tướng muốn gì. Nguyễn Huệ nói tiếp:

– Cậu ở lại đây ăn cơm với ta! Sao mấy hôm nay cậu cứ tìm cách ra khỏi phủ?

Lãng kể những việc anh phải làm theo phân công của chính Chủ tướng. Nguyễn Huệ cắt lời Lãng:

– Biết rồi. Nhưng việc gì ban đêm ra ngủ ở ngoài phủ? Ở đây thiếu chỗ hay sao?

Lãng không trả lời, cúi gằm mặt xuống. Nguyễn Huệ đến ngồi gần chỗ Lãng, nói nhỏ nhẹ, như dỗ dành:

– Không thể làm khác được. Ta nói gái Nam, gái Bắc chỉ để đùa cợt cho vui. Thực ra, nếu không làm thế, thì lấy cái danh gì để chen vào việc nhà việc nước của người ta. Nhà vua đã yếu không biết bằng lúc nào. Hoàng tử tôn xem ra chẳng có tài cán gì. Họ Trịnh đã bị diệt, triều đình như cái nhà thiếu cột. Lãng thấy không? Nếu không làm thế, bọn hủ nho Bắc hà sẽ được dịp nói nhăng nói cuội.

Bây giờ ta là rể trong nhà, rể lo chuyện giúp cho ông nhạc là hợp lý, hợp tình. Lãng đừng nghĩ...

Lãng chờ lâu không nghe Huệ nói tiếp, nên nói:

– “Tôi” có nghĩ gì đâu! Nhưng Qui Nhơn nghe tin Tướng quân đã đem binh ra Thăng Long, lại cưới thêm một cô vợ Bắc, sẽ nghĩ thế nào?

Nguyễn Huệ cười xòa, bảo:

– Nghĩ thế nào thì cũng xin chịu tội vậy. Cái thế bắt buộc phải thế. Vào chỗ có mấy trăm năm văn hiến không đơn giản như vào những vùng sông rạch đồng lầy hoang vu trong Gia Định. Nói như bọn nhà nho thì phải danh chính rồi mới ngôn thuận. Vào đánh một trận cho địch tan tác rồi chở lúa thóc về như trước đây

thì cần gì danh. Chuyến này khác. Không khéo nhiều khi chịu vạ miệng cả trăm năm. Chỉ vì bọn nhà nho thuộc lòng kinh sử đấy thôi!

Rồi nhớ đến nhiệm vụ đã giao cho Lãng, Nguyễn Huệ hỏi:

– Cậu đã dò hỏi được bao nhiêu người rồi?

Lãng thú nhận:

– Họ cứ mắc kẹt trong vòng chữ nghĩa lẫn lộn, không thoát ra được. Tướng quân sai tôi đi dò hỏi những kẻ sĩ có khả năng và khí tiết của Bắc hà. Việc tưởng như dễ, nhưng bắt tay vào mới thấy khó. Nghe nói khi Chúa Trịnh Khải chạy ra khỏi kinh thành chưa biết tin cậy vào ai, muốn tìm người trung tín, nên hỏi tên Nguyễn Noãn: “Những làng gần đây

có viên Tiến sĩ nào không?”. Đó, ngoài này người ta lấy khoa bảng làm thước đo của năng lực và đạo đức. Nhưng khi nước biến, trừ bọn võ biên can đảm hay hèn nhát tùy thế nước, còn bọn nhà nho khoa bảng có làm được gì đâu. Ai thông kim bác cổ cho bằng quan Tham tụng Kế liệt hầu Bùi Huy Bích. Giao binh phù cho hầu có khác nào cầm lưỡi kiếm đưa đàng chuôi cho địch. Rồi ngay cả chính sự. Kế liệt hầu cũng không có kế hoạch nào. Các quan đại thần lục tục kéo về theo lệnh tuyên triệu của nhà vua, lóm thóm sợ sệt như gà phải cáo, thấy ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) nhú mày cau mặt đã co rúm người lại, thu vai xếp vế cho khỏi ai trông thấy. Thảm lắm! Số còn lại thì vừa tự phụ vừa vô tích sự. Không biết làm gì khi sống nên đem cái chết ra gỡ gạc hồng lưu danh với đời, kiểu như Lý Trần Quán. Tướng quân nghĩ xem, tôi

tìm đâu ra những bậc sĩ đáng trọng cho
Tướng quân đây!

Nguyễn Huệ nghe Lãng nói một thôi
dài với giọng phần nộ phần kích, thừa
biết ý kiến của Lãng thiếu công bằng.
Gần như Lãng trút nỗi bực dọc riêng tư
lên đầu các nhà nho Bắc hà. Tự nhiên
lòng Nguyễn Huệ cảm thấy vui vui. Ông
mỉm cười, trù mẩn hỏi Lãng:

– Không biết thầy còn sống, bây giờ
thầy đang nghĩ gì?

Lãng bồi hồi, nói nhỏ:

– Cho đến lúc mất, cha em vẫn như
tiếc một cái gì, chờ một cái gì.

Nguyễn Huệ nói:

– Những gì thầy chờ đợi đơn giản
quá. Thầy vẫn tưởng hễ Hoàng tôn

Dương ngồi được lên ngai vàng là tự nhiên sóng yên, biển lặng. Chúng ta đang sống vào cái thời bão cuốn, nước lũ. Cái thực hôm trước hôm sau đã trở thành cái giả, bập bênh, trôi nổi như những đê lục bình trên sông Ngã Bảy. Không hiểu được điều đó, thì chính mình cũng hụt chân, phải để cho nước lũ cuốn đi. Bọn hủ nho Bắc hà đang bị cuốn như vậy đó.

Lãng xúc động, thì thào:

– Cả Lãng cũng thấy ngợp. Nhiều hôm đi giữa Thăng Long mà tưởng như đang ở trong giấc mộng. Mới hơn hai tháng thôi...

Đột nhiên Huệ hỏi:

– Hôm đi An có dặn gì không?

Lãng không ngờ Nguyễn Huệ nhắc đến chị trong hoàn cảnh này, phải mất

một lúc lâu mới đáp:

– Chị ấy dặn giữ gìn sức khỏe. Chị ấy tin có Tướng quân, mọi sự đều tốt đẹp.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– An nói như vậy thật à?

– Vâng. Chị ấy dặn đến Thuận Hóa nhớ tìm thăm nhà cũ. Nhưng, không có thì giờ. Nếu chị ấy biết...

Nguyễn Huệ lại hỏi:

– Biết gì nào? Biết ta sẽ kéo ra tận đây ư? Không. Cả ta cũng chưa nghĩ đến chuyện ra Thăng Long khi xuất quân đánh Thuận Hóa. Ta vừa bảo đang sống trong một thời có bão cuốn. Đáng thương cho những ai không thấy được hướng bão.

Lãng quên cả dè dặt, nói ngay cái ý của mình vừa nghĩ:

– Em thì nghĩ những gì đang xảy ra sinh sôi, nảy nở, tàn phá và nảy mầm như cuộc sống hoang dại của cỏ cây. Nó xảy đến, ngoài tầm hiểu biết của mọi người, cho nên ai cũng dùng hai tiếng “mệnh Trời” để tự an ủi trước đổi thay, bất hạnh. Xảy ra rồi, người ta mới đi tìm cái luật của biến đổi, hỗn loạn, như bọn phường chèo tìm ra cách dạy thú đóng trò.

Nguyễn Huệ chăm chăm nhìn Lãng, buột miệng nói:

– Cậu không khác thấy bao nhiêu đâu! Nhưng ta cần được nghe những gì cậu nói. Ta sợ hụt chân vì những lời xu nịnh và những câu đầu môi chót lưỡi. Phải! Cậu có nhiều điều giống thầy!

Như đã định trước, sáng mồng 10 tháng Bảy năm Bính Ngọ, viên Hình bộ Thượng thư đưa lễ vật và tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Vua Lê Hiến Tôn sai hoàng tử đón nhận lễ vật, định hôm sau sẽ đưa dâu. Rồi Ngài truyền chỉ các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa, và các quan văn võ, ai nấy đều phải sắm sửa xe ngựa, sáng mai để ở cửa điện để đưa Ngọc Hân Công chúa về phủ.

Sáng sớm hôm sau, Nguyễn Huệ lại sai quan đệ một tờ tâu vào triều xin làm lễ nghênh hôn. Một mặt Nguyễn Huệ đốc quân lính đứng sắp hàng ở suốt hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái kinh thành đi xem đông như nêм cối, ai nấy đều cho là việc ít có xưa nay. [Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 103]

Giờ đưa dâu sắp đến mà Công chúa chưa sắp xếp xong tư trang, quần áo, đồ đạc vào cái hòm sơn then. Suốt ba đêm nay, Công chúa không tài nào nhắm mắt nổi. Gần một tháng dôn dập biến cố, tuy là gái, Công chúa cứ thắc thỏm lo lắng đủ điều. Thế nước nghiêng ngửa nên cảnh hoàng gia phải thường xuyên xao động. Tin Vị Hoàng mất, tiếp theo là tin xấu từ thủ phủ trấn Sơn Nam. Các hoàng phi, hoàng tử bàn tán với nhau nên chạy loạn ra khỏi kinh thành hay nên ở lại. Tờ mật tấu Nguyễn Hữu Chỉnh cho người đem vào Thăng Long trước khi phố Hiến mất có khiến hoàng gia bớt lo đôi chút. Nhưng, tin sao được người ngoài? Gia đình chia thành từng phe phái ý kiến chống báng nhau. Ngọc Hân còn nhỏ không dám lạm bàn việc lớn. Nhưng nhà vua càng ngày càng mệt. Công chúa thương cho nước, và thương cả cha già.

Tự tay Công chúa sắc thuốc, giặt khăn cho nhà vua, giành việc của bọn cung nhân và quan thị. Thế nước tạm ổn thì đến chuyện vu qui. Công chúa vừa hãnh diện vừa sợ hãi. Con người đã từng đánh Nam dẹp Bắc trăm trận trăm thắng ấy là chồng của Công chúa sao? Từ ngày kinh thành thất thủ, Công chúa được nghe kể biết bao nhiêu chuyện về con người lừng lẫy ấy, chuyện tốt có mà chuyện xấu cũng không thiếu. Kẻ tiêu diệt họ Nguyễn ở Gia Định, phá tan mấy vạn quân Xiêm, hạ thành Phú Xuân nội trong một đêm, và lấy Bắc hà trong vòng mười ngày! Con người ấy là chồng của Công chúa sao?

Lần đầu Nguyễn Huệ vào ra mắt vua Lê Hiển Tôn, thái độ khoan thai tự tin mà lại nhún nhường, lời đối đáp khéo léo uẩn súc, tất cả mọi chi tiết của cuộc diện kiến lịch sử ấy, Công chúa được nhiều

người kể lại. Mỗi người kể mỗi khác, nhưng Công chúa có đủ thông minh để loại bớt các phần thêm thắt vô lý. Phần còn lại đẹp đẽ quá, Công chúa nhớ từng dáng ngồi khép nép, từng lời nói nhún nhường sâu sắc. Con người ấy là chồng của Công chúa sao? Hư hay thực đây?

Ba ngày đêm Công chúa sống mà như đang mơ ngủ, lòng dạ rối bời, chân bước trên một thứ mặt đường uốn lượn bập bồng như đám mây ảo. Ngọc Hân không hiểu mình đang cảm thấy điều gì, vui hay buồn, không biết cả điều đang nghĩ. Công chúa cứ hỏi: Làm sao đây? Có thực như thế không? Trời hỡi! Làm sao tôi gánh nổi hạnh phúc và trách nhiệm to tát như vậy! Tôi bé bỏng, ngu ngơ, hơi hợt, làm sao đây? Làm sao đây?

Lại có cung nhân vào giục! Công chúa hoang mang nhìn đồng gương lược,

quần áo, sách vở bày bừa bãi trước mặt, quên mất mình phải làm gì. Cung nhân thưa:

– Hoàng tử bảo sắp tới giờ rước dâu rồi. Công chúa đã cho tất cả vào hòm chưa? Ừa, tại sao bữa bọn thế này?

Ngọc Hân rơm rớm nước mắt, gần như sắp khóc. Công chúa hỏi người cung nhân già:

– Làm sao đây Nhũ mẫu? Dem thứ gì theo?

Người cung nhân già nói:

– Chóng lên, rồi còn trang điểm nữa. Nào, cho vào đi. Không, cho quần áo vào trước đã. Dem theo làm gì cái áo này, người ta cười cho.

Công chúa buồn rầu nói:

– Tiếng là hoàng gia nhưng nếp nhà đạm bạc thế nào, Nhũ mẫu biết rồi. Không đem theo lấy gì mà thay đổi.

Nhũ mẫu cười lớn rồi bảo:

– Ôi! Về bên ấy khối gấm vóc, mặc sức mà thay. Nội lễ vật không thôi đã hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai mươi tám đoạn! Khiếp. Cả kho bên phủ Chúa chắc không nhiều đến chừng ấy!

Công chúa cười cho sự ngây thơ của nhũ mẫu. Người cung nhân già giục:

– Nào, cho gương lược vào đi. Còn son phấn đâu? Lại cái gương nứt này nữa. Cái gương lớn khung bạc hẳng ngày đâu rồi?

– Các chị đã đòi lại rồi, Nhũ mẫu ạ!

– Đòi! Các công chúa lớn nỡ xử với

cô em sắp vu qui như thế à? Mà thôi!
Về bên ấy, khối! Nhanh lên! Còn gì nữa
không?

– Còn mấy quyển sách.

– Đem theo làm gì?

– Cứ đem theo đi, Nhũ mẫu. Con
quí nó lắm. Cuốn Chinh phụ ngâm khúc
của Đặng tiên sinh đấy.

– Lại ngâm khúc! Già này đến điên
mất thôi. Có quan thị vào kia. Không
khéo đã đến giờ mất rồi! Nhanh lên, lại
đây cho già vấn tóc và trang điểm. Lên
kiệu hoa mà tóc tai như tổ quạ mặt mũi
bần thần nhếch nhác như thế, Thượng
công lại tưởng Công chúa bị đày về nhà
chồng.

Ngọc Hân để mặc cho nhũ mẫu chải
tóc, vấn đầu, thì thào nói:

– Con sợ quá, Nhũ mẫu. Làm vợ khổ không Nhũ mẫu?

Người cung nhân già cười:

– Làm vợ mà lại khổ! Các cô dâu khóc là khóc giả vờ đấy! Không nghe người ta bảo:

Khốc như thiếu nữ vu qui nhật

Tiểu tự thư sinh lạc đệ kỳ

hay sao?

– Nhưng... nhưng Nguyên sủng như thế, còn con thì như thế...

– Chẳng thế này thế khác gì cả. Đã là vợ chồng, ông Trời cũng phải xuê xòa làm hòa với vợ. Để rồi Công chúa xem.

Vừa trang điểm xong, một quan thị đến báo có lệnh của nhà vua triệu Công

chúa lên dặn dò trước lúc lên kiệu hoa. Công chúa không cầm được nước mắt, khi nghĩ từ đây Công chúa không được đích thân chăm nom thuốc thang cho cha già.

✱

Khi xe Công chúa đi tới cửa phủ, Nguyễn Huệ ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thấy các lễ đúng theo như lệ thường các nhà.

Công chúa vào phủ, Nguyễn Huệ đặt tiệc ở ngoài để thết các hoàng thân, hoàng phi, và các quan đi đưa dâu. Trên tiệc mọi người đều theo thứ tự mà ngồi. Tan tiệc, Nguyễn Huệ sai Lãng sắp hai trăm lạng bạc đưa ra ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái và tiễn ra khỏi cửa phủ.

Các quan ra về, lại họp tại nhà công đường bộ Lễ. Ai nấy đều khen nhà vua kén được giai tể. Từ nay nước Nam có một nước thông gia⁶.

Khách khứa nhà gái về hết rồi, Nguyễn Huệ mới vào cung gặp Công chúa. Nghe tiếng chân Nguyễn Huệ bước vào phòng tân hôn, Công chúa cúi đầu hồi hộp, không dám ngừng lên nhìn cho rõ mặt chồng, hai bàn tay vôn về mãi chéo áo lụa. Ánh hoàng lạp chiếu vào khuôn mặt thẹn thùng của Công chúa, cho phép Nguyễn Huệ được ngắm một mái tóc đen mượt, cái mũi thon nhỏ thanh tú, và vành môi dưới mọng đỏ. Cổ áo lụa in lên trên một làn da trắng hồng.

Nguyễn Huệ xúc động đến nỗi nhịp tim đập mạnh, khi nhớ Công chúa có

6 Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 104

một chiếc cổ cao và trắng y như cổ một người con gái thời xưa, thời An Thái.

Chương 68

Tuy cung điện Hoàng gia và phủ Chúa cách không bao xa, nhưng từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ Ngọc Hân Công chúa được bước chân qua phủ. Cho nên khung cảnh tráng lệ⁷ ở đây thật là bất ngờ.

Bốn bề tám phía chỗ nào trong phủ cũng có cây cối um tùm. Trong cuộc giao tranh hôm 26 tháng Sáu, phủ Chúa không bị thiệt hại gì, nên trong những chiếc lồng đủ cỡ lớn nhỏ sơn màu vàng, các

⁷ Khung cảnh phủ Chúa dựa theo Thượng Kinh Ký Sự của Lê Hữu Trác, Nxb Hà nội 1977, trang 31, 32

giống chim quí đua nhau hót. Vườn hoa nở rộ đưa hương thoang thoảng. Hành lang, lan can quanh co nối tiếp nhau. Những người lính giữ cửa, lính nội hầu đi lại tíu tít như mắc cửi. Ngoài cửa cung, vệ sĩ canh gác cẩn mật, ai ra vào phải có thẻ. Nơi trước kia là điểm “Hậu mã quân túc trực” bây giờ cũng dùng làm nhà khách dành cho những người đến hỏi việc ngồi chờ đến lượt mình. Mà trong buổi giao thời, không biết bao nhiêu người đến xin lệnh của Nguyễn Huệ. Do đó, điểm lúc nào cũng đông đúc, tấp nập kẻ đi người đến. Điểm cất bên cạnh một cái hồ lớn. Trong hồ có nhiều hòn đá đẹp, trồng nhiều cây lạ. Trong điểm, cột và bao lơn quanh co lượn vòng, kiểu cách rất khéo.

Đi khỏi hành lang phía tây thì đến cung Quyển Bồng, một dãy nhà lớn rất

cao rộng, hai bên để hai cổ kiệu. Mọi đồ nghi trượng đều sơn son thếp vàng như bên hoàng cung, nhưng cách chạm trổ tinh vi hơn, hình dáng to lớn uy vệ hơn. Gian giữa đặt một sập ngự thếp vàng. Chung quanh bày biện bàn ghế đóng bằng gỗ quý đủ kiểu lạ mắt.

Công chúa ở trong một cái gác cao và rộng, tức là Tử các, trước đây là chỗ ở của Thế tử Trịnh Cán. Trong gác từ giường đến cột đều sơn son. Các cửa lớn cửa sổ vẫn còn treo nhiều lớp trướng gấm.

Công chúa đưa mắt nhìn khắp phòng, lòng lo âu vu vơ khi nghĩ tại nơi này, mấy đời Chúa Trịnh đã nối tiếp nhau an hưởng phú quý và hành sử uy quyền. Những giấc mộng vớ trời lấp biển thành hình tại đây, và cả những tội ác kinh tởm cũng manh nha tại đây. Công chúa nhìn lên từng mảnh ngói trên trần nhà, từng

cái rui gỗ đen bóng vì năm tháng, từng miếng gạch lót trên nền, rờn rợn nghĩ đến linh hồn của những vật tưởng là vô tri giác. Phải, nếu chúng có linh hồn (mà tại sao lại không có) nếu chúng biết nhìn thì viên ngói kia sau khi chứng kiến bao nhiêu kẻ đi người đến trong căn gác này, nó sẽ nghĩ gì. Nghĩ thế nào về kẻ đã qua? Về mình? Và chờ những ai sẽ đến?

Những suy nghĩ mông lung ấy khiến Công chúa ray rứt thêm. Công chúa đã có quá nhiều nỗi xao xuyến trong mấy ngày qua.

Sau bao nhiêu năm sống vô tư trong một thứ thanh bình mà bây giờ mới biết là giả tạo mong manh, Công chúa bị đột ngột ném vào một thế giới hoàn toàn khác. Chưa kịp tĩnh tâm sau một thử thách xa lạ, thì thử thách khác đã đến, liên tiếp dồn dập như những đợt sóng

thần. Mười sáu năm ở đời trong khung cảnh thu hẹp của hoàng gia không chuẩn bị trước cho Công chúa sức chịu đựng và cái nhìn xa để đón nhận bấy nhiêu thử thách. Những văn chương thơ phú Công chúa từng đọc cho vua cha nghe, những kinh truyện từng nắn nót chép hết năm này sang năm khác trên những tập giấy hoa tiên, những lời khuyên răn của nhũ mẫu chỉ lặp đi lặp lại bấy nhiêu trắng, hoa, liễu, tuyết. Làm sao đây? Tại sao không ai dạy cho ta biết trên đời sẽ gặp những cảnh huống này, những tâm trạng mù mờ không phải hạnh phúc mà cũng không phải là đau khổ, không phải là một tai họa đáng sợ hãi, lại càng không phải là một điểm phúc đáng mơ ước! Nó là cái gì? Ngọc Hân không trả lời được. Những kinh truyện, thi phú Công chúa yêu dấu cũng không dùng để giải đáp được. Cho nên Công chúa cảm

thấy cô đơn, và bàng hoàng. Nước mắt đoanh tròn, Công chúa lơ đãng nhìn tấm trướng màu ngà treo ở cửa sổ, lòng nặng trĩu một nỗi hoang mang!

Công chúa nhớ lại những gì đã xảy ra đêm hợp cẩn.

Khi Nguyên súy vào, Ngọc Hân sợ quá không dám ngược lên nhìn, cũng không dám thở mạnh. Trước mắt Công chúa, đôi hài thêu của Nguyên súy khẽ lay động, nhất là chiếc hài phía bên trái. Ngọc Hân chờ, nín thở mà chờ. Thật lâu, Nguyễn Huệ không nói gì cả. Công chúa tự biết không thể cúi đầu mãi thế này! Phải ngược lên mỉm cười với Nguyên súy. Phải giúp người “xếp bào cỏi giáp” như những người vợ hiền trong cổ thư đã làm. Phải... phải cung kính ngoan ngoan “tay nâng ngang mày” như nàng Mạnh thị. Dù có nghĩ vậy, Công chúa

vẫn không có can đảm ngược lên nhìn thẳng vào khuôn mặt Nguyên súy.

Đôi hài trước mắt Ngọc Hân hơi xoay hướng, như dợm bước về phía cửa phòng. Nhưng sau đó, đôi hài vẫn bất động. Rồi đột nhiên, Ngọc Hân cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai phải mình. Nguyên súy đặt yên bàn tay lên vai Công chúa một lúc, rồi bóp nhẹ lên cái vai mềm. Bàn tay mơn man ve vuốt khắp bên vai phải, rồi vuốt nhẹ lên chiếc cổ trắng. Công chúa hồi hộp liếc nhìn, trong hoảng hốt chỉ nhận ra được ống tay áo gấm đỏ và một bàn tay gân guốc da ngăm.

Ngọc Hân xúc động đến nghẹn thở, hoang mang, lúng túng chưa biết phải làm gì, nói gì. Đúng lúc đó, bất ngờ Nguyên súy quì chân xuống trước sập, úp mặt vào hai đầu gối của Công chúa.

Ngọc Hân không ngờ Nguyên sủy làm như vậy, đôi tay chơi với không biết phải làm gì, phải đặt vào đâu. Mái tóc dày và quần phủ lên vạt áo lụa của Công chúa. Một sức mạnh huyền bí xa lạ thôi thúc, khiến Công chúa đưa tay ôm lấy vai Nguyên sủy.

Nguyễn Huệ ngừng lên vui mừng, và lần đầu tiên, Công chúa bị cuốn hút vì ánh nhìn đam mê đến cuồng nộ của vị danh tướng vừa làm đảo lộn cả Bắc hà.

Nguyễn Huệ nhìn đắm đắm vào khuôn mặt sượng sùng thảng thốt của Công chúa, miệng mỉm cười gượng gạo như cách cười một kẻ phạm tội, nói nhỏ:

– Công chúa còn nhỏ quá, và đẹp quá. Như một cái bông búp. Đừng lo âu. Ta biết Công chúa đang lo âu đủ điều.

Ta sẽ không cho phép bất cứ ai, dù là quỷ thần, được làm cho Công chúa khổ. Công chúa hãy yên tâm.

*

Nguyễn Huệ nói thế nhưng chính ông cũng không yên tâm!

Sau khi tiễn khách nhà gái về hết, quay trở vào điện Quyển bông đèn hoa rực rỡ, ông có cảm tưởng mọi người, từ tên lính hầu cho đến Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh, đều nhìn mình một cách khác thường. Họ cười mà không phải cười, liếc nhìn ông rồi vội quay đi, cử chỉ thái độ vừa chế giễu vừa khuyến khích đồng lõa.

Ông nói vài lời vô nghĩa với Tả quân Vũ Văn Nhậm, sau này ông nhớ mang

máng là có dặn Nhậm tăng cường việc tuần tra ban đêm ở các cửa ô và khu có các cung điện, phủ liêu, dinh thự. Vũ Văn Nhậm đi rồi, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng xin phép về chùa Tiên Tích. Ông vội giữ Chỉnh lại, hấp tấp y như một người chết đuối bám vào cái phao vô tình trôi đến trước mắt. Chỉnh lấy làm lạ, nhưng cũng rán ngồi lại. Hai người bàn những chuyện không đầu vào đầu. Chỉnh nóng ruột, một là sợ mình làm phiền Chủ tướng không đúng lúc, hai là ngại nói chuyện như thế lại gây cho Nhậm sự ganh tị, ngờ vực. Phải khéo nói lắm Chỉnh mới được Nguyễn Huệ tha cho về.

Lúc đó, Nguyễn Huệ không còn con đường nào khác ngoài hành lang dẫn về Tử các. Ông bước chậm, thật chậm. Dù vậy, đã đi thì phải tới. Ngọn hoàng lạp trong phòng tân hôn tỏa ánh sáng êm

dịu ra cả ngoài hành lang. Trong phòng hoàn toàn yên lặng. Nguyễn Huệ dừng lại cách cửa phòng vài bước, im lặng nghe ngóng. Không có dấu hiệu của sự sống trong kia! Ông bước thêm vài bước nữa, lòng hồi hộp, rộn rã pha lẫn ngại ngùng. Một nàng công chúa đang đợi ông? Dù là công chúa của một ông Vua suốt mấy mươi năm khoanh tay rũ áo vừa được chính ông gây dựng lại quyền hành, nhưng vẫn là công chúa. Lúc rước dâu, ông có thoáng thấy dáng người nhỏ nhắn thanh nhã của công chúa, nhưng giữa cảnh xe ngựa tấp nập nghi lễ phiền phức, ông không được nhìn kỹ gương mặt của người vợ trẻ tuổi. Ông chỉ ghi nhận thêm được bước đi ngại ngùng như cách một đứa bé sẽ sàng bước trước đôi mắt nghiêm khắc của mẹ. Tự nhiên ông cảm thấy thương hại, ông bồn thần suốt buổi lễ vì ý nghĩ mình là kẻ vũ phu, kẻ có

tội. Lúc này, sắp bước vào đêm hợp cẩn, ông lại có ý nghĩ đó.

Nhưng ông không có lối nào khác, ngoài lối tiến tới.

Nguyễn Huệ bước vào phòng. Trước mắt ông, rõ ràng hiển hiện hình ảnh một đứa trẻ lạc loài. Một nàng tiên nhỏ lơ mơ cảnh tục lụy lạc lại cõi thống khổ! Đôi vai nhỏ ấy, đáng ngồi thu mình để sẵn sàng chịu đựng tất cả bất trắc ấy, khuôn mặt non nớt sừng sùng cúi xuống và đôi tay chơi với tim bầu vào chéo áo, nhất là chiếc cổ cao và trắng nuốt yếu đuối, bao nhiêu hình ảnh cam chịu giữa cảnh màn trướng lộng lẫy khiến Nguyễn Huệ bối rối chùn bước. Lạ lùng thay, ông cảm thấy bất nhẫn. Yếu đuối. Hổ thẹn nữa. Ông nghĩ nếu mình làm bất cứ điều gì, dù là đưa chân bước tới hay phát một cử động nhỏ cũng phạm cái tội tà trời

là phá phách sự toàn mỹ của trời đất. Những gì xảy ra sau đó, ông chỉ ý thức được có một phần rất nhỏ. Đôi vai yếu, chiếc cổ trắng của Công chúa thu hút, lôi cuốn ông. Khi đặt tay lên vai Công chúa, ông cảm thấy lần vải mịn mơn man mấy ngón tay, và một thứ ấm áp dịu dàng truyền qua bàn tay lan man khắp người ông. Bàn tay đưa lên vuốt ve cổ công chúa nhẹ nhẹ. Ông sợ mấy vết chai trong lòng bàn tay làm xước làn da non nớt trinh bạch đó, nhưng đồng thời, có một thúc giục ma quái xui ông nắm chặt lấy chiếc cổ ấy. Ông hoang mang, sợ hãi. Máu chạy rần rật trong người ông. Cho nên khi quì xuống gục mặt vào đầu gối công chúa, ông làm đúng cử chỉ của một kẻ sám hối.

Làm sao Ngọc Hân có thể hiểu được ý nghĩa những điều bất thường ấy, nơi

một viên tướng từng xô ngã cả hai triều đình ở phương Nam và phương Bắc, và sẽ còn đảo lộn trật tự của một đất nước ổn định, dù là ổn định vá víu, suốt mấy trăm năm.

✱

Dù ở hoàn cảnh nào, dần dần người ta cũng làm quen với cái lạ! Cái nhìn đam mê đến cuồng nộ của Nguyễn Huệ đã khiến Công chúa choáng váng. Sau đó, Ngọc Hân mừng rỡ, và yên tâm.

Hai người bắt đầu nói chuyện với nhau. Và Nguyễn Huệ kinh ngạc đến thích thú khi Công chúa dùng ngay cái vốn bạo dạn ban đầu để hỏi về người vợ Qui Nhơn của Nguyễn Huệ. Bằng những câu hỏi ngắn, rời rạc, đôi lúc gần

như hỏi vô tình, Công chúa muốn biết Nguyên súy phu nhân sẽ nghĩ gì, làm gì khi nhận được tin không vui ở Thăng Long. Nguyễn Huệ khám phá ra rằng nàng công chúa non nớt tội nghiệp đó có một trí thông minh đặc biệt, óc mẫn cảm, và tài thi phú. Đó là chưa kể cách suy từ một mẫu nhỏ sự kiện mà đoán ra được cả cái khối lớn giấu phía sau. Chẳng hạn công chúa chú ý đến tình thân thiết quyến luyến khác thường giữa Nguyễn Huệ và Lãng. Công chúa hỏi Lãng làm chức gì, giữ nhiệm vụ gì. Nguyễn Huệ đáp qua quýt cho xong, vì thực ra, ông không có khả năng và thì giờ để giải bày cho rõ nhu cầu được nghe được sống chân thực giữa cuộc sống đảo điên giá trá của danh vọng, quyền uy. Thấy chồng không muốn dài dòng, Công chúa không hỏi thêm gì nữa, Ngọc Hân biết thật chính xác lúc nào đáng nói, và nên nói

điều gì với Nguyễn Huệ.

Một hôm, Nguyễn Huệ hỏi Công chúa:

– Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được sướng như Công chúa?

Ngọc Hân đáp:

– Phụ hoàng ít lộc, con trai con gái ai cũng thanh bạch, nghèo khó. Riêng tôi có duyên lấy được Thượng công, cũng như hạt mưa bụi ngọc bay ở giữa trời được sa vào chốn lâu đài. Đây là sự may mắn của tôi mà thôi!

Nguyễn Huệ nghe Công chúa trả lời như vậy, thích lắm. Ngay sau đó, Công chúa hỏi đến nhiệm vụ của Lợi (Nguyễn Huệ vừa tiếp Lợi xong), rồi vô tình hỏi đến gia cảnh của Lợi. Sau một lúc lan man chuyện khí hậu mùa màng, Công

chúa tỏ cho Nguyễn Huệ biết mình có nghe nói Lợi là anh rể Lãng, và có thời Nguyễn Huệ theo học với ông giáo cha Lãng. Riêng cái tên An, Công chúa chỉ nhắc đến về sau.

✱

Đến ngày 14 tháng Sáu, vua Lê Hiển Tông bệnh đã nguy kịch. Nguyễn Huệ muốn trong khi nhà vua còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về cuộc thống nhất để trong ngoài đều biết, cho trọn cái công tôn phù của mình. Nguyễn Huệ bèn chọn ngày Rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tâu lên xin vua Lê.

Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây Đan Trì. Các Lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ sang

trọng, rồi xin vua Lê ra ngự chầu. Sau khi Hoàng tử đã dìu nhà vua lên ngự tọa, ngoài điện nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong, nhà Vua ban tờ chiếu nói về việc thống nhất, sai đem dán ở ngoài cửa Đại Hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy, đều khen vua Lê đủ cả “Phúc lộc thọ khảo”.

Sau ngày lễ ấy, bệnh của nhà vua càng nguy hơn, đã gần hấp hối! Công chúa nghe tin giục Nguyễn Huệ vào thăm. Nguyễn Huệ nói:

– Bây giờ tôi với Hoàng thượng nghĩa như cha con. Ý tôi cũng muốn kịp khi Ngài còn, vào trông mặt Ngài để tỏ tấm lòng ngưỡng mộ. Nhưng tôi ở xa đến đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua Hoàng thượng vừa ra coi triều, ai có biết đâu Ngài mắc bệnh nặng. Giả sử tôi vào giữa lúc Ngài

về châu trời, há chẳng để tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư! Vậy Công chúa cứ về thăm Ngài và nói rõ với các anh em như thế, để ai nấy đều hiểu lòng tôi.

[Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 104]

Ngọc Hân hơi thất vọng, lần đầu tiên cảm thấy bất lực trước những ràng buộc thực tế, những đe dọa lúc nào cũng có thể cướp mất người chồng khí phách của Công chúa, không cho Công chúa được sống trọn vẹn như một cặp vợ chồng bình thường. Nhưng những lời phân bày của Nguyễn Huệ quá hữu lý, Công chúa không có lời nào để nói thêm nữa. Ngọc Hân gạt thắm giọt nước mắt lo âu và thất vọng, từ biệt Nguyễn Huệ lên kiệu vào cung một mình.

Đêm ấy nhà vua hãy còn tỉnh táo. Ngài cho đòi Hoàng tị tôn lên sát giường ngự, cố lấy hết sức tàn thì thảo:

– Ta chỉ sớm tối sẽ được trút hết gánh nặng. Những sự lo lắng đều dồn về một mình mày. Mày phải nghĩ đó!

Hoàng tự tôn đau đớn và lo âu, không thốt được lời nào. Nhà vua rón đưa bàn tay ôm nắm lấy tay cháu, dặn thêm:

– Sau khi ta nhắm mắt, nối ngôi là việc lớn lao. Chuyện gì cũng phải bẩm qua ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua nhắm mắt lại, bàn tay xanh xao nổi lóng ra, nhưng ngài không rút tay về. Hoàng tự tôn thấy bàn tay của nhà vua buông ơ hờ trên tay mình, ngón út hơi co giật như oằn mình trút dần sự sống, sợ quá quay nhìn các Hoàng tử và Hoàng thân ú ớ như kêu cứu, Hoàng tử vội chạy đến. Nhưng nhà vua lại mở đôi mắt đục lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai. Hoàng tử ghé sát mặt

cha để nghe lời trần trối. Nhà vua thều thào hỏi:

– Có Ngọc Hân đây không?

Hoàng tử mừng rỡ đáp:

– Dạ thưa có!

Rồi quay lại ra dấu gọi Công chúa đến bên giường. Ngọc Hân mừng rỡ và xúc động quá, úp mặt xuống giường ngụy nức nở. Nhà vua vẫn nằm ngửa, mắt nhìn thẳng lên trần điện, mi mắt co giật thất thường trong khi cố hết sức nhấc tay phải đặt lên đầu Công chúa. Ngọc Hân ngẩng lên, ôm bàn tay xanh xao của cha vào ngực, tưới nước mắt lên những nếp nhăn khô. Công chúa vừa khóc vừa thảng thốt hỏi:

– Thưa cha, cha dạy gì con? Cha có

nghe con nói không? Con là Ngọc Hân đây!

Nhà vua cố cử động cái lưỡi đã bắt đầu tê cứng, lắp bắp nói:

– Cha thương con. Thương con hơn hết.

Công chúa vội đáp:

– Con cũng vậy. Cha đừng bỏ con mà đi. Cha rón ở lại với con. Không có cha, con biết làm sao đây! Cha có nghe con van xin không? Cha ở lại với con.

Nhà vua chớp chớp đôi mắt, nhưng không còn giọt lệ nào để rỏ ra trong hố mắt sâu. Nhà vua nói:

– Cha lo cho con. Hãy thương yêu chồng... đừng để ông ấy buồn phiền... việc nước... nên hư... tùy một phần nơi con.

Công chúa úp mặt vào lòng bàn tay cha, vừa khóc vừa nói:

– Con quá non dại, làm sao kham nổi, thưa cha. Vâng, con sẽ thương yêu chồng, con sẽ là một người vợ hiền. Con không để cho chồng con buồn phiền bất cứ điều gì. Việc ấy vừa sức con. Nhưng việc nước! Trời ơi! Con sợ lắm! Cha đừng bỏ con. Con non dại không thể biết điều gì nên làm...

Công chúa đang nói, đột nhiên cảm thấy bàn tay nhà vua run mạnh, mấy ngón tay một lần nữa oằn oại. Công chúa giật mình ngược lên. Thân thể nhà vua vẫn dán vào giường ngự, y như trước, nhưng đôi mắt đục lờ đã trợn ngược như nhà vua đang cố ngược nhìn lên đỉnh đầu. Ngọc Hân thấy đau nhói ở ngực. Công chúa thét lên, trước mặt mọi vật quay cuồng.

Hoàng tử bước lặng đến bên cha, đưa tay vuốt kín đôi mắt đục. Lúc đó là giờ Mão ngày mười bảy tháng Sáu năm Bính Ngọ.

✱

[Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 107]

Vài ngày sau lễ thành hôn, khi Công chúa bắt đầu bạo dạn tiếp chuyện với chồng, Nguyễn Huệ đã hỏi qua gốc gác tính tình các Hoàng tử. Ngọc Hân thành thực kể hết với chồng, không giấu diếm điều gì. Nhưng khi Nguyễn Huệ hỏi về Hoàng tử tôn, công chúa nghĩ thế nào anh cũng gần gũi thân thuộc hơn cháu, sợ Hoàng tử tôn giành mất ngôi vua của Sùng Nhượng công, nên đáp:

– Nhân phẩm tự tôn chỉ vào bậc tầm thường thôi!

Do đó, Nguyễn Huệ không thích Tự tôn.

Đến lúc bệnh của nhà vua đã nguy, triều đình bàn nhau việc lập Hoàng tử tôn làm vua, cho người qua trình với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ không chịu. Sứ giả về triều lập lại lời Huệ, cả triều bàn bạc phân vân, không biết phải làm thế nào. Thành linh trong bọn có người lớn tiếng:

– Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn. Họ Lê sẽ mất. Ấy là lỗi tại Công chúa. Công chúa đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, thì phải xóa tên trong sổ gia tộc, để cho Công chúa về nước Tây mà hưởng phú quý. Họ ta không thiếu gì một con người ấy!

Mọi người quay nhìn xem ai, mới biết là hoàng thân Vương Quận công. Công chúa Ngọc Hân nghe nói sợ hãi, liền về phủ xin với Nguyễn Huệ. Nguyên soái bằng lòng. Vì vậy sau khi nhà vua mất, bách quan bèn phù Tự tôn lên ngôi.

Hôm ấy Nguyễn Huệ ở trong phủ, nghe tin nhà vua đã mất, liền sai các lính thị vệ sắp sửa các đồ nghi vệ, xe kiệu để chờ khi Hoàng tự tôn lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua đến trình mời sang lo việc tang thì Nguyễn Huệ sẽ sẵn sàng đi ngay. Nhưng Hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bẩm với Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ giận vì không được mời trước, cho là Hoàng tự tôn có ý xem mình như người ngoài, bèn sai người vào triều bắt phải hoãn lễ Đăng cực (lễ

lên ngôi vua), có ý muốn lập người khác.

Sứ giả đến nơi thì lễ Đăng cực đã xong. Triều đình đem sự đã rồi ấy báo lại với Nguyễn Huệ. Ông càng tức giận, liền đòi Công chúa về phủ và mắng:

– Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là Vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến Tiên đế, hôm qua vì tránh hiềm nghi không dám vào thăm. Hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm tới nơi để được thấy Ngọc nhan cho trọn cái tình cha vợ con rể. Nhưng tự dừng xông đến sợ trái lễ. Tại sao hoàng tộc lại nỡ gạt ta ra ngoài không thêm mời? Nếu không có ta thử hỏi triều đình sẽ ra cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Cớ sao lại dám khinh miệt ta như vậy? Ta thử bỏ đây mà đi, xem Hoàng tộc làm ăn làm sao!

Rồi Nguyễn Huệ lập tức truyền lệnh

cho các quân thủy bộ sửa soạn hành trang cho kịp sáng hôm sau rút quân về nước.

Công chúa mếu máo khóc xin Nguyễn Huệ ở lại, một mặt ngầm sai người thân lén vào triều tâu sự việc với Tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Nguyễn Huệ ở lại. Bấy giờ, Nguyễn Huệ mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ Thành phục, Tự hoàng sai quan mời Nguyễn Huệ vào tế. Nguyễn Huệ mặc đồ tang đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo. Lúc tế có một viên Tả phiên lại hơi có vẻ cười, Nguyễn Huệ sai lính ngay ra chém.

Bấy giờ Nguyễn Huệ đã có ý muốn về Nam, nên nói với các quan trong triều:

– Tôi vâng mệnh vua anh đem quân

ra ngoài cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phù mà tới đây, may mắn đã làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết đạo với cha vợ. Làm cho xong sớm việc tang tế khi tôi chưa rút về cho trung hiếu vẹn cả hai, đó là ước nguyện của tôi.

Các quan đều nói:

– Chúng tôi xin vâng mệnh.

Rồi họ cùng chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền.

Nguyễn Huệ suốt ngày đêm sắm sửa cho lễ táng. Các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Nguyễn Huệ tự cưỡi voi, đem ba ngàn quân hộ tống tử cung đến bến đò, chờ cho lễ rước tử

cung xuống thuyền xong xuôi đầu đấy
mới quay trở lại.

Chương 69

Hôm ấy ở cửa Đại Hưng, cái đám đông gồm những tên vô công rồi nghề, bọn hiếu sự, những kẻ gan súa ngay ngáy tuân theo phép nước và các nhà nho ưu thời mẫn thế thường tụ tập về đây mỗi sáng đông hơn thường lệ. Người ta chen nhau đến vã mồ hôi để xem cho được bản Yết thị vừa dán vào sáng sớm. Người chen vào hăm hở, còn kẻ vừa từ trong cái đám hỗn độn lam lũ ấy chen được ra ngoài, thì ngoài mớ quần áo bèo nhèo nhể nhại, khăn áo trẽ tràng còn có thêm một bộ mặt ngấn ngờ. Hễ thấy ai

chen được ra là một đám người (phần lớn là những ông đồ ốm yếu và già cả tự liệu không đủ sức khỏe để xô lấn) đã vây quanh nhao nhao hỏi:

– Cái gì thế bác?

– Họ ra lệnh gì mới không chú?

– Đã cho đi lại ban đêm chưa anh?

– Lại có bố cáo vừa chặt đầu vài tên cướp giết nữa phỏng?

Nạn nhân không biết trả lời ai trước ai sau, lại bức bối vì cảnh chen lấn, hất đầu vào phía trong nói:

– Vào đấy mà xem.

– Nhưng bác vừa từ trong ấy ra mà!

– Tôi có xem được gì đâu. Hoài của! Rách mất cái áo the.

Bấy giờ mọi người mới chú ý đến thiệt hại của người bị chất vấn. Cái áo the đã sờn cổ và bạc màu bị rách một đường dài trên vai trái. Chắc bác này không nói dối! Họ lại kéo đến vây hỏi người khác. Lần này họ được biết đại khái là “vua Nam hà sẽ từ Qui Nhơn ra Thăng Long để xét việc cấy gặt và coi phong tục của dân gian, chỉ mười ngày nữa sẽ tới nơi. Thượng công bá cáo để cả trong ngoài đều biết”.

Tin sốt dẻo đó mau chóng trở thành đề tài bàn luận sôi nổi. Người ta tụ năm tụ bảy để tranh luận với nhau.

- Thảo nào, tôi đoán có sai đâu!
- Bác đoán gì nào?
- Suyt. Nói khẽ chứ, ở đây tai vách mạch rừng.

– Thôi, ông anh! Đừng rung cây nhát khỉ nữa. Có biết được gì thì nói mẹ ra cho người ta nhờ!

– Thì để cho bác ấy nói, ở đây người nhà cả. Không có ai thân thuộc với Tây Sơn đâu.

– Biết đâu đấy. Hôm kia tôi cũng tưởng thế. Mới mở miệng than van sao đời nay hễ thù hằn nhau từ mấy mươi đời là vu trộm cắp để cho quân Tây đem chém, đã có người đem học lại với họ. Tôi phải trốn luôn mấy hôm, vụ đó mới xuôi.

– Thật thế hả? Thật có bọn khốn nạn như thế sao? Nhưng ở phố tôi, bọn bị đem chém đều đúng là dân vô lại trộm cướp cả mà!

– Nhưng các bác này để cho ông

anh đây bảo cho biết đã đoán gì đã. Nói xa đề rồi!

– Ồ nhỉ, ông đoán gì thế?

– Chuyện dài dòng lắm. Các bác có kín miệng thì tôi mới dám nói.

– Tiên sư đứa nào bép xép. Không có ai hở môi đâu. Yên trí. Bác cứ nói đi!

– Này nhé. Nhưng các bác có thực kín miệng không?

– Lại còn hỏi. Đã thể độc thể rồi còn ngờ!

– Thôi được. Tôi nghĩ được điều hay mà không nói ra cũng ầm ứ. Các bác có biết vì sao có cái bố cáo này không?

– Vì sao?

– Phải có cớ chứ!

– Ờ, tại sao vậy?

– Thế này này. Chả là tình hình Bắc hà đâu đã yên. Họ Trịnh tuy bị phế, nhưng nhân tâm còn rối lắm. Ở đây thì nhờ có quân Tây mà bên ngoài có vẻ ổn. Nhưng các bác qua khỏi cửa ô xem nào! Ôi thôi, rối như mớ bòng bong.

– Hôm qua tôi về quê vợ ở Yên Lãng, có thấy gì đâu!

– Tôi nói rồi là nói chung cả thời thế kia mà. Này nhé. Bác có biết hiện giờ Thạc Quận công ở đâu không?

– Tôi nghe hình như ở Sơn Tây.

– Đúng, ở Sơn Tây. Ông ấy có nhận được lệnh triệu, nhưng có chịu lên đâu. Còn Liễn Quận công nữa!

– Có phải Liễn Quận công Đình

Tích Nhưỡng bị thua ở Sơn Nam dạo trước không?

– Đấy. Chính ông ấy. Thua trận Sơn Nam, Quận Liễn đem cả họ chiếm luôn lấy trấn Hải Dương, đem thóc kho ra phát cho dân để lấy lòng, nhờ thế chiêu mộ được cả nghìn dũng sĩ. Lại có bọn cướp bể đem bộ hạ đến xin gia nhập, nên hiện Quận Liễn có tới vài vạn quân.

– Khiếp nhỉ. Giá lúc ở Sơn Nam mà có chừng ấy quân, chưa chắc kinh thành đã vỡ.

– Lại thêm Dương Trọng Tế kéo cờ giữ huyện Gia Lâm. Thanh thế mạnh lắm. Thương công cho người đến Gia Lâm tìm thợ sắt bị quân của ông Nghè Tế bắt giết cả. Chơi thế mới gọi là chơi!

– Nhưng quân Gia Lâm được nhiều ít?

– Cả vạn chú ít ỏi gì. Không thể đâu dám vượt râu hùm.

Một ông đồ nhắc:

– Những việc đó có dính dáng gì đến chuyện vua Tây thân hành ra Bắc?

– Có chứ. Thượng công biết chưa thu phục được lòng dân Bắc hà, nên mới bố cáo khắp thiên hạ là vua anh sắp ra, để phô trương cho lớn thêm thanh thế. Chứ theo ý nông cạn của tôi thì chưa chắc vua Tây đã ra thực. Qui Nhơn ra đây cách sông cách núi, trong đó lại phải đối phó với họ Nguyễn ở Gia Định, ra làm sao được.

– Ờ, bác nói cũng có lý.

– Có lẽ như thế thật! Mới biết có con mắt nhìn xa vẫn hơn.

– Hiểu được như vậy mới thấy thương cho bọn ngu phu đang chen nhau đọc cho được bố cáo đảng kia.

– Cái lão bị rách áo mới đáng thương làm sao! Về nhà chắc bị vợ cấm cửa!

– Nhưng nếu vua Tây ra thật thì sao?

Nhiều tiếng nhao nhao phản đối:

– Ra thế nào được. Chỉ vờ để dọa dẫm đấy thôi!

– Tôi thấy họ chẳng vờ vịt gì ráo. Cứ trông cách hành binh thần tốc của họ thì biết. Một dọc từ Nghệ ra đến đây, chỉ mười ngày. Lão lại Tả phiên chỉ cười trong lễ tang một chút, phập, thế là xong. Họ rim rím, nhưng đã làm thì nhanh gọn lắm. Mấy nhóm ở Sơn Tây, Gia Lâm, Hải Dương còn ngo ngoe được, là vì họ chưa

muốn ra tay đẩy thôi.

– Bác sợ quá nên tưởng thế. Họ làm được thì đã làm rồi. Cũng như chiếm được ngôi thì đã chiếm rồi. Việc gì phải nhường lại cho Tự hoàng.

Vài người thấy nhóm này bàn luận hăng say, tò mò đến gần. Cả nhóm suyt bảo nhau thôi nói. Người vừa đem hết tài bàn hươu tán vượn ra lòn bạn bè hăng giọng nói lớn:

– Các bác biết không, chợ phiên hôm qua đông ra phết. Mua gạo đã dễ hơn nhiều.

Những người khác biết dụng tâm của bác ta, bồi thêm:

– Thế à. Còn rau quả đã hạ giá chưa?

– Tiền đồ có bớt chút nào không?

Rồi mọi người tự tìm cách tản dần.

✱

Tin vua Tây Sơn sắp đến Thăng Long cũng khiến cả triều đình băn khoăn hồ nghi, kể cả con người từng trải được Nguyễn Huệ ủy cho việc soạn tờ bố cáo là Nguyễn Hữu Chỉnh.

[Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 116, 117]
Trước đó, Nguyễn Hữu Chỉnh đoán thế nào trước sau quân Tây Sơn cũng rút về Nam. Mà Nguyễn Huệ đã đi thì Nguyễn Hữu Chỉnh không thể ở lại kinh sư một mình. Vì vậy Chỉnh mới có ý muốn chiếm lấy chức Trấn thủ Nghệ An. Chỉnh đã nói ngầm với Tự hoàng:

– Tôi đem hãn ra, chỉ vì có việc tôn phù. Bây giờ việc ấy đã xong, tôi quyết

không theo hần nữa. Chắc thế nào hần cũng về. Mà khi hần đã về rồi, thì trấn Nghệ An trở thành bức phen tường giữ giống sài lang. Vậy xin Bệ hạ cho tôi vào đó trấn thủ. Cả mặt Nam hà tôi xin đương cả.

Nhưng đến khi nghe vua Tây Sơn sắp ra, Chỉnh ngờ thế nào vua Thái Đức cũng cướp ngôi chiếm nước. Muốn dựa vào vua Tây Sơn để tránh tai vạ, Chỉnh lại khuyên Tự hoàng nên đem Ngọc tỷ ra hàng, và giục triều đình thảo gấp một tờ hàng biểu. Triều đình bàn bạc mấy ngày chưa xong được gì, người nọ đổ cho người kia không ai dám hạ bút thảo trước. Đùng một cái, vua Thái Đức đã ra tới Thăng Long.

Suốt mấy mươi ngày đi lên tiếp từ Qui Nhơn ra Bắc không nghỉ, ăn uống thất thường, đêm lại ngủ giữa đồng để

tránh bắt trắc, cho nên khi tới kinh sư, cả Vua lẫn tướng sĩ tùy tùng mặt mũi hốc hác, hình dung tiều tụy, quần áo dơ dáy xốc xếch, không còn một chút nào là vẻ uy vệ của vua chúa nữa.

Nguyễn Huệ báo cho triều đình biết, rồi ra tận cửa ô để đón Nguyễn Nhạc. Tự hoàng vội ra đón vua Tây Sơn ở phía Nam Giao.

Vua Lê đứng trong cửa ô sai hoàng thân là Thành phái hầu ra quì ở bên trái đường đi để nói thay lời nhà vua.

Vua Tây Sơn khi tới cửa ô gặp Nguyễn Huệ xong, cùng giục ngựa đi thẳng vào kinh thành không dừng lại, cũng không trả lời Thành phái hầu. Đi qua xong mới sai người trở lại bảo:

– Quả nhân thấy đấng Tự hoàng

quá lễ, sợ rằng nếu xa giá ở lại chậm trễ, hoặc giả làm phiền cho quý thể phải quì lạy một nhọc, rồi quả nhân lại mang tiếng thất lễ. Vì thế quả nhân phải vội vã đi ngay. Xin ngự giá hãy cứ về cung, ngày khác thông thả sẽ cùng gặp nhau.

Tự hoàng thấy vậy, biết vua Tây Sơn hãy còn trọng mình, nên khi về cung không bàn đến chuyện xin hàng nữa.

✱

Hai anh em chưa về đến Vương phủ, Nguyễn Huệ đã tạ cái tội tự chuyên, không chờ lệnh vua anh đã đem quân ra Bắc. Nguyễn Nhạc cười nói:

– Không sao! Tướng ở bên ngoài nếu gặp việc ích lợi cho nước nhà thì tự chuyên cũng được. Bắc hà có thể lấy

ngay, đó là chỗ thần diệu trong việc dụng binh. Vả lại, chú trèo đèo lội suối đi hàng muôn dặm, mở mang bờ cõi, khiến cho đất nước rộng thêm, thật là thủ đoạn anh hùng, anh thực không thể nào sánh kịp. Nhưng mình đi đánh nước người ta, đã kéo quân vào sâu xứ họ, một chốc làm thay đổi hết nền nếp cũ, chắc là muôn người đều ghét mình. Anh chỉ lo ngại đến những việc bất ngờ có thể xảy ra, ý mình không thể nghĩ tới, nên phải lật đật ra ngay đây để giúp chú. [Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 114]

Rồi hai anh em gióng xe vào phủ. Nguyễn Huệ đưa nhà vua vào thẳng cung Quyển bông. Nguyễn Nhạc nhìn quanh cách bài trí xa hoa tráng lệ, cười ha hả bảo em:

– Chúng nó vơ hết đồ quý giá ở Phú Xuân đem về đây, hèn gì cung phủ đẹp để

hào nhoáng đến thế. Chú nấn ná không chịu về là phải.

Nguyễn Huệ cười gượng, thưa lại:

– Tĩnh vương Trịnh Sâm vẫn được khen là người có óc mỹ thuật. Cách bài trí màn trướng, bàn kỷ, đều do hấn cả.

Nguyễn Nhạc cúi nhìn quần áo mình, nói đùa:

– Anh ăn mặc thế này đứng đây không xứng.

Rồi nhìn quanh, nhà vua hỏi:

– Tắm rửa ở chỗ nào?

Nguyễn Huệ vội đưa vua anh đi tắm rửa, và thay quần áo. Xong xuôi, hai anh em lại trở lên cung Quyển bồng. Nguyễn Nhạc ngồi gác cả hai chân lên sập thếp vàng, như cách ngồi tự nhiên thoải mái

của viên Biện lại Vân Đồn thời trước, chống hai tay vịn mình vài lần cho bớt mỏi, rồi bảo em:

– Đi đường suýt bị cướp chú biết không?

Nguyễn Huệ chưa kịp hỏi, nhà vua đã vui vẻ kể:

– [Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 112] Tới cửa biển Hội thống ở trấn Nghệ An thì có dân quê đem ít đồ biển đến biếu. Chúng nói: “Chúng tôi thấy quan lớn đi qua, nhân có chút quà mọn gọi là tỏ tấm lòng thành”. Anh vội bảo: “Tôi không phải là quan lớn. Tôi là họ ngoại của Chúa Nam hà vẫn thường được gọi là Biện Nhạc đây. Các người hậu tình, thấy tôi đi xa lương khô ăn nhạt đem những món ngon lành biếu tôi, cảm ơn, cảm ơn lắm”. Rồi lại thấy một

bọn độ vài chục người, ai nấy lưng đóng khổ bện, tay cầm một cái đòn ổng, ở trần trùng trực đứng ở ven đường. Chờ đến khi anh đi qua bọn đó hô lên: “Chúng tôi về Nam bị Chưởng Tiến đòi mãi lộ, cướp hết của cải”. Anh hỏi: “Nó ở đâu?”, bọn chúng đáp: “Nó được của rồi, vội chạy vào trong dãy núi kia”. Ta liền cho quân đuổi theo. Vừa đến một chỗ hiểm, mấy chục tên đó liền rút dao nhọn trong đòn ổng ra mà reo: “Mày biết chúng tao hay chưa? Chúng tao là bậc anh chị trong đám thủ hạ Chưởng Tiến, hôm nay đến đây để chặt cái đầu lũ “lông đỏ”⁸ tụi bay. Vừa reo chúng vừa xông lại đâm chém,

⁸ Hoàng Lê dùng chữ “hồng mao”. Trong Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca có câu tả cách ăn mặc của quân Tây Sơn: của quân Tây Sơn: Quân dung đầu mới lạ thường Máo mao áo đỏ chặt đường kéo ra.

Có lẽ tác giả căn cứ vào cách ăn mặc đó (mũ lông áo đỏ) mà gọi Tây Sơn là quân hồng mao chăng? Chú thích của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch trong bản dịch Hoàng Lê của nhà xuất bản Văn Học, Hà nội, trang 137

quân phải chạy tán loạn mới thoát chết. Từ đó anh không dám tin cái bọn ân nghĩa vờ của Bắc hà nữa. Dọc đường, không ngủ ở nhà dân. Đến đâu giương màn ra giữa đồng mà nằm. Quân sĩ đều ngủ lộ thiên. Ra tới đây mà còn ngồi được trên yên ngựa và đủ hơi nói chuyện với chú, đủ biết anh còn sẵn gân lắm.

Nguyễn Huệ nói:

– Ở Nghệ An mà chúng nó dám bạo gan thế à? Sau này phải tìm người bạo tay đặt ở chỗ đó, thì từ Lũy Thầy trở vào mới yên được.

Nguyễn Nhạc chưa muốn bàn vội đến việc nước phức tạp và tế nhị, nên hỏi qua chuyện khác:

– Ủa, thím đâu rồi?

Nguyễn Huệ đỏ mặt, biết anh đã hay

chuyện mình làm rể họ Lê. Ông lúng túng đáp:

– Dạ... chờ anh đòi mới dám ra mắt.

– Lại khách sáo bày vẽ. À, anh quên thím là “lá ngọc cành vàng” quen khuôn phép lễ nghi. Chú nhanh tay lắm. Phải. Em vua nước Tây làm rể vua nước Nam. Còn gì xứng đôi vừa lứa hơn. Chú không sợ thím lớn đồ ghè tương hay sao?

Nguyễn Huệ càng đỏ mặt tía tai, không dám trả lời. Rồi không hẹn cả hai anh em cùng cười ha hả. Vua Thái Đức giục:

– Vào bảo thím ấy ra đây cho biết anh biết em. Khoan đã, để anh ngồi lại cho “bề thế” một chút. Đẳng nào thím ấy cũng là công chúa, không phải dân bán trâu!

Nguyễn Huệ vào Tử các đưa Ngọc Hân ra mắt vua Thái Đức. Công chúa đoán trước thế nào nhà vua cũng vờ ra bộ kiến nên đã ăn mặc trang trọng, phấn son kỹ càng trước. Cách trang điểm còn kỹ càng hơn cả ngày về nhà chồng nữa. Nguyễn Huệ gần như sững sờ trước sắc đẹp của Công chúa, đứng lặng một lúc không tìm được lời nào để nói. Công chúa kinh ngạc một cách thích thú, vờ không hiểu gì, hỏi:

– Sao Thượng công ngơ ngác thế?

Nguyễn Huệ cười sung sướng, nhưng không giải thích, chỉ bảo:

– Công chúa ra mắt nhà vua đi!

Đến lúc đó Ngọc Hân mới sợ. Công chúa lo âu nói:

– Hoàng thượng có trách móc Thượng công không?

Nguyễn Huệ cười trấn an Công chúa:

– Không đâu. Nhà vua còn bảo “em vua nước Tây làm rể vua nước Nam, môn đăng hộ đối, mối nhân duyên này đẹp quá”.

Nguyễn Huệ cố ý sửa đổi phần cuối lời của vua anh. Công chúa đỏ mặt vì thẹn, và sung sướng. Nguyễn Huệ giục:

– Thôi, ta đi ra nào.

Đến điện Quyển bông, Công chúa định sụp xuống lạy Nguyễn Nhạc, nhưng nhà vua đã khoát tay bảo:

– Cho miễn lễ.

Nguyễn Huệ yên lòng khi thấy vua anh đã ngồi uy nghi trên sập y như lúc

thiết triều. Ông chỉ sợ Nguyễn Nhạc vẫn ngồi theo tư thế thoải mái trước đây, lúc trong điện chỉ có hai anh em. Nhà vua mỉm cười gật gù khen:

– Người như thế này xứng đáng làm em dâu nhà ta.

Rồi lấy vẻ mặt buồn rầu, nhà vua tiếp:

– Chỉ tiếc đường xá xa xôi, ta không ra đây kịp để diện kiến Long nhan. Nhưng có chú nó ở đây lo liệu chu tất việc tổng táng, ta cũng yên lòng.

Công chúa muốn hỏi thăm gia đình anh em Tây Sơn ở Qui Nhơn, nhưng vừa bối rối vừa sợ hãi, không biết nói thế nào. Vẻ thẹn thùng của Công chúa khiến nhà vua chạnh lòng, thương hại. Nhà vua bảo:

– Mấy tháng nay thím có quá nhiều nỗi lo âu, chắc cũng không được khỏe. Chú đưa thím vào nghỉ ngơi, không lại bệnh.

Ngọc Hân vui mừng ngừng lên thưa:

– Xin đội ơn Bộ hạ!

Nguyễn Nhạc cười lớn, đến lúc đó mới lấy giọng thân mật nói:

– Ổn huệ gì! Thím cầm chân được chú Tám nhà này là giỏi rồi, là trở thành ân nhân của ta rồi. Chỉ trông cái bộ bên lên của chú, ta cũng biết ngựa hoang đã bị đóng cương rồi đấy!

*

Buổi chiều hôm đó, lần lượt các tướng sĩ đến Vương phủ lạy mừng vua

Thái Đức. Nguyễn Huệ cho đặt cái ngai Chúa Trịnh vẫn ngồi ở điện Chánh Tẩm, bày biện trật tự uy nghi như một buổi thiết triều. Nhưng Nguyễn Nhạc không ngồi lên ngai. Nhà vua đến ngồi xếp bằng trên cái sập đặt ở phía bên trái điện, sai lính hầu nhắc thêm vài bộ tràng kỷ đặt gần sập để tiếp khách. Nhà vua nói:

– Anh em trong nhà cả, bày vẽ làm gì.

Lãng và Lợi rủ nhau đến lạy mừng vua Thái Đức một lượt. Thấy hai người vào, Nguyễn Nhạc cười hỏi:

– Sao? Hai chú đã tìm được đám Bắc hà nào chưa?

Lợi nhanh nhẩu đáp:

– Tàu Bệ hạ, mới một đám mà đã khốn khổ rồi ạ!

Nhà vua cười to hơn, bảo Lợi:

– À, chú dám nói xấu “lệnh bà” phải không? Chuyến này ta phải đích thân dẫn chú về Qui Nhơn cho con An nó xé xác ra. Hay là không muốn về?

Lợi vội thưa:

– Tàu Bệ hạ, tôi đâu dám!

– Sao lại không? Ông Cống có vẻ quyền luyến với chú, tất phải tìm giúp cho chú một cô vợ Bắc hà chứ.

Lợi mỉm cười đáp:

– Gái Bắc hà chê lính Tây ăn nói không có khuôn phép. Họ còn gọi đùa là “dân lông đỏ” đấy ạ!

– Ờ, ở Nghệ An ta cũng có nghe chúng nó gọi thế. Nhưng các chú có quyền, có tiền, thì ai dám chê nào?

Nhưng thôi, chú Lợi đã yên phận không nên bầy vẽ. Còn chú Lãng đây thì nên lắm!

Lãng ngượng, lí nhí đáp:

– Dạ tàu Thánh thượng, thần cũng không dám ạ.

Nhà vua trợn mắt hỏi:

– Lại không dám! Chú theo sát chú Tám (Nguyễn Huệ) như hình với bóng, không giống lông cũng giống cánh chú! Năm nay chú được bao nhiêu rồi?

– Dạ ba mươi mốt, tàu Thánh thượng.

– Ba mươi mốt mà chưa chịu lấy vợ! Quá lắm rồi! Chẳng lẽ chú chê cả gái Nam hà lẫn gái Thăng Long? Hay thế này, chờ “bà” nhà ta đổi ý, chú làm “người nhà” ta đi.

Lăng nghe nhà vua nhắc lại chuyện Thọ Hương, sợ hãi ngược lên xem nhà vua nói đùa hay nói thật. Nguyễn Nhạc cười, cái cười hơi gượng gạo nhưng khuôn mặt không lộ chút sắc giận nào. Nếu có, chỉ có sự buồn chán thất vọng che giấu trong vẻ linh hoạt đùa cợt mà thôi! Lăng vội thưa:

– Thần được Thánh thượng ban cho quá nhiều ân huệ, và không làm được việc gì cho nên đáng, rất lấy làm ái ngại.

Nhà vua nói:

– Chú khéo lắm! Ta hiểu ý chú. Như vậy là không muốn trở về Qui Nhơn phỏng?

Lăng không hiểu vì sao tự nhiên Nguyễn Nhạc chuyển qua trách móc một điều mình chưa làm, chưa nghĩ, nên đáp:

– Thần không bao giờ dám trái lệnh trên.

Nhà vua cười lớn, bảo:

– Phải rồi, chú Tám (Nguyễn Huệ) ra lệnh cái gì mà các chú chẳng nghe.

Lợi thấy mình bị liên can, vội thưa:

– Tàu Bệ hạ...

Nhưng nhà vua tự thấy đã đi quá xa, nên cắt lời Lợi:

– Ta nói đùa đó thôi. Trước khi đi Thuận Hóa, ta có tiếp các bà đến van nài, khóc lóc, cầu khẩn xin cho các đức ông chồng về. Ta không nhớ ai với ai, vì đông quá. Chắc thế nào cũng có con An! Ta không chịu nổi tiếng khóc, dù là tiếng thút thít, nên có hứa sẽ cho phép các tướng tá binh sĩ viễn chinh mau chóng

về nhà. Kể ra thì chỉ mới vài ba tháng thôi, nghĩa là còn ngắn hơn các chuyến vào Gia Định. Nhưng các bà ấy nhay lắm. Vào chỗ đồng chua nước mặn toàn rừng sác với bèo trôi, các bà yên tâm. Còn ra cái chốn trai thanh gái lịch này, ôi thôi, nguy lắm. Cái giọng Bắc hà thánh thót uyển chuyển như múa này, đến chú Tám dạ sắt gan đồng cũng xiêu, hướng chỉ các chú. Hồi cất chân ra đi, thím Tám chưa biết vụ chú Tám làm phò mã nhà Lê. Chứ nếu biết thì... ha... ha. Chú Lăng ta không lo, vì tính chú, ta biết. Chỉ sợ cái thằng bẻm mép này thôi (nhà vua trở Lợi). Vẫn còn làm việc với Hữu quân đấy chứ?

Lợi đáp:

– Dạ từ sau trận Vị Hoàng, tôi đã chuyển về Trung quân.

Nhà vua hỏi:

– Các cơ ngũ đã thay đổi nhiều lắm nhỉ?

Lợi thành thực đáp:

– Tàu Bệ hạ, vâng ạ. Vì có thêm nhiều tân binh Thuận Hóa. Thượng công phải xếp đặt lại mới chỉ huy được đám tân binh ô hợp đó.

Nguyễn Nhạc làm bộ kinh ngạc:

– Thượng công? Người muốn nói chú Tám phải không? À quên. Chú ấy đã nhận chức tước của ông cha vợ thì phải gọi khác đi. Nguyên súy, Phù chính dực vũ Uy quốc công, phải đúng thế không?

Lợi không nhớ được hết, còn Lãng thì nóng mặt, không biết trả lời thế nào. Lãng bần khoản, không thể đoán được ý

thực, lòng thực của nhà vua ra sao. Hình như nhà vua có ý trách móc xa xôi, các câu đối đáp có vẻ hờn dỗi, ngờ vực là khác, nhưng điều lạ là ở vào địa vị uy quyền tột đỉnh, nhà vua không biểu lộ thẳng sự giận dữ đối với thuộc cấp, lại lượn lờ quanh co, như trách mà lại sợ giận.

✱

[Lấy y theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, từ trang 117.]

Hôm sau, vua Thái Đức sai bày ở phủ đường ba chỗ ngồi: chiếc sập của vua Tây Sơn kê ở chính giữa, phía tả là ghế dành cho Tự hoàng, phía hữu là ghế của Nguyễn Huệ. Hai bên, hai hàng giáp sĩ

đứng hầu, nghi vệ cực kỳ nghiêm chỉnh.

Lễ này theo lệ hai vua gặp nhau, không ai phải lạy ai.

Xa giá Tự hoàng vào đến cửa phủ, vua Tây Sơn cử viên quan hầu ra đón. Tự hoàng đi bộ vào trước bệ. Vua Tây sơn ở trên sập xuống đất và đứng ra phía cạnh sập tỏ ý kính lễ, rồi sai Nguyễn Huệ xuống dưới thêm nghinh tiếp và mời Tự hoàng vào ghế. Mọi người yên vị xong, vua Tây Sơn hỏi:

– Tự hoàng năm nay xuân thu độ bao nhiêu?

Một viên tưng thân đáp thay Tự hoàng, rồi tiếp:

– Quốc quân họ Lê chúng tôi gặp phải họ Trịnh tiếm quyền cướp thế, mũ giáp lộn ngược đã lâu. May nhờ Thánh

thượng là bậc chí nhân đại nghĩa, sai tướng ra quân, vì đấng Quốc quân chúng tôi mà chinh đồn lại hoàng đồ. Hiện nay đất cát, nhân dân nước Nam đều do Thánh thượng gây lại. Nếu như Thánh thượng sẵn lòng thu nhận một vài quận quốc làm món khao thưởng quân sĩ, thì đấng Quốc quân chúng tôi xin vâng mệnh.

Vua Thái Đức đáp:

– Tôi nghe ngày xưa đức Thái Tổ mở mang nước Nam Việt, công đức thật là như trời. Tuy tôi ở lánh trong phía biển Nam, song cũng là đất của đức Thái Tổ khai thác. Vì giận kẻ cường thần hiếp chế vua nên tôi phải làm việc tôn phù. Nếu là đất của nhà Trịnh, thì một tấc tôi cũng không để. Nhưng là đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy. Tôi nghĩ quốc mới dẹp xong, còn có nhiều việc

cần phải sửa sang nên phải ra đây giúp đỡ. Sau khi bốn phương bình định, anh em tôi lại về nước. Chỉ mong Tự hoàng chấn chỉnh giường mỗi triều đình, giữ yên bờ cõi, để cùng nước tôi đời đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy.

Viên tụng thần lại thay Tự hoàng đáp lại:

– Thánh thượng nghĩ đến công đức của tiên Hoàng đế, mở lòng giúp đỡ, khiến cho nền mối của các vị tiên Hoàng đế không đến nỗi bị đứt, ơn của Thánh thượng ban cho thật là vô cùng. Quốc quân chúng tôi xin đời đời giữ lễ lân bang không sai trái.

Vua Tây Sơn liếc qua phía tả xem Tự hoàng có muốn đích thân nói thêm gì không. Thấy vua Lê vẫn im lặng, khuôn

mặt đăm đăm. Nguyễn Nhạc kêu trà đồng pha trà đệ lên các ghế.

Hồi lâu, Tự hoàng có lời xin về.

Vua Tây Sơn đứng dậy từ biệt. Nguyễn Huệ tiễn Tự hoàng xuống thêm, Nguyễn Nhạc cũng đi theo sau. Khi đã cúi chào Tự hoàng, Nguyễn Nhạc bước giật lùi về chỗ, rồi sai viên quan hầu theo hộ vệ Tự hoàng ra khỏi cửa phủ.

Vua Lê lên kiệu về cung, và sai các quan trong triều qua phủ chào vua Tây Sơn.

Nguyễn Nhạc lần lượt hỏi hết quan chức, tên họ từng người. Các quan thưa gửi xong, nhà vua nói:

– Tôi nghe ở nước An Nam, ông nghè là quý nhất. Các ông có phải là ông nghè chẳng? Tôi sắp nói với Tự hoàng

xin cho mấy ông đem về để dạy dỗ mấy người trong nước. Các ông có chịu đi theo tôi không?

Các quan đều thưa:

– Quốc quân chúng tôi bảo sao chúng tôi phải tuân theo vậy. Dẫu rằng sang đông, sang tây, sang nam, sang bắc, đi đâu chúng tôi cũng không dám chối từ.

Nguyễn Nhạc hỏi:

– Trong các ông khi thấy tôi đột nhiên ra đây, có ai ngờ tôi không?

Các quan đều thưa:

– Thánh thượng đã sai quan Thượng công ra phò dựng nhà Lê, việc ấy quang minh lắm rồi, chúng tôi đâu còn dám ngờ.

Nguyễn Nhạc nhếch môi cười một tiếng, rồi nói:

– Ai mà ngờ tôi là ngu. Chúa Trịnh bắt quân đi hàng muôn dặm, cố chiếm lấy đất Thuận Hóa, lấy nước lớn làm hại nước nhỏ, mới sinh cái vạ ngày nay. Gương ấy hãy còn rành rành. Nếu tôi tham đất nước Nam, lấy nước nhỏ làm hại nước lớn, thì còn mong lâu bền sao được! Giả sử đời tôi giữ được đi nữa, thì đến đời con cháu tôi cũng không thể nào giữ nổi. Tôi có ngu gì mà gây cái mầm vạ ấy. Chẳng bao lâu nữa, anh em tôi sẽ về, các ông nên giúp đỡ nhà vua cho yên thiên hạ, hai nước kết nghĩa láng giềng, giữ mãi lấy tình hòa hiếu, để cùng hưởng phúc thái bình.

Các quan đều khen:

– Sách có nói rằng: “Thánh nhân bất cần viễn lược” (Bậc thánh nhân không chăm lo đến việc lập công ở phương xa). Thánh thượng nghĩ tới chỗ đó thật là cao hơn người thường hàng muôn vạn tầng. Nhưng Quốc quân chúng tôi hiện còn trẻ tuổi, chưa quen nhiều việc, lũ tôi lại toàn kẻ tài hèn, Thánh thượng nếu đã giúp cho nước tôi được còn, xin hãy tạm lưu lại đây, để vua tôi nước chúng tôi được nhờ cậy vào oai linh của Thánh thượng. Bao giờ bốn phương đều yên, giềng mối đều dựng lại, bấy giờ ngự giá hãy về cũng chưa muộn gì.

Vua Thái Đức nói:

– Có về cũng hàng năm hàng tháng, chứ phải hàng tuần hàng ngày hay sao? Các ông đừng lo!

Các quan lạy tạ lui ra, rồi cùng bàn riêng với nhau. Kẻ thì cho lời vua Tây Sơn là thành thực, người bảo giả. Đại đế cũng chỉ đoán có hai việc là ông ta đi hay ở, mà cứ hừ hừ thực thực, chẳng ai biết đích xác như thế nào!

Chương 70

C

hưa bao giờ các tin đồn dãi lại nhiều và hấp dẫn cho bằng lúc này. Dân Thăng Long cần nó hơn cơm áo. Chẳng những đàn ông trong gia đình vui buồn, hào hứng hay cau có, hoạt bát hay lảm lì tùy theo các tin đồn nghe được mỗi sáng, mà cả đến các bà nội trợ cũng bị nó quyến rũ. Ở chợ, các bà bỏ cả quang gánh để tụ nhau bàn tán. Khách qua đồ ngang mãi nghe quên cả chen lấn để trèo cho được lên những chuyến

đồ hiểm hoi. Còn ở các cửa ô thì... thôi khỏi phải nói!

Đã đến lúc người ta hết cả dè dặt. Tại sao lại phải giữ mồm giữ miệng kia chứ! Vua già đã mất rồi! Vua trẻ mới lên chưa được yên vị, lúng ta lúng túng chưa biết phải đặt chân lên con đường nào. Họ Trịnh đã đổ. Họ có sợ chẳng, là sợ quan quân Tây Sơn. Nhưng mấy lúc gần đây, chính những con người thi hành công lý một cách đơn giản nhanh gọn, vô tư và nghiêm khắc này đột nhiên đổi hẳn thái độ. Họ hòa nhã, biết dè dặt trước những điều phức tạp. Biết làm ngơ trước những tật xấu nhỏ của cuộc đời. Và cũng biết hưởng thụ nữa. Các quan bắt đầu la cà ở các xóm yên hoa. Tiệc tùng rộn rã, ca nữ bắt đầu kiếm được nhiều tiền. Ai cũng biết quân Tây Sơn sắp về, và tiên đoán sẽ có nhiều xáo trộn xảy ra sau đó ở Kinh

Thành. Cho nên gần như ai ai cũng cố vớt vát cho được một vài đêm vui để khỏi tiếc về sau.

Những ngày đó Lãng thường lang thang trong các phố phường Thăng Long để rán sống trọn cơ hội hiếm hoi trong đời tại cái xứ văn vật này. Anh đi thăm các thắng cảnh, đền đài, chùa miếu, la cà ở các cửa ô để hít thở không khí nao nức rộn rã trước cuộc đổi mới bất trắc của dân Bắc Hà. Vì giọng nói miền Nam, nên anh cố không nói năng gì để khỏi gây e ngại cho những người đang bàn tán. Anh chỉ nghe. Và những điều Lãng nghe được cũng thú vị lắm!

Dân Thăng Long thắc mắc nhiều nhất về nguyên do cuộc bắc du của vua Thái Đức. Họ bàn tán huyền não về nội dung lời bố cáo:

– “Xét việc cấy gặt và coi phong tục của dân gian” ư? Vua Tây rảnh rồi và công phu nhỉ!

– Việc cấy gặt ở Bắc Hà thì có gì phải xét. Hay ông ấy muốn ra đây học cách giữ dê?

– Trong ấy thì cần gì dê điều! Bác chỉ nói hóm! Coi phong tục dân gian thì may ra còn có lý!

– Có lý thế nào được! Qui Nhơn có trăm công nghìn việc, nào lo ổn định Thuận Hóa, nào lo đề phòng Gia Định, đã yên đầu mà cất công ra đây xem phong tục! Họ chỉ nói cho có mà thôi. Sự thực bên trong khác cơ!

– Ai chả biết thế! Nhưng khác thế nào?

– Tôi nghe nói hai vua đã gặp nhau rồi đấy.

– Ai nói thế?

– Thì còn ai nữa. Mấy quan lớn nước Tây hôm qua nghe hát ở nhà cô em họ tôi. Họ kể từ đầu chí cuối cuộc hội kiến.

– Thế đúng là vua Tây Sơn ra đây à?

– Ở kia, bác này ở trên trời vừa rơi xuống chắc! Từ nãy đến giờ thiên hạ nói những gì, bác lại hỏi ngớ ngẩn thế!

– Có bác ngớ ngẩn thì có.

– Này này, bác nên giữ lời một chút. Tôi nói “ngớ ngẩn” là còn nể bác, chứ nếu không, phải nói là...

– Tôi cũng thế. Tôi chê bác ngớ ngẩn là vị tình lắm đấy.

– Thôi, xin can hai ông anh. Dĩ hòa vi quý. Thời buổi này chưa khổ sở lắm hay sao mà còn làm khổ thêm cho nhau.

– Tôi nói “Thế có đúng là vua Tây Sơn ra đây không?” vì có lý riêng. Thế này nhé! Các bác đã biết mặt mũi vua Tây Sơn ngang dọc ra sao chưa? Nào, trả lời đi. Chưa phải không! Nếu chưa ai biết mặt mũi vua Tây Sơn cả, thì cái ông dẫn đầu một đám người mặt mũi hốc hác, quần áo lôi thôi đến đây hôm mồng năm chắc gì đúng là vua Thái Đức.

– Ờ nhỉ. Vua gì lại ăn mặc lôi thôi thế.

– Quân hầu của một ông vua uy thế lẫy lừng sao lại giống một đám ăn mày!

– Nhưng nếu không phải vua Tây, tại sao Hoàng thượng lại ra tận cửa ô

đón tiếp. Lại có cả Thượng công nữa!

– Ấy, chính vì thế. Chính vì có quan Thượng công báo cho biết nên Hoàng thượng mới phải đích thân ra tận cửa ô tiếp rước.

– Chẳng lẽ quan Thượng công lại không biết mặt vua anh?

– Sao lại không biết. Biết mười mươi đi chứ! Nhưng ông ấy cứ vờ như không biết cái lão đóng giả vua Thái Đức là giả.

– Có lý nào!

– Ờ, làm như vậy để làm gì?

– Làm được nhiều thứ lắm. Ông ấy một thân một mình ra đây, cưới Công chúa, lập Tự hoàng, thế lực lệch cả trời đất. Nhưng ai cũng biết ông ấy đem quân ra Thuận Hóa là do lệnh của vua anh.

Chiếm được Thuận Hóa rồi, thừa thắng xông ra đây cho vui. Làm thế có khác nào tự tiện lộng quyền gây việc tày trời. Là em, ông ấy phải biết sợ chứ. Và một người sắc sảo như ông ấy cũng biết Bắc Hà là một chỗ không vừa gì. Sĩ phu Bắc Hà thông kim bác cổ, họ chỉ nhìn qua là biết. Họ hiểu ông ấy tự chuyên, còn chưa tự tin thì làm sao lòng người thu phục được. Cho nên ông ấy phải mời một ông vua anh giả mạo về, để bảo chúng ta thế này: “Vua Tây đã ra Thăng Long rồi đây. Các bác các chú đừng tưởng ta không có lệnh. Không được ngo ngoe tính chuyện xằng bậy đấy nhé. Ta đã ra đây thì ở luôn đây, không về đâu. Đừng có hòng!”

– Bác làm như bác ở trong áo ông Nguyễn súp ấỵ.

– Tôi thì nghĩ khác kia. Tôi nghĩ dù ăn mặc lôi thôi, tùy tướng quân sĩ theo

hầu nhếch nhác, ông ấy đúng là vua Tây Sơn.

– Tại sao thế? Vua lại ăn mặc nhếch nhác?

– Chính là vua Tây Sơn nên phải ăn mặc nhếch nhác!

– Nữa! Lại thêm một ông nói khoác!

– Im cái mồm đi. Để ông ta giải bày xem có lý không nào. Chưa chi đã chê bai người ta.

– Tôi không nói khoác đâu. Này, các bác chắc biết là Qui Nhơn lâu nay vẫn lo đề phòng mặt Nam dữ lắm. Con cháu nhà Nguyễn chưa chết tuyệt dòng, nên thua trận tan tác đó rồi lại trỗi dậy đó. Các bác hỏi: Vua Tây vội vã ra đây làm gì? Tại sao phải ra gấp đến nỗi hình dung tiêu tụy? Đơn giản lắm. Tôi nói điều này

các bác không được hờ môi với ai nhé.
Có kín thì tôi mới nói.

Đột nhiên thấy người đang nói trở nên nghiêm trọng, lo âu, mọi người bị tò mò và cái thú nguy hiểm hấp dẫn, càng nhích lại gần hơn, thì thảo bảo nhau:

– Phải. Nên kín miệng để bác ấy khỏi ngại.

– Chúng tôi đều là người đứng đắn cả. Không phải hạng bép xép ba hoa đâu. Bác chớ ngại.

– Thế thì tôi xin nói. Nhưng các bác có hứa kín đáo không?

– Hứa. Hứa tất. Nói đi.

– Này nhé. Tôi e không khéo thành Tây Sơn đã bị nhà Nguyễn đánh vỡ rồi, vua anh mới vội vã chạy ra đây như thế.

– Ờ nhỉ! Có thể mà mình cũng không nghĩ ra.

– Dám lắm! Bác nói có lý hơn cái ông hồi nãy.

– Thế thì anh em họ ở luôn lại Thăng Long rồi. Liệu lo học chữ Nôm thôi!

– Sao thế?

– Vì tôi nghe nói họ rất sành Nôm.

– Nôm na là cha mách qué. Quý gì cái thứ đó mà học! Thèm vào!

– Rồi tới lúc bác phải học vội học vàng cho xem.

Lãng nghe các thầy đồ gàn dở bàn tán với nhau, vừa tức cười vừa tức giận, nhưng anh không thể chen vào câu chuyện được. Cái giọng Qui Nhơn lạ tai

sẽ tố cáo anh là dân Đảng Trong. Cho nên Lãng bỏ đi.

*

Họ có về thực không? Nếu có về thì chừng nào?

Đó là hai câu hỏi của miệng của dân Thăng Long, từ vua Lê cho đến anh chèo đò trên sông Phú lương.

Trong hai câu hỏi đó, câu thứ nhất là chính. Và đối với câu hỏi chính yếu quan trọng này, mỗi người tự trả lời theo ước vọng, thân thể của mình. Đa số dân nghèo thì muốn Tây Sơn ở lại. Lý do? Dễ hiểu. Triều đại nào thì họ cũng phải làm vãi mồ hôi thì mới có chút gì bỏ vào miệng. Nhưng dưới triều vua Lê chúa Trịnh, họ đã được hưởng quá nhiều

nhục nhằn cay đắng rồi. Một lớp là bọn tham quan. Một lớp là bọn lính Tam phủ. Dân nghèo hời lòng hời dạ khi thấy cái ách tưởng phải mang đến nghìn đời, đột nhiên, một sáng một tối, gãy vỡ như một thân cây mục. Có thể chứ! Chẳng lẽ Trời Xanh không có mắt! Nhất định là trong đại nội Trung hòa (cung vua Lê) và phủ Chúa sẽ có một người nào khác ngồi thay, một người mặc áo gấm chứ không phải dân áo chàm như họ. Nhưng ít ra họ còn có một niềm tin, một hy vọng: là cái ông áo gấm mới này sẽ khác mấy ông cũ. Nhất là theo những điều họ nghe phong thanh, thì anh em Tây Sơn cũng xuất thân dân nghèo như họ. Kẻ bắc người nam, nhưng họ chia sẻ niềm hãnh diện dân đen với phong trào Tây Sơn tận xứ Qui Nhơn xa xôi. Có thể chứ! Chẳng lẽ chỉ có những kẻ sinh ra trong bọc gấm mới có thể ngồi trên thiên hạ được sao?

Nếu thế thì trời sinh dân nghèo ra làm gì? Nghĩ như vậy, nên đa số dân nghèo ước mong Tây Sơn ở lại.

Lớp vương công, tôn thất và bọn quan lại triều cũ, dĩ nhiên, là mong quân Tây Sơn rút về Nam. Nhất là dòng họ và tay chân của nhà Trịnh. Họ thấy trước nhà Lê không có chỗ dựa nào khác ngoài sự hiện diện của Tây Sơn tại Thăng Long. Tây Sơn đi, vua Lê lại phải cần đến phủ Chúa. Cho nên chưa gì họ đã lén chiêu tập tay chân, cất giữ gươm giáo để, hễ Tây Sơn đi khỏi, là tìm một người dòng họ Trịnh mà phù để lót đường công danh. Tây Sơn còn ở lâu, hy vọng của họ càng mòn mỏi. Chính họ là những người mạnh miệng hơn ai hết để bênh vực vua Thái Đức ở các cuộc bàn tán: họ cương quyết bảo Qui Nhơn rất vững, vua Thái Đức rất hiểu biết, những lời

nhà vua nhấn nhủ các quan triều là rất chân thành, và chẳng bao lâu nữa, có thể đêm nay, hoặc đêm mai, Tây Sơn sẽ rút khỏi Thăng Long. Những người có cảm tình với họ Lê cũng mong Tây Sơn rút về, nhưng rút chậm chậm, để nhà vua trẻ thiếu kinh nghiệm có thì giờ chiêu mộ quân sĩ, tạo thanh thế để đứng một mình, không cần đến họ Trịnh.

Người bị câu hỏi thứ hai (lúc nào Tây Sơn rút về) dày vò nhiều nhất, là Nguyễn Hữu Chỉnh.

Dù cố gắng hết sức, Chỉnh vẫn không thể biết lúc nào hai anh em Tây Sơn về Nam.

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy rõ là cả nhà vua lẫn Thượng công không tin mình. Vua Thái Đức ra Bắc đã năm ngày, mà các cuộc họp quan trọng của Tây Sơn

không có Chỉnh dự. Chỉnh biết chắc hẳn có những cuộc họp đó, vì Tả quân Nhậm đã cố ý cho Chỉnh biết tin đã có những cuộc họp ấy. Họ đã bàn những gì? Số phận mình ra sao? Hữu quân biết nếu không có anh em Tây Sơn thì mình khó lòng ở lại với dân Bắc Hà. Đây là một vấn đề sinh tử. Vì vậy, Hữu quân tìm mọi cơ hội xin gặp vua Thái Đức, để dò cho được ý định của nhà vua.

[Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 120] Sau bữa hội kiến với vua Lê, một hôm Nguyễn Nhạc bảo Chỉnh xem ngày để mình vào Thái miếu làm lễ. Chỉnh xin chờ đến sau Tết Trung thu, vua Thái Đức bằng lòng. Chỉnh vin vào đó, tin rằng thế nào nhà vua cũng ở lại đây đến sau Rằm tháng Tám.

Hôm khác, nhân nói chuyện hôn nhân, nhà vua đùa cợt bảo Chỉnh:

– Chú Tám ra đây, người làm mối cho người vợ đẹp. Còn ta thì không.

Nguyễn Hữu Chinh thưa:

– Chỉ sợ Thánh thượng chê gái Bắc Hà quê mùa mà thôi. Nếu như Thánh thượng rộng lượng bao dung, điều ấy cũng không khó.

Nhà vua cười:

– Thế thì người còn nợ ta đấy. Phải trả mau đi!

Một lần nữa, Chinh thấy lời lẽ vua Thái Đức có vẻ nhàn hạ, nên yên lòng xin lui về.

✱

Vì lệnh cấm đi lại ban đêm rất

nghiêm, nên các quán rượu và ca lâu phải mở vào ban ngày, khách đến đông nhất vào buổi chiều, hầu hết là quân lính Tây Sơn và bọn các lái bắt đầu mon men vãi tiền ra chiêu đãi các quan Tây Sơn để xin các đặc quyền mua bán. Lính trơn thì đến các quán rượu xập xệ cất ghé vào bờ thành, hoặc các quán ăn mở trong các nhà thế gia gặp vận rủi trong bao cuộc thăng trầm trước đó, chủ nhà bỏ đi lánh nạn, con cháu hoặc tôi tớ ở lại mở quán làm kế mưu sinh. Các quan Tây Sơn dĩ nhiên phải đến các tửu quán sang trọng, kín đáo hơn, có ca nữ hoặc phường chèo giúp vui. Giá một bữa rượu có nghe hát lên thật cao, nhưng các quan khỏi phải mất công móc hầu bao. Đã có bọn các lái chịu hết mọi phí tổn.

Quán thường mở cửa vào giờ Ngọ vì suốt buổi sáng, quân lính Tây Sơn khô-

ng được ra khỏi trại. Đầu giờ Dậu phải lo sửa soạn đóng cửa: hể đúng giữa giờ Dậu, lúc trời bắt đầu chập choạng là trống thu quân ở các trại đồng loạt đổ liên hồi. Lúc đó, khung cảnh Kinh thành xao xác chẳng khác nào cảnh đê vỡ: chợ tan nhanh, những bà nội trợ tất tả chạy vội về nhà, cửa liếp trên các phố khép mắt, những anh lính Tây Sơn dìu vội người bạn say cho về kịp khi cửa trại còn để ngỏ, chuyển đồ ngang cuối cùng tách bến. Tất cả đều cuống quít hối hả như những con gà con tìm nhanh một xó tối lúc chạng vạng, mọi chuyện chưa xong hãy để đến lúc chen chúc trong tổ ấm hãy rủ rỉ tỉ tê hoặc cần nhằn dần vật lẫn nhau. Cuộc vui, nhất là các tiệc rượu có ca nhi, trong cảnh trời sáng nắng gắt thật nghịch thường. Hơi rượu say, mồ hôi vã ra ướt hết quần áo (vì thường thường chủ quán đóng hết cửa lại thấp nển để

tạo không khí ban đêm), cho nên ai nấy đều có cảm tưởng bề bàng nôn nao do ý nghĩ đây là cuộc vui cuối.

Hôm ấy, Lợi được một bọn các lái mời dự tiệc rượu sang trọng trong một ca lâu bên cạnh hồ Giám. Đi với Lợi có thêm vài quan Tây Sơn lo việc quân lương, và hai vị tướng có phận sự kiểm soát các ngả ra vào Thăng Long. Tất cả đều là bạn quen biết cũ với nhau, nên không ai phải e dè giữ gìn với ai. Bọn các lái đứng ra tổ chức tiệc rượu báo trước chiều nay có một ca nữ vốn là cung nhân trong đội nữ nhạc phủ Chúa đến hầu đàn Nguyễn. Lợi chẳng biết đàn Nguyễn là đàn gì, nhưng nghe nói những bản đàn nàng gảy vốn là những khúc tấu trong nội phủ cho bậc vương giả nghe, dân gian chưa ai được hân hạnh, nên hăm hở chờ đợi.

Chủ quán báo cho quan khách biết

đến giờ Thân nàng ca nữ mới tới nên câu chuyện trên tiệc rượu cứ dùng dằng rời rạc vì chờ đợi. Bọn các lái tìm mọi cách hướng vào chuyện làm ăn, các quan Tây Sơn thì chỉ muốn biết trước thân thế của ca nữ. Dĩ nhiên kẻ bỏ tiền đều là người từng có nhiều kinh nghiệm thù tiếp và luôn lọt lấy lòng các quan, bất cứ là quan lại thời nào, nên chuyện làm ăn trong hơi men tiến triển dễ dàng. Lời đối đáp như lửng lơ, nhưng thực ra, mỗi lời đều có sức nặng của những túi gấm chứa nghìn quan.

– Gớm, bẩm quý quan, chúng tôi có đặt trước cả nửa tháng mà tiệc rượu hôm nay vẫn chưa được như ý đấy ạ. Xin trình trước để quý ngài thứ lỗi cho. Rượu chưa được là thứ hảo hạng...

– Không. Ta thấy rượu ngon đấy chứ. Rượu nồng, uống xong thật lâu vị

ngon ngọt vẫn cứ lan man ở cổ họng.
Bác có thấy thế không?

– Vâng. Ngon. Ngon lắm. Hình như
không phải rượu ta thì phải!

– Dạ. Chúng tôi đâu dám vô lễ đến
nổi đem rượu ta ra mời quý quan. Rượu
Tàu bán ở phố Hiến, vâng, đúng là rượu
Tàu. Giá mỗi hũ da lươn nhỏ thế này
là... mà thôi, tiền bạc có đáng gì, đáng
nói là cái hậu tình của chúng tôi đối với
quý ngài. Ông bạn đây phải mất cả tháng
mới tìm ra mấy hũ ở phố Hiến. Vâng,
phố Hiến thủ phủ của trấn Sơn nam đấy.
Xin lỗi tôi mãi nói chuyện rượu quên
mất chuyện chính. Lúc này tôi bảo tiệc
không được như ý, ngoài rượu ra, còn
chuyện đồ nhắm nữa. Nhà hàng trễ mất
chuyến đồ sớm, nên thịt mua không
được tươi. Thịt bê phải lấy lúc còn nóng
hổi thì mới ngon. Đằng này... chú lái đò

mới ra nghề lại tưởng quý quan... Tôi nói điều này không biết có sai trái gì không ạ?

– Ông cứ nói đi. Ở đây anh em với nhau cả. Nếu có sai thì đổ diệt cho thần men. Ha ha...

– Các ngài đã cho phép, tôi mới dám. Số là từ mười hôm nay, mỗi đêm cứ đến canh một, trong trại quân của quý ngài lại nổi chiêng trống vang trời. Sang canh hai chỉ còn thừa thớt vài tiếng, từ canh ba trở đi tuyệt nhiên không có tiếng nào. Chúng tôi quen rồi, biết đầu hôm quý ngài cho đánh chiêng trống cho vui, đến gần khuya thì bớt đi cho dân Kinh thành được yên ngủ. Đây là quý ngài thương đến cả giấc ngủ của con dân mới cư xử tế nhị thế. Nhưng chú lái đò lại tưởng... lại tưởng...

– Việc gì mà ngại. Chú ta tưởng chúng tôi thế nào?

– Chú ấy tưởng quý ngài đã về Nam rồi, sợ Kinh thành hỗn loạn làm khổ lây đến chiếc đồ của chú. Nghe đâu lần trước nhiều người chen lên đồ chú ta nên đồ chìm, nan đồ rách, chú ấy tốn khối tiền mới vừa tu bổ được. Chú ấy dè dặt, chờ trời thật sáng xem có động tịnh gì không mới cho đồ vào bến. Thế là hàng rượu trễ mất một bữa thịt ngon. Thịt bê cắt lúc mới lấy huyết xong đem ướp gia vị, ăn mới thật ngọt.

– Ông yên chí. Chúng tôi chưa vội về đâu. Vua chúng tôi chưa xem hết được cách cấy gặt và phong tục Bắc Hà, về thế nào được. Chuyện gì các ông đang tính, hãy yên lòng tính tiếp.

– Vâng. Chúng tôi cũng mong thế.

Nhưng... buôn bán trong thời loạn cũng giống như gái lấy chồng khờ, chẳng biết thế nào mà đoán trước được. Ngại lắm.

– Các ông ngại gì nào?

– Dạ linh tinh đủ thứ không biết nói thế nào cho hết. Nói ra lại sợ các ngài cho là lắm lời, tiệt rượu mất vui đi.

– Thì ông cứ nói cho biết, xem chúng tôi có giúp được gì không. Uống với nhau một chén rượu đã thành người tri kỷ. Huống chi các ông với anh Lợi đây không phải là người xa lạ.

– Hay là... để chốc nữa nghe hát xong hãy hay!

– Cô ấy chừng nào tới?

– Dạ khoảng giờ Thân.

– Giờ Dậu chúng tôi phải về trại

rồi. Không kịp đâu. Ông cứ nói ngay, xem chúng tôi ở đây có ai giúp được gì không? Đã bảo chờ ngại gì cả.

– Dạ, quý ngài đã truyền thì chúng tôi không dám không vâng. Số là...

Và chuyện thỏa thuận với nhau để các trạm kiểm soát cho phép các lái chuyên chở hàng hóa, lương thực từ các ngã về Thăng Long dễ dàng, không khám xét rắc rối, không đòi hỏi giấy tờ phức tạp, không dỡ hàng xuống để tìm vũ khí bất hợp pháp, không nài giờ sớm giờ trễ... đã hoàn tất chóng vánh trước khi cuộc đàn ca bắt đầu.

✱

Nàng ca nữ người thấp, má bầu, trán giô, mặt gãy, không đẹp lắm, nhưng

nước da trắng, lại khéo trang điểm nên hàng lông mày cong thanh nhã, má đôi phấn hồng mơn như cánh hoa đào. Nàng mặc áo hồng, quần sắc túy, hơn hơn có bề phong tao. Ánh bạch lạp chiếu lên đôi mắt ướn lóng lánh vừa đa tình vừa có vẻ khinh bạc. Gian phòng kín cửa nóng bức, tuy có một cô hầu nhỏ theo quạt nhưng mồ hôi rướm ra da mặt, càng làm cho các quan Tây Sơn có cảm giác như đang ngắm một cánh hoa vừa nở trong sương sớm, giọt móc còn đọng trên từng đài hoa mầu phơn phớt hồng. [Dựa theo bài “Long thành cầm giả ca” của Nguyễn Du]

Lợi thấy cây đàn Nguyễn cô mang đến chỉ là cái đàn Nguyệt mà thôi. Vì sao gọi là đàn Nguyễn thì Lợi không dám hỏi vì sợ dân Bắc Hà chê anh dốt. Nàng ca nữ ngồi ở góc chiếu, ôm cái đàn Nguyễn

trước ngực, mắt nhìn chếch lên trần nhà mờ màng như muốn quên hết cái cảnh rượu thịt và lũ ngu phu trước mặt. Nàng ôm đàn lặng lẽ như thế thật lâu. Khách nghe không ai dám thở, chú ý quan sát thái độ lắng đọng thần thánh của nàng.

Rồi đến lúc mọi người mất kiên nhẫn, nàng bắt đầu dạo đàn. Không có khiêu thẩm âm như Lợi mà cũng bị tiếng đàn cuốn hút. Những ngón tay trắng nuột buông bắt thoăn thoắt trên phím đàn, khi khoan khi nhặt, lúc thông thả, lúc hối hả dồn dập. Tiếng trầm thì chậm rãi, ơ hờ, tiếng trước buông ra loang động dài lâu rồi tiếng sau mới tiếp nối. Tiếng thanh thì vút lên cao trong lúc ca nữ nhắm nghiền đôi mắt, khuôn mặt ươn ướt mồ hôi ngưng cao như cổ với lên, với cao lên nữa, cho bay kịp theo âm thanh chót vót. Dáng ngồi, mấy ngón tay trên phím

đàn, đôi môi hở để lộ hàm răng ngọc hay
mím lại cố gắng, hơi thở theo nhịp tấu,
cách cúi xuống hay ngẩng mặt lên, đôi
mắt long lanh đam mê hay khép lại, tất
cả đều trở thành nhạc. Chỉ còn là nhạc,
không còn là hình, sắc, là rượu, là hơi
nóng ngọt ngạt. Không còn tốt xấu, chủ
khách, phải trái, bắc nam. Không còn
toan tính lời lỗ. Không còn giờ, khắc,
ngày đêm. Không còn gì! Không còn ai!
Chỉ có nhạc! Nhạc! Nhạc!

Và khi ca nữ trườn người tới trước,
mấy ngón tay bấm mạnh vào phím đàn
gần đến bật máu, đôi mắt hốt hoảng mở
lớn như chơi với tuyệt vọng trước phút
cuối khủng khiếp, mồ hôi vã ra chân
tóc quần áo, và mấy ngón tay phải lướt
mạnh trên mấy dây đàn để phát âm cuối
cùng, thì mọi người đều giật mình, bàng

hoàng xúc động như vừa đi qua một giấc mộng kỳ thú.

Cử tọa đưa nhau khen ngợi, tiền thưởng quăng đầy khắp chỗ nàng ngồi. Nàng ngồi đó, cây đàn vẫn ôm trước ngực, mỉm cười nhìn khắp mọi người như lần đầu gặp những kẻ phạm tục xa lạ đáng khinh bỉ.

Lợi hứng chí rót đầy một chén rượu đến mời nàng. Ca nữ không chối từ. Rồi lần lượt các quan Tây Sơn rót rượu đưa đến. Nàng lại không chối từ ai. Chén nào cũng uống cạn, và uống rất khéo. Không một giọt rượu vụng tràn ra khóe miệng. Càng uống da nàng càng hồng, và cái nhìn càng long lanh một vẻ thách đố khinh bạc. Lợi van nài hỏi tên. Nàng không đáp, chỉ bảo mình có duyên nợ với đàn hát nên cứ gọi là cô Cẩm. Các quan Tây

Sơn khác, người hỏi một câu, cô Cẩm nhìn thẳng vào mặt từng người trả lời một cách dí dỏm và sâu sắc. Nếu không có Lãng đến tìm Lợi, chắc cả bọn không ai ngờ là trống thu quân đã đổ từ lâu rồi!

✱

Lãng căn nhắc với anh rể:

– Tìm anh khắp cả. Chúng nó bảo anh đi uống rượu, nhưng biết quán rượu nào mà tìm. Sau có một đứa bảo gần hồ Giám có một ca lâu vừa mới mở, các quan Tây Sơn thường đến đó lắm. Em cứ liều đến đây thử xem, trong lòng nghĩ anh công sức dẫu đi xa như vậy. Ai ngờ...

Lợi liền láu nói để che lấp ngượng ngùng:

– Bậy quá. Vì quá nể mới vậy. Họ van nài mãi, chẳng lẽ không đến. Trống thu quân điểm từ lâu rồi à? Ngồi chỗ kín bên trong thắp bạch lập, nên không biết bên ngoài trời hay trăng. Phiền Lãng nhỉ. Đi có mệt không. Từ phủ đến đây đâu có xa lắm. Sao không dùng ngựa? Hôm nay không có Lãng, tiếc quá! Anh chưa bao giờ nghe được những khúc nhạc tuyệt vời như vậy. Cung nữ của đội nữ nhạc trong Vương phủ có khác. Đúng lý ngoài việc tìm biết nhân tài Bắc Hà, mình cũng nên tìm cách thu dụng các ca nữ ngày trước đàn ca trong Vương phủ. Bỏ họ, là phí của trời. Tiếc quá. Nếu Lãng đến sớm một chút... Giọng Lãng gay gắt:

– Thượng công sai tìm anh gấp.

Lợi bắt đầu lo sợ:

– Chuyện gì thế?

– Không biết.

– Thượng công hay Hoàng thượng?

– Thượng công. Hoàng thượng bận tiếp ông Chỉnh.

– Ủa! Hoàng thượng cho vời Hữu quân đến từ sáng mà!

– Vâng. Từ sáng đến giờ vẫn chưa thấy ông Chỉnh về. Không biết có việc gì gấp mà không ai được đến gần điện Chánh tẩm cả.

– Thế à? Có Thượng công dự bàn không?

– Không.

– Thế Lãng gặp Thượng công ở đâu mà Thượng công truyền đi tìm anh?

– Thượng công đi tuần tra khắp các trại. Anh Lợi này!

– Gì thế Lãng?

– Hình như...

– Hình như gì? Sao đang nói, Lãng lại im?

– Có lẽ ta sắp rút quân đấy.

Lợi giật mình ngưng bước, trở mắt nhìn Lãng:

– Ai bảo thế? Thượng công à?

– Không. Nhưng thấy có lệnh thu quân gấp, và lệnh chuẩn bị sắm sửa nai nịt, hành trang. Toàn thể quân sĩ không được ra khỏi trại tối nay, trừ những người có phận sự ở các điểm canh. Mình chạy thôi, trễ quá giờ Dậu chắc gặp khó với các trạm gác.

Nói xong, Lãng chạy trước. Lợi tỉnh cả rượu, trời lạnh mà mồ hôi tháo ra như

tắm, vì sợ. Lợi chạy kịp Lãng, vừa thở vừa hỏi:

– Thượng công có vẻ gì giận dữ không?

– Không biết. Nhưng có vẻ gấp lắm.

– Thế thì đúng là sắp rút rồi. Lãng này!

– Gì anh?

– Đừng trình là gặp anh ở ca lâu nhé.

– Thế thì trình ở đâu?

– Bảo là đang... là đang... là đang tuần tra kho lương.

– Kho lương nào?

– Kho nào mà chẳng được. Bậy thật. Biết trước thế này...

– Chạy nhanh lên. May ra kịp về phủ trước khi hết giờ Dậu.

Đúng lúc đó, chiêng trống ở trong một trại quân bắt đầu vang lên. Lợi nghe được, đứng dừng lại, vui mừng bảo Lãng:

– Đâu có. Vẫn nổi trống như mọi hôm mà! Lãng lầm rồi! Đêm nào dân Thăng Long cũng lầm như thế. Nửa đêm không nghe chiêng trống tưởng ta đã rút đi. Đến sáng thấy dinh trại vẫn y nguyên.

Lãng bực dọc nói:

– Thì anh cứ về phủ xem Thượng công gọi đến làm gì. Coi chừng, anh nói còn sắc mùi rượu.

✱

Đến khuya, vua Thái Đức mới thả

cho Nguyễn Hữu Chỉnh ra về!

Cả ngày vua tôi hàn huyên về đủ thứ chuyện, từ thời tiết mùa màng cho đến những chuyện thật lắm cảm riêng tư như sự khác nhau giữa gái Bắc Hà và gái Nam Hà. Trước khi chia tay, câu chuyện đang nhùng nhằng trong đàn ca hát xướng. Cho nên lúc Chỉnh ra về, vua Thái Đức vẫn còn cố dặn:

– Thế nào ngày mai ông cũng phải chép cho ta bài Quan họ đó nhé! Bài gì bắt đầu bằng câu “Thuyền ai thấp thoáng” đấy. Gì nữa nào?

– Tàu Hoàng thượng “Thuyền ai thấp thoáng bên sông”.

– À phải. “Thuyền ai thấp thoáng bên sông”. Ông hát lại cả bài một lần nữa đi. Ta thích bài Quan họ đó quá.

Nguyễn Hữu Chinh đành phải hăng giọng rồi hát:

Thuyền ai thấp thoáng bên sông

Tôi chờ tôi đợi tôi mong đợi dò

Gọi dò chẳng thấy dò sang

Tôi chờ tôi đợi dỏ dang chuyển dò

Lần thẩn lơ thơ

Tôi đứng bên bờ

Ra ngăn lại vào ngõ...

Vua Thái Đức vỗ tay khen:

– Hay. Hay tuyệt! Có lẽ ông phải tìm cho ta một người Giáo phường thật giỏi để ta đem về Qui Nhơn mới được. Ông tìm được không?

– Tàu Bệ hạ, được ạ!

– Chùng nào?

– Chắc cũng hơi lâu, tàu Bệ hạ. Vì phải tìm cho được người thật giỏi, cả đàn lẫn ca.

– Lâu cũng được. Ông còn hứa tìm cho ta một cô vợ Bắc nữa mà. Hay thế này là nhất cử lưỡng tiện. Tìm cho ta một cô vợ hát Quan họ thật giỏi, thanh sắc vẹn toàn. Được không?

Nguyễn Hữu Chinh đáp:

– Xin vâng lệnh Bệ hạ!

– Nhớ nhé. Thôi được rồi! Ông đã nhớ thì ta cho ông về. Kẻo khuya.

Về đến nhà, Nguyễn Hữu Du con Chinh lo lắng báo với cha:

– Hình như chúa Tây Sơn sắp về đây, cha ạ!

Nguyễn Hữu Chỉnh giật mình, quay lại hỏi:

– Ai bảo mày thế?

Du thấy cha hoảng hốt, đâm ngại, lúng túng nói:

– Không ai bảo con cả. Nhưng... nhưng con có cảm giác là họ sắp đi. Chiều nay họ thì thảo với nhau ngoài phố, rồi lũ lượt kéo nhau về trại, ra vẻ khẩn cấp. Có thể khuya nay họ rút cũng chưa biết chừng!

Chỉnh hoang mang bảo con:

– Ta suốt ngày ngồi hầu, trò chuyện với nhà vua thật nhàn hạ. Sao lại có chuyện lật đật như vậy? Từ tối đến giờ,

các trại quân Nam có gì lạ không?

– Dạ không. Vẫn y như các đêm trước.

– Thế thì rõ ràng mày là thằng nhát gan! Mày sợ bóng sợ gió.

– Thưa cha...

– Thôi khỏi cần nói gì nữa. Mày sợ phỏng? Thôi được. Bảo bọn thám tử đi quanh một vòng xem sao!

Nguyễn Hữu Du rụt rè đáp:

– Con đã sai đi rồi, nhưng vừa đến điểm canh đầu tiên, đã bị chặn lại.

– Chúng có xưng là người của Hữu quân không?

Du lâu bầu đáp:

– Dạ có. Nhưng...

– Rồi họ bảo thế nào mà không đi được?

– Chúng nó hỗn lắm!

– Hỗn là thế nào?

– Tụi quân Tây Sơn ở điểm canh bảo “Bình phù của Hữu quân à? Hữu quân! Rồi ít lâu nữa mày chống mắt lên mà xem quan Hữu quân của mày”.

Nguyễn Hữu Chỉnh cười hể hể, thản nhiên bảo con:

– Lại gặp tay chân của thằng Nhậm chứ gì. Mày biết thừa là hắn ghét tao. Nhưng nếu mày muốn yên tâm, lâu lâu sai chúng đi xem một vòng thử sao.

✱

Đêm ấy vào khoảng canh năm, thám tử của Chỉnh liêu mạng thử đi qua mấy điểm canh, vừa đi vừa nghe ngóng, nhưng đâu đâu cũng không thấy có tiếng người. Quanh đến cửa phủ, nghe khắp bốn mặt, cũng chẳng thấy bóng người nào, mà gạo vỡ, nồi mễ lỏng chống vát đầy đường. Bọn họ vội đi ra bến sông; chỉ có trời nước mênh mông, trăm vạn thuyền lâu hôm nọ không biết đi đâu hết cả! Lập tức các thám tử về báo với Chỉnh. [Lấy y theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 121, 122]

Chỉnh nghe tin đó, trong bụng cực kỳ phân vân, tự biết mình đã thất thế. Ở lại thì không dám, mà bỏ đi cũng khó. Thủy không có thuyền, bộ không có quân. Trốn không có chỗ chui. Đi đường nào đây! Trong lúc sống chết kinh khủng

như vậy, Chỉnh cố nói đùa cho cả nhà vững dạ:

– Ta đi khắp chín châu bốn bể, đến lúc trở về xó bếp lại bị chuột chù cắn chân. Không sợ. Không sợ. Ta cứ ở đây xem sao!

Cả nhà nghe Chỉnh nói thế, cũng tạm yên lòng. Chỉnh sai ngầm mấy tên thủ hạ ra bến Cơ xá tìm thuyền. Sáng ra, kiếm được một chiếc thuyền buôn, họ liền báo với Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh liền đem cả mấy chục thủ hạ cùng ra cửa ô Tây long. Người ở kinh đô tứ phía kéo ra đuổi bắt. Chỉnh tự vác gươm ra sức đánh đuổi, người kinh thành mới sợ chạy tản ra các ngả. Chỉnh liền cướp đường xuống bến đò, thả thuyền thuận gió ra biển để theo quân Tây sơn. Còn xe ngựa, khí giới và đồ đạc bỏ lại ở chùa Tiên Tích thì không biết bao nhiêu mà kể.

Sáng ra có người đem những chuyện đó tâu với vua Lê.

Tự hoàng vẫn không tin. Sau khi cho người đi xem và thấy báo là đúng sự thật, Tự hoàng hết sức kinh ngạc, vội cho đòi các quan vào triều và hỏi:

– Anh em hăn cướp hết nước ta mà đi, để cái “nước không” lại đây cho ta. Nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chố?

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, không biết trả lời thế nào. Chợt có người tâu:

– Hôm qua vâng chỉ truyền: sớm nay thiết triều. Bây giờ ngự giá đã tới, dám xin nhắc lại.

Nhà vua lại hỏi các quan:

– Có nên thôi phiên chầu này chăng?

Các quan đều nói:

– Hoàng thượng ra triều để ban chiếu chỉ đổi Niên hiệu, đó là việc lớn, sao lại thôi?

Nhà vua bèn ra ngự triều, rồi ban tờ sắc công bố việc đổi Niên hiệu, lấy năm sau tức năm Đinh Vị (1787) làm năm đầu Niên hiệu Chiêu Thống. Trong tờ sắc đó, chỗ nào cũng “nhờ quý Quốc vương” “nhờ quý quốc Thượng công”, giọng văn đại để đều là lời nói khi vua Tây Sơn còn ở lại. Bên trong lại có nhiều đoạn kể lỗi họ Trịnh. Lúc đó có người bàn: Hẳn đã về rồi, thì những chỗ kia nên đổi lại cả.

Nhưng trong khi vội vàng không thể đổi kịp, tờ sắc cứ để y như cũ mà công bố.

Chương 71

Xa giá vua Thái Đức và Thượng công Nguyễn Huệ về Nam bằng đường bộ, đến Thanh hoa thì nhà vua ra lệnh cho Chiêu viễn hầu Vũ văn Dũng tịch thu kho tàng của họ Trịnh ở phủ Yên trường mang về Qui Nhơn. Dũng cũng được lệnh rút quân về đóng ở Bồ chính.

Đến dinh Vĩnh (Nghệ An) xa giá dừng lại khá lâu vì chưa giải quyết xong một vấn đề quan trọng là có nên chiếm giữ Nghệ An hay không. Đối với tướng

sĩ, nhà vua tươi cười bảo đây là quê cha đất tổ của dòng họ mình, nên muốn lưu lại đây ít lâu để hít thở không khí quê hương xem có khác với không khí Qui Nhơn không. Nguyễn Nhạc còn cho vời các bô lão từ huyện Hưng Nguyên lên để dò hỏi tông tích của dòng họ, lập lại gia phả để con cháu sau này hiểu được ngọn ngành. Mọi người được dịp dừng chân nghỉ mệt sau mấy ngày hành quân ráo riết. Và dân Nghệ An khổ sở không ít vì đạo quân khai hoàn ấy.

Cùng lúc đó tại dinh Vĩnh, vua Thái Đức và Nguyễn Huệ bàn cãi với nhau liên miên về chuyện Nghệ An. Nguyễn Huệ thưa với anh:

– Ở Thăng long mình đã hứa “đất của nhà Lê thì một tấc mình cũng không lấy”. Lời đó bay khắp Bắc Hà, thiên hạ đang quay về Nam nhìn đôi xem ta có

thành thực làm việc tôn phù hay không.
Bây giờ, nếu...

Nguyễn Nhạc cắt lời em:

– Chú chừng ấy tuổi đầu, tự tay chú xô ngã cả hai triều đình, mà chú còn ngây thơ như thế sao? Đất của nhà Lê? Thế nào mới là đất của nhà Lê? Giả sử không có họ Trịnh thì liệu nhà Lê có nường nấu bao lâu nay tại điện Trung hòa được không? Hay là không còn lấy một miếng đất cắm dùi?

– Nhưng chính anh cũng nhắc đến công mở mang bờ cõi của Lê Thế tổ.

Nguyễn Nhạc tức giận nói:

– Dĩ nhiên là ta phải nói như vậy. Coi gió bỏ buồm. Chẻ tre nghe gióng. Cũng như chú tưởng thầy trò chúng nó thực tâm dâng cho ta vài quận quốc

để khao quân hay sao? Chú lắm. Ngoài miệng thì nhún nhường khúm núm thế. Ngoài miệng thì một điều do ơn Thánh thượng, hai điều do ơn Thượng công, nhưng trong lòng chúng nó nghĩ gì chú biết không?

Nhà vua chờ cho Huệ trả lời. Thấy em không nói gì, nhà vua tiếp:

– Chúng nó nghĩ: “Này, quân cướp nước. Chúng bay muốn lấy trấn nào thì bảo ngay đi. Thí cho chúng bay đấy. Lấy xong, thì cắt khỏi Thăng Long cho rảnh mắt. Rề rà mãi”.

Nguyễn Huệ thấy anh đánh giá mình quá thấp, nên nói:

– Em không dại khờ gì tin vào những lời nói đầu môi chót lưỡi. Nhưng điều ta phải nghĩ tới, là chuyện về sau.

Ta rút đi rồi, thế nào Tự quân cũng không đủ sức chống nổi bọn tay chân của nhà Trịnh, bọn lưu manh và bọn tướng tá tham quyền. Không biết chừng ngay lúc này đây, Thăng Long đã loạn như cảnh vỡ đê rồi. Tự hoàng nhất định là muốn có thực quyền mà không có thực lực. Bọn lão tướng có quân lại không có danh. Sẽ có phe dựa vào vua Lê, và cũng có phe muốn dựng lại phủ Chúa. Dân Bắc Hà hoang mang biết tin vào ai đây? Tin vào Nguyễn Hữu Chỉnh à? Chưa chắc hẳn sống sót được với dân Bắc Hà sau khi ta rút khỏi Kinh thành. Mà dù hẳn có thoát chết thì cũng không ai tin hẳn. Thiên hạ lại trông chờ chúng ta. Bây giờ ta lấy Nghệ An, thì trước mắt họ, ta còn đáng tin nữa không?

– Thiên hạ là ai? Họ là ai?

– Anh muốn hỏi gì, em chưa rõ!

– Ta muốn hỏi chú. Chú có vẻ lo lắng thiên hạ sẽ hết tin ở ta. Nhưng thiên hạ là ai? Thiên hạ nào? Chú lái đò trên sông Phú Lương hay tên lính hầu trong điện Trung Hòa? Chị bán rượu ở cửa ô hay lão đồ gàn mặc áo the rách? Là chính Tự hoàng hay người ăn xin mù lòa ta thấy ngồi ở cửa Đại Hưng? Ai? Về chuyện này chẳng lẽ chú mù mờ!

Nguyễn Huệ mím môi suy nghĩ, rồi đáp:

– Có lẽ em không mù mờ đâu. Em chỉ chú trọng đến những kẻ nhờ uy tín đạo đức, nhờ khả năng chỉ huy, nhờ tài thuyết phục đám đông, hoặc nhờ bạo gan liều lĩnh có thể làm được việc lớn, ảnh hưởng đến thế cuộc...

Nguyễn Nhạc cười lớn ra vẻ thỏa mãn, bảo:

– Chú nghĩ đúng đấy. Ta chỉ chú trọng đến cái loại thiên hạ ấy. Nếu thế, chú tưởng họ tin ta thực dạ tôn phù sao? Không. Không. Họ không tin đâu. Họ cũng phải nghĩ như ta: đất nước này là của chung. Ai đoạt được thì làm Vua làm Chúa. Làm được lâu hay mau là tùy được lòng dân hay không. Thế thôi!

– Nhưng em nghĩ lấy Nghệ An bây giờ lợi bất cập hại. Ta không lấy thì Nghệ An cũng không thuộc về Thăng Long, vì họ làm gì có đủ sức giữ được phần đất ranh giới này. Nhưng nếu ta lấy Nghệ An, thì Bắc Hà sẽ thành một khối thân thiết, chặt chẽ, vì sợ ta lại trở ra Bắc lần nữa.

Giọng nhà vua bực dọc:

– Chú tìm hết lý lẽ để khỏi phải chạm đến lòng chân ông già vợ phải không?

– Không phải thế!

Nguyễn Nhạc hỏi dồn:

– Hay chú ngại khổ? Thôi được. Chú ngại thì giao cho thằng Duệ đi (Nguyễn Văn Duệ). Hôm qua ta hỏi, nó đã khứng chịu rồi. Cái chỗ biên địa gai góc này, không ai nhận thì cứ giao cho nó. Ban đầu nó cũng hơi ngại, nhưng nghe ta bảo ở Bố chính còn có Chiêu viễn hầu và ở Đồng Hới có thằng Nhậm (Vũ Văn Nhậm), nó yên tâm. Vả lại, Bắc Hà không đáng sợ lắm đâu. Toàn một lũ quan thị nhút nhát và bọn lão tướng lắm cảm. Chỉ có Nguyễn Hữu Chỉnh là đáng ngại, nhưng chắc chắn giờ này hắn đã theo ông bà rồi!

Nguyễn Huệ cúi đầu im lặng, cảm thấy vua anh muốn đặt mình trước sự đã rồi. Vua Thái Đức chợt dạ hỏi:

– Chú sao thế?

Nguyễn Huệ cố cười gượng đáp:

– Không. Tối hôm qua em ngủ ít!

Nhà vua cười, cố lấy giọng đùa cợt:

– Chú coi chừng. Tuy là lá ngọc cành vàng nhưng cũng có gai đấy!

✱

Hai anh em không giấu được kinh ngạc khi lính hầu vào báo có quan Hữu quân xin ra mắt. Nhà vua đứng bật dậy, thảng thốt hỏi:

– Hữu quân nào?

Tên lính hầu đáp:

– Dạ quan Hữu quân Nguyễn Hữu
Chỉnh!

Nguyễn Nhạc ngờ vực hỏi:

– Hắn còn sống ư?

Nguyễn Huệ nói:

– Thằng chết bầm lại tìm được
đường sống. Thật giống như quỷ dạ xoa
kêu rêu ám ảnh, cắt không thể dứt.

Nhà vua mím môi để nén giận, một
lúc sau bảo em:

– Chú tiếp hắn nhé!

Nguyễn Huệ đáp:

– Thừa vâng. Nhưng có nên dẫn
hắn về Nam không?

Nhà vua gắt gỏng:

– Dắt theo làm gì!

Rồi vội vã vào dinh trong.

Còn lại một mình ở tiền dinh,
Nguyễn Huệ bảo lính hầu:

– Ra mời Hữu quân vào.

Nguyễn Hữu Chỉnh mới đến cửa
dinh đã vui vẻ nói với Nguyễn Huệ:

– Thượng công kín đáo quá, sáng
bánh mắt tôi mới biết. Báo hại tôi phải
thức cả đêm để chép mấy khúc Quan họ
cho Hoàng thượng!

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

– Bài hát Quan họ à? Sao lại có
chuyện đó?

Nguyễn Hữu Chinh cười tự nhiên, đáp:

– Số là tối hôm trước, Hoàng thượng có sai tôi chép lại cho Hoàng thượng mấy bài Quan họ để đem về Qui Nhơn cho Giáo phường tập. Tôi có mang theo đây.

Vừa nói, Nguyễn Hữu Chinh vừa đưa tay vào bọc áo, Nguyễn Huệ vội ngăn lại, nói:

– Hoàng thượng hơi mệt, chưa tiếp ông được. Đi đường thế nào?

– Từ bến Cờ xá ra cửa bể thì tốt. Nhưng ra khơi lại bị gió ngược. Lái thuyền lại không quen tay chèo, nên đến đây hơi trễ.

– Sao lái thuyền lại không quen tay chèo?

Nguyễn Hữu Chỉnh cười một tiếng nhỏ, rồi đáp:

– Thuyền cướp của người ta thì quen sao được!

Nguyễn Huệ cũng cười:

– “Con cắt nước” thì cần gì thuyền quen thuyền lạ! Gia quyến ông vẫn bình yên chứ?

– Cảm ơn Thượng công. Chỉ có thằng Du đi theo tôi.

Nguyễn Huệ giả vờ kinh ngạc:

– Thế thì... thế thì gia quyến phải tạm ở lại chùa Tiên Tích cả ư!

Nguyễn Hữu Chỉnh không giấu được vẻ chua chát:

– Bọn vô lại chúng nó đến cướp cả!

Nhưng không sao! Còn người thì còn của. Rồi chúng nó sẽ thấy. Không lâu đâu! Lúc nào Hoàng thượng lại dời xa giá vào Nam, thừa Ngài?

– Tôi cũng chưa biết. Ý Hoàng thượng còn muốn chờ dò hỏi cho được gốc gác ở Hưng nguyên.

Nguyễn Hữu Chỉnh vui mừng nói:

– Tôi xin trở về của Hội thống xếp đặt để lên bộ tháp tùng Hoàng thượng.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Ông lại định vào Nam ư?

Nguyễn Hữu Chỉnh cố làm ra vẻ ngờ ngác hỏi:

– Đêm hôm đó Hoàng thượng có dặn gì khác đâu! Hay là Hoàng thượng đã đổi ý?

Nguyễn Huệ ôn tồn nói:

– Ông phải ở lại đây mới được. Nay Quận Thạc, Quận Liễn vẫn chưa trừ xong. Tự hoàng thì yếu đuối. Nước Nam không có ông, không còn ai trị chúng nổi.

Nguyễn Hữu Chỉnh đã biết được điều muốn biết. Vì đã đoán trước, nên Chỉnh không chút ngạc nhiên. Dù sao, ông vẫn cảm thấy vị chát ở cuống họng, hơi thở khó khăn. Nguyễn Huệ thấy nét mặt Chỉnh dàu dàu, hơi chạnh lòng, an ủi:

– Nói thế chứ hai tên lão nhược đó chưa đủ sức làm được gì đâu. Ông chớ ngại. Ngày mai tôi sẽ sai lính đem tới Động hải cho ông một số súng đồng, súng sắt, cùng khí giới, đồ đạc cần thiết. Hiện ông có được bao nhiêu người?

Nguyễn Hữu Chinh liền đáp:

– Xin cảm ơn Thượng công. Chúng tôi không được đông, nhưng... nhưng chúng tôi sẽ tự xoay sở được.

– Hay ông cần thêm quân? Tôi giữ lại cho ông một trăm lính hộ vệ nhé? Có ít quá không?

– Để tôi mộ thổ dân mà dùng, tiện hơn. Nếu sức tôi không thể mộ được, sẽ xin đưa thư cấp báo. Bấy giờ Thượng công hãy sai tướng sai quân ra giúp tôi.

– Nhưng ông cũng cần một số tiền bạc để chiêu mộ chứ! Ông nhận tạm hai chục lạng vàng vậy. Tôi biết ông phải bỏ hết lại chùa Tiên Tích cho gia đình, nên hiện cũng lúng túng.

Nguyễn Hữu Chinh gật đầu, bằng lòng nhận số vàng. Trước khi chia tay,

Nguyễn Huệ dặn:

– Có gì ông báo ngay cho Chiêu viễn hầu. Hoàng thượng đã dặn trước ông ấy rồi. Nhớ nhé!

*

Đến Lũy Thầy vào buổi xế, và tuy có thể rán đi thêm một cung đường nữa, nhà vua hạ lệnh dừng lại nghỉ đêm tại ranh giới lịch sử này. Quân lính được món quà bất ngờ, reo hò vang trời.

Các đội tìm chỗ dựng trại để ngủ đêm. Những người phụ trách nấu nướng tỏa ra tìm củi để cho các bạn đồng đội một bữa ăn nóng, đánh dấu ngày đầu tiên đặt bước lên vùng đất quê hương. Tiếng cười nói tíu tít, tiếng gọi nhau chào hỏi, lời chúc mừng được sống sót mà trở

lại với gia đình, lời hò hẹn hợp tác trong dự tính mưu sinh sau khi xuất ngũ, bao nhiêu thứ làm náo loạn cả một góc trời.

Vua Thái Đức tạm trú trong nhà trạm cũ của Lữ Thầy, nghe tiếng ồn ào, ngạc nhiên hỏi Vũ Văn Nhậm:

– Sao tự dưng chúng nó làm náo lên vậy?

Vũ Văn Nhậm đáp:

– Thưa cha, đạo bộ binh này phần lớn gồm lính Thuận Hóa. Chúng nó qua được ranh giới phân chia Nam Bắc, nên mừng rỡ vì coi như về tới nhà được bình yên.

Vua Thái Đức ngó ra một lúc, mới nhớ lúc đến Thăng Long, xem lại các binh phù Nguyễn Huệ dâng nộp, đã thấy cơ ngũ có nhiều thay đổi, nhưng lúc đó

nhà vua giả vờ như không chú ý. Ra thế đấy! Đạo quân nòng cốt không phải là người Qui Nhơn. Nhà vua hỏi con rể:

– Chúng nó là lính mới thì đánh đấm gì được.

Vũ Văn Nhậm vội đáp:

– Dạ không. Chúng nó đánh hăng lắm. Vì suốt mười năm bị họ Trịnh chèn ép đủ đường, chúng nó căm thù quan quân Bắc Hà đến tận xương tủy. Chỉ mới nghe hịch Bắc phạt, chúng nó đã nhẩy cẩng lên vui mừng. Hôm hạ thành Phú Xuân, không có tên lính Bắc Hà nào chạy ra khỏi thành không bị dân Thuận Hóa đón giết. Có lẽ vì thế mà...

Vua Thái Đức nóng nảy hỏi:

– Vậy tội thủy binh mày đem từ Qui Nhơn ra bây giờ đi đâu cả?

Vũ Văn Nhậm rụt rè đáp:

– Dạ họ vẫn còn đó. Số thiệt hại không bao nhiêu, nhưng...

– Nhưng thế nào?

– Nhưng hiện nay chúng nó dưới quyền ông Sở (Ngô Văn Sở) và ông Lâm (Phan Văn Lâm). Một số nhỏ thì do ông Tuyết (Nguyễn Văn Tuyết) chỉ huy.

– Dưới quyền mấy thằng đó có gì lạ mà mà nói “nhưng”?

Vũ Văn Nhậm càng lúng túng hơn:

– Dạ vì... dạ thưa họ quen cách điều khiển trận mạc của chú Tám nên có vẻ như họ không thích về Qui Nhơn nữa.

Nguyễn Nhạc giật mình, hỏi:

– Sao mà biết?

– Dạ chỉ cần nghe qua cách họ nói với nhau, cũng đủ hiểu.

– Chúng nó nói với nhau những gì?

– Như ông Tuyết thì định xin căn nhà của viên Đốc thị Phú Xuân để đem gia đình từ Qui Nhơn ra. Còn ông Lân thì dò hỏi ông cử Kỷ xem gần thành có khu vườn nào rộng rãi có trồng sẵn cây ăn trái không.

– Ông cử Kỷ? Ai thế?

– Dạ một ông đồ đậu Cử nhân người Thuận Hóa. Chú Tám mới mời đến giúp việc từ hàn trước khi xuất quân ra Bắc.

– Vậy mà có nghe chú Tám tính gì không?

– Dạ không.

– Chắc không?

– Dạ khi có con, không thấy chú ấy bàn tính gì cả.

Nhà vua căn môi suy nghĩ thật lâu, đôi lông mày nhật cau lại, gương mặt bồn thần. Vũ Văn Nhậm nín thở không dám nói gì, sợ làm cho nhà vua nổi giận. Bàn tay phải nhà vua đặt trên mặt kỷ cứ nắm chặt lại rồi mở ra nhiều lần. Nhậm theo dõi cử động của bàn tay nhà vua, lo lắng chờ đợi.

Một lúc sau, vua Thái Đức nói:

– Mày vào trấn ở Đồng Hới, phải mở to mắt nhìn trước nhìn sau. Mặt bắc đã có thằng Duệ ở Nghệ An. Ta đã dặn thằng Duệ rồi. Mặt nam phải coi chừng Phú Xuân.

Vũ Văn Nhậm liền nói:

– Nhưng thưa cha, lão Cống Chỉnh lại chạy tấp vào Đồng Hới, chắc chắn trở thành mối đe dọa cho mặt bắc. Tên xỏ lá đó tráo trở, phản trắc khôn lường. Liệu ông Duệ có trị nổi hần không?

– Hần chỉ quay mặt ra Bắc, không thèm nhòm ngó phía Nam đâu mà sợ. Cho dù hần có quấy phá, cùng lắm cũng chỉ làm rộn được đến chân Lũy Thầy này thôi. Hần càng quấy, càng tốt.

Vũ Văn Nhậm ngạc nhiên hỏi:

– Sao thế ạ?

– Sau này mày sẽ biết.

Nhậm hoang mang hỏi:

– Nhưng nếu hần lôi kéo được dân Bắc Hà, điều này hần có thể làm được bằng mưu mô quỷ quyết, nếu hần xúi

nhà Lê đem quân vào đánh Lữ Thầy, mà từ đây vào Qui Nhơn xa quá...

Nguyễn Nhạc cắt lời Nhậm:

– Việc gì phải cầu viện tận Qui Nhơn? Phú Xuân làm gì?

– Cha và chú Tám về Qui Nhơn rồi, con sợ...

– Ai bảo mà chú Tám sẽ về Qui Nhơn?

– Nhưng...

– Nhưng nhụy cái gì! Chú Tám không chịu về đâu. Tao biết trước như thế nên cũng sẽ không ép. Chỉ có tao với chú Bảy (Nguyễn Lữ) về thôi.

Nhậm vội nói:

– Như vậy thì cha cho con được...

– Không. Mày và thằng Duệ phải ở lại ngoài này. Vì sao ư? Mày phải cố hiểu. Không cần phải nói nhiều.

Nhậm xúc động, ngược lên nhìn vua Thái Đức với đôi mắt biết ơn.

✱

Trong một cái lều giăng tạm sát chân Lũy Thầy, một toán chừng năm, sáu anh lính Tây Sơn đang ăn cơm tối cạnh một bó đuốc cháy bập bùng. Lũy cao che được giá buốt, nên ngọn lửa vươn lên cao tự nhiên. Lâu lâu gặp một cành cây tươi rỗng ruột, lửa yếu đi, và phát ra những tiếng nổ lép bép.

Trên mấy cái lá đa to chập lại làm mâm, chỉ có một chảo cơm hẩm và một con mắt gói trong lá chuối. Chén bằng

gáo dừa, còn dừa là những cành cây nhỏ còn tươi họ bẻ vội đầu đó, có lẽ dọc đường đi, hay tại một bụi cây dại gần bờ lũy. Bữa cơm đạm bạc, nhưng niềm vui hồi hương khiến cho miếng ăn ngon hẳn lên. Câu chuyện nổ như bắp rang, lẫn lộn đủ thứ đầu cua tai nheo.

– Này, hình như cơm hơi sống thì phải.

– Đầu có. Chỉ hơi khô thôi.

– Sống chứ. Cậu ăn thử cục cơm này coi!

– Cơm mà ăn thừa lại đưa cho tao à. Thằng này hỗn.

– Ha ha! Mà đòi lấy em gái tao mà dám chê tao hỗn. Thế là mà mất vợ rồi. Tao không gả cho đâu.

– Không gả mà được à! Nàng thương tao, mày không gả thì nàng vẫn cứ trốn theo tao.

– Thôi, xin can. Hai ngài chỉ được nói phách. Một ngài em gái xấu như ma lem mà động ai cũng đòi gả. Một ngài ăn to nói lớn lấy phần đầu nuôi vợ mà đòi cưới.

– Ừ, sao ông biết em gái tôi xấu? Ông đã đến Cam Lộ hồi nào?

– Việc gì phải đến Cam Lộ! Chỉ cần trông bản mặt của ngài là đủ biết dung nhan em gái ngài ra sao rồi. Chung Vô Diệm thì ăn thua gì!

– Chung Vô Diệm! Công chúa Tàu hả? Chung Vô Diệm làm sao đẹp bằng em gái tôi được.

Cả bọn vùng lên cười hô hố. Người lính già nhất can nhản:

– Có cười thì quay mặt ra ngoài. Phun cả vào mặt người ta!

– Ấy chết. Chúng em xin lỗi “cụ”. “Cụ” về chuyến này mặc sức “cụ bà” mừng. Đấm lưng này. Bóp chân này. Giã trầu cho này.

Người lính lớn tuổi chưa đến bốn mươi bị bọn trẻ chế giễu, phát cáu:

– Có ăn cho xong đi không!

– Không ăn được cụ ời. Qua được Lũy Thầy, mừng quá hóa no. Này, bây giờ tôi mới thú thật với các cậu nhé. Gần ba tháng nay tôi cứ lo lo, ăn thịt mà không thấy ngon. Về đây ăn mắm mà ngon hơn nhiều.

Các bạn cùng hỏi:

– Lo cái gì? Tại sao lo?

– Dân Bắc Hà khéo quá, ăn nói ngọt xớt không biết đâu mà lần. Chẳng thà ruột ngựa như trong mình cho dễ tính. Đằng này họ nói thật ngọt, mà trong lòng gươm dao hươm sẵn để đâm vào lưng mình lúc nào không hay. Cho nên nhiều bữa đi tuần, gặp các cô gái xinh đi rao bán quà, tôi không dám mở miệng, chạm mặt là lo quay đi.

– Ôi thôi thôi! Tướng trai lơ của ông ai không biết. Ông hại đời bao nhiêu cô gái Thăng Long rồi. Khôn hồn thì khai mau!

Người lính bị chất vấn mặt mũi không lấy gì sáng sửa để coi, miệng chỉ láu táu được trước bạn bè đồng phái thôi,

nhưng được các bạn gọi là “traí lơ”, hãnh diện phồng mũi lên, nói khoác:

– Dại gì mà khai với các cậu. Khai để các cậu đồn ầm lên tôi ế vợ sao.

Lại có nhiều câu hỏi tò mò:

– Hóa ra mày dụ được gái Bắc Hà sao? Thật không?

– Lại còn hỏi!

Đến “cụ già” bốn mươi cũng gác đĩa chôm tới hỏi:

– Thế, thế họ có khác gì gái Nam không?

Được trớn, cậu lính trẻ vênh vào đáp:

– Dĩ nhiên phải khác chứ!

– Khác thế nào? Có thật khác nhau không?

– Biết nói thế nào bây giờ! Nghĩa là... cũng như... Thôi, tôi chịu không nói được. Các cậu tự tìm hiểu lấy.

– Còn dịp nào ra Bắc nữa đâu mà tìm hiểu?

Bấy giờ “cụ già” mới ra mặt sành sỏi chuyện đời:

– Các cậu trẻ tuổi yên chí. Còn ra Bắc nhiều bận nữa. Chưa hết đâu.

Sự chú ý đổ dồn về ông cụ:

– Thật sao bác? Thượng công đã làm rể họ Lê, hai nước đã hòa hiếu với nhau, còn kéo quân ra Bắc làm gì?

– Cháu lại sợ chuyện này phải vào tận Qui Nhơn ấy chứ! Cháu chỉ còn một mẹ già. Xa mẹ cháu mấy tháng nay, không biết ở nhà có ai chăm sóc miếng cháo miếng trầu cho không.

– Biết đâu không phải ra Bắc mà phải xuống thuyền vào tận Gia Định. Nghe nói trong đó chưa yên đâu. Còn Bắc Hà thì coi như ổn rồi.

– Lầm lẫn hết. Các cậu không đi Qui Nhơn đâu mà sợ. Bởi vì...

Lúc đó ngoài lều có nhiều tiếng lao xao. Rồi nhiều tiếng reo hò.

Mấy người lính ngơ ngác. Cậu trẻ nhất mau mắn bỏ đũa chạy hẳn ra ngoài lều xem điều gì đang xảy ra. Một lúc sau, cậu trở vào, gương mặt hớn hở. Mọi người hỏi:

– Cái gì thế?

– Thượng công vừa đi qua đây.

– Thật à? Chuyện gì?

– Thượng công đi thăm qua các trại.

Tiếc quá. Lều của mình đóng ở chỗ khu-
ất. Nếu không...

– Nhưng Thượng công còn ở ngoài
đó không?

– Không. Người đã rẽ lên phía tây.

– Ừ, tiếc thật. Này, các cậu có biết
không? Ở Thăng Long, một hôm, tôi có
được nói chuyện với Thượng công đấy.

– Lại nói khoác. Mày là cái gì mà
được gặp Thượng công?

– Chứ mày tưởng Thượng công là
thần thánh sao? Ngài cũng như mình,
trước kia cũng là dân nghèo như mình.
Tại sao dân nghèo lại không gặp dân ng-
hèo được!

– Vâng. Thừa ngài “dân nghèo”. Cho
là gặp được đi. Nhưng Thượng công đã
nói gì với “ngài”?

– Thượng công bảo: “Đường nhiều đá. Coi chừng vấp”.

– Rồi mà nói gì?

– Tao đáp: “Vâng”.

Cả lều lại cười ô:

– Thế mà cũng khoe!

✱

Nguyễn Huệ và Lãng đi qua khỏi dãy lều nghỉ tạm của binh sĩ, mà tiếng reo hò phía sau vẫn còn đuổi theo họ. Nguyễn Huệ theo một dốc mòn trắng lờ nhờ trong bóng đêm để bước lên mặt Lũy Thầy. Lãng theo sau vấp một bụi gai thấp, suýt té. Nguyễn Huệ mãi ngắm cảnh trời đêm, không chú ý. Nguyễn Huệ quan sát mặt lũy, hỏi Lãng:

– Liệu có dày đủ một sào không?

Lãng ước lượng một lúc, mới đáp:

– Có lẽ không đủ.

– Thế mà họ dám báo là đoạn nào cũng cao đủ 19 bộ, dày đủ một sào đấy. Bọn ăn hại!

Lãng nhớ chuyện một bô lão địa phương kể hồi chiều, liền nói:

– Việc đắp lại lũy này đã tốn không biết bao nhiêu công của. Không ai được ở nhà, cả đàn bà, con gái, bà góa đều phải đi đắp lũy. Chỉ có những người còn cho con bú được miễn thôi⁹. Nguyễn Huệ nhìn về phía trời phương bắc. Đêm âm u trải dài đến ngút mắt. Ở rặng núi xa phía tây, có một đám cháy rừng, ban đầu chỉ lớn bằng một cái đóm, nhưng dần

⁹ Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 152

dần, đám cháy loang ra thành cái bát, rồi cái nia. Đột nhiên Nguyễn Huệ nhớ lại những đám cháy rừng ở quê hương, nhớ những đêm niên thiếu giật mình thức giấc, nằm yên trên chiếc chõng tre ở đầu hè nghe lan man tiếng sấm ì ầm tận chân trời xa, và tiếng nổ lép bép của một đám cháy rừng. Mãi đến giờ sau hơn ba mươi năm, nhìn đám cháy ở một sườn núi xa khuất trong đêm tối, ở một nước khác, ông tưởng vẫn nghe được tiếng nổ lép bép và cái mùi khét chua đặc biệt từng ghi đậm vào tâm khảm ông.

Thấy chủ tướng im lặng hồi lâu, Lãng tưởng Nguyễn Huệ đang suy nghĩ về câu nói vừa rồi của mình. Lấy can đảm, Lãng nói:

– Việc đắp lũy gấp gáp quá, nên chắc các quan địa phương có phần nào khắc nghiệt. Ta vừa lấy được một bức thư của

một cổ đạo Tây dương định gửi ra nước ngoài.

Nguyễn Huệ quay ngoắt lại, hỏi:

– Hấn viết gì thế? Sao cậu đọc được?

– Dạ tôi nhờ một ông trùm đạo dịch lại.

– Hấn viết gì?

– Hấn kể chuyện đắp lũy này. Hấn có nhắc đến Thượng công.

– Thật à! Hấn nói gì về ta?

Lãng ngần ngừ một lúc, rồi mạnh dạn đáp:

– Hấn gọi Thượng công là “bạo chúa”.

Vì bóng đêm nên Lãng không thể quan sát được phản ứng của Nguyễn

Huệ, nhưng giọng nói của Thượng công đã có hơi giận:

– Bao chúa hay đức chúa?

– Dạ bao chúa!

Nguyễn Huệ lấy lại được trầm tĩnh, giọng nói bình thường và chậm:

– Tại sao cậu đem chuyện đó nói lại với ta?

– Vì... vì Thượng công có dặn không được giấu gì Thượng công cả. Cái lũ này...

Nguyễn Huệ vội nói:

– Cậu có biết nói những lời như vậy là nguy hiểm không? Chỉ cần ta ra lệnh một tiếng...

Lãng cũng vội thưa:

– Lúc đó, không bao giờ Thượng công được nghe một lời chân thật nữa. Chỉ còn những lời xu nịnh giả dối, hoặc những câu đầu môi chót lưỡi.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, trở lại điệu dàng bảo Lãng:

– Ta cũng biết thế, nên... nên không cho phép cậu rời ta. Cậu là cái gương để ta nhìn rõ mặt ta mỗi ngày. Cậu đừng ngại. Cứ nói thẳng những gì cậu nghĩ. Ta có phải là bạo chúa không?

Lãng yên tâm hơn, hắng giọng đáp:

– Thừa Thượng công, không!

– Thế tại sao chúng nó gọi ta là bạo chúa?

– Chỉ vì Thượng công có nhiều quyền lực, quá nhiều quyền lực. Trong

khi đó thì bọn tôi tớ nhà Trịnh hoặc bọn hủ nho hẹp hòi lại nghĩ quyền lực ấy không được hợp pháp.

– Hợp pháp ư? Hợp pháp là thế nào?

– Họ nghĩ hợp pháp là đúng theo truyền thống. Như là ngôi vua cha truyền con nối, hoặc được thiên hạ đồng tình suy tôn lên ngôi báu.

Nguyễn Huệ cười, rồi bảo:

– Thế à? Muốn hợp pháp theo kiểu đó thì phỏng khó gì? Ta lật cái ngai của Duệ tôn, dựng cái ngai cho Tự hoàng, chẳng lẽ không đủ sức đặt cái ngai cho chính mình hay sao. Chỉ vì...

Nguyễn Huệ nói đến đó rồi ngưng, không tiếp tục nữa. Lãng không đoán được chủ tướng đang nghĩ gì, nên khô-

ng dám nói tiếp. Nguyễn Huệ vẫn nhìn mông lung ra đêm tối phương bắc. Đám cháy trên sườn núi xa đã tắt, nên trước mắt ông, đêm mênh mông. Gió bắc thổi lên mặt lũ vù vù. Ông cảm thấy lạnh, đưa hai tay giấu vào vạt áo võ. Một lúc lâu sau, Nguyễn Huệ đột nhiên bảo Lãng:

– Đắp cái lũy này tốn biết bao nhiêu công của, đến nỗi thiên hạ gọi ta là bạo chúa. Nhưng... nhưng có lẽ bây giờ không cần thiết nữa rồi.

Lãng vội hỏi:

– Thượng công bảo gì ạ?

Nguyễn Huệ nhắc lại khá lớn cho gió khỏi cuốn lấp mắt:

– Ta bảo không cần cái Lũy Thầy này nữa.

Lãng hỏi:

– Phải đắp lũy khác ở ngoài dinh Vĩnh, phải không ạ?

Nguyễn Huệ cười, có vẻ chế giễu:

– Sao lại phải đắp lũy ở đây! Cậu bị bệnh thong manh phải không? Nếu cần đắp lũy, thì phải đắp tận Quỷ môn quan. Nhưng ở đó núi rừng trùng điệp, cần gì phải đắp lũy nữa. Có ngại chẳng là...

Nguyễn Huệ lại dừng ở giữa câu.

Gió bắc vẫn thổi vù vù. Nguyễn Huệ quay nhìn các ánh đuốc của trại quân, giọng vui vẻ hỏi Lãng:

– Ta đến thăm bất ngờ, họ trở mặt không tin ta đến. Phải chờ tận lúc ta đi khỏi, họ mới reo hò như chợ vỡ.

Lãng nói:

– Anh em quân sĩ thương mến và kính phục Thượng công.

– Cậu nói thực đấy chứ?

– Điều đó chính mắt Thượng công đã thấy rồi!

– Nếu ta về Qui Nhơn, họ có chịu theo ta không?

Lãng hăng hái đáp:

– Thượng công phái họ đi đâu, họ đều sẵn sàng tuân phục. Có điều...

– Có điều thế nào?

– Phần lớn đạo bộ binh này đều là người Thuận Hóa. Họ ngại xa gia đình.

Nguyễn Huệ gật gù:

– Ta hiểu. Ta hiểu. Nhưng Hoàng thượng chỉ muốn ta đứng đây nhìn ra

Bắc Hà. Không muốn ta bước khỏi bờ lũy này. Cái khó nhất là chỗ đó.

Gió bắc vẫn thổi vù vù.

Phía xa, một đám cháy khác lại nhóm lên, lần này đám cháy loang nhanh hơn lần trước, đến nỗi dù cách trở hàng trăm dặm, ánh lửa có thể soi rõ đôi mắt sáng long lanh và đôi môi mím lại trên khuôn mặt Nguyễn Huệ.

Lãng nói:

– Cháy hết rừng mất thôi!

Còn Nguyễn Huệ thì bảo:

– Hiện giờ có lẽ Thăng Long đang loạn. Không biết Tự hoàng xoay xử ra làm sao với bọn con cháu nhà Trịnh. Công chúa cũng lo lắm!

Lãng không dần được tò mò, rụt rè hỏi:

– Đường xá vất vả, chắc Công chúa chưa quen?

Nguyễn Huệ cười, giọng dịu dàng hẳn lại:

– Có thể! Công chúa mới mười sáu tuổi đầu, từ nhỏ tới lớn chưa từng bước ra khỏi điện Trung Hòa. Thấy một cánh hoa héo rụng cũng đủ xúc cảm để làm hẳn một bài trường thiên. À cậu đã được đọc thơ của Công chúa chưa?

Lãng kinh ngạc hỏi:

– Công chúa làm thơ được sao, Thượng công? Phải, có một lần tôi được phe Hữu quân Chinh bảo trước đây, lúc rảnh rồi, Tiên đế vẫn cùng với Công chúa làm thơ xướng họa với nhau. Tôi

cứ tưởng Hữu quân chỉ nói khoác cho vui thôi.

Nguyễn Huệ cười ra vẻ hãnh diện, đáp:

– Hẳn nói khoác đủ thú chuyện, nhưng chuyện này thì hẳn không nói khoác chút nào. Cậu muốn nghe ta đọc thơ Công chúa làm không?

Lãng vui mừng đáp:

– Thưa muốn lắm!

Nguyễn Huệ cười khúc khích, hăng giọng nói:

– Được, ta đọc cho nghe. Hừm! Bắt đầu thế nào hè? Để ta nhớ lại đã. Bắt đầu bằng... bắt đầu bằng những gì “trăng sao” gì đó. Họa may phải cởi áo giáp, thanh gươm ra, bỏ mũ trụ xuống

thì “trăng sao” mới dám hiện lại trong trí nhớ. Bậy thật!

Lãng nhắc:

– Thơ luật hay thơ nôm, thừa Thượng công?

– Thơ nôm chứ!

– Lục bát hay là làm theo đường luật?

– Đường luật chứ.

– Thượng công có hỏi hay sao mà Công chúa dám trình cho Thượng công xem?

Nguyễn Huệ cười:

– Công chúa giấu như mèo... như mèo... Ta ví như vậy không được nhẽ. Thôi. ý ta nói Công chúa lên làm thơ,

chờ khi ta đi khỏi mới mang bút nghiên ra. Bất ngờ, một hôm ta bắt gặp. Công chúa đỏ mặt, suýt khóc. Muốn giấu cũng không được. “Trăng sao”... “Trăng sao”... cái gì nữa hở?

Cả Nguyễn Huệ lẫn Lãng cùng phá lên cười, lấp cả tiếng gió bắc. Phía xa, lửa cháy rừng vẫn loang rộng, hắt ánh hồng lên mặt bắc của Lũy Thầy.

